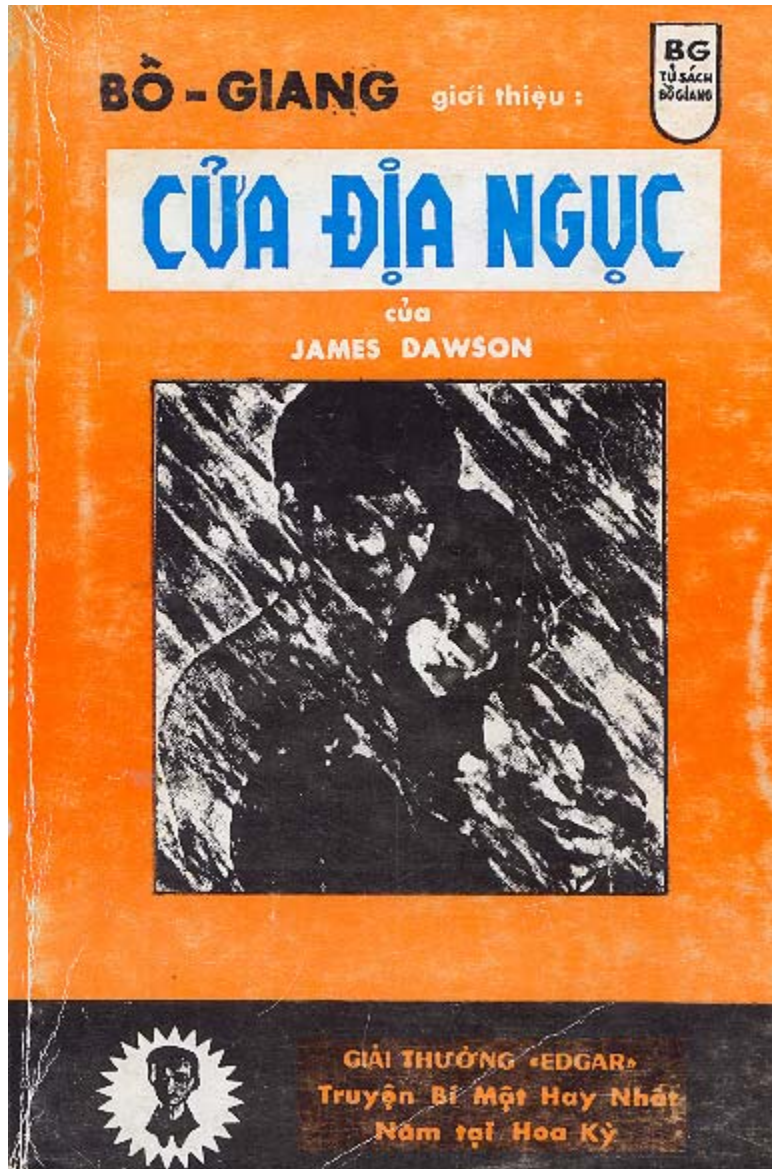


James Dawson

Cửa Địa Ngục



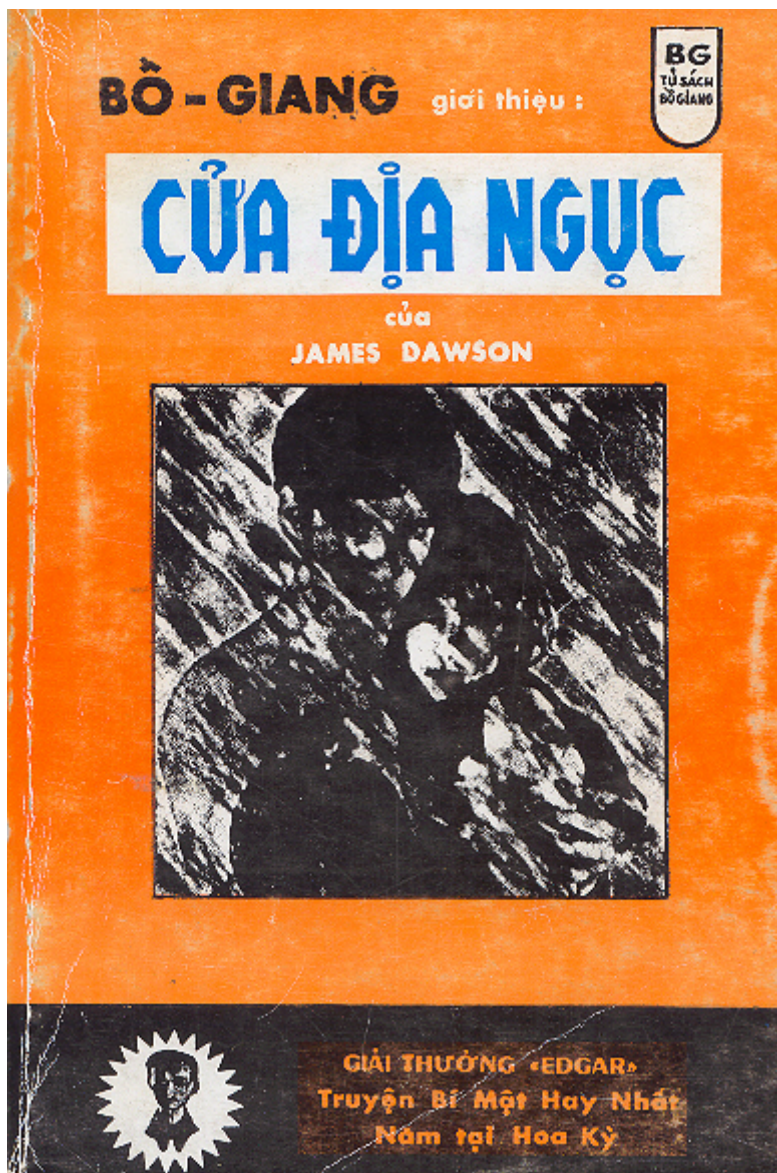
WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

James Dawson

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 1



*Quay lưng giữa bước đường về.
Lặng nghe nhìn lại bên hè phố đêm.
Thành đô mờ mịt im lìm.
Ngủ say, và chẳng ai tìm dấu theo.
A.E . Housman Cửa địa Ngục.
(Đan - Chinh dịch).*

Nguyên tác.

*Midmost of the homeward track.
Once we listened and looked back,
But the city, dusk and mute,
Slept, and there was no pursuit.
Hell Gata.*

Vào cuối mùa đông năm em tôi qua đời, tôi trở về Hoa Thịnh Đốn lần đầu tiên sau nhiều năm xa cách. Tôi trở về vì em tôi đã điện thoại cho tôi hay thân phụ chúng tôi đau nặng và rất có thể ông bị ung thư. Từ Luân Đôn, tôi vội vàng bay về phi trường Quốc Tế Dulles bằng phi cơ phản lực, đón một chiếc tắc xi phóng về Hoa Thịnh Đốn, và ghi tên tại Marlyn, một khách sạn nhỏ ở đường N là nơi nhiều người thuộc Toà Lãng Sự Anh và Sở Ngoại Kiều vẫn thường trú ngụ vì tiền phòng không đắt và vì nó khiến cho họ liên tưởng đến những lữ quán xinh xắn bên nước Anh.

Tôi cạo râu một cách chớp nhoáng trước khi đi gặp em tôi tại Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia để cùng uống một chén rượu và ăn một bữa cơm tối. Sau khi ăn uống xong, chúng tôi sẽ lái xe về Warrenton, ở quận Fauquier trong tiểu bang Virginia để thăm ba tôi và người em gái của tôi vừa từ Cựu Kim Sơn bay sang đây.

Đây là một chuyện trọng đại không thể nào tránh khỏi. Từ đó là một cơn ác mộng sáng loà với đồng bunn nhợ kết hợp bởi phản trắc, ngoan cố và ngu si. Tôi nói như thế mặc dầu tôi biết rõ trong đồng bunn này còn có hai điều tốt đẹp và cả hai đều không phải là việc do tôi làm.

Stuart Dunbar thông tin viên đang xuống giá hiện giúp việc cho United Publications và vẫn thường sống trong căn nhà của tôi ở Luân Đôn tại đường Stration mỗi khi không đi gây rối ở những nơi nào khác trên thế giới, là một người mà bất cứ ai từng có chút liên hệ, cũng phải nhìn nhận vô cùng hung bạo. Người thuộc dòng họ Dunbar, như bao nhiêu vị về các đời trước, là một con người lạnh mạt, luôn luôn sẵn sàng xem việc làm tan nát cõi lòng như một cuộc trao đổi cảm giác, kiêu hãnh với chiếc lông trắng phát phơ trên cái

đầu lấm máu, gần như chỉ có thể học hỏi bằng chính kinh nghiệm của mình, rất ít khi có thể hiểu được những người khác làm sao đến nỗi cơ thể không còn vẹn toàn chỉ vì kém thông minh.

Chắc quý bạn nghĩ rằng có lẽ tôi đã chớp được một chút lương tri ấu trĩ không giống như khi tôi đoạt Hải Quân Bội Tinh hồi tôi còn là một Trung úy trẻ tuổi trong Binh Chung Hải Quân. Thật ra đó chỉ là sự việc gần như may mắn bất ngờ. Tôi đã có một hành động tuyệt vọng nhưng khẩn thiết để đưa đơn vị của tôi thoát khỏi một tình trạng bế tắc mà chính tôi đã dẫn họ vào đó vì thiếu khả năng quan sát trước rồi mới thay đổi chiến thuật. Quý bạn nên hiểu rằng tôi không được khiêm nhượng về vụ này. Tôi thường thức giấc giữa đêm tối, hồi tưởng chuyện xưa và toát mồ hôi đầy mình, nhớ lại những tên địch núp bắn trên ngọn cây, những viên đạn trọng pháo tua tua rơi xuống như mưa, khẩu súng máy nhả đạn rào rào trong đám lá mã đề (1) chỉ cách đầu mấy phân cần phải bị tiêu diệt thì mọi người mới có thể di động. Tôi thao thức, toát mồ hôi tưởng những cảnh này không phải vì sợ hãi mà vì một nỗi khó chịu hết sức mơ hồ. Tôi không nhiều tưởng tượng đến nỗi phải sợ hãi, nhưng tôi có đầy đủ lý do để khó chịu.

Lúc năm giờ chiều, khi tôi bước vào quầy rượu dành riêng cho hội viên ở Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia, tôi có cảm tưởng mình mới cách biệt chừng một tuần lễ, Richard đang thi hành phận sự phía sau quầy, làm công việc thường lệ cho những người thường lệ. Căn phòng ăn dài ở phía cuối quầy rượu náo động với những tiếng chuyện trò. Tôi có thể trông thấy Metcalf, viên đại úy cao lớn, có thói quen ăn cơm chiều rất sớm đang ngón ngấu một trong những đĩa xà lách đặc biệt của ông ở tận mút phòng; một người mà tôi đã từng quen biết vào một buổi tối ở Cựu Kim Sơn lúc ông ta đang lo lắng vì một thứ giấy tờ hết hạn.

Richard lên tiếng khi tôi vừa gác chân trên cây sắt dưới quầy và đặt khuỷu tay vào một vũng bia chưa kịp lau trên mặt quầy:

- Chào ông Dunbar. Vui mừng được gặp lại ông. Ông dùng một ly Gentleman pha đá nhé?

- Chào anh Richard. Tôi cũng rất vui vì gặp anh. Không, hãy cho tôi một ly Martini, không pha gì hết. Đừng bỏ ô liu. Chỉ vắt chanh.

Anh nhếch cặp lông mày rậm lên với tôi trong lúc khởi sự rót Martini. Anh ta vẫn còn nhớ tới sở thích ngày nào của tôi hồi tôi sống ở Hoa Thịnh Đốn. Thứ Whisky đặc biệt ở Câu Lạc Bộ Báo Chí vốn nổi tiếng tuyệt ngon nhưng cũng rất đắt, được mệnh danh là “Virginia Gentleman” vì được chế tạo bởi một nhà quý tộc ở Virginia trong quận Fairfax là một vùng có nhiều ngọn đồi kế tiếp nhau. Richard thề rằng anh ta hãy còn nhớ ngày Câu Lạc Bộ bán ra thứ rượu này lần đầu tiên với giá mười lăm xu một ly và các hội viên đều thích uống nóng. Tôi thấy khó tin được rằng sở thích của con người đã đổi

thay quá nhiều như thế, một kẻ dễ tin và tôi vẫn thường đánh giá quá cao những sở thích và trí thông minh của mọi người . Đó không phải là một sự việc khó làm.

Tôi đứng ở quầy gần nửa tiếng đồng hồ, uống cạn ly Martini đầu tiên một cách từ từ trong lúc chờ đợi Ted và nhìn những người quen cũ ra vào. Phần đông đều chuyện trò với tôi tựa hồ họ mới gặp tôi ngày hôm qua, mặc dầu chỉ có một người thật sự như thế. Tiếng ồn ào ở quầy rượu và trong phòng ăn giảm dần trong lúc các hội viên lần lượt đi ra, một số người về thẳng nhà, một số người khác trở xuống các văn phòng của họ ở phía dưới tầng thứ mười ba là tầng lầu được Câu Lạc Bộ xử dụng. Đây là một trong rất nhiều điều khác lạ của Hoa Thịnh Đốn: không một tòa nhà nào có thể cao hơn vòm Điện Capitol (2) . Tòa nhà này đặt ra một giới hạn mười ta tầng cho mọi cao ốc và mọi tính toán của các kiến trúc sư cùng các nhà thầu khoán xây cất đều lấy đó làm chuẩn Câu Lạc Bộ không tin dị đoan, nên vẫn gọi tầng thứ mười ba là tầng thứ mười ba.

Tôi không lấy làm ngạc nhiên nhiều vì Ted trễ hẹn. Ted là một trong những nhân vật tuổi trẻ tài cao tại RIEC – Radio Instrumerntation and Electronic Corporation- một công ty lừng danh và lớn nhất ở Hoa Thịnh Đốn trong lãnh vực nghiên cứu và phát triển kỹ nghệ các vùng ngoại ô. Mới ba mươi sáu tuổi, Ted đã lên phó chủ tịch công ty RIEC, đặc trách các công tác kỹ thuật, và tôi hết sức hãnh diện có một người em trai xuất sắc như thế. Dù phải ở trong ngành Hải Quân ba năm tại Triều Tiên, tương lai của Ted vẫn không bị ảnh hưởng. Tôi biết Ted vẫn thường làm việc thêm ngoài giờ nên không thấy lo ngại.

Tôi vừa gọi thêm một ly Martini nữa thì ống loa giọng trầm đặt trên trần vang lên tiếng gọi tên tôi. Đó là giọng của người nữ điện thoại viên đang muốn tìm tôi. Tôi liền cầm ly đi tới máy điện thoại gắn trên tường ngay bên ngoài cửa ra vào quầy rượu và dờ máy lên. Tiếng cô gái trả lời ngay:

- Thưa ông Dunbar, có người muốn nói chuyện với ông. Ông vui lòng chờ một chút xíu.

Tôi nghe một tiếng cách nhỏ, rồi cô gái nói tiếp với người kia:

- Thưa ông, có ông Dunbar đây.

Sau đó là giọng của một người hoàn toàn xa lạ với tôi:

- Ông Dunbar? Tôi là Trung Úy Dennison, thuộc ban điều tra của Sở Cảnh Sát Đô Thị Hoa Thịnh Đốn ; Tôi gọi ông từ nhà người em trai của ông. Tôi đã tìm thấy một ghi chú trên cuốn sổ tay của ông ấy và được biết ông ấy có hẹn gặp ông vào lúc năm giờ.

Tôi cảm thấy như có một lưỡi dao xoi vào bụng.

- Em tôi hiện không có mặt ở đây Trung úy có thể cho tôi biết có chuyện gì vậy ?

- Một tai nạn nhỏ. Ông vui lòng ghé qua nhà em ông ngay bây giờ ? Chắc ông biết chỗ ?

- Vâng, tôi biết . Tôi sẽ đến đó trong vòng mười lăm phút là tối đa.

Tôi đã từng chạm trán nhiều lần với những viên thám tử cảnh sát trong hầu hết mọi quốc gia mà quý bạn có thể gọi tên ra và tôi đã học được một điều : hỏi họ trong điện thoại là một việc vô ích và càng hỏi họ nhiều câu chùng nào thì lại càng vô ích hơn chùng đó. Nhưng tôi phải giữ gìn lời nói. Tôi cũng được biết rằng các viên Trung úy thám tử cảnh sát rất ít khi điều tra những tai nạn nhỏ. Thật đáng ngại vì Ted không đích thân nói chuyện với tôi. Tôi cố nhớ lại trong cuộc điện đàm ngắn ngủi, viên Trung úy có nhắc đến hai chữ án mạng hay không. Chắc chắn ông ta không nói. Nhưng tôi vẫn bước nhanh gần như chạy ra hành lang tới thang máy trong một nỗi lo lắng bồn chồn cực độ. Mỗi khi vào trong thang máy rồi, tôi mới nhận thấy mình đang cầm ly Martini theo trên tay. Tôi đặt cái ly ngay trên sàn và nhìn rượu trong ly rung nhẹ theo chuyển động của thang máy

Nhà của Ted nằm trong một cao ốc tương đối mới ở Đại lộ Massachusetts ngay lối ra Công Trường Scott. Tôi đón một chiếc tắc xi ở đường Mười Bốn bên cạnh Press Building và tới nơi năm phút sau đó. Xe phải chạy vòng quanh Hội Tiến Bộ Khoa Học Hoa Kỳ có lối kiến trúc khá lạ lùng, rồi qua một khai hoàn môn của Công Trường, và cuối cùng vào một đoạn đường cong. Tôi cố không suy nghĩ.

Tôi đã ngửi thấy mùi nồng nặc trong lúc bước vào căn nhà ở tầng lầu trên cùng, đi qua trước mặt người đàn ông vận thường phục vừa mở cửa cho tôi. Trước hết là mùi cháy, phảng phất khắp nơi với một mùi nặng hơn ngửi muốn nôn. Tôi biết ngay đó là mùi gì . Tôi còn nhớ rõ mùi này từ Tarawa, một đảo san hô trong Quần đảo Gilbert, nơi chúng tôi đã dùng súng phun lửa lần đầu tiên để quét sạch những công sự phòng thủ mà các kỹ sư đại tài Nhật Bản đã xây cất để cho Hải Quân Hoàng Gia đồn trú. Đó là mùi thịt người cháy.

Người đàn ông đã mở cửa cho tôi đi theo vào tận trong phòng khách, và bảo:

- Tôi là Mike Dennison. Ban nãy chính tôi đã nói điện thoại với ông.

Tôi chăm chú nhìn ông ta với vẻ nóng nảy :

- Em tôi đâu ?

- Ông ấy hiện không còn ở đây. Ông Dunbar, ông nên ngồi xuống đây và uống với tôi một ly trong lúc tôi kể lại hết câu chuyện cho ông nghe.

- Tôi vẫn bình thường mà. Tôi không muốn uống. Có chuyện gì vậy? Lửa cháy?

- Vâng . Dường như người em của ông đã đi ngủ hơi muộn và còn muốn hút một điếu thuốc lá cuối cùng. Cả chiếc giường cháy tiêu gần hết.

Tôi đứng sững nhìn ông ta một hồi lâu, mà sự thật không trông thấy ông ta.

Tôi có cảm giác tựa hồ ai vừa trùm kín đầu tôi bằng một cái bao bố khiến tôi không còn trông thấy ánh sáng và trở nên khó thở. Trong bóng tối lờ mờ tâm trí tôi cố lục soát lại hằng trăm mớ ký ức. Ted khóc nức nở hôm bị té khỏi cột buồm rơi xuống một đồng sắt vụn ở boong trước, Ted đầu cùn cẩu năm cuối cùng ở Đại học đường Virginia. Ted với chiếc vĩ cầm và ngón đàn tuyệt diệu trong một ban nhạc tài tử ở Luân Đôn, con người tài hoa, linh hoạt cùng với vợ là Amanda và hai đứa con trong cảnh gia đình đầm ấm.

Một lúc sau tôi mới biết mình đang ngồi xuống, với đôi mắt nhắm nghiền.

Tôi biết nước mắt chảy đầm đìa trên mặt tôi khi tôi mở mắt ra và nhìn Dennison lại.

Ông ta liền bảo :

- Ông Dunbar, tôi rất lấy làm buồn tiếc. Nhưng tôi không tìm được cách nào khác để tỏ thật với ông.

Tôi đáp :

- Không đâu. Tôi đã ngửi thấy mùi và đoán biết được. Bây giờ tôi nghĩ tôi có thể xin ông một ly rượu ông vừa nói ban nãy.

Ông ta đi tới tủ rượu ở cuối phòng khách và mang trở lại cho tôi một ly whisky đậm đặc, một loại rượu đặc biệt sản xuất ở Tô Các Lan. Tôi đang uống thì hai người từ trong phòng ngủ đi ra phòng khách. Một người là một viên Đại úy Sở Cứu Hỏa. Người kia có thân hình gầy cao, mái tóc hoa râm trông chừng năm mươi tuổi. Ông ta là một con người hoàn toàn xám, tóc xám, mắt xám, áo quần xám. Ông ta đội một cái mũ cũng màu xám.

Dennison giới thiệu ông ta trước :

- Ông Dunbar, đây là ông Dillingham - John Dillingham. Và đây là Đại úy Hobbes chuyên viên thuộc Sở Cứu Hỏa.

Mặc dầu đang thẳng thốt, tôi vẫn để ý ông ta không chịu giới thiệu rõ Dillingham. Dennison nhìn tôi chăm chú hơn và nói tiếp:

- Tôi cần hỏi ông một vài câu, nếu ông cảm thấy khỏe.

Tôi bảo:

- Bây giờ tôi đã như thường.

Dillingham lấy cái ly khỏi tay tôi và đi rót thêm whisky. Ông ta vẫn chưa nói một tiếng nào. Khi ông ta đem ly rượu trở lại, tôi đứng dậy và bước tới khung cửa sổ lớn ở bức tường phía Bắc. Tôi có thể trông thấy tháp Gloria in Excelsis của giáo đường vươn lên khỏi các ngọn cây, và đỉnh nhọn của ngôi nhà thờ Hồi Giáo như gần hơn. Tôi nhìn quanh phòng trong lúc tôi quay người lại để đối diện với họ. Căn phòng trông tựa hồ Ted đã tiếp khách trong đêm vừa qua. Trên chiếc bàn thấp, ba cái ly còn một chút rượu dưới đáy.

Dennison trông thấy tôi đang nhìn mấy chiếc ly và lên tiếng trước:

- Em của ông đã tiếp khách trong đêm qua. Căn cứ theo đó thì có cả thầy hai người, một đàn ông và một đàn bà. Lúc đó đêm đã khuya lắm. Vào

khoảng hai giờ sáng nay, một người láng giềng ngủ thấy mùi khói và gọi Sở Cứu Hoả. Họ đã kéo tới đây với đầy đủ người và dụng cụ, họ luôn luôn như thế đối với các cao ốc lớn dùng làm nhà ở. Nhưng đám cháy chỉ là một vụ hỏa hoạn nhỏ. Chỉ nội trong phòng ngủ.

Hobbes góp lời:

- Nếu nhân viên cứu hỏa không đến kịp thì nhất định lửa đã lan qua các phòng khác.

Dennison gật đầu :

- Đúng thế. Lửa đã bắt cháy từ chiếc giường . Xác chết đã teo lại, e không thể nào nhận diện nổi.

Chắc hẳn mặt tôi lúc bấy giờ trắng ra như tờ giấy, khi tôi hỏi lại:

- Có cần phải nhận diện hay không?

- Chúng tôi còn chưa biết được. Sáng ngày mai người ta mới nghiệm thi.

Trong lúc chờ đợi, chúng tôi đã tìm thấy vật này.

Ông ta xòe bàn tay ra cho tôi xem. Chiếc nhẫn lớn và đắt tiền của Ted nằm giữa lòng bàn tay ông ta. Tôi không dám sờ vào đó. Nó đã hóa thành màu đen và chảy mất một nửa nhưng tôi vẫn nhận ra.

Tôi bảo:

- Cái đó của Ted.

Dennison đặt chiếc nhẫn lên mặt bàn.

- Ông Dunbar, tôi cần phải hỏi ông một vài câu.

Tôi trả lời:

- Xin ông cứ hỏi.

Cả hai chúng tôi lại ngồi trở xuống

Dennison nhìn tôi một cách nghiêm trang và bắt đầu chất vấn:

- Em ông đã có vợ phải không?

- Ted ly dị cách đây ba năm. Bà vợ cũ hiện giờ sống tại Seattle.

- Máy người con?

- Hai. Bọn chúng đều ở với bà mẹ.

- Em ông có nghĩ đến việc tục huyền?

- Điều này tôi không được rõ. Trong thư, Ted không hề nói gì với tôi về chuyện đó.

- Còn bạn gái?

- Tôi cũng không biết vì Ted không bao giờ nhắc tới.

- Quan điểm chính trị của ông ấy như thế nào?

- Tôi không tin Ted thích chuyện chính trị. Em tôi đã sống ở quân Columbia.

- Tôi biết. Điều tôi muốn nói là có khi nào ông biết em ông đặc biệt lưu ý đến chuyện chính trị ngoài lề.

Dillingham lên tiếng lần đầu tiên:

- Ông Dunbar, điều Trung úy Dennison muốn nói, mặc dầu ông ấy không

biết hỏi sao cho thật tế nhị, là ông có bao giờ nghĩ rằng em ông có chân trong một tổ chức nào bị Biện lý Cuộc xếp vào loại phá hoại Quốc gia.

Tôi gay gắt hỏi:

- Ông Dillingham, có phải ông muốn tìm một chiếc giày trong ống quần hay không?

Ông ta đáp:

- Tôi chỉ hỏi chứ không trả lời.

- Thế thì ông là một người khờ dại quá sức.

Trước lời sỉ mắng của tôi, ông ta vẫn thản nhiên :

- Có lẽ đúng thế. Nhưng câu hỏi đó nhắm một mục đích đúng đắn. Ông có vui lòng trả lời ? Hay là mình tiếp tục qua vấn đề khác ?

Tôi đành phải đầu dụ :

- Tôi xin lỗi vì đã mất bình tĩnh ? Không , tôi không hay biết gì về hội hè theo kiểu đó. Nhưng nhất định các ông có nhiều phương tiện để tìm hiểu một cách chính xác hơn tôi. Chẳng lẽ ông không xem được hồ sơ cá nhân của các vị phó chủ tịch và các cấp chỉ huy trong những công ty nghiên cứu và phát triển kỹ thuật phòng ngự ? Tôi tin chắc trong đó có đầy đủ mọi chi tiết.

Dillingham nhìn nhận :

- Chuyện đó đâu có trái phép. Tôi đã xem được tất cả.

- Và ông nghĩ sao về vụ này?

- Sau này mình sẽ bàn lại kỹ hơn. Mike , anh cứ tiếp tục đi.

Dennison liền khởi sự hỏi:

- Ông gặp em ông lần cuối cùng vào lúc nào?

Tôi đáp:

- Cách đây độ một năm. Ở Luân Đôn, nơi tôi hiện làm việc.

Dillingham lại chen lời:

- Ông Dunbar, ông hiện làm gì?

- Ông là Trưởng Chi Nhánh tại Âu Châu của hãng United Publications.

Ông ta quay sang nhìn Dennison và gật đầu. Dennison lại tiếp tục chất vấn :

- Có phải em ông đang đi nghỉ phép ? Ông ấy còn đi đâu khác nữa ?

- Tôi không chắc mình còn nhớ rõ. Hình như là Đan Mạch , Áo, Pháp và một nơi nào đó ở Thụy Sĩ , có lẽ Bernese Oberland. Ted rất thích trượt tuyết.

- Không có một nước nào ở bên kia bức màn sắt ?

Tôi kèm chế cợt nóng giận của mình một cách khó khăn, cố nghĩ rằng ông ta không có chủ tâm nhục mạ.

- Theo tôi biết thì không có. Nhưng tôi không làm sao biết hết mọi chuyện.

Dennison liếc nhanh Dillingham. Tôi không để ý kỹ nhưng tôi có cảm tưởng Dillingham vừa ra dấu cho ông ta. Dennison gấp cuốn sổ tay lại.

- Ông Dunbar, ông có định ở lâu tại Hoa Thịnh Đốn?

- Tôi chưa biết. Tôi sẽ phải đi xuống Warrenton rồi trở về đây thu xếp về

việc mai táng.

Cổ họng tôi nghẹn lại trong lúc tôi nói mấy lời này và tôi lo sợ sắp sửa khóc nữa. Nhưng tôi trấn tĩnh được.

Dillingham bảo:

- Chắc phải mất một thời gian. Trước hết ngày mai người ta mới khám tử thi. Và chúng tôi chưa muốn câu chuyện lên mặt báo.

Tôi nhìn sững Dillingham. Chắc hẳn vẻ ngạc nhiên của tôi hiện rõ trên mặt, nên ông ta nói tiếp:

- Có nhiều điều chúng tôi cần phải xem xét thật kỹ trước đã. Không có gì nghiêm trọng lắm. Chắc Mike sẽ có thể kể hết đầu đuôi cho ông nghe sau bốn mươi tám giờ. Trong lúc chờ đợi, ông có thể dành cho tôi một chút thời giờ vào sáng ngày mai?

- Để làm gì ?

- Tôi có một vài điều muốn hỏi ông. Mong ông vui lòng?

Tôi không dẫn được nóng nảy:

- Tôi hết hiểu nổi rồi! Chuyện gì mà kỳ lạ thế này? Đây chỉ là một tai nạn hay là ông ... ông không tin rằng đây là một tai nạn?

Nhưng ông ta vẫn bảo :

- Ông Dunbar, ông vui lòng đợi tới ngày mai.

- Vâng. Máy giờ?

- Chiều chiều một chút, chắc thuận tiện cho ông? Ông hãy ghé văn phòng tôi, nếu ông muốn , rồi sau đó tôi sẽ mời ông uống một ly rượu.

Ông ta đưa cho tôi một tấm danh thiếp lấy từ trong cuốn sổ tay, trên đó ghi:

John Dillingham

Phòng 30, 2091 đường R

Tây Bắc Hoa Thịnh Đốn

Tôi nói với ông ta:

- Tôi đoán chừng sẽ từ Warrenton trở về lúc năm giờ chiều.

- Tốt lắm. Tôi sẽ chờ ông.

Ông ta gật đầu với Dennison và Hobbes rồi đi ra. Ông ta khép cửa lại một cách êm nhẹ.

Dennison quay sang tôi :

- Ông Dunbar, thế là xong. Tôi sẽ khóa cửa lại sau khi mình đi.

- Thế là xong, một cách êm ru như thế này à ? Trung úy có nghĩ rằng tôi cũng đang muốn hỏi một vài câu ?

- Nếu ông hỏi, tôi sẽ không thể trả lời được. Tôi thành thật xin lỗi trước.

Ngày mai chúng tôi sẽ biết thêm nhiều điều và có lẽ chính ông Dillingham sẽ kể lại với ông. Ông sẵn sàng ra về chứ ?

Tôi sẵn sàng để ra về. Dennison dùng xe cảnh sát đưa tôi về tới khách sạn Marlyn và tôi gọi Laura ở Werrenton để cho hay tôi sẽ xuống đó sáng ngày

mai, còn Ted thì vừa được đề cử đi công tác ở xa.

Chú Thích.

(1) Plantain: một thứ cây vùng nhiệt đới, có lá giống như lá chuối (Chú thích của dịch giả)

(2) Capitol: Tòa nhà ở Hoa Thịnh Đốn, nơi Quốc hội Hoa Kỳ dùng để nhóm họp (c.t.c.đ.g.)

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 2

Đêm hôm ấy tôi ngủ rất ít. Tôi đã bị dằn vặt không phải vì những cơn ác mộng bắt thần trong những quãng thời gian ngắn mà vì những lúc phải thao thức. Tôi đã bị ám ảnh bởi Ted suốt đêm. Tư tưởng thao thức về Ted còn tàn tệ hơn những cơn ác mộng. Tôi biết các giấc mơ đều không thật dù nó có cõng lên vai tôi. Nhưng tư tưởng thao thức thì nhất định là thật.

Ted là một con người phi thường ngay từ hồi còn nhỏ. Mới lên ba tuổi, Ted đã tập đọc, nhờ má chúng tôi chỉ dạy với với những đầu đề lớn trên trang nhất của nhật báo phát hàng mỗi sáng. Những đầu đề vào thời đó là những bài nói về cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha, về Guernica và Guadalajara (1), về sự trung lập ở Địa Trung Hải. Ted là cả một hỗn hợp kỳ lạ : vừa mạnh mẽ và can đảm trong những khi hành động, vừa êm dịu trong những khi cần phải chịu đựng. Trong một lúc thao thức, tôi nhớ lại một hôm Ted đã bắt gặp hai đứa bạn , tất cả mới lên sáu đang lấy đuôi mấy con mèo con quần cổ chúng cho tới khi chúng chết ngạt. Ted nổi giận như điên cuồng nhất định đánh hai đứa bạn cho chết luôn. Tôi liền kéo Ted ra và cố gắng giải thích với Ted rằng như thế là dùng bạo lực để chống bạo lực. Tôi lớn hơn Ted mười tuổi và tự cho mình vô cùng khôn ngoan. Mãi mấy năm sau tôi mới nhận thấy Ted có lý và chỉ có bạo lực mới chiến thắng được bạo lực. Khỏi cần lưu ý tới những giáo điều đạo Gia Tô làm gì.

Đêm hôm đó thật dài, gấp đôi bình thường, vì những cơn ác mộng chập chờn và những tư tưởng thao thức. Những tư tưởng thao thức dằn vặt tôi nhiều nhất khi tôi nghĩ đến ba tôi và Laura ở Warrenton. Tôi phải gặp họ vào sáng ngày mai. Nhưng trước khi đi tôi phải thu xếp một vài công chuyện. Tôi bước xuống giường lúc bảy giờ sáng, cạo râu và thay quần áo rồi bắt đầu đi lo mọi việc. Quyết định cuối cùng của tôi buổi sáng hôm ấy, trong lúc liếc nhìn đôi mắt có quần thâm của tôi trong tấm kiếng dùng để cạo râu, là tôi chưa thể kể cho ba tôi và Laura nghe chuyện về Ted. Trong đầu óc tôi lúc này đang có quá nhiều điểm nghi ngờ

Từ Warrenton tôi lái xe trở về Hoa Thịnh Đốn vào lúc gần năm giờ chiều, vừa kịp thì giờ đến thẳng nhà Dillingham. Tôi may mắn, tìm được một chỗ đậu xe thuộc khu nhà ở đường R , ngay lối ra Đại lộ Conneticut, một vùng ngoại ô nửa quê, nửa tỉnh đầy những căn phố xưa cũ như bao khu ngoại ô khác của Hoa Thịnh Đốn , nơi tôi đã chào đời bốn mươi lăm năm về trước. Ngôi nhà mang số 2091 là một trong những căn phố này, một căn nhà hẹp ,

cao ba tầng và khá sang trọng, với mấy khung cửa sổ trên mái nhà ghi lại dấu vết của thời vàng son lúc gia đình nào cũng có thể mượn được người giúp việc nhà và cho người làm ở trên tầng thượng, tương tự một tầng lầu thứ tư. Đó là một ngôi nhà xinh xắn, đã được xây cất trong khoảng từ năm 1900 trở về sau, với một khung hình bán nguyệt phía trên cửa trước. Hiện giờ cửa được sơn màu đỏ tươi.

Ngôi nhà đúng theo tấm danh thiếp của Dillingham khiến cho tôi hết sức kinh ngạc. Trên mặt cửa là một dấu hiệu kỳ lạ và một cái tên

The Hermes Corp

Xuất Nhập Cảng.

Không có ai trả lời tiếng gõ cửa của tôi. Tôi xoay thử quả nắm và nhận thấy cửa không có khóa. Khi tôi bước vào bên trong, một người đàn bà trẻ tuổi từ một khung cửa khác bên phải cũng vừa bước ra/

Tôi liền bảo:

- Tôi có hẹn với ông Dillingham.
- Chắc ông là ông Dunbar. Ông đợi một chút.

Nói đoạn nàng nhắc điện thoại lên và bấm một cái nút.

- Thưa ông Dillingham, ông Dunbar vừa đến.

Nàng mỉm cười với tôi và dẫn tôi đi trở qua khung cửa bên phải. Dillingham đứng dậy và bước ra khỏi phía sau bàn giấy, đưa bàn tay cho tôi bắt. Căn phòng trang hoàng theo lối Đan Mạch thật sang trọng và tối tân. Bàn viết bằng gỗ hồ đào, mấy chiếc ghế bành thấp bọc vải đỏ, cái bàn nước dài bằng cẩm thạch, và chiếc trường kỷ đều hòa hợp với nhau. Treo trên ba mặt tường là mấy bức tranh vẽ lại bức “ Sao chiều (Star in the rays of the Descending Sun) của Joan Miro, một bức họa ảnh chân trời của Bernard Buffet, và bức “ Nằm Xuống (Lying Down) của Paul Klee. Mặt tường thứ tư được che kín bằng một tấm vải màu tưa hồ phía sau là một khung cửa sổ rộng, mà tôi biết chắc không có. Đó là bức tường chung với nhà bên cạnh.

Dillingham mở lời:

- Cám ơn ông đã đến. Dunbar, ông hãy ngồi xuống đây.

Tôi nhận thấy ông ta dùng lối gọi quen thuộc của người Anh, bằng chữ tên cuối.

Chúng tôi cùng ngồi xuống hai bên cái bàn nước. Cô gái ở phòng ngoài trở vào với hai cái tách màu xanh xinh xắn và một bình trà bọc trong một cái giỏ ỏ. Dillingham nhếch đôi mày xám với tôi và tôi gật đầu. Ông ta rót trà cho cả hai chúng tôi và chúng tôi uống từng hớp trong im lặng một lúc;

Rồi tôi bảo:

- Đây là loại trà Earl Grey ?

Ông ta đáp:

- Vâng, tôi đã nhiễm thói quen uống trà trong thời gian ở Cambridre.

Ông ta lại uống trà nóng một cách thận trọng rồi đặt tách xuống và nói tiếp :

- Dunbar, tôi chắc chắn ông đang thắc mắc đây là chuyện gì. Tôi có thể phác họa sơ lược cho ông nghe để tránh nhiều câu hỏi phiền phức ?

- Xin ông cứ trình bày.

- Trước hết, tôi xin hỏi ông một câu. Ông vẫn còn giữ giấy tờ bảo đảm an ninh chứ ?

- Hình như ông biết mọi chuyện về tôi, tại sao về điểm này ông lại không rõ ?

- Ông đã xuất ngoại quá nhiều.

- Vâng , tất cả vẫn còn đầy đủ. Tôi đã xin được từ năm 1948 , lúc tôi đi tham dự một cuộc họp báo về những cuộc thí nghiệm nguyên tử ngoài khơi Thái Bình Dương. Tôi đã cất giữ cẩn thận. Hằng năm tôi vẫn đi công tác tại SHAPE [2] .Tại sao ông hỏi tôi về chuyện này ?

- Bởi vì những điều mà tôi sắp sửa kể cho ông nghe được xếp vào loại trọng yếu.

- Tôi đoán ông sắp cho tôi biết ông là CIA ?

- Ông đoán không đúng, bởi vì tôi không phải. Đầu tiên, tôi muốn nói Hermes quả thật là một công ty thực hiện cái nghiệp vụ xuất nhập cảng. Các tầng lầu khác của cao ốc này đều đầy đủ hồ sơ của công ty. Nhưng đó cũng là cái bề ngoài. Chắc ông sẽ tin tôi hơn nếu tôi nói rằng bất cứ một điểm khả nghi nào về cái bề ngoài này sẽ gây tai hại trầm trọng cho nền an ninh của quốc gia, ít nhất là trong giai đoạn hiện tại

- Ông Dillingham, ông khỏi cần phải nói vòng quanh. Tôi chỉ tin ông, nếu ông có thể cho tôi xem một chứng minh thư hợp lệ.

- Đúng . Tôi biết trước sau gì ông cũng sẽ nói câu đó. Như thế này hợp lệ chứ ?

Ông ta lấy một tấm bìa bọc nhựa từ túi trong của áo vét và đặt nhẹ lên bàn. Tôi nhìn qua và biết ngay đó là một loại thẻ của Bộ Quốc Phòng, với khuôn dấu nổi màu vàng thật lớn.

- Vâng , tôi đã trông thấy loại giấy này. Nhất định không phải CIA. Nhưng thế thì ông thuộc cơ quan nào.

- Tôi không muốn lể lể dông dài khiến cho ông phải mất thì giờ vô ích. Nói một cách tóm tắt, có một số người không bằng lòng để cho CIA bao thầu mọi việc - Lẽ dĩ nhiên họ không đủ sức làm nổi và họ cũng không có ý định như thế. CIA là một tổ chức thâm lượm tin tức theo đúng điều lệ của nó.

Tôi xen lời :

- Khi nào họ không hoạt động ra ngoài điều lệ của họ.

Đến trang 36

Đôi mắt dưới hàng lông mày xám tro của ông ta chăm chú nhìn tôi nhưng hình như ông ta không nghe câu nói móc của tôi:

- Tổ chức của chúng tôi thì lại khác. Nó được lập ra để giải quyết các vấn đề bảo toàn tin tức- tức là giữ gìn tin tức. Nó không phải là tình báo, cũng không phải là gián điệp, mặc dầu một đôi khi chúng tôi buộc lòng phải bước vào trong cả hai lãnh vực này vì lý do tự vệ thật sự. Chẳng hạn, giả sử một khoa học gia nào đó ở Hợp Chúng Quốc đang thực hiện một công trình mà kẻ thù cũng như bằng hữu của mình đều muốn tìm hiểu. Phận sự của tổ chức chúng tôi là bảo toàn cho tin tức trọng yếu không bị tiết lộ, bị lấy trộm, bị đưa đi xa, hoặc bị tình nghi, nếu chúng tôi có thể làm tròn sứ mệnh.

- Tôi hiểu. Và chính vì vậy ông đã lưu tâm đến cái chết của người em trai tôi.

- Vâng.

- Và ông sẽ kể cho tôi biết những gì em tôi đang làm?

Dillingham không trả lời ngay. Ông ta đứng dậy và lấy cái ống điều trên mặt bàn. Đó là một cái ống điều cũ mèm, không được đánh bóng, có thể tìm thấy hàng chục trong tiệm Bertram, thứ mà giới cảnh sát, công an vẫn thường dùng vì giá tương đương đối rẻ. Ông ta nhồi thuốc vào đây và châm lửa rồi mới trở về ghế và nói tiếp:

- Thật tình, tôi không muốn kể cho ông nghe một chút nào, nhưng tôi sẽ kể nếu được ông giúp đỡ một vài công việc. Vì lẽ đó, tôi đã hỏi rõ về giấy tờ an ninh của ông.

Ông ta ngửa người ra trong một chiếc ghế bành và thổi một cuộn khói xanh lên trời.

Cuối cùng ông ta bắt đầu kể:

- Cách đây sáu năm, một thiên tài điện tử Pháp đã phát minh, hay khám phá, một nguyên lý đơn giản như trò chơi trẻ con, mà ông cũng như tôi không thể nào hiểu nổi dù có được giảng giải cặn kẽ. Mạch điện này được bỏ vào trong một chiếc hộp nhỏ màu đen, kích thước và hình dạng tương tự một hộp xì gà loại thường. Kể từ khi chương trình không gian cần dùng tới, người ta đã tạo được nhiều tiến bộ trong vấn đề rút gọn lại. Cắm vào bất cứ nguồn điện nào - chỉ cần một lỗ tiếp điện trên tường - và vặn lên, cái hộp nhỏ này sẽ tức khắc làm tê liệt mọi hoạt động về điện và điện tử trong một vòng tròn bán kính hơn ba mươi cây số. Nó sẽ tiêu diệt tất cả ra di ô, ra đa, truyền hình, trục viễn, viễn thông, các hệ thống điều khiển, các hệ thống đốt và mọi ứng dụng khác của điện tử cùng điện thường, ngoại trừ - và đây mới là phép lạ thật sự - ngoại trừ năng lượng do chính nó cấp phát. Nó không gây ra thiệt hại nào mà chỉ làm vô hiệu hóa tất cả.

Tôi liền bảo:

- Tôi đã nghe nói về chuyện đó.

- Chúa ơi, ông nói đùa!

- Đâu có. Cách đây độ chừng năm năm, trong lúc đi công tác tại Ba Lê, tôi đã nghe nói sơ lược về chuyện này trong một bài thuyết trình của một kỹ sư điện tử. Hồi ấy dường như vấn đề đó không được tán thưởng.

Dillingham hít một hơi thở dài một cách khác thường và từ từ thở ra.

- Ông làm tôi hoảng hồn.

- Không, thời ấy nó không được tán thưởng như hiện giờ, vì một lý do rất chí lý. Bởi vì nó có thể làm tê liệt mọi hoạt động bạn cũng như địch. Do đó, người ta chỉ xem như đó là một trò chơi phá rối. Người ta dẹp nó sang một bên, chỉ thỉnh thoảng đem ra bàn luận lại như thuyết trình viên điện tử năm đó.

Ông ta ngừng nói một lát để đốt lại chiếc ống điều đã tắt trên tay ông từ lúc nào.

- Nhưng một chuyện khác lạ đã xảy ra. Người em của ông đã nghiên cứu vấn đề này mà không hay biết gì về viên kỹ sư người Pháp. Những vụ trùng hợp như thế thỉnh thoảng vẫn xảy đến. Nhưng người em của ông đã tiến xa hơn. Ông ấy đã khuyếch đại tầm hữu hiệu của hộp điện – Lên nhiều lần - đầu tiên là hai trăm cây số, rồi hai ngàn và năm ngàn. Sau đó, ông ấy lại dùng một kỹ thuật di tán để uốn cong tầm hoạt động, nhờ vậy nó có thể chạy vòng quanh quả địa cầu. Tuy nhiên ông ấy vẫn không thỏa mãn với kết quả đó, bởi vì mặc dầu tầm hiệu lực đã gia tăng vấn đề chính yếu vẫn chưa được giải quyết. Bởi vậy ông ấy cứ tiếp tục nghiên cứu cho đến lúc ông ấy đã thành công.

- Ông muốn nói em tôi đã tìm ra một cách che chở cho máy móc của mình không bị cái hộp đó làm tê liệt?

- Không. Người ta đã làm thử, nhưng dụng cụ cần phải trang bị quá nặng nề chỉ có những cao ốc lớn mới đủ chỗ chứa. Ngay cả những chiếc tàu thủy cỡ lớn cũng không đủ sức chở nổi, còn nói gì tới những phi cơ và hỏa tiễn. Điều em ông đã thực hiện là tìm một cách khiến cho cái hộp đen nhỏ kia biết phân biệt, chỉ làm tê liệt dụng cụ của kẻ địch, và chừa dụng cụ của mình ra. Đó là một vấn đề liên quan đến tần số, tôi hiểu, nhưng tôi không sao giải thích được. Chắc ông có thể hiểu vì sao.

Tôi bảo :

- Chuyện có vẻ hữu lý. Ted vốn là một chuyên viên đặc biệt nghiên cứu các tần số và rất giỏi về vấn đề này. Năm ngoái có một lần em tôi đã đưa tôi đi nghe một buổi hòa nhạc của ban nhạc hoà tấu Luân Đôn và đã nhận ra một tiếng còi ở bên ngoài phòng thấp hơn tiếng kèn oboe một phần tư âm độ. Về phần tôi thì tôi chẳng nghe một tiếng nào.

Dillingham gật đầu :

- Ông ấy đã hoàn toàn thành công. Ông ấy thử lại đủ mọi cách, và bất cứ

trường hợp nào cũng tốt đẹp. Tôi nghĩ ông có thể hiểu đây là phương pháp phòng thủ gần như hoàn hảo nhất để chống lại bất cứ gì.

- Ngay cả hỏa tiễn, nếu nó làm đảo lộn các hệ thống điều khiển.

- Nó làm được. Nó lại còn có thể khiến các hỏa tiễn quay trở về căn cứ & xuất phát, nếu biết cách điều động. Nói tóm lại chẳng những mình có một phương tiện chống lại mọi thứ khí giới mà tự nó có thể xem là một thứ khí giới tuyệt luân, hoàn toàn theo ý mình. Nhưng tôi chắc ông thừa hiểu tình trạng trái ngược.

- Vâng. Nếu một kẻ nào khác chiếm đoạt được phát minh kỳ diệu này.

- Đúng thế, Cán cân lực lượng không thể giữ thăng bằng mãi mãi. Các phương pháp ngăn ngừa không thể có hiệu lực một trăm phần trăm.

Tôi vừa uống trà vừa ngược mắt nhìn Dillingham. Bây giờ ông ta không còn mỉm cười. Ông ta đang chăm chăm nhìn tôi một cách kỳ lạ trong lúc tay gõ chiếc ống điều để cho tro rơi ra ngoài. Tôi hỏi:

- Tôi muốn nói phải chăng có người khác – ngoài em tôi – đã biết được bí mật này?

Ông ta đáp:

- Không thể biết hết. Đây chính là điểm đang làm tôi điên đầu. Ông nên hiểu (ông ta dừng lại và uống ngụm trà cuối cùng) các họa đồ cất trong tủ sắt tại hãng RIEC không được đầy đủ. Một bộ phận chính yếu- bộ phận của mạch điện làm cho cái hộp đen phân biệt được mình với những hoạt động điện và điện tử của địch – đã bị thiếu.

- Thiếu ?

- Không có trong tập họa đồ, cũng như trong cái hộp đen. Bộ phận đó ở ngay trong đầu của em ông. Ông ấy không bao giờ vẽ thành họa đồ và không bao giờ để bộ phận đó trong cái hộp. Ông hiểu, chính chúng tôi đã yêu cầu ông ấy điều này. Chúng tôi đã nghĩ rằng đó là một cách bảo mật an toàn nhất.

Tôi cảm thấy bối rối và chắc hẳn đã lộ ra mặt. Ông ta cười một cách gay gắt. Tôi bảo:

- Tôi không hiểu rõ. Hình như ông nghĩ rằng có kẻ đã giết em tôi để đoạt bộ phận đó. Chắc hẳn bộ phận này giấu đâu đó trong hà em tôi.

6 Bộ phận đó tự nó không nghĩa lý gì với bất cứ ai không có phần còn lại của cái hộp đen. Nó cũng không thể dùng trong hệ thống máy móc của nước khác, như Pháp chẳng hạn. Nhưng ông đang bỏ qua một điểm.

Ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi, người nghiêng về phía trước.

- Dunbar, tôi xin đặt lại cho ông với hình thức một câu hỏi - một câu hỏi phân làm hai. Do đâu ông tin chắc em ông đã chết? Và do đâu ông tin chắc chúng tôi nghĩ rằng em ông đã chết?

Tôi dám quả quyết không một ai, dù phớt tỉnh đến đâu, có thể dừng dưng trước một trường hợp như thế này. Các bạn đồng hội với tôi trong Thủy

Quân Lục Chiến vẫn thường gọi tôi là “ Mặt Đá “ mỗi khi họ nghĩ tôi không thèm nghe ai nói gì. Nhưng tôi biết mặt tôi nhất định đang bộc lộ cơn xúc động này. Khóe miệng của Dillingham co rút lại trong lúc ông ta chăm chú nhìn tôi.

Tôi đứng vụt lên và bước tới kệ để tạp chí ở sát bức tường bên cạnh cửa. Tôi nhớ đã trông thấy một tờ Scientific American trên kệ cùng với các thứ khác. Tôi nhớ đã cầm tờ báo lên và lật qua một lát trong lúc tôi cố dằn cơn giận đang đốt cháy khắp người tôi. Một hồi sau, tôi buông tờ báo xuống kệ, nghe tiếng nó rơi lên mặt gỗ đánh bóng. Tôi lấy một hơi thở dài và trở về ghế.

Dillingham lại nói tiếp:

- Dunbar , ông nói cho tôi biết đi. Quả thật ông xúc động đến thế hay sao?

Tôi bảo:

- Chỉ còn một chút xíu nữa là tôi giết ông.

- Tôi có thể hiểu điều đó.

- Tôi nói thiệt chứ không phải đùa đâu. Ông muốn giải thích rõ ông ngụ ý gì, hay là muốn tôi bắn một phát cho vỡ tan đầu ông ra.

Ông ta vẫn trầm tĩnh đáp lại:

- Ông có thể làm việc đó một cách dễ dàng. Nhưng nó vẫn sẽ không thay đổi gì hết. Lẽ tất nhiên tôi sẽ giải thích. Nhưng bây giờ đã gần bảy giờ rồi, và tôi không muốn bắt cô thư ký của tôi phải về quá trễ. Ông vui lòng để tôi mời ông một ly rượu như tôi đã hứa với ông, và nếu tiện xin mời ông ăn cơm tối luôn thể.

[1] Guernica và Guadalajara : hai thành phố của nước tây Ban Nha nơi xảy ra những trận đánh ác liệt trong cuộc nội chiến của nước này hồi 1937 (Chú thích của dịch giả)

[2] SHAPE (Headquarters of Allied Powers in Europe)

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bồ Giang

Chương 3

Mãi cho đến khi chúng tôi đã ngồi trong một góc tối của tiệm Rive Gauche ở Georgetown, nhà hàng sang trọng nhất khu vực phía nam hoặc phía tây của Le Pavillon, chúng tôi mới nói chuyện trở lại. Người bồi đặt hai ly Martini trước mặt chúng tôi rồi dang ra xa.

Dillingham hỏi:

- Ông vui mừng miễn lỗi cho tôi chứ? Tôi đã suy nghĩ kỹ và không thấy có cách nào hay hơn.

- Ông khỏi phải xin lỗi, vì ông chỉ thi hành phận sự. Ông cảm thấy an toàn trong một nhà hàng công cộng như thế này hay sao?

- Đây mới chính là nơi an toàn hơn hết. Từ bàn này mình không bao giờ nghe được tiếng nói chuyện ở bàn bên cạnh. Từ bây giờ cho đến tám giờ tối, tiệm luôn luôn vắng khách. Từ đây cho tới đó sẽ không có ai ngồi gần mình hơn ông đại tá Kinsman với cô tình nhân của ông ta. Họ đang ở góc đằng kia.

Ông ta gật đầu nhẹ, tiếp tục nói:

- Tôi đã yêu cầu Francois đừng mời ai ngồi gần mình trừ trường hợp bất khả kháng. Tới lúc đó mình sẽ bỏ đi.

- Ông rành việc này hơn tôi nhiều lắm. Bây giờ, xin trở lại câu hỏi của tôi.

- Vâng. Tôi cũng định như thế. Nhưng mình hãy gọi thức ăn trước đã. Nếu ông không thấy gì trở ngại, xin để tôi gọi cho.

Ông ta gọi món escargots và escalopines de veau à la Francaise, với một chai Chateaufort du Pape, rồi bắt đầu ngay vào đề:

- Em ông không hút thuốc – chắc ông không biết ông ấy đã bỏ được thuốc lá! – và lửa đã bắt đầu cháy một cách giả mạo do một điều thuốc. Tôi nói giả mạo bởi vì người ta đã dàn cảnh để cho chúng tôi tin như thế. Em ông là một người uống rượu rất chừng mực. Toàn thể nhân viên ở Hội Quán Jockey, là nơi ông ấy dẫn khách đi, đã cho chúng tôi hay ông ấy chỉ uống một ly cocktail – một thứ rượu không lấy gì làm mạnh, tối nay có lẽ tôi sẽ uống một lúc hai ly. Ông ấy chỉ uống một cái cocktail trước bữa ăn tối và trong lúc ăn không dung rượu vang. Điều này đã khiến cho viên đại úy Sở Cứu hỏa ngạc nhiên. Tuy nhiên, em ông lại bị đốt cháy mà không hề cựa quậy. Đêm hôm qua ai cũng có thể thấy rõ. Nói tóm lại, thân hình nằm trên giường không phải bị đốt tới chết, mà đã là một tử thi trước khi lửa bắt cháy. Và lửa đã lan nhanh rồi cháy lớn vì được châm thêm rượu, có lẽ rượu lấy từ trong tủ của

em ông – mặc dầu điều này vẫn còn vài điểm khả nghi.

- Làm sao ông biết được đó là một xác chết?

- Dễ quá. Nghiệm thi. Lỗ đạn xuyên vào đầu.

- Dillingham, ông làm cho tôi thêm rối trí. Ông muốn bảo rằng em tôi đã tự tử hay sao?

- Thôi mà, Dunbar, mình đừng nên làm trò cười. Khắp trong nhà không có một khẩu súng nào. Em ông đã bị bắn ngay trán. Đầu đạn hãy còn ở trong đầu. Cái tử thi đó không phải là xác của em ông.

- Tại sao đêm hôm qua ông không kể hết cả cho tôi biết?

- Đêm hôm qua có nhiều điều chúng tôi còn chưa biết rõ. Chúng tôi không chắc chắn về các sự việc đã xảy ra cũng như ... về điểm ông có đáng tin cậy hay không. Mãi đến bây giờ cũng vậy.

Tôi liền hỏi:

- Ông nói như thế với ngụ ý gì?

- Ông hãy suy nghĩ lại một chút đi. Mình hãy giả sử em ông muốn cho người ta tưởng rằng ông ấy đã rủi ro bị chết cháy. Hãy giả sử ông ấy đã dựng ra tai nạn giả tạo đó – và điều này thì quả thật không sai – rồi rời khỏi nước. Lẽ tất nhiên, chúng tôi phải tự hỏi ông ấy có thể đi đến nơi nào. Mình có thể nói ngay đó là những nơi không mấy then hữu với Hoa-Kỳ. Chúng tôi còn có ý nghĩ không chừng em ông đã bàn với ông về những gì mà ông ấy định làm, căn cứ vào sự kiện ông đã trở về đây một ngày sau khi vụ cháy xảy ra.

- Có phải ông muốn nói em tôi đã bị đầu độc tư tưởng?

- Dunbar, mình nên tránh những ngôn ngữ độc ác đó. Như thế là ngụ ý em ông đã bay qua bên kia Bức Màn Sắt. Trên thế giới hiện giờ có rất nhiều nơi khác không được thân thiện với Hoa-Kỳ, nhất là kể từ khi Hoa-Kỳ lâm chiến tại Việt-Nam. Chẳng hạn ông bạn đồng minh già của mình là Đại tướng De Gaulle, cũng đã lạnh lùng quay mặt với mình và rất có thể ông ấy đã dùng đòn phép để chiếm lấy cái hộp nhỏ màu đen đó. Ông cũng đã biết, thật ra, chính một người Pháp đã khám phá nguyên lý căn bản.

- Ông có thể chứng minh được nghi vấn này?

- Không. Chúng tôi không sao chứng tỏ được đó không phải là xác của em ông, mà cũng không chứng tỏ được đó đúng là xác của ông ấy. Bây giờ, ông thử xét kỹ từng giả thuyết một. Nhưng ông hãy đợi tôi kể cho ông nghe một vài chuyện mà ông còn chưa được biết. Thứ nhất là em ông đã có tên trong bảng danh sách những hành khách của hàng Hàng Không Đông Phương đi Nữ-ước hồi sáng ngày hôm nay. Hiện giờ ông ấy đã ở Nữ-ước và hai nhân viên ưu tu của chúng tôi đang cố tìm cho được tung tích ông ấy. Thứ hai là ông ấy đã ghi tên xin giữ một phòng ở boong A của chiếc Queen Victoria, sẽ nhổ neo vào ngày Thứ Hai. Ông có thể nói em ông định đi đâu?

Tôi nhìn ông ta một hồi lâu, trong lúc cố dần cơn giận xuống, rồi mới nói:

- Chiếc Victoria sẽ ghé Queenstown-Cobh-và Le Havre với Southampton. Đó là một dự đoán điên cuồng.

- Không đến nỗi điên cuồng đâu. Ông có muốn cá em ông sẽ xuống bến Le Havre?

Tôi bảo:

- Ông đã quản trí hay sao? Nhưng nếu quả thật em tôi đi, nhân viên của ông có thể chặn bắt tại bến tàu Cunard sáng Thứ Hai.

- Ông vẫn còn không tin à? Chúng tôi... không hề có ý định đó. Vâng, chúng tôi có thể chặn bắt ông ấy. Nhưng chúng tôi không muốn. Như vậy sẽ gây rắc rối. Tôi định hành động một cách khác – một cách bán công khai và không gây tiếng vang. Tôi nghĩ chỉ có ông làm công việc này là hay hơn hết.

- Tôi? Tôi đi bắt em ruột của tôi? Ông điên mất rồi. Chính ông vừa bảo tôi không tin chuyện này một chút nào. Theo ý tôi thì em tôi đã chết.

- Ông làm sao biết được?

- Em tôi thì chết còn hơn là điều mà ông nghi ngờ. Ông nên suy nghĩ lại. Hình như ông tự hào mình là một người giỏi lý luận. Theo lời ông thì đâu có gì hữu lý? Chẳng lẽ em tôi dùng tên của mình khi đáp phi cơ của hãng Hàng Không Đông Phương? Hoặc trong bảng danh sách hành khách trên tàu Victoria? Tôi muốn nói, nếu em tôi bị đầu độc tư tưởng.

- Ông làm sao biết được ông ấy hành động như thế nào?

- Điều đó ai cũng phải hiểu. Ông vẫn không biết rõ em tôi đã bay qua Nữ-ước.

- Dunbar, ông coi thường chúng tôi quá. Chúng tôi đã kiểm soát mọi đường bay rời khỏi đây. Chúng tôi đã hành động rất nghiêm ngặt, đưa hình ông ấy cho nhân viên hàng không. Hãng Đông Phương là nơi cuối cùng chúng tôi dò hỏi. Quả thật là kẹt cứng nếu chúng tôi không tìm thấy ghi chú về đường bay với tên họ ông ấy ghi rõ ràng trên đó. Còn việc tìm tên ông ấy trong danh sách việc Victoria thì quá dễ. Tôi phải nhìn nhận tôi vô cùng ngạc nhiên vì ông ấy đã dùng tên thật.

- Chỉ vì thế mà ông nghi ngờ kết luận của ông về việc em tôi bị đầu độc tư tưởng.

-Ồ, tôi vẫn thường dùng thủ đoạn nửa hư nửa thực đó. Dunbar, ông hãy nghĩ kỹ lại đi trong lúc tôi gọi rượu.

Ông ta bắt gặp ánh mắt của viên quản lý và gọi hai ly Martini với cà phê. Đầu óc tôi vẫn còn choáng váng vì nghi ngờ và thiếu ngủ. Tôi rối trí vì những lý luận của ông ta, nhưng chuyện này quả thật rất kỳ lạ. Tôi không phải là một chuyên viên điều tra có huấn luyện căn bản, và tôi không quen nhảy tới một kết luận minh bạch như thế, khi không có một bằng chứng nào hiển nhiên mà chỉ vin vào những phỏng đoán. Ông ta gần như hoàn toàn tin tưởng vào giả thuyết của mình. Nhưng tôi vẫn còn bám lấy một cái phao mà

ông ta không trông thấy. Tôi chợt có quyết định đưa ra cho Dillingham xem. Tôi liền đưa cho ông ta bức thư Laura đã trao cho tôi hồi chiều ở Belvedere, phía trên Warrenton. Laura đã bắn khoản về việc Ted phải đi công tác đúng lúc tôi về tới, khi nghe tôi kể chuyện, đã đưa cho tôi xem bức thư cuối cùng của Ted gửi cho Laura.

Dillingham từ từ đọc:

Laura,

Anh Stuart vừa gọi điện thoại từ Luân-đôn cho hay anh ấy sẽ đến vào khoảng bốn giờ chiều ngày mai (Thứ Tư). Anh ấy và anh sẽ lái xe hơi về Belvedere sau khi ăn tối. Đáng lẽ anh về sớm hơn, nhưng tối nay anh có một cuộc hẹn quan trọng trong một bữa ăn. Có lẽ em còn nhớ những người sắp ăn cơm tối với anh. Họ là bạn của em và Harry, hay ít ra cũng là người quen mà anh đã gặp trong một dạ hội ở Cự Kim Sơn hôm em dẫn anh đi theo – đó là Jacques de Ménard và Monique, cô em gái của anh ta. Anh ta là một tay cừ khôi về ngành điện tử ở Pháp, và anh ta muốn nói chuyện với anh về một bằng sáng chế của anh.

Sẽ gặp em ngày Thứ Tư.

Dưới bức thư là chữ ký “Ted”, đúng nét chữ của em tôi. Dillingham ngẩng lên nhìn tôi khi ông ta đọc xong bức thư. Mặt ông ta hơi nhấn lại trong lúc nói với tôi:

- Bây giờ ông mới chịu kể cho tôi nghe một chuyện mà tôi chưa được biết. Tôi đoán Laura là em gái của ông?

- Vâng.

- Và ông đã không cho bà ấy hay em ông đã chết?

- Không. Chắc ông còn nhớ, tôi không tin chuyện đó.

Ông ta bảo:

- Nhà ông cụ của ông ở đồi Belvedere, phía trên Warrenton, tôi biết chỗ này. Còn Harry là ai?

- Chồng của em gái tôi. Em gái tôi sinh sống ở Cự Kim Sơn và có chồng là một luật sư cố vấn cho nhiều công ty điện tử ở miền duyên hải phía tây.

Ông ta có vẻ trần ngâm.

- Tôi không ngờ ông lại có thể cho tôi hay một điều mà tôi không được biết, ngoại trừ về quyền khai thác sáng chế của em ông.

- Điều gì?

Ông ta nhìn tôi một cách chăm chú.

- Ông có biết hai anh em Ménard?

- Không. Còn ông?

- Ông ta là sáng lập viên có thiên tài và hiện giữ chức chủ tịch một hãng điện tử Pháp – Compagnie Electronique Francaise, S.A., thường được gọi tắt là CEFSA. CEFSA chính là hãng đã sáng chế chiếc hộp nhỏ màu đen đầu tiên

mà tôi vừa kể cho ông nghe.

- Trời ơi!

- Đúng như ông nói. Hoạt động của Ménard rất rộng lớn, tôi đã biết chắc như vậy. Có lẽ không phải chỉ là một sự tình cờ. Ông chắc chắn không còn gì khác muốn kể với tôi?

Tôi gay gắt bảo:

- Dillingham, tôi đã muốn nôn vì cái lỗi nói chuyện đầy ác ý của ông. Dù tôi có biết chuyện gì đi nữa tôi cũng sẽ không nói cho ông đâu. Nhưng có một chuyện mà tôi sẽ làm. Tôi sẽ ra bến tàu Cunard vào sáng Thứ Hai. Nhưng không phải vì tôi nghĩ rằng sẽ gặp Ted ở đó. Ted đã chết rồi, điều đó còn chắc chắn hơn cả sự kiện các nhân viên của ông còn sống, dù em tôi đã làm gì với chiếc hộp màu đen đi nữa. Nhưng tôi sẽ đến đó, chỉ để chứng tỏ rằng ông đã làm. Tôi hiện đang được nghỉ phép một thời gian ngắn. Tôi sẽ theo chiếc Victoria trở về Southampton, và tôi sẽ chứng tỏ Ted không có mặt trên tàu.

Dillingham mỉm cười với tôi, một cách khoan hòa.

- Thế là hơn cả những gì tôi ước mong. Cảm ơn ông. Tôi chỉ ước mong ông chứng tỏ được điều đó. Tôi có thể lấy vé cho ông? Mặc dầu vào mùa này, nhưng bây giờ đã muộn, mua được vé không phải là chuyện dễ.

- Nếu ông bảo cô thư ký của ông đừng xếp vào hồ sơ liên bang.

Ông ta bỗng bật cười lớn, khiến cho mấy người bồi đều nhìn về phía chúng tôi. Cuối cùng ông ta nói:

- Được, tôi sẽ làm theo lời ông. Nhưng tôi cũng sẽ cho một người của tôi đáp chuyến tàu này để quan sát diễn tiến của nội vụ.

- Như vậy có nghĩa là tôi cũng đang bị nghi ngờ?

Dillingham không cười nữa.

- Điều đó khiến cho ông ngạc nhiên hay sao?

- Không có gì làm cho tôi ngạc nhiên.

Ông ta trầm ngâm nhìn tôi một lúc rồi bảo:

- Dunbar, tôi đã đọc kỹ hồ sơ lý lịch của ông. Tôi biết rõ đoạn đời đã qua của ông không khác gì chính tôi đã sống đoạn đời ấy. Tôi cũng đã đọc bốn cuốn sách của ông: Đường Về, Lắng Nghe, Thành Đô và Chẳng Ai Tìm Dấu.

Cuốn thứ nhất là cuốn sách viết về chiến tranh hay nhất trong số sách cùng loại mà tôi đã có dịp đọc. Nhưng dù sách có hay đến mức nào tôi vẫn không tin người viết. Dù đó là một người đã từng đoạt Hải Quân Bội Tinh.

Tôi cho ông ta biết luôn:

- Ted đã chiếm Ngôi sao Bạc ở Triều Tiên. Tại Chosin Reservoir.

Ông ta vẫn không hé môi cười.

- Thế thì tôi tin ông ấy ít hơn ông một chút. Ông có muốn nghe tôi kể một vài điều tôi được biết về ông?

- Do những nguồn tin nào?
- Ba người bạn xưa cũ nhất của ông. Đầu tiên là MsKcendrick, chủ bút tờ Daily Galaxy xuất bản ở Honolulu.
- Ồ! George.
- Kế đó là Selden, giám đốc phân bộ Viễn Đông của Thế Giới Ngân Hàng (World Bank)
- Ồ! Charles.
- Cuối cùng là Wellfleet, giám đốc Chi Nhánh Đông Kinh của Hiệp Hội Báo Chí Liên Bang (Federated Press Associations).
- Ồ! James.
- Những chi tiết về các cuộc phỏng vấn mà các điều tra viên của chúng tôi đã thu hoạch được quả thật rất khác thường – khác thường từ chiều sâu cho đến chiều rộng. Lúc này tôi có thể cho công bố, nhưng tôi không muốn. Tôi sẽ mô tả một vài nét đại cương về con người của ông, căn cứ theo những phúc trình mà tôi đã đọc.

Tôi gật đầu:

- Để mình hiểu nhau. Xin ông cứ mô tả.

Ông ta khởi sự ngay:

- Ông là một con người lẳng mạn, trước ai hết, và có lẽ cũng sau ai hết. Ông kiêu căng một cách hoang đường về tổ tiên Tô-cách-lan của ông. Ông là người kín đáo về phương diện vật chất nhưng không mấy kín đáo về phương diện tin thần và tình cảm. Ông thường tự hành hạ vì những tư tưởng hoài nghi về bất cứ những gì ông đã làm – không phải trước mà sau khi đã làm xong. Theo lời các bạn ông, đó là một việc thừa, vô ích. Ông có lòng can đảm của một người không giàu óc tưởng tượng, mà thật ra không phải như thế. Ông tự cho mình là một kẻ khổ sở và khó khăn mỗi khi cần phải giải quyết một việc gì, mà thật ra cũng phải như thế. Bình thường ông không tin tưởng mình có thể bình tĩnh đương đầu với nguy hiểm. Ông lại đã nhất định từ chối Hải Quân Bội Tinh mà ông đã được đề nghị trao tặng tại Guadalcanal, nhưng người ta không chịu để cho ông từ chối. Vì thế, ông không bao giờ đem ra mang.

Tôi trầm trồ:

- Chà, mê ly quá.
- Họ còn cho tôi biết ông là một con người kỳ lạ khi thì vui tính, khi thì lại rất nghiêm trang – có lẽ chính là một trong những người cuối cùng thuộc dòng dõi quý tộc. Ông không bao giờ kể cho bất cứ ai nghe về chuyện về bất cứ một người đàn bà nào mà ông đã từng quen biết, dù trong những lúc say – và họ cũng kể với tôi ông là một tay uống rượu đến cùng nếu ông muốn. Đàn bà nhận thấy ông quyến rũ và vô hại – quyến rũ bởi vì ông có vẻ rụt rè, và vô hại bởi vì ông là một người hiền lành.

Ông ta ngừng lại và uống cạn ly rượu.

- Như thế có đủ không?

Tôi lắc đầu.

- Hơi quá đáng thành ra không được đúng. Bây giờ tôi xin phép về?

- Ông cứ tự nhiên. Để tôi trả tiền xong là mình có thể đi ngay.

Mấy lời sơ lược của ông ta khiến cho cả tâm trí tôi lay chuyển. Tôi suy nghĩ mãi trong lúc bước dọc theo căn phòng và đi vào buồng rửa tay ở phía sau hành lang. Tôi biết câu chuyện về đàn bà xuất phát từ đâu. Trong ba ông bạn cố tri của tôi chỉ có James Wellfleet là người hiểu tôi nhất về điểm đó.

Có nhiều người đàn ông – nhiều hơn quý bạn có thể tưởng – thường nhìn người đàn bà như nhìn một phần của một tổ chức, gần như vô hồn, như chỉ là một món đồ, một vật không có cá tính: máy lạc thú, máy đẻ con, máy giặt rửa, máy may vá. Tôi không phải là một người trong hạng này. Có lẽ chính vì vậy mà Dillingham đã sỉ vả tôi là kẻ rụt rè. Không rụt rè với một cái máy là chuyện quá dễ. Không rụt rè với một đồ vật không có cá tính thì lại càng dễ hơn nữa

Chính vì vậy mà tôi thường rất dễ lúng túng. Những bàn tay con gái mượt lông tơ, những cổ tay con gái no tròn, sự đụng chạm của lông nheo con gái và hơi ẩm của da thịt con gái, tất cả đều có thể thấm sâu vào hồn tôi chỉ vì tôi nhận biết được. Chắc vì vậy mà tôi hay rụt rè.

Trên đường về, tôi nói với Dillingham:

- Tôi muốn xem qua căn nhà của em tôi, nếu ông thấy không có gì trở ngại.

- Tôi không thấy trở ngại. Chúng tôi đã lục soát hết sức kỹ. Tôi sẽ cùng đi với ông.

- Ông có chìa khóa?

- Vâng. Mình hãy đi xem thử. Rất có thể ông sẽ trông thấy một điểm nào đó mà người của tôi đã không thấy. Nhân tiện, tôi khuyên ông chớ nên lo lắng về việc chôn cất xác chết. Dunbar, ông nên tin tôi, đó không phải là xác em ông đâu. Chúng tôi vẫn chưa biết đó là xác của ai, nhưng nhất định không phải là của ông ấy.

- Tôi vẫn còn không tin như thế.

Quả thật tôi không thể nào tin nổi. Tin chuyện đó tức là phải tin luôn điều mà chắc chắn Ted không thể làm.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bò Giang

Chương 4

DILLINGHAM làm cho tôi kinh ngạc trong lúc chúng tôi im lặng bước dọc theo đoạn hành lang lót thảm dẫn tới cửa phòng của Ted vì bỗng nhiên ông ta khom mình xuống và bước từ từ, đầu gối gập lại và mặt chỉ cách nền nhà chừng một thước tây. Tôi dừng chân để nhìn ông ta. Ông ta liền giơ bàn tay phải lên ra dấu yêu cầu giữ im lặng. Tôi đứng nguyên chỗ vừa dừng, cách cửa độ ba thước, chăm chú nhìn ông ta đang rón rén tiến tới đó. Khi ông ta đến nơi, tôi mới hiểu vì sao ông ta cúi xuống. Dưới khe cửa có một vạch sáng lờ mờ màu vàng.

Dillingham đứng thẳng người lên với chìa khoá cầm trong tay. Lúc tôi bước tới bên cạnh, ông ta nắm lấy khuỷu tay của tôi và đẩy tôi sang một bên, để tôi đứng sát vào tường gần bản lề cửa. Với một cử động thật chậm. Và yên lặng mà tôi khó lòng bì nổi, ông ta đút chìa khoá vào ổ. Tôi như không thấy nó di động và cũng không nghe một tiếng động nhỏ nào phát ra từ ổ khoá. Khi chìa khoá đã lọt vào đúng mức, ông ta từ từ xoay. Ông ta cầm quả nắm cửa bằng bàn tay trái, di động thân hình ông ta tránh xa khung cửa về phía tôi, bất thần xay quả nắm và xô nhanh cánh cửa về phía trong. Cánh cửa đập mạnh vào bức tường trong phòng khách.

Trong toàn thể căn nhà không có một tiếng động nào. Dillingham lướt thân hình gầy ốm của ông ta quanh mép cửa. Ông ta khuất khỏi tầm mắt của tôi trong nửa phút. Rồi ông ta thò đầu ra mép cửa và ra dấu cho tôi đi vào.

Mặc dầu ông ta đã đưa tay đề phòng, tôi suýt lên tiếng nói khi tôi trông thấy căn phòng khách. Quang cảnh tựa hồ như một bọn phá hoại vừa đến nơi đây. Các học bàn giấy cùng những vật dụng bên trong vất bừa bãi trên sàn. Tất cả nệm ghế đều bị rách nát. Ngay cả những tấm màn treo ở mấy khung cửa sổ cũng bị cắt xé, lột hẳn lớp vải lót ra. Những bức tranh cũng bị lôi xuống tháo ra khỏi khung.

Cả hai phòng ngủ cũng cùng chung tình trạng. Mấy chiếc tủ bị mở toang và quần áo nằm vãi trên nền nhà. Trong buồng tắm chính, cái nắp cầu bị hất xuống đất, và vỡ làm hai. Tôi định bước qua buồng tắm thứ hai, Dillingham liền ngăn tôi lại. Ông ta đi trước mặt tôi. Tới cánh cửa đóng kín của buồng tắm, ông ta lại làm như ban nãy ngoài cửa trước nhưng theo chiều ngược lại, lôi cánh cửa ra phía ngoài khiến nó đánh mạnh vào mặt tường trong phòng ngủ. Đèn trong buồng tắm đang cháy sáng.

Đứng trước bồn rửa tay đối diện với khung cửa, mặt sau của hai chiếc dùi áp

vào cạnh bồn là một người đàn bà. Đôi mắt của nàng mở tròn và đầy kinh hãi. Nàng là một người đàn bà có thân hình khá cao. Lời mô tả của Laura chit nhảy vào tâm trí tôi: "Rất xinh, nếu anh muốn dùng một chữ hơi nhẹ. Riêng em thì ...tuyệt đẹp. Tóc rất đen, mắt xanh lục, miệng hơi rộng, mũi quý phái – tiếng đó nhẽ nhận chứ?. Vào khoảng hai mươi sáu hoặc hai mươi bảy, theo em phỏng đoán. Khá cao - có lẽ tới một thước sáu mươi lăm hoặc một thước sáu mươi bảy. Tóc chải cao nên trông người có vẻ cao hơn. Da hơi xanh, gần như người hơi thiếu máu.

Tôi liền nói với Dillingham:

- Đây là cô De Ménard

Cô gái lạnh lùng nhìn tôi một lát rồi mới hỏi:

- Ông làm sao biết được tên tôi?

Giọng của nàng rất bình thản, thật trầm như hơi khàn.

Dillingham trả lời nàng:

- Đây là Stuart, anh của Edward Dunbar. Tôi đoán ông ấy đã nghe người ta mô tả về cô, có lẽ chính người em gái của ông ấy đã mô tả.

Nàng mỉm cười trong lúc tôi vẫn không hé mở, miệng cong lên về phía trước ở hai bên khoé tạo thành một vòng cung thật đều. Nàng bước ra khỏi buồng tắm và đưa tay cho tôi bắt. Bàn tay của nàng mát rượi và chắc chắn nhưng chỉ ở yên trong tay tôi, không siết lại.

Nàng nói, mắt vẫn chỉ nhìn tôi:

- Tôi có biết Ted và Laura. Nhưng tôi không biết họ còn có một người anh. Trông ông không giống một người em nào của ông cả. Ông giống hệt Angua Ogilvie.

Nàng trầm tĩnh tựa hồ chúng tôi vừa được giới thiệu với nhau trong một dạ hội chứ không phải một buồng tắm, nơi nàng đang ẩn trốn. Tôi luôn luôn tin tưởng vào linh cảm hơn ký ức, bởi vì thời gian vẫn thường thay đổi màu sắc của ký ức không bằng cách này hoặc cách khác. Nhưng tôi nhớ rõ buổi tối hôm ấy nàng đã khiến cho lòng tôi rung động một cách kỳ lạ. Và khi tôi nói rung động tức là sự thật đúng như thế. Tôi cảm thấy khắp người bàng hoàng, thân xác như muốn bay bổng lên cao. Đồng thời tôi cảm thấy cần phải đề phòng nàng, nhưng cũng có thể đó chỉ là cảm giác gây ra khi những sợi tóc ngắn phía sau gáy hơi dung lên, cảm giác thường được xem như một dấu hiệu báo nguy.

Tôi dần dần tỉnh người trở lại để nhận thấy Dillingham đang chăm chú nhìn chúng tôi.

Ông ta lên tiếng:

- Tôi xin phép được hỏi vài câu ?

- Thưa, ông là ai?

Dillingham lại tái diễn cử động nhẹ nhàng rút tấm thẻ ra khỏi túi. Ông ta mở

ra và đưa cho nàng. Nàng từ từ xem qua rồi bảo:

- Tôi hiểu.

Vẻ sợ hãi lại thoáng qua mắt nàng trong một giây đồng hồ và biến mất trước khi tôi có thể tin chắc là mình đã trông thấy.

Dillingham ra dấu nàng đi ra phòng khách. Tôi say mê ngắm nàng trong lúc nàng bước dọc theo hành lang. Nàng bước đi với một điệu bộ duyên dáng và thẳng băng tuyệt diệu, như một người mẫu. Nàng nhặt một cái gối trên nền nhà và đặt trên một chiếc ghế bành, úp mặt bị rạch xuống dưới. Nàng ngồi xuống, lưng thật thẳng và hai đầu gối ép sát vào nhau, khiến cho hai chiếc đùi căng tròn với những đường nét toàn hảo. Chỉ cần một cử động ngồi xuống đó cũng đủ được gọi là một công trình mỹ thuật.

Giọng nói của nàng trong lúc nàng trả lời Dillingham thật trầm tĩnh. Nàng nói tiếng anh rất giỏi. Tôi tin chắc nàng đã được đi học trường Anh ngay từ hồi nhỏ. Nhìn nàng và nghe nàng với cơn rung động vẫn còn chạy trong huyết quản, tôi chỉ nghe nửa được nửa mất những câu hỏi của Dillingham.

Khi tôi bắt đầu thực sự chú tâm được, nàng đang nói:

- Tôi đến tìm Ted Dunbar. Tôi muốn hỏi ông ấy có gặp anh tôi hay không.

Anh tôi đã không trở về khách sạn của anh ấy - khách sạn của chúng tôi - từ hôm thứ ba.

- Ông ấy không để thư từ gì cho cô hay sao?

- Chỉ có mấy lời cho biết anh ấy định đi tới hãng RIEC là nơi anh ấy có một cuộc hẹn.

Tại sao lại RIEC ?

- Anh tôi hiện đi viếng thăm nhiều công ty điện tử Hoa Kỳ. Anh ấy là giám đốc sản xuất một công ty điện tử của chính anh ấy. Ted Dunbar là phó chủ tịch của hãng RIEC, và tôi tưởng anh tôi đang đi gặp ông ta.

- Ai đã giúp cô lục soát căn nhà này ?

Nàng tức giận đáp, trong lúc đưa mắt nhìn quanh cảnh tượng tan nát:

- Lẽ tất nhiên tôi không hề lục soát. Tôi mà có thể gây ra chuyện kinh khủng như thế này hay sao?

- Tôi không biết. Rất có thể cô đang muốn tìm kiếm một vật gì. Cô làm sao vào được trong này?

- Cửa trước không khoá. Khi không có ai trả lời tiếng gõ cửa của tôi, tôi mới bước vào và lên tiếng gọi Ted. Anh ấy không có mặt tại đây. Tại sao buồng ngủ cháy như vậy ?

Dillingham nóng nảy bảo:

- Một tai nạn, cô vào đây từ lúc nào ?

- Mới trước các ông một chút mà thôi. Tôi vừa bước vào phòng ngủ thì nghe tiếng ông xô mạnh cánh cửa, tôi hết sức hoảng sợ.

- Và vì thế cô đã trốn vào trong buồng tắm. Một điều khá kỳ lạ. Cô không có

ý nghĩ tiếng động đó có thể là Ted Dunbar trở về nhà?

Nàng không trả lời trong một lúc. Nàng vẫn ngồi một cách đoan trang trong chiếc ghế bành lớn, lưng thẳng, đầu lắc nhẹ nhẹ một cách thanh nhã trên chiếc cổ thon thon. Hai bàn tay của nàng siết nhẹ với nhau giữa hai đầu gối. Tôi thừa hiểu Dillingham chăm chú nhìn cử động này như một dấu hiệu lo sợ, nhưng tôi chăm chú nhìn một hồi mà vẫn không thấy nàng run. Nàng vẫn rất thản nhiên. Nhưng đó chính là một tính chất đặc biệt người ta thường thấy trong đa số đàn bà Pháp.

Cuối cùng nàng nói:

- Tôi không tin ông ấy có thể mở cửa một cách náo động như vậy. Ông ấy không có cái tính đó. Ông ấy vui vẻ và hoạt bát, nhưng không ồn ào.

- Tôi chỉ gặp Ted mấy lần trong các dạ hội và tiệc tùng.

- Cô ấy sẽ ở Hoa thịnh đốn lâu?

- Chúng tôi sẽ đáp tàu Queen Victoria vào ngày thứ hai. Tôi đoán chắc phải chờ anh tôi cho tới thứ bảy, rồi chúng tôi cùng đi Nữ - Ước.

Tôi liếc Dillingham khi nàng nhắc tới chiếc Queen Victoria, nhưng ông ta hình như không để ý tới, và nói với Monique:

- Xin cảm ơn cô. Xin cô hãy gọi điện thoại cho tôi hay nếu cô nhận được tin tức gì về anh cô. Tôi muốn nói với ông ấy một vài câu chuyện.

Ông ta đưa cho nàng một tấm danh thiếp. Nàng nhìn qua với vẻ băn khoăn rồi cất vào trong ví tay và hứa:

- Vâng, tôi sẽ nhớ. Bây giờ tôi có thể ra về?

- Cô hoàn toàn tự do muốn đi đâu tùy ý. Cô hiện lưu ngụ ở đâu?

- Ở khách sạn Mayflower, phòng 709A.

Nàng lại nhìn tôi mỉm cười với đôi môi hơi nhếch lên thành hình trái tim và đi ra. Qua khỏi cửa nàng nhẹ nhàng đóng lại.

Dillingham ngấm cánh cửa một hồi lâu mới nói với tôi:

- Hay lắm, chắc ông nhận thấy cô ta không hỏi chuyện gì đã xảy ra ở đây?

Tại sao tôi điếu tra? Ted Dunbar hiện ở đâu? Kỳ lạ thật.

- Đại khái như thế. Nhưng không hoàn toàn đúng hẳn.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bò Giang

Chương 5

Ông ta bỏ tôi tại đây. Tôi cầm cùi suốt gần một tiếng đồng hồ lục soát khắp bàn viết của Ted và không tìm thấy một vật gì đáng lưu ý ngoại trừ một ghi chú trên tập lịch cho tối thứ ba: “ Monique và Jacques - ăn cơm tối ở Hội Quán Jockey. Hỏi Jacques về Anson” Khám phá độc nhất của tôi nằm trong tủ áo của Ted. Mờy cái va-li của Ted không còn, cũng như ba bộ vét – tông và chiếc áo choàng bằng vải len mà Ted đã mua trong lúc đi thăm tôi ở Luân đôn. Phát giác này khiến cho tôi thất vọng. Nhìn những khoảng sạch trong lớp bụi của sàn tủ, nơi để mấy cái va-li, tôi tưởng chừng như lại muốn khóc lần nữa.

Sự ương ngạnh của tôi không phải là một tính di truyền. Ba tôi là một con người hiền lành và đa cảm, má tôi hồi còn sống cũng rất hiền lành. Bây giờ nghĩ lại điều đó tôi đoán sở dĩ tôi cứ nhất thiết không chịu đổi ý là do một vị tổ tiên nào quá xa xưa nên bây giờ trong gia đình không ai còn nhớ. Tôi không sao hiểu được. Nhưng tôi biết rằng mãi cho tới lúc này tôi vẫn không chấp nhận giả thuyết do Dillingham đã đề ra một cách vô cùng minh bạch và hữu lý: Ted chưa chết, và dù tôi trông thấy rõ sàn tủ đầy bụi này tôi vẫn không hoàn toàn chấp nhận được. Nhưng tôi đã có một quyết định trong lúc tôi đứng sững sờ trước cảnh tượng vừa phát giác.

Quả thật tôi không phải là một chuyên viên điều tra có bằng cấp như các vị ở cơ quan cảnh sát. Tuy nhiên nhờ sống một cuộc đời có quá nhiều đổi thay đến chịu không nổi trong Hội Đoàn Báo Chí Quốc Gia, khi thì thu góp khi thì truyền bá các tin tức, nên tôi đã hiểu khá nhiều về các kỹ thuật điều tra. Bất cứ một ký giả lành nghề nào cũng có thể tìm ra nhiều chi tiết mới lạ trong một cuộc thẩm vấn êm dịu, nhất là nếu anh ta muốn chọc tức kẻ đối thoại bằng những câu hỏi tàn nhẫn, nhưng không hoàn toàn giống phương pháp cảnh sát vẫn thường dùng.

Tự biết giới hạn của mình, tôi khởi sự dò xét bằng cách rời khỏi nhà của Ted và đi dài theo dãy hành lang, về phía bên kia thang máy, tới một cửa đối diện với cửa nhà của Ted và cách xa tới mười lăm thước. Tên ghi trên mặt cửa là Mannion.

Người đàn ông trả lời tiếng gõ cửa của tôi, mang một bộ mặt đầy nghi ngờ và tức giận. Ông cụ tuổi đã khá lớn, người cao và gầy, khiến tôi liên tưởng đến Lincoln(*) nhưng thiếu mất bộ râu. Thân hình ốm nhom của ông cụ được khoác bằng một chiếc áo ngủ loại đắt tiền. Chiếc quần dài bên dưới

chưa có nếp nhăn, nên tôi nghĩ ít nhất tôi cũng không lỗi ông cụ xuống khỏi giường.

Tôi mở lời:

- Tôi là Stuart Dunbar. Tôi là anh ruột của một người láng giềng với cụ là Ted Dunbar, ở về phía bên kia hành lang. Tôi xin phép được hỏi thăm cụ trong giây lát.

Ông cụ hơi dịu nét mặt.

- Mời cậu vào Cậu uống một ly nhé? Tôi vừa làm xong một ly trước khi đi ngủ.

- Dạ thôi, xin cảm ơn cụ. Tôi không dám làm mất thì giờ của cụ quá nhiều. Tôi chỉ muốn hỏi thăm cụ có trông thấy gì khác lạ xảy ra trong nhà em tôi đêm thứ Ba vừa qua.

- Dĩ nhiên là có. Cậu ngồi xuống đi.

Vừa nói ông cụ vừa ra đầu bảo tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành và tắt chiếc máy thu thanh lúc đó đang phát ra một khúc nhạc của Schumann, rồi tiếp ngay :

- Tôi đã trông thấy một điều vô cùng kỳ lạ, và tôi đã kể lại với cảnh sát nhưng mấy ông đàn độn ấy không tin là chuyện quan trọng

Ông cụ nheo mắt nhìn tôi trong lúc vẫn nói tiếp:

- Có lẽ cậu cũng sẽ không tin.

- Xin cụ cứ kể cho tôi nghe thử.

- Được, Lúc ấy tôi vừa đi bỏ một bức thư vào thùng bên cạnh thang máy. Khi tôi trở về, vừa mở cửa, tôi bỗng nghe nhiều tiếng nói lớn vang lại nhà em của cậu.

- Lúc đó mấy giờ?

- Gần một giờ sáng. Một trong mấy giọng nói có vẻ giận dữ, cho nên tôi đã trở vào nhà ngay và nhìn qua lỗ kính một chiều gắn trên mặt cửa

Ông cụ nhe răng cười thú nhận:

- Tôi quả thật quá tò mò.

- Chuyện đó đâu có gì lạ. Tôi gặp hoàn cảnh cụ thì cũng thế.

- Tôi không tin. Cậu nên hiểu tới tháng tư năm nay tôi đã bảy mươi hai tuổi và chỉ còn rất ít trò giải trí... Tôi bỗng thấy cửa nhà em cậu mở ra, và một người đàn ông mặc bộ đồ sẫm màu đen ở ngưỡng cửa.

- Em tôi?

- Tôi không rõ. ánh sáng từ phía sau lưng người đó rọi ra chỉ lờ mờ mà đèn ngoài hành lang cũng được vặn yếu đi trong ban đêm. Người đàn ông đang nói chuyện với một người nào đó trong nhà em cậu. Rồi ông ta quay mình bỏ đi và ông ta chit trông thấy một cái gì ở khúc quẹo của hành lang – ngay khi qua khỏi cửa nhà em cậu, hành lang quẹo về phía tay phải. Ông ta thụt lùi tựa hồ giật nẩy mình vì cảnh vừa trông thấy. Rồi ông ta há miệng kêu lên hai

tiếng: “ Ah! So !” giống như tiếng Nhật, chỉ có vậy. Rồi dường như người nào đó ở khúc quẹo bật một ngọn đèn pin trong không một giây đồng hồ, làm cho một đoạn hành lang mờ tối sáng hẳn lên. Người ở ngưỡng cửa nhảy lùi trở vào bên trong căn nhà em cậu và ngay sau đó cánh cửa đóng lại. Và tất cả chỉ có thế. Tôi vẫn tiếp tục dò xét suốt nửa giờ sau đó, nhưng không trông thấy gì nữa.

Tôi trầm ngâm bo:

- Thật kỳ lạ. Một ngọn đèn pin? Cụ chắc chắn chứ?
- Lẽ tất nhiên chắc chắn. Tôi biết đèn pin như thế nào mà.
- Nhưng thật ra cụ đâu có trông thấy cây đèn?
- Cậu nói phải, không phải cây đèn mà là ánh sáng.

Sau đó không có gì khác lạ mãi cho đến lúc lính cứu hỏa đến vào lúc quá hơn hai giờ sáng. Nơi đây bỗng như biến thành một nhà thương điên trong cả hai tầng đồng hồ.

- Xin cảm ơn cụ Mannion, cụ đã giúp đỡ tôi nhiều quá.

Thật ra chàng vẫn không thấy chuyện ông cụ vừa kể hữu ích ở điểm nào, nhưng chàng vẫn cố nghĩ như thế, trong lúc hỏi tiếp:

- Tôi xin hỏi thêm một câu cuối cùng: Khi ánh đèn chiếu vào mặt người đứng ở ngưỡng cửa, cụ có nhận ra ông này là ai không?

Ông cụ cau mày, như đang nhìn trở vào ký ức trước khi trả lời:

- Hiện giờ tôi vẫn chưa nhận ra, nhưng trông ông ta có vẻ quen quen. Như tôi nói, ánh đèn ngoài hành lang không được sáng lắm. Tôi chỉ thấy mái tóc ông ta thật đen.

- Tôi không dám làm phiền cụ nhiều hơn nữa. Xin cảm ơn cụ ... và chúc cụ ngủ ngon.

- Có gì đâu mà phiền, Trái lại tôi vui mừng được giúp cho cậu.

Tôi nghĩ có lẽ chính câu hỏi cuối cùng mới thật sự giúp ích cho tôi. Ted có một mái tóc thật đen mà ngay lúc còn ở trong Thủy Quân Lục Chiến vẫn không chịu hớt ngắn. Tôi nghĩ rằng đó là một hình thức ba giai trong quân ngũ.

Đêm quá khuya, không thể làm gì thêm được nữa. Tôi bước dọc theo Đường Mười Tám, qua hai khóm nhà nhỏ, tôi trở về khách sạn Marlyn trong một đêm có thời tiết rất êm dịu mà thỉnh thoảng Hoa thịnh đốn vẫn được hưởng dù đang giữa tháng hai. Một màn sương mù mỏng vật vờ bay trong không khí, và những đám mây kéo nhau chạy qua trước mặt vùng trắng trông tựa hồ như một cơn mưa lớn. Khu vực này của Hoa thịnh đốn đã đi ngủ. Tôi không gặp một người nào. Nhưng từ lúc tôi quẹo Đường Mười Tám qua Đường N và ngoảnh nhìn lại con đường cũ, tôi chợt trông thấy một bóng đen mặc áo choàng và không đội mũ đang bước dọc theo khóm nhà mà tôi vừa mới đi qua. Y chằm lại khi trông thấy tôi nhìn lại, và giả vờ tìm số nhà.

Tôi không hiểu y có biết tất cả những căn phố thuộc khóm nhà đó đã bị chiếm cứ từ lâu bởi một phân khoa của một trường đại học. Toàn thể đều đen tối. Tôi không thể quả quyết có phải y đang theo dõi tôi hay không, nhưng tôi lại nhìn lui lúc bước vào khách sạn Marlyn và trông thấy y quẹo qua Đường N.

Tôi lấy chìa khoá phòng của tôi ở chiếc bàn con tại quầy tiếp tân và đi bộ lên phòng theo lối cầu thang. Tôi đặt bàn tay lên quả nắm và sắp sửa xoay quả nắm thì chợt nhận thấy cửa không đóng sát. Tôi dừng sững lại, cố nhớ xem có phải tôi đã bỏ cửa như vậy. Nhưng tôi biết chắc không phải thế. Tôi gần như bao giờ cũng xoay thử quả nắm sau mỗi lần đóng cửa. Tôi không nghe một tiếng động nào ngoài trừ tiếng xe cộ lưu thông từ xa. Căn phòng tối qua cánh cửa hé mở.

Nhớ lại mảnh khoé của Dillingham, tôi tránh qua một bên, úp mặt vào bức tường sát khung cửa và đá cho cánh cửa mở ra bằng chân trái. Cánh cửa xoay nhanh và đập mạnh vào mặt tường bên trong.

- Ông Dunbar, ông cứ vào đi.

Tiếng nói phát ra từ bóng tối trong phòng. Tôi vừa thò đầu qua khung cửa thì ngọn đèn bên cạnh chiếc ghế bành được bật sáng cho thấy một người đàn ông đang ngồi trong đó.

Đó là một gã có vẻ dữ tợn, nước da ngăm đen, đội một chiếc mũ dạ màu đen và mặc một chiếc áo mưa. Y cầm một khẩu súng lục lớn để hờ hững trên vế.

Y lại bảo:

- Ông cứ vào, Ông hãy đóng cửa lại và ngồi xuống, tôi có chút chuyện cần nói với ông.

Giọng y hơi run lên khi nói những chữ “r”, tựa hồ y là người Pháp. Tôi liền ngồi lên giường.

- Ông là ai? Ông làm gì ở đây?

- Điều đó không quan trọng. Tôi mang một thông điệp đến cho ông.

Vừa nói y vừa mỉm cười để lộ những chiếc răng vàng lớn.

Tôi lại hỏi:

- Thông điệp của ai?

- Ông Dunbar, ông nói tiếng Anh hay quá, nhưng ông đừng bao giờ thắc mắc do ai gửi. Thông điệp đó là: Ông hãy bỏ rơi tất cả. Ông cố quên người em của ông đi. Ông ấy đã chết. Ông ấy đã bị cháy rụi. Ông ấy đã tự tử bằng súng trước khi cháy tiêu. Chuyện vô cùng đáng tiếc. Ông ấy là một người rất tốt.

- Thông điệp gì mà quái đản như thế. Bỏ rơi cái gì? cảnh sát đang gấp rút tiến hành cuộc điều tra. Họ không tin em tôi đã chết.

- Ông Dunbar, họ nói với ông như vậy, để cho ông khỏi đòi lấy tử thi. Họ không muốn mai táng Ông Edward Dunbar vì sợ gây trở ngại cho những kẻ

hoạch của họ. Họ biết chắc ông ấy đã chết. Ông hiện đang thọc tay vào một việc không liên hệ gì với ông. Tôi được chỉ thị đến nói với ông rằng đây là thông điệp cuối cùng bằng lời lẽ. Lần tới sẽ không được êm đẹp như hôm nay. Chúng tôi không muốn gây thương tổn cho ông. Vì vậy ông nên bỏ rơi tất cả.

Tôi cố làm mặt tỉnh:

- Cảm ơn ông.

Y đứng dậy và bước ra cửa, cất khẩu súng vào trong túi áo mưa.

- Ông hãy ngồi yên trong mười phút sau khi tôi đi. Đừng nên dùng điện thoại.

Nói đoạn y đóng cửa lại.

Tôi không phải là người thích bảo sao làm vậy. Tôi vẫn giữ bản chất sắt đá của miền Ái Nhĩ Lan. Nhưng tôi cũng là một kẻ đã từng trông thấy khả năng tàn phá của một khẩu súng lục 45 lúc bắn thật gần vào bong, và tôi đã tập thói quen cố nhớ lại cảnh tượng này mỗi khi tôi đôn trước một khẩu loại đó. Tôi chờ đủ mười phút bắt buộc và thêm một chút nữa rồi mới nhắc máy điện thoại lên và quay số văn phòng Dillingham. Tôi ngạc nhiên khi biết ông ta hãy còn ở đó. Ông ta đích thân trả lời điện thoại.

Tôi nói ngay:

- Dillingham, tôi không tranh luận với một khẩu 45, nhưng tôi sẵn sàng đến tranh luận với ông một cách ác liệt bao nhiêu cũng được.

- Dunbar, ông đang nói chuyện gì thế?

Tôi liền kể chuyện gã Răng – Vàng cho ông ta nghe.

- Dillingham, ông đừng phái những gã đầu trâu mặt ngựa đến gặp tôi nữa, nếu không dù ông có tấm thẻ đặc biệt đó tôi cũng không chịu nhin đâu.

Ông ta bảo:

- Dunbar, ông không nên nổi khùng một cách vô lý như thế. Tại sao tôi phải phái một nhân viên đến để thuyết phục ông rằng em ông đã chết. Chính tôi không tin chuyện đó – và cả ông cũng vậy nêu ông còn chút lý trí. Tôi biết rõ Răng – Vàng, tên của y là Mendoza. Y làm việc cho một tổ chức gọi là Oui-Dire. Ngày mai tôi sẽ kể chuyện này cho ông nghe. Chiều mai ông sẽ làm gì ?

- Không có gì hết. Tại sao?

- Tôi sẽ đến đón ông trước cửa khách sạn của ông đúng ba giờ chiều. Tôi sẽ đưa ông đi nói chuyện với một nhân viên của Hãng Hàng Không Đông Phương, người có thể quả quyết em ông đã đáp máy bay đi Nữ Ước.

- Vâng, tôi sẽ chờ ông ở đó.

- Chúc ông ngủ ngon. Ông nên khoá kỹ cửa trước khi lên giường.

Trước khi đi ngủ, tôi quay một số điện thoại khác – District 7 – 3000 – Khách sạn Mayflower. Lúc này tôi đã quen với cảm giác xao xuyến chạy

khắp người tôi khi tiếng nói của Monique de Ménad? vang lên trong ống nghe.

- Cô De Ménad? ?

- A-lô, Ông Dunbar ?.

- Cô nhớ giọng tài quá.

- Ông có một giọng khá đặc biệt.

- Tôi băn khoăn không biết cô đã gặp được anh cô hay chưa, hoặc tôi có thể giúp cô việc gì?

Tôi thắc mắc chẳng hiểu câu chuyện của tôi có vẻ đáng tin hay không. Tôi không phi là một kẻ nói dối tài giỏi nhất thế giới. Tôi chưa bao giờ trông thấy được một người đàn bà trẻ đẹp nào lại có thể bình tĩnh hơn nàng lúc bước ra khỏi buồng tắm mà lại cần tới sự giúp đỡ của tôi.

- Ông Dunbar, tôi cảm ơn ông nhiều lắm. Ông thật rất tử tế. Nhưng ông khỏi phải nhọc lòng, bởi vì lúc này Jacques đã ở đây, đang ngủ. Anh tôi vừa bị một tai nạn nhỏ.

- Tôi hy vọng không có gì trầm trọng.

- Vị bác sỹ trong khách sạn không tin như vậy. Đó là một vụ xe tải đụng nhau, anh tôi bị nhiều vết trầy khắp đầu, nhưng hình như anh ấy vẫn khỏe mạnh. Sáng mai anh ấy sẽ đi rọi quang tuyến X trước khi chúng tôi bay sang Nữ Uớc.

- Xin cô cứ gọi tôi nếu cô có điều gì cần đến tôi. Tôi hiện ngụ tại khách sạn Malyn, phòng hai – không – ba.

- Cảm ơn ông Dunbar, Tôi sẽ nhớ.

Giọng nàng có vẻ vui thích.

**(Abraham Lincoln (1809 - 1865) Vị tổng thống thứ mười sáu của Hoa Kỳ từ 1960 đến 1965 đã bị ám sát bởi J W Booth, một kẻ cuồng tín muốn duy trì chế độ da đen (ctcđg)*

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bò Giang

Chương 6

Tôi dùng thời giờ buổi sáng để đi tới ba nơi. Trước hết là Trung úy Mike Dennison. Tôi phải ngồi chờ nửa tiếng đồng hồ trên một chiếc băng không mấy tiện nghi bên ngoài văn phòng nhỏ của ông ta ở 300 Đại lộ Indiana, và tôi lại càng thêm chán nản khi ông ta yêu cầu tôi ngồi trên một chiếc ghế gỗ bên cạnh cái bàn sắt của ông ta.

- Tôi có thể làm gì cho ông đây, ông Dunbar?
- Tôi thiết tưởng Trung úy có thể tự trả lời câu hỏi đó. Tôi muốn được biết một cách thỏa đáng về cái chết của em tôi.
- Ông Dunbar, tôi rất lấy làm tiếc. Tôi đã kể với ông tất cả những gì tôi có thể, và ông Dillingham đã cho ông hay về vụ nghiệm thi.
- Ông có ý kiến gì về vụ nghiệm thi? Em tôi đã tự tử hay bị kẻ khác bắn?
- Tôi không được chỉ thị xác định về chuyện này. Lúc này nội vụ đã ra ngoài phạm vi của chúng tôi. Nhưng tôi có thể nói riêng với ông rằng rất ít khi người tự tử bắn vào ngay giữa trán mình được.
- Tôi công nhận điều đó. Như thế nghĩa là ông tin rằng em tôi đã bị ám sát.
- Ông Dunbar, tôi đâu có nói như vậy.
- Tôi thấy hình như Trung úy không chịu nói gì hết. Còn vụ truy cứu lý lịch thì sao? Ông có chắc chắn đó là xác của em tôi?
- Chính ông đã nhận được chiếc nhẫn của em ông mà.
- Nhưng Trung úy biết rằng như thế vẫn chưa đủ. Còn về răng của nạn nhân?
- Chúng tôi không thể tìm ra một dấu vết nào về vụ chữa răng của em ông. Chúng tôi đã không tìm ra hồ sơ ở đâu cả.
- Dù ở trong hồ sơ của Bộ Hải Quân? Em tôi đã từng phục vụ trong ngành Thủy Quân Lục Chiến.
- Ông Dunbar, ông nên hiểu tôi đã kể cho ông nghe tất cả những gì tôi có thể. Tôi không được phép trả lời một câu hỏi nào khác. Hiện giờ tôi đã trả lời nhiều hơn quyền hạn.
- Thế thì tôi xin gặp ông Trưởng Sở Cảnh Sát.

Dennison nhìn sống tôi một cách khó chịu trong mấy giây. Miệng ông ta mím lại. Thay vì trả lời tôi ông ta nhắc điện thoại lên và quay một con số ngắn rồi nói vào máy:

- Peggy, có một ông tên Stuart Dunbar hiện ở trong văn phòng của tôi muốn gặp ông Chán. Ông Dunbar là một phóng viên. Cô xem thử ông Chánh có rảnh một vài phút hay không?

Ông ta lắng nghe một lát. Cuối cùng ông ta bảo:

- Cảm ơn cô. Để tôi đưa ông ấy lên.

Tôi chen lời:

- Và vui mừng đầy được tôi đi chỗ khác.

Ông ta không trả lời tôi, im lặng dẫn tôi đến thang máy.

Viên Trưởng Sở Cảnh Sát là một người lù đừ có mái tóc bạc phơ. Ông ta lắng nghe những giải thích của Dennison và gật đầu.

- Được rồi, Trung úy có thể trở về với công việc. Tôi giải quyết vụ này.

Dennison đi ra và đóng cửa lại. Viên Trưởng Sở quay lại nhìn tôi sau khi thấy cánh cửa đã đóng.

- Ông Dunbar, tôi rất thông cảm trường hợp của ông. Tôi lấy làm buồn tiếc về chuyện em ông. Nhưng ông phải hiểu rằng tất cả đã ra khỏi phạm vi của chúng tôi. Nội vụ đã được kết thúc.

- Các ông không thêm điều tra xem ai đã giết em tôi?

- Chúng tôi không biết chắc có phải là em ông đã bị giết hay không. Trong bất cứ trường hợp nào chúng tôi cũng không thể tiếp tục dù chúng tôi thật tâm muốn. Nó ở ngoài thẩm quyền của chúng tôi.

- Thế thì tôi mong ông trả thi hài lại cho tôi.

Ông ta lắc đầu một cách yếu ớt.

- Lúc này tử thi không còn ở nhà xác nữa. Chúng tôi đã chuyển qua Bộ Quốc Phòng từ ngày hôm qua.

Nói đoạn ông ta đứng dậy và đưa bàn tay ra. Tôi không thêm lưu ý tới chuyện bắt tay từ già, hăm hực bảo:

- Lễ lối làm việc của sở cảnh sát thật quá sức kỳ quái, không ai có thể hiểu nổi.

Tôi bước ra khỏi phòng không nói thêm một lời.

Norman Kindness là chủ bút của tờ Evening Mail, một trong ba tờ nhật báo của Hoa-thịnh đồn. Tôi đã quen sơ anh hồi anh làm thông tin viên chiến trường trong Thủy Quân Lục Chiến vào những ngày cuối cùng của Đệ Nhị Thế Chiến và có cảm tình khá nhiều với anh ta. Anh lắng nghe câu chuyện của tôi một cách kiên nhẫn, ngửa người trên lưng chiếc ghế xoay, hai bàn tay chắp lại sau đầu.

Khi tôi kể xong, anh nói ngay:

- Thật là một câu chuyện hết sức kỳ cục. Nhưng sự thực không phải như thế. Tôi không thể nhúng tay vào. Anh cũng sẽ không có đủ thời giờ để đào bới.

Để tôi nhờ Charlie Roberison, người của tôi ở Ngũ-giác-đài, thử xem sao.

Nhưng tôi e anh ta cũng sẽ không biết gì. Mình đang sống giữa một thời đại tin tức nguy tạo - chắc anh phải hiểu rõ hơn tôi về chuyện đó vì suốt ngày tôi bị giam hãm trong bốn bức tường. Chẳng biết Dillingham là con người ra sao?

- Anh ta muốn nói anh chưa từng nghe ai nhắc đến ông ta?

- Đúng thế. Anh đợi tôi một phút.
- Anh nhắc điện thoại lên và hỏi thăm Charlie Robertson.
- Charlie, anh có bao giờ nghe nhắc nhở một người tên John Dillingham?
- Ông ta có một tấm thẻ đặc biệt của Bộ Quốc Phòng, và dường như thuộc một cơ qua phản gián... Không, tôi chỉ muốn hỏi thăm vài điều về ông ta... Tôi hiểu rồi, cảm ơn Charlie. Anh cố điều tra thử và gặp tôi chiều nay nếu có gì khác lạ - sau khi báo phát hành đợt đầu.
- Anh gác điện thoại, quay sang nói với tôi:
- Chính Charlie cũng chưa từng nghe cái tên đó. Nhưng trưa nay tôi sẽ thảo luận lại với anh ta một lần nữa xem sao - trừ phi anh muốn trở lại và đích thân nói chuyện với anh ta.
- Không, chiều nay tôi phải đi Warrenton. Ngày mai tôi sẽ điện thoại cho anh trước khi trở về. Cảm ơn anh nhiều lắm.
- Đâu có gì. Ông cụ anh độ này ra sao?
- Ông ấy vẫn còn khá. Ít nhất cũng còn sống trên mười năm nữa.
- Được rồi. Anh nhớ gọi tôi trước khi về. Khoan, đợi tôi một phút! Anh còn nhớ Hạm Trưởng Jonas hay không?
- Everett Jonas. Còn chứ. Ông ta trước ở Đệ Lục Hạm Đội trên Địa Trung Hải.
- Hiện giờ ông ta đã về đây, tại Bộ Tư Lệnh hải Quân. Theo tôi biết ông ta gần như là người đứng đầu trong ngành Tình báo Hải quân. Anh hãy thử hỏi ông ta về Dillingham.
- Ý kiến hay lắm.
- Dù sao, anh nên chuẩn bị trước, để nghe nỏ. Ông ta đã nổi sùng về bài báo anh viết về ông ta đăng trên tờ Event. Tôi đã gặp ông ta trong một dạ hội ngay sau khi số báo đó phát hành. Tôi vẫn còn có thể nhớ rõ từng lời của ông ta: “Dunbar đúng là một tên chó đẻ ba đầu sáu tay, một dạ hai lòng. Y trông như một khối đá, chuyện trò như một người bạn, hành động như một người quý phái, nhưng sắc bén như dao kiếm. Y là kẻ vừa mỉm cười vừa đâm chết người ta lúc nào không hay. Nếu tôi có dịp lòi ra biển tôi sẽ cho phục hồi chiếc roi chín nút”.
- Tôi bật cười.
- Đâu có đến nổi tệ đến thế.
- Anh ráng đợi cho tới khi chính tại anh nghe.
- Dillingham đón tôi, đúng ba giờ chiều hôm ấy tại Marlyn, với một chiếc Alpine nhỏ. Ông ta lái xe về phía nam theo Đường Mười Bảy, quẹo lên Đường Mười Lăm rồi chạy vòng quanh đài kỷ niệm để qua chiếc cầu ở Đường Mười Bốn.
- Ông ta lên tiếng:
- Về Răng Vàng. Tôi rất lo ngại về tên này. Y rất nguy hiểm.

- Y là ai?
 - Tên y là Mendoza, như tôi đã nói với ông đêm hôm qua. Y hiện làm cho Oui-Dire, một tổ chức gián điệp chuyên nghiệp độc lập. Tôi không thể đoán biết được họ đang làm những gì trong dịch vụ này, và ông có thể tin chắc rằng tôi không muốn biết đến.
 - Gián điệp độc lập? Ông nói thật đấy chứ?
 - Hoàn toàn đúng đắn. Những tổ chức như thế vẫn thường có và Oui-Dire là nhóm khá nhất trong tất cả. Cái tên này theo tiếng Pháp có nghĩa là “tin đồn”, chắc ông đã thừa hiểu. Chính chúng tôi cũng có một đôi lần nhờ tới họ và họ đã hành sự khá chu đáo. Đối với giới trộm đạo, họ luôn luôn giữ tròn danh dự - có thể nói gần như một thứ đạo đức. Họ cũng không làm việc cho những khách hàng nào có thể gây ra những đụng chạm. Đó là một trường hợp rất hiếm có giữa một thời đại đầy rẫy bọn gián điệp đôi như hiện giờ, và chính vì thế thỉnh thoảng chúng tôi vẫn dùng tới họ. Nhưng họ không chịu làm bất cứ công việc gì không được trả tiền trước, và khách hàng phải ra mặt đàng hoàng. Tôi phải bỏ ít ra là một năm ròng mới mong tìm hiểu được bọn họ là những ai. Tôi đã nhất quyết nếu có dịp sẽ phanh phui cho rõ.
 - Ông có vẻ lo ngại.
 - Đúng thế. Vì vậy tôi nghĩ ông không nên trở về bằng tàu Victoria mà nên dùng máy bay. Tôi sẽ đặt một nhân viên của tôi trên tàu để canh chừng em ông. Đây là công việc của một tay chuyên nghiệp.
 - Giả sử em tôi có mặt trên tàu, mặc dầu chuyện đó không thể xảy ra được. Nhân viên của ông sẽ làm gì?
- Dillingham rời mắt khỏi chiếc cầu trong chốc lát để nhìn tôi với một vẻ hơi ngạc nhiên.
- Bắt ông ấy, chứ còn gì khác?
 - Bằng cách nào?
- Có tới mười lăm giây sau ông ta mới đáp:
- Chỉ có mỗi một cách. Chúng tôi không có lý do để đưa ông ấy trở về đây, hoặc câu lưu ông ấy ở Nữ Ước. Các ông xếp của tôi nhất định không chịu để tôi hành động theo lối này.
 - Án mạng chính thức. Tôi hiểu.
 - Cá nhân ông cũng bị liên can. Ông có thể thấy rõ nếu ông tự đặt vào địa vị của tôi. Một vụ án phản quốc sẽ gây lộn xộn, dù cho nhu cầu an ninh không quan trọng đến mức độ biến nội vụ thành nguy hiểm. Dunbar, ông chớ nên nghĩ bậy. Án mạng chính thức, như danh từ ông vừa dùng, quả thật sẽ phá hủy bí mật đối với chúng tôi, nhưng nó còn khiến cho chắc chắn không một ai khác khai thác được tim óc của em ông.
- Ông ta quay sang nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên trong lúc ông ta quẹo xe vào con đường chạy về ngã Phi Trường Quốc Gia. Rồi ông ta phàn nàn:

- Trời ơi, không hiểu vì sao tôi lại nói chuyện với ông theo lối đó! Không chừng tôi sẽ mất chức chỉ vì lo ngại cho ông. Bộ mặt hốc hác của ông có gì đặc biệt khiến tôi sinh ra kỳ lạ như thế này? Tôi đâu có làm cho ông lên tinh thần được.

Tôi bảo:

- Được rồi, thế thì tôi sẽ đáp tàu Victoria. Tôi phải cố tìm cách nói chuyện với Ted về những gì Ted đang làm, để cứu em tôi - nếu quả thật Ted có mặt trên tàu, điều mà ông đã biết là tôi không bao giờ tin.

Ông ta thở dài:

- Dunbar, ông là một con người bướng bỉnh, và thích những chuyện rắc rối. Nhưng thế cũng được. Dù sao nhân viên của tôi cũng phải đi. Lẽ tất nhiên, tôi sẽ không nói rõ với ông anh ta là ai, nhưng tôi sẽ cho ông biết một cách để bắt liên lạc với anh ta nếu ông thành công trong cuộc nói chuyện phải trái với em ông. Đây.

Ông ta thịch bàn tay tự do vào túi áo choàng và đưa cho tôi một chiếc hộp nhỏ. Tôi liền mở hộp ra. Một tấm huy chương bằng kim loại thuộc ngành Hải Quân lấp lánh sáng trước mắt tôi trong ánh nắng chiều.

Ông ta nói:

- Tôi biết ông không bao giờ chịu mang những thứ này, nhưng ông cứ đem theo trong mình. Nếu ông muốn bắt liên lạc với nhân viên của tôi trên tàu Victoria, và kể cho ông ta nghe là ông đã hoàn thành được việc gì, ông hãy mang nó lên ngực. Anh ta sẽ liên lạc với ông ngay tức khắc. Nhưng ông cần nhớ, chỉ khi nào ông hoàn thành được chuyện gì. Nếu không tôi không muốn anh ta bị bại lộ tung tích. Tôi có đầy đủ lý do để tin chắc anh ta vẫn chưa bị tổ chức Qui-Dire biết mặt, nhưng tôi không rõ có phải chính tổ chức này hay là một tổ chức khác đang nhúng tay vào nội vụ. Nếu ông mang cái này, nhân viên của tôi sẽ tự xưng danh với ông bằng cách bảo: “ Ngày hôm nay thật là tốt cho lũ vịt trời”.

Tôi liền bảo:

- Ông làm tôi có cảm tưởng mình như một con dế bị đem trói ngoài rừng trống để dụ cọp.

Ông ta bật cười không có chút vui vẻ.

- Quả thật ông chỉ thích nói những lời tàn nhẫn.

Người đàn ông còn trẻ trong văn phòng hãng Hàng Không Đông Phương lấy tập giấy ghi chú Dillingham hỏi và đặt lên bàn.

Dillingham giới thiệu:

- Đây là Ông Dunbar. Tôi nhờ anh đưa cho ông ấy xem qua tấm phiếu do ông Edward Dunbar ký vào sáng Thứ Tư vừa qua.

- Kính chào ông Dunbar. Đây là tấm phiếu của ông Edward Dunbar.

Tôi chăm chú nhìn tấm giấy nhỏ màu vàng mà anh ta đưa cho tôi xem. Tên

của Ted được viết rõ ràng trên đó bằng bút nguyên tử, nhưng không có một điểm gì đặc biệt. Từ hồi còn đi học tới giờ tôi không hề để ý nhìn nét chữ in của Ted. Tôi liền lắc đầu với Dillingham.

Ông ta nói ngay:

- Tôi đã nghĩ trước ông sẽ không nhận ra. Chúng tôi đã thử so sánh chữ viết trên tấm phiếu này với chữ trên những họa đồ của ông ấy nhưng vẫn không thấy khác lạ. Tuy nhiên, bởi vì ông không tin, ông hãy để cho Ông Garnet kể lại vì sao ông ấy quả quyết người đó chính là em ông.

- Vâng, thưa Ông Dunbar, đúng như lời tôi đã trình bày với Ông Dillingham, đó là một ngày khác với lệ thường. Buổi sáng hôm ấy tôi đứng giữ cửa bởi vì có một nhân viên bị bệnh cúm không đi làm được, và tôi phụ trách việc thu phiếu. Nhưng cái lý do khiến tôi nhớ hết sức kỹ là vì Ông Dunbar là một hành khách vô cùng đặc biệt. Tôi chắc các ông đều biết hệ thống bay của chúng tôi hoạt động như thế nào. Khởi cần phải giữ chỗ trước, chúng tôi luôn luôn thỏa mãn bảo đảm bất cứ ai, dù chúng tôi phải sử dụng một chiếc phi cơ khác để chỉ chở một hành khách duy nhất. Và đó là trường hợp xảy ra hôm Thứ Tư. Ông Dunbar đã bay qua Nữ Ước một mình với phi hành đoàn gồm một viên đại úy phụ tá phi công và hai nữ chiêu đãi viên hàng không. Tôi không thể nào quên được chuyện ấy.

- Tại sao ông biết chắc đó là ông Edward Dunbar chứ không phải là một người nào khác?

- Thì tên ông ấy ghi rõ ràng trên tấm phiếu. Ồ, tôi hiểu ý ông rồi. Ông Dillingham đã đưa cho tôi xem tấm hình của Ông Dunbar và tôi đã nhận ra đúng là ông ấy.

Dillingham lên tiến:

- Tấm này.

Nói đoạn ông ta đưa cho tôi một tấm hình khổ nhỏ kiểu căn cước của Ted. Trong hình Ted mặc chiếc áo choàng bằng vải len hiệu Harris mà tôi vẫn còn nhớ Tea đã mua ở Luân Đôn, và một cái cà-vạt mà tôi cũng nhớ rõ, với một quả cầu và mỏ neo bằng vàng. Tôi ngược mắt nhìn Garnet.

Anh ta gật đầu.

- Đúng là người này. Tôi lại còn nhớ ông ấy đội một chiếc mũ vàng và mang một cặp kiềng đen. Ngoài ra hình như ông ấy đau răng, vì tôi thấy hàm ông ấy sưng vù lên.

Tôi liền bảo:

- Ted không bao giờ đội mũ, kể từ khi ra khỏi Hải Quân.

Dillingham nhìn Garnet một cách sắt bén.

- Ông không hề kể cho tôi nghe về vụ đau răng.

- Chắc tại tôi quên. Nhưng trông ông ấy vẫn bình thường. Ông ấy giữ một chiếc khăn tay sát mặt, và phảng phất một mùi y hệt thứ thuốc mình vẫn

dùng mỗi khi đau răng. Dillingham đáp một cách yếu ớt.

- Wintergreen.

Tôi nói:

- Lời xác nhận của Ông Garnet không có gì đáng giá ngoại trừ chiếc áo choàng và cái cà-vạt.

- Vâng, tôi hiểu. Bây giờ mình có thể cáo từ. Dù sao chúng tôi cũng xin cảm ơn Ông Garnet.

Ông ta không nói gì nữa cho tới lúc thả tôi xuống khách sạn Marlyn. Rồi ông ta quay lại nhìn tôi.

- Tôi đã giữ chỗ cho ông trên chiếc Victoria. Hay đúng hơn cô Frances, nữ thư ký của tôi đã giữ giùm. Ông sẽ ở phòng M-31. Đó là một phòng có hai loại tốt nhất mà chúng tôi có thể giữ được vào lúc cận ngày như thế này. Hai anh em Ménard ở hai phòng đặc biệt cách ông hai căn về phía sau tay lái bên tay mặt. Cô gái ở phòng M-39-41 và ông anh cô ta ở phòng M-43-45. Quá sang. Hai phòng đặc biệt này ở phía tay phải tức là phía có ánh nắng rọi ấm hơn các chỗ khác, vào mùa này thì số một.

- Còn Ted?

- Ông ấy đã ghi tên giữ phòng M-43-45 tức là phòng đặc biệt của Jacques de Ménard. Mặc dầu có lời khai của anh chàng Garnet đó, tôi vẫn không thể không nghi ngờ về sự thực hiện nhiên chúng tỏ em ông đã đi Nữ Ước và sẽ có mặt trên tàu.

Tôi bảo:

- Tôi thì vẫn không bao giờ tin được chuyện đó. Nhưng tôi sẽ cố khám phá cho rõ sự thật.

Ông ta đưa bàn tay ra và tôi bắt lấy.

- Dunbar, chúc ông may mắn. Có lẽ ông cần nhiều may mắn trong những ngày sắp tới. Ông hãy nhớ tấm Hải Quân Bội Tinh.

- Cảm ơn ông.

Nói đoạn, tôi bước ra khỏi chiếc Alpine và nhìn ông ta lái xe chạy đi.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bò Giang

Chương 7

Tôi cho gửi hành lý của tôi đến Câu Lạc Bộ Quân Đội và Hải Quân, nơi tôi đã xin gia nhập với tư cách một hội viên không có trú sở nhất định. Thật khó có thể tin được tôi vừa mới trở về Hoa thịnh đốn chỉ một ngày đêm. Tôi dọn đến một căn phòng trong ra phía trên Farragut Square và bức tượng của vị Đô Đốc với những khẩu súng cối bao bọc chung quanh. Tôi buồn cười nhận thấy tất cả những bức tượng các vị anh hùng của Hợp Chúng Quốc đều xoay mặt về phương Nam, như cương quyết thách đố kẻ thù xưa! Tôi không đến nỗi lo ngại quá nhiều về việc tự đề phòng cho bản thân trong những trường hợp bình thường, nhưng tôi vẫn hành động một cách dè dặt tựa hồ mình đang sống trong một thế giới xa lạ. Bỗng nhiên tôi hồi tưởng những ngày đầu tiên trên bờ biển ở Guadalcanal, khi rừng sâu hoàn toàn xa lạ, đầy đe dọa và kẻ thù gần như vô hình.

Trong lúc tôi ghi tên vào sổ ở bàn giấy của Câu Lạc Bộ, tôi hỏi viên thư ký về số điện thoại của Đề Đốc Everett Jonas. Tôi không chắc ông ta còn nhớ tôi. Tôi đã ở Đề Lục Hạm Đội cách đây tới hai năm.

Ông ta gào lên trong điện thoại:

- Tôi làm sao có thể quên anh được? Anh đã viết trong bào báo của anh rằng tôi là người xuất sắc. Anh đúng là một tên phản bội!
- Nhưng quả thật như thế mà. Đề Đốc là vị sĩ quan hải quân duy nhất có thể trích đọc những đoạn văn thơ khó hiểu của Shakespeare. Đúng là “một kẻ vừa mỉm cười vừa đâm chết người ta lúc nào không hay”.
- Thì ra anh đã nghe biệt danh tôi dùng để gọi anh. Anh đã làm hư hỏng sự nghiệp của tôi. Anh cũng như tôi đều biết rằng Hải Quân không thể chịu nổi những người xuất sắc. Tôi đã hết sức khôn khéo mới ẩn thân được cho tới ngày anh bắt thần đến. Anh đã kéo tôi trở lại mười năm, khiến tôi dính chặt vào chiếc ghế xoay này. Tôi đang hận anh đây!
- Như vậy kể từ ngày tôi còn thiếu nợ Đề Đốc. Tôi có thể mời Đề Đốc một bữa cơm trưa để chuộc tội?
- Ngày mai thì được, nếu bữa ăn không kéo dài. Tôi phải đi thuyết trình đúng một giờ rưỡi chiều.
- Chắc không trễ đâu. Đề Đốc có thể đến Câu Lạc Bộ đúng mười hai giờ trưa?
- Tôi sẽ đến đúng giờ hẹn.

Tôi nhận ra ông một cách dễ dàng trong lúc ông bước qua ngưỡng cửa căn phòng ăn rộng lớn dành riêng cho các hội viên và ông cũng nhìn thấy tôi ngay ở bên cạnh cửa sổ. Ông ra dấu cho viên quản lý tránh xa và tiến nhanh về phía tôi. Vừa siết tay tôi, ông vừa ngồi xuống và lên tiếng trước:

- Chào anh Stuart. Tôi không nói đầu với anh về mối ác cảm của tôi đối với anh đâu. Anh có thể gọi cho tôi hai ly Martini.

Tôi đáp:

- Dù sao, tôi cũng rất vui mừng có dịp gặp lại Đề Đốc.

Tôi gọi cô gái mặc đồng phục của Câu lạc bộ đang đi qua gần bàn, và đặt món ăn cùng thức uống. Chúng tôi nhắc lại những mẫu chuyện xưa ở Địa Trung Hải cho đến khi một cô gái khác mang rượu và thức ăn đến.

Lúc bấy giờ tôi mới vào đề:

- Tôi không muốn làm mất quá nhiều thì giờ của Đề Đốc. Nhưng tôi muốn hỏi Đề Đốc có biết gì về một người tên John Dillingham.

Ông chăm chú nhìn tôi có tới mười giây, với đôi mắt mở rộng. Ông cao lớn không kém gì Arleigh Burke, mắt xanh và mặt hồng hào, lúc này trông thật là nguy hiểm.

Cuối cùng ông nói:

- Anh không thể viết chuyện ông ấy.

- Vậy nghĩa là Đề Đốc biết ông ấy. Ông ấy bí mật đến thế hay sao?

- Dunbar, anh thật là quỷ quái, anh lại gài cho tôi phải thừa nhận một chuyện. Dù đó là một điều cấm tiết lộ, tôi đã lỡ trả lời anh.

- Tôi đã được nhìn nhận là người đáng tin cậy, có giấy tờ chứng minh hẳn hoi.

- Nhưng vẫn chưa tới mức độ được quyền nghĩ đến chuyện đó. Nhưng căn cứ vào đâu mà anh nghĩ tôi biết được ông ấy? Anh biết rõ tôi biết?

- Tôi gật đầu:

- Bây giờ tôi mới biết. Tôi không có ý định viết chuyện ông ấy đâu. Tôi chỉ muốn tìm hiểu ông ấy có thật hay không... và có đáng tin cậy hay không.

- Ông ấy có thật. Và anh có thể tin được ông ấy. Bây giờ anh đừng hỏi tôi thêm một câu nào nữa. Tôi muốn thưởng thức bữa ăn trưa một cách đích đáng.

- Tôi chỉ xin hỏi thêm một câu nữa thôi. Tôi sắp sửa đi Southampton bằng tàu Queen Victoria vào ngày thứ hai, và...

- Thú quá nhỉ! Không phải canh gác, hoặc là ỉn núp, không phải đề phòng những cuộc oanh tạc. Chỉ có ngủ và ăn.

- Và không có điện thoại. Thú thật! Đề Đốc có thể cho tôi biết đôi thủ hiện của Đề Đốc ở Bộ Tư Lệnh?

- Ông nói ngay:

- Tôi không tin có người muốn tranh dành với tôi. Anh gặp chuyện gì lôi

thôi vậy, Stuart? Thôi, anh đừng kể cho tôi nghe. Để cho tôi được yên thân.

- Đáng tiếc quá. Gia đình Đề Đốc vẫn được bình yên?

Sau đó tôi đổi đề tài. Ông cứ xem đồng hồ tay mãi đến một giờ mười lăm.

Rồi ông cuộn tròn chiếc khăn ăn lại và để lên mặt bàn bên cạnh tách cà phê.

- Stuart, bây giờ tôi phải đi. Cảm ơn anh về bữa ăn trưa. Gặp lại anh tôi vui lắm.

Ông đứng dậy bắt tay tôi và nói tiếp:

- Người đàn ông hoàng nhất tôi quen biết ở Luân đôn là Andrews, Đại úy thuộc Hải Quân Hoàng Gia. Ông ấy hiện ở Bộ Tư Lệnh. Anh có thể nói với ông ta chính tôi đã giới thiệu anh đến. Cũng như với tôi, anh nên cho ông ta biết trước khi anh đến gặp ông ta.

- Tôi xin cảm ơn Đề Đốc. Có lẽ tôi không cần phải quấy rầy ông ấy, nhưng tôi muốn tìm hiểu.

- Dunbar, anh đúng là một tên điên. Mong anh ráng giữ mình.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bò Giang

Phần II - Chương 1

LẮNG NGHE

TÔI trả tiền taxi ở cuối đường 50 gần lối vào cầu tàu 90 trên sông Hudson. Mùi nước biển và dầu cặn trong phút chốc đưa tôi trở về với Trân Châu Cảng và Ford Island. Ở phòng kiểm soát di trú gần cầu phao về phía chiếc Queen Victoria, một tiếp đãi viên của bến tàu cunard lấy hành lý của tôi khỏi tay người phu vác, và bảo tôi:

_ Thưa ông, để tôi xách cho, vì từ đây lên tàu là phận sự của tôi.

Nhân viên hãng tàu kiểm tra vé và sổ thông hành của tôi rồi đưa cho tôi những mẫu giấy khai báo. Phòng tôi mang số M-31 ở mút hành lang phía tay phải. Cửa phòng đang mở sẵn và một gã bồi tàu có thân hình nhỏ như một con chim đang loay hoay giữa đống hành lý bên cạnh cửa. Anh ta đứng thẳng lên khi trông thấy tôi.

Tôi hỏi;

_ Có phải anh là tiếp đãi viên của tôi, phòng M-31?

_ Dạ phải. Thưa ông, tên tôi là Err. Ông có cần tôi giúp việc gì không?

_ Hiện giờ thì chưa, nhưng anh nhớ mang trà cho tôi mỗi buổi sáng vào lúc bảy giờ.

_ Dạ tôi sẽ nhớ. Thưa ông trà thật đậm hay loại thường?

_ Loại thường thôi. Anh cũng phụ trách các phòng từ M-39 tới M-45 phải không?

_ Dạ phải, Daisy và tôi phụ trách các phòng phía mũi tàu.

_ Tôi sẽ không cần tới Daisy. Lần này không có vợ tôi đi theo.

_ Ông là ông Dunbar. Tôi còn nhớ ông và bà nhà - để tôi cố nhớ rõ lại, có phải 6 năm rồi?

_ Phải, đúng vậy. Anh có trí nhớ rất tốt. Vợ tôi đã từ trần.

Tôi bước chân vào phòng với kỉ niệm tràn đầy trong tâm trí. Tôi hình như còn trông thấy chiếc áo ngủ màu trắng của Martha liệng trên giường bên cạnh đệm cuối cùng của chúng tôi trên tàu trong chuyến vượt biển đầu tiên sau ngày chúng tôi thành hôn. Tôi hình như còn nghe được tiếng nàng đang hát trong phòng tắm sau lưng tôi. Martha đã từ trần một năm sau, sau một tai nạn phi cơ của hãng hàng không Anh gần Athens, giữa lúc nàng đang bay đi gặp tôi khi tôi trở về sau một chuyến công tác bên Ai Cập. Đã gần bảy năm trôi qua, thế mà hình ảnh chiếc áo ngủ vẫn còn khiến cổ tôi nghẹn ngào đau buốt mỗi lần tôi hồi tưởng.

Err bước theo sau lưng tôi.

_ Thưa ông hành lý của ông đã có đủ rồi. Nếu ông muốn, tôi sẽ mở cái túi lớn này và treo lên cho ông. Còn các đồ đạc khác tôi sẽ tháo mở sau.

_ Anh khỏi phải tháo mở gì hết. Tôi thích tự làm lấy. Tôi định đi lên phòng ngoạn cảnh uống một ly rượu, không biết trên đó đã mở cửa chưa?

_ Thưa ông, mở rồi. Tôi trông thấy George đang sửa soạn khi tôi xuống đây.

_ Hành khách sẽ ăn trưa trên tàu chứ?

_ Thưa ông, đúng thế.

Tôi là hành khách duy nhất trong phòng ngoạn cảnh. Tôi ngồi trên một chiếc ghế đầu ở quây. Trước sự kinh ngạc, viên quản lý vẫn còn nhớ tôi. George vẫn mang dây huy chương Đế Nhị Thế Chiến trên bộ y phục của tiếp đãi viên.

_ Thưa ông, lần này ông có muốn tôi duyệt qua danh sách hành khách cho ông?

_ Dĩ nhiên là có. George, anh hãy khởi sự từ bây giờ, cần nhất phải kín đáo và kỹ lưỡng.

_ Ông có biết tàu đã bắt đầu nhổ neo?

_ Cám ơn anh. Tôi nên xuống lấy chiếc áo cấp cứu.

Tôi sắp sửa đứng lên rời khỏi chiếc ghế đầu, nhưng tôi đã ngừng lại và ngoảnh lui khi tôi cảm thấy có ai đụng nhẹ vào cánh tay tôi. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt màu khói lam của Monique de Ménard, và chợt sao xuyên trong lòng. Bất cứ lúc nào trông thấy đôi mắt củ nàng, tôi lại không khỏi bối rối. Vừa quay lui đã trông thấy một cách bất ngờ khiến tôi phải giật mình.

Nàng lên tiếng:

_ Kính chào ông Dunbar. Tôi hi vọng ông không vội bỏ đi trước khi tôi được mời ông một ly rượu.

_ Kính chào cô. Tôi định lấy chiếc áo cấp cứu. George cho hy trước bữa cơm trưa sẽ có cuộc thao diễn cho hành khách phòng lúc tàu ngộ nạn. Để tôi lấy luôn áo của cô nhân thể? Theo tôi biết mình cùng ở chung hành lang.

Tôi trở về trước nàng. Tôi lấy một bàn trông ra phía cửa và say sưa ngắm nàng bước từng bước dài khoan thai trong lúc nàng trở lại với chiếc áo cấp cứu trên tay. Đó là một nét duyên dáng tự nhiên không phải bất cứ người đàn bà nào cũng có được, ngay cả những cô gái kiều mầu thời trang cung rất ít người có dáng đi này. Nàng ngồi xuống như lúc nàng ngồi trong nhà của Ted mà tôi vẫn còn nhớ rõ, một cách thẳng thắn, không hề nghiêng mình.

_ Chắc cô đã từng làm người mẫu?

_ Tôi xin cảm ơn ông về lời khen bóng gió đó. Ông căn cứ vào đâu mà nghĩ như vậy?

_ Theo cách cô bước đi. Theo cách cô ngồi xuống.

_ Ông quan sát tinh tế quá.

_ Đây chỉ là một vấn đề nghề nghiệp. Tôi là một ký giả.

_ Thế thì lời khen của tôi trở nên vô duyên mất rồi. Nhưng ông đã đoán rất đúng, tôi đã từng làm người mẫu một thời gian, trước khi tôi quá già không còn thích hợp với nghề đó nữa.

Nàng bật cười khi trông thấy tôi nhếch mày, rồi nói tiếp:

_ Ô thật mà! Tôi đã hai mươi tám, và như thế là quá già. Nhưng tôi xin cảm ơn ông đã tỏ vẻ hoàn toàn nghi ngờ. Đó cũng là một cách khen vô cùng tế nhị.

Tôi vẫn nhìn nàng với tất cả thích thú trong lúc bảo:

_ Bất cứ ai cũng có nhận xét như tôi.

Đoạn tôi đột ngột hỏi:

_ Anh cô có được khoẻ không?

Nàng do dự một lát rồi trả lời. Nàng nói:

_ Không khoẻ lắm. Anh ý bị đánh trên đầu, ở phía sau, hơi chệch về bên trái. Vì thế anh ấy gần như mất thăng bằng. Đó là một điều hết sức xui xẻo, nhất là vì Jacques luôn luôn say sóng mỗi khi đi tàu.

_ Vị bác sĩ điều trị trên tàu săn sóc sức khoẻ cho ông ấy?

_ Không, anh ấy không chịu. Anh ấy nhất thiết đợi gặp bác sĩ riêng của anh ấy ở Ba-lê. Nhưng chắc chắn anh tôi sẽ qua khỏi. Anh ý đã đi tàu như thế này nhiều lần rồi.

_ Và cô cũng vậy?

Nàng mỉm cười với tôi, không hé môi. Nàng nghiêng mình về phía trước để dụi tắt điều thuốc lá. Tôi không thể không để ý thấy, trong lúc nàng cử động, chiếc áo lụa trắng của nàng lay chuyển tựa hồ hai gò ngực của nàng đang bị giam hãm bên dưới. Cử động tuy nhẹ nhàng mà lại hàm súc biết bao mê đắm. Nhưng nàng chưa kịp trả lời thì chuông reo báo hiệu cuộc thực tập trên tàu sắp bắt đầu. Nàng uống cạn cốc rượu của nàng rồi đặt xuống, và bảo tôi:

_ Chắc mình phải đi ngay bây giờ. Theo tôi biết ông và tôi sẽ ngồi chung bàn trong phòng ăn. Tôi sẽ gặp lại ông trong bữa cơm trưa.

Tôi ngạc nhiên không hiểu sao nàng biết được. Chính tôi còn chưa ghé trưởng ban tiếp đãi để hỏi thăm về vụ đặt bàn ăn.

Tôi hỏi nàng:

_ Cô vui lòng uống với tôi một ly trước bữa tối? Chắc trước bữa trưa không thể nào có thì giờ được.

_ Cảm ơn ông. Tôi xin nhận lời. Vào mấy giờ?

_ Sáu giờ. Tại đây.

_ Tôi sẽ lên đây.

Nói đoạn, nàng mỉm cười và bước đi, đang đưa chiếc áo cấp cứu tựa hồ đó là một chiếc áo choàng mang theo mình cho có lệ. Tôi uống cạn ly bia và đi cùng nàng.

Cửa Địa Ngục

Chương 2

TÔI chỉ trông thấy Monique từ xa trong cuộc thao diễn. Nàng xuất hiện khá nhiều nơi, luôn bước song song với người đàn ông có vẻ nổi bật trong đám đông. Chắc hẳn nàng quen biết với người này, bởi vì ông ta cúi người xuống và nói chuyện với nàng một cách đứng đắn. Ông ta khoảng 55; 60 tuổi. Đầu ông ta hoàn toàn sọc. Những người sọc đầu thường vẫn có một chút tóc ở hai bên thái dương và sau gáy nhưng ông ta thì quả thực không có một sợi tóc nào cả. Tuy nhiên ông ta là một nười bảnh trai. Ông ta có một khuôn mặt dài và hẹp, với 2 thái dương lõm vào, và luôn luôn phảng phất một nụ cười gần như chế giễu. Khi vị sỹ quan phụ trách nhóm hỏi thăm Jacques, chính người đàn ông đã trả lời thay cho Monique.

Ông ta bảo:

— Ông Ménard đau, phải ở trong phòng. Một tai nạn nhẹ, trên bãi biển.

Chúng tôi đã xin cho ông ấy được miên thao diễn.

Tôi lại nhìn ông ta, ngạc nhiên vì lối xưng hô "chúng tôi" của ông ta.

Viên sỹ quan tiếp tục giảng giải. Tôi ngắm cảnh lưu thông của bến tàu và tượng NỮ Thần Tự do lướt qua cho đến khi khuất dạng.

Trở về phòng tôi bắt gặp Err đang soạn đồ cho tôi gần xong mặc dù tôi đã bảo anh ta khỏi cần làm.

Tôi nói:

— Err, anh cho tôi biết ai ở phòng M-43 và 45, bên cạnh phòng cô Ménard.

Tôi chưa kịp xem danh sách các hành khách.

— Thưa ông theo tôi biết, đó là người anh trai của cô ấy.

— Anh đã trông thấy anh ta?

— Thưa ông, đã, nhưng không đúng là thấy. Ông băng kín đầu từ cổ trở lên.

Thật ra tôi chỉ trông thấy hai lỗ mắt.

— Hừm. Có phải căn phòng đó trước kia do người khác giữ chỗ?

— Thưa ông thật tình tôi không biết.

Tôi hỏi cô gái trong phòng lương thực và được cô ta cho hay:

— Thưa ông, đúng thế. Có một ông tên Edward Dunbar đã giữ phòng đó, cùng với ông Ménard, nhưng ông ấy đã xin huỷ bỏ vào giờ phút cuối, và cô em gái của ông Ménard cho hay ông ấy chỉ đi một mình vì bị bệnh.

— Tôi dừng lại ở cửa phòng ăn và nói chuyện với viên quản lý. Anh ta cúi mặt, chỉ hơi nhướng mắt nhìn tôi khiến cho bộ mặt nghiêm nghị của anh ta có vẻ ngạo mạn.

Ông Dunbar, ông được sắp ngồi chung bàn với ông Kỹ sư trưởng. Trừ phi ông muốn ngồi riêng một bàn.

— Không, như thế là tuyệt lắm rồi. Cảm ơn anh đã sắp xếp cho tôi. Tôi đã quên phức đi.

— Thưa ông, có gì đâu mà ông cảm ơn. Một ông Đại úy tên Anson đã đặt chỗ cho ông, và ông ấy cũng ngồi cùng bàn. Có lẽ lúc này ông ấy đã đến đó rồi. Ngoài trừ viên kỹ sư trưởng, tất cả mọi người đã ngồi vào bàn khi tôi tới nơi. Tôi biết đây không phải là lần đầu tiên ông ta không hiện diện trong giờ ăn trưa. Ông ta luôn luôn bận rộn những khi tàu khởi hành và chạy trên con kênh The Narrows.

Monique ngồi bên phải một chiếc ghế hãy còn trống chắc hẳn dành cho tôi. Ghế của viên kỹ sư trưởng ở bên trái của tôi, người đàn ông sói đầu ngồi bên tay mặt của nàng. Khi tôi bước tới tất cả mọi người ngoại trừ Monique cùng đứng lên.

Người đàn ông sói đầu tự giới thiệu là đại úy Howard Anson, thuộc Bộ Hải Quân. Bên phải ông ta là Martin Allen, Một tay mại bản ở Nữ Ước. Người ngồi

bên phải ông ta, đã khá lớn tuổi, là Alexander Macinnes một kỹ sư về hưu. Mái tóc ông ta bạc phơ cang làm nổi bật khuôn mặt xương có nước da hồng hào.

Anson nói với Monique:

— Theo tôi hiểu thì cô và ông Dunbar đã quen biết nhau rồi.

Ông ta chăm chú nhìn tôi, đôi lông mày trắng hơi nhếch lên. Trong giọng nói của ông ta hình như có một vẻ bất mãn, khiến tôi không khỏi tức giận. Nàng đáp:

— Ông Dunbar và tôi gặp nhau qua một lần ở Hoa thịnh đốn.

Tôi liền bảo:

— Trong một dạ hội ngoại giao, giữa đám đông huyền náo chung quanh quầy rượu. Tôi vô cùng ngạc nhiên không ngờ cô ấy còn nhớ được tên tôi sau một dạ tiệc ồn ào đến thế.

Nàng mỉm cười với tôi trong lúc chúng tôi cùng ngồi xuống. Tôi có cảm tưởng nàng thầm cảm ơn tôi về lời nói dối nhỏ bé đó, và thắc mắc không hiểu tại sao.

Anson lại nói:

— Ông Dunbar, hình như ông cũng ở trong Hải Quân?

Tôi trả lời vắn tắt:

— Vâng, Thủy Quân Lục Chiến.

Tôi không dẫn được ác cảm với ông ta và tôi nghĩ rằng có lẽ một phần lớn vì ông ta đã tỏ ra đặc biệt quan tâm tới Monique. Ông ta gật đầu một cách lơ

đăng Và quay về tiếp tục nói chuyện với Martin Allen. Monique quay sang tôi.

_ Tôi đã định kể cho ông nghe trước khi ăn trưa, Nhưng tiếng chuông đã gây gián đoạn. Anh Jacques tôi đã không gặp được em của ông ở hãng RIEC. Anh ấy kể với tôi rằng em của ông đã đi xa.

Tôi gật đầu.

_ Vâng. Nhất định đó là một chuyến đi bất thành linh. Ngay cả tôi cũng không gặp được Ted.

_ Thật quá sức khủng khiếp. Ông đã bỏ công lao từ Lôn đôn sang đây chỉ để thăm em của ông?

_ Không đúng hẳn. Ba tôi bị bệnh. Nhưng người em gái của tôi đã từ Cự kim Sơn đến ở với ông ấy. Hình như cô đã nói cô có quen biết Laura?

_ Chúng tôi đã gặp nhau ở Cự kim sơn. Chồng bà ấy là một trong những luật sư của anh tôi.

Câu chuyện ở bàn ăn sau đó chỉ có tính tổng quát như bao nhiêu người khác gặp nhau lần đầu trong một bữa cơm. Tôi chỉ trao đổi những câu ngắn với Monique.

Lúc 6h30 chiều hôm ấy nàng bước vào phòng ngoạn cảnh với dáng đi uyển chuyển một cách tự nhiên và chiếc đầu luôn giữ vẻ kiêu hãnh của nàng. Nàng mặc một chiếc áo trắng óng ánh bạc dài gần phết gót. Mái tóc đen của nàng buông lơi phía sau, chỉ thắt lại một cách đơn sơ ngang gáy. Kiểu tóc này quả thật rất thích hợp với khuôn mặt của nàng. Nàng mỉm nụ cười không hé môi của nàng trong lúc nàng tiến tới bàn.

_ Chào Stuart.

Vừa nói nàng vừa đưa bàn tay ra cho tôi. Tôi để ý lần đầu tiên nàng gọi tôi bằng tên đầu và tôi hết sức vui thú. Tôi bắt chước nàng trong việc gọi tên.

_ Chào Monique. tôi thấy cô giống hệt một nhân vật trong chuyên tiên của Andersen.

_ Tôi hi vọng không phải là nữ hoàng tuyết. Trông ông cũng khá bảnh trai đấy chứ. Tôi thích ông mặc dạ phục. Hình như tôi đã nói với ông trông ông hơi giống...

_ Vâng, cô đã bảo tôi giống Angus Ogilvie. Nhiều người quen biết thường gọi là mặt đá.

_ Vô lý! Khuôn mặt của ông nhiều khi thật sống động.

George đem Martini đến cho chúng tôi và chúng tôi cùng nâng nhẹ ly chúc mừng nhau trong im lặng. Sau khi chúng tôi uống một hớp rượu, tôi mới lại lên tiếng hỏi nàng:

_ Cô có thể cho tôi biết cô đã quen Đại úy Anson bao lâu?

Nàng nhìn thẳng tôi với đôi mắt mở rộng một lúc rồi đáp:

_ Chúng tôi mới quen trong cuộc thao diễn. Tại sao anh hỏi vậy?

_ Không có lý do gì đặc biệt. Thấy cô và ông ta trò chuyện, tôi cứ tưởng hai người đã quen biết nhau từ lâu lắm. Cô nghĩ sao về ông ta? Có phải ông ta quả thật chỉ là một sỹ quan hải quân hưu trí?

_ Thật tình tôi không biết nhiều về ông ấy. Tôi chỉ nghe nói ông ấy thươngngf làm chủ tịch một tổ chức kỳ dị có tên tương tự Atlantic Union hoặc Union Now một tổ chức nhằm mục đích hoà bình.

_ Có phải tổ chức đó tên là Oui-Die?

Nàng bỗng ngược lên nhìn tôi. Bộ mặt của nàng có vẻ bối rối.

_ Oui-Die? Không chắc không phải. Chữ đó theo Pháp ngữ có nghĩa "tin đồn".

_ Vâng, tôi tưởng cô có thể hiểu, vì đó là tiếng Pháp.

_ Nhưng không cần thiết, nó

Nàng đột nhiên dừng nói và nhìn quanh tìm George. Anh ta bắt gấu ánh mắt của nàng liền tiến tới gần bàn:

_ Cô Menard, có phải cô cần thêm một nửa Ly Hex-ametr?

Nàng vỗ tay một cách thích thú, bỗng nhiên trông giống như một cô bé con.

_ Ô George, anh vẫn còn nhớ được thì hay quá.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

_ Hexameter?

George mỉm cười.

_ Đó là cái tên do cô Menard đã đặt ra để gọi thứ martini nguyên chất pha với vỏ chanh.

Trông anh ta khoan khoái tựa hồ sẵn sàng đem Phi Châu Bội Tinh của anh ta tặng lại cho nàng.

Nàng nói với tôi:

_ Vì âm điệu, một ly martini nguyên chất với vỏ chanh không khác một câu thơ lục ngôn tuyệt diệu.

_ hoặc Alexandrine, nếu cô là người Pháp.

_ Không, chỗ ngắt hơi trong loại thơ Alexandrine không hoàn toàn giống loại Hexameter.

Thấy nàng mỗi lúc một đi xa đề tôi nhắc lại:

_ Ban này cô định nói gì về Oui-Dire?

_ Tôi định nói chuyện gì sao? Tôi không nhớ. Chắc hẳn chuyện cũng không quan trọng bao nhiêu. Vả lại, ông đã hỏi tôi quá nhiều rồi. bây giờ tới phiên tôi chứ. Ông hãy kể về cuộc đời của ông đi.

_ Chẳng có gì đáng kể. Một cuộc đời rất yên tĩnh, trừ chiến tranh và đều đã xưa lắm rồi.

_ Chắc ai cũng nghĩ ông là người Anh, ông chỉ thích nghe người khác kể chuyện.

_ Tổ tiên tôi tất cả đều là người Tô cách lan. Nhưng tôi thấy rằng người Tô

cách lan còn kín miệng hơn người Anh nữa. Họ rất ít nói, luôn ngậm miệng ngay cả khi cần phải nói.

_ Ông đang cố tình nói lảng sang chuyện khác. Cũng được, tôi sẽ có cách làm cho ông phải kể hết trước khi mình đến Southampton.

_ Southampton? Tôi tưởng cô đi Le Havre chứ.

_ Tôi muốn thăm mấy người anh chị họ ở Anh. Rồi sau đó mới đi Pháp. Nhưng tôi đang cố thuyết phục Jacques ghé Le Havre trước, Anh ấy cần phải đi khám bác sĩ riêng ở đó.

_ Tôi nghi chắc ông ấy chỉ muốn trở về ngay để lo công việc.

Nàng từ từ bảo:

_ Vâng anh ấy muốn thế.

Lời nói của nàng không được bình thường. Nhưng bao giờ cũng khó biết có phải chăng chỉ vì nàng không giống như người Anh nên lối giải thích cũng khác hẳn.

Trong lúc chúng tôi đang nói chuyện, tôi mơ hồ nhận thấy một người đàn ông ngồi ở bàn bên cạnh đang theo dõi chúng tôi. Điều đó rất dễ biết, một phần nhờ cái thói quen hơi nghiêng đầu mỗi khi đang lắng tai nghe. Tôi tin mình không thể làm được. Tôi chưa hề trông thấy gã này mặc dù đã để ý tìm nhân viên mật của dillingham. Gã có mái tóc màu vàng khó ai biết chắc quốc tịch của gã, có thể là Thụy điển, Đức, hoặc Thụy Sĩ. Trong lúc chúng tôi bước ra khỏi phòng để đi xuống ăn cơm tối, tôi hơi monique có để ý tới hẳn không.

Nàng đáp:

_ Không, nhưng mình đâu có nói chuyện gì đặc biệt đáng kể cho kẻ khác nghe lóm.

Tôi nhìn vào một bên má nàng. Nhưng nàng vẫn không quay sang nhìn tôi.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả : Bò Giang

Chương 3

Cuốn phim được đem chiếu trong căn phòng rộng lớn nhất trên tàu buổi tối hôm ấy là một phim tôi đã xem mấy năm về trước ở Luân Đôn, một tuồng buồn lậu trên miền duyên hải phía Nam nước Anh. Tôi dừng lại trong phòng để xem lại đoạn đầu, nhưng thật ra tôi chỉ muốn chắc chắn những người tôi quen biết trên tàu có mặt tại đây hay không. Họ đều đủ mặt. Anson và Monique ngồi bên cạnh nhau ở một hàng ghế khoảng giữa phòng. MacInnes và Martin ngồi ngay sau lưng họ. Trong lúc tôi chăm chú nhìn trước khi đèn tắt. MacInnes nghiêng mình tới trước để nói một chuyện gì đó với Monique và nàng quay lại để ban tặng cho ông ta một nụ cười thích thú qua phía trên vai nàng. Tôi có thể tưởng tượng được câu chuyện. Ông ta đã bắt đầu dùng lối xưng hô thân mật theo kiểu “ chú cháu” với nàng.

Tôi ngồi bên mặt của hàng ghế cuối cho tới khi đèn tắt và cuốn phim bắt đầu chiếu trên màn ảnh. Rồi tôi lên ra khỏi chỗ ngồi vào phòng viết và theo hành lang bóng mát trở về phòng.

Vào trong phòng, tôi bấm chuông gọi Err. Ba phút sau anh ta đến ; Tôi bảo :

- Err, tôi muốn anh nhận một món quà nhỏ của tôi.

Nói đoạn tôi rút tờ giấy bạc năm Anh Kim ra khỏi ví và xoa nhẹ giữa mấy ngón tay.

Anh ta nhìn sững tờ giấy bạc.

- Tôi xin vui lòng chờ đợi ông sai bảo bất cứ việc gì tôi có thể làm nổi.

- Tôi chỉ muốn anh cho tôi mượn một món nhỏ. Tôi cần mượn chùm chìa khóa của anh trong vài phút.

Đôi mắt anh ta lồi hẳn ra và anh ta chìa cả hai bàn tay như để đỡ đòn do tôi sắp sửa đánh.

- Chúa ơi! Thưa ông, việc đó thì tôi đành chịu thua! Tôi sẽ bị mất việc làm nếu bị người khác phát giác.

Lối nói của anh quả thật đáng chú ý. “ nếu bị người khác phát giác”, như thế có nghĩa là sẽ không sao cả nếu không một ai phát giác. Giữa thời đại này, một con người lương thiện là một kẻ không làm chuyện gì bậy khi có ai đang nhìn.

- Err, anh chưa hiểu kịp ý tôi. Tôi đâu có muốn anh giao cchcùm chìa khóa của anh cho tôi. Tôi chỉ muốn dùng xâu chìa khóa đó, do chính tay của anh. Tôi muốn xem qua phòng của Ông de Ménard và nói chuyện với ông ấy, nếu có thể. Tôi là một ký giả. Tôi muốn phỏng vấn riêng ông ấy. Nhưng

tôi muốn gây sự bất ngờ cho ông ấy - nếu không, chắc ông ấy không chịu tiếp tôi đâu. Anh cứ việc đi cùng với tôi và mở cửa phòng cho tôi rồi, nếu muốn, anh cứ chờ tôi để biết chắc tôi không lấy trộm một vật gì.

Anh ta nhìn lại tờ giấy bạc trong tay của tôi.

- Nghĩ lại, việc này không thiệt hại gì cho ai. Nhưng nếu có người bất thành linh đi vào?

- Tôi sẽ trốn vào buồng tắm và anh sẽ giả vờ đang dọn dẹp đồ đạc..Nhưng không có ai bắt gặp mình hết. Tôi vừa trông thấy tất cả mọi người đang xem chiếu bóng.

- Tôi biết thế này là không phải. nếu công ty phát giác ...

- Làm sao mà phát giác được. Dù thế đi nữa, tôi vẫn có thể dàn xếp êm thấm cho anh. Tôi quen biết Ông Chủ Tịch Ban Quản Trị. Anh sẽ không hề hấn gì.

Lời nói của tôi không phải hoàn toàn láo khoét. Tôi đã gặp Sir Charles. Nhưng không có một mối thân tình nào.

Anh ta tươi nét mặt.

- Thôi được. Thật tình, tôi nửa muốn, nửa không. Nhưng nếu ông hứa với tôi thì cũng được.

- Quả thật, tôi quen thân với Ban Quản Trị.

Anh ta cười một cách đầy e ngại.

Dãy hàng lang hẹp vắng tanh và im lặng, ánh đèn đã được vặn mờ trong ban đêm. Err đi theo tôi tới phòng M 43- 45 và dừng lại trước hai cánh cửa liền nhau.

Tôi thì thảo hỏi :

- Cánh cửa nào mở vào phòng khách ?

Anh ta khẽ đáp :

- Thưa ông, cửa bên trái.

Tôi liền đẩy anh ta tới trước tôi và anh ta lặng lẽ mở khóa. Tôi thúc anh ta vào, nhưng anh ta thụt lùi ra dẫu tôi vào trước. Anh ta định bật đèn, nhưng tôi kịp thời ngăn lại. Ánh đèn từ bên ngoài rọi vào vừa đủ soi sáng cho tôi.

Trong bóng tối lờ mờ , tôi vẫn có thể trông thấy bộ mặt khủng khiếp của Err trong lúc tôi nhẹ nhàng vặn thử quả nắm cánh cửa thông thương đối diện với chiếc ghế nệm dài. Cửa có khóa. Đúng lúc tôi lặng lẽ buông quả nắm ra, tôi bỗng nghe tiếng bước chân vang lên ngoài hàng lang ngắn phía trước hai cánh cửa. Err cử động như một người điên. Tôi vội sai bốn bước tới cửa buồng tắm. Đứng sát bức tường bên cạnh vòi nước, tôi có thể nghe rõ tiếng bước chân dừng lại ở cánh cửa bên kia.

Một lúc khá lâu, tôi mới nghe tiếng chìa khóa đút vào ổ. Lúc bấy giờ tôi mới dám thở một hơi dài. Cửa buồng ngủ không có khóa. Tôi nghe người khách đi vào và đóng cửa lại. Rồi tôi lặng lẽ ra khỏi buồng tắm, lấy một cái

ly đánh răng ở chậu rửa mặt lúc đi ngang qua đó.

Tôi tiến về phía khung cửa thông thương giữa buồng ngủ và phòng khách, úp miệng chiếc ly lên mặt cửa bằng kim loại, đoạn áp tai trái sát đáy ly, bởi vì tay trái của tôi nghe rõ hơn.

Tôi có thể nghe rõ tiếng bước chân bên trong buồng ngủ, mặc dầu trên sàn có lót thảm dày. Tiếng bước di động qua phòng và dừng lại ở một nơi mà tôi đoán chắc là chỗ đặt giường. Rồi tôi nghe một giọng nói bằng tiếng Pháp.

- Anh còn thức à ?

- Phải, tôi còn thức và buồn chịu không nổi.

Giọng nói của người nằm trên giường tuy hơi yếu nhưng rất rõ. Đó không phải là giọng của em tôi. Ted không biết nói tiếng Pháp.

- Anh đã ăn tối rồi chứ ?

- Ăn đại khái. Người Anh không biết nấu ăn. Chiếc khay để trên tủ áo.

- Mấy người đó đòi vào thăm anh ra sao. Anh khoẻ chứ ?

- Chắc không sao. Tôi chỉ mong cho mau tới Le Havre. Tôi đã khá khỏe với mớ băng này.

- Anh hãy chịu khó một chút nữa đi. Sau khi mọi người đi ngủ cả rồi, tôi sẽ đưa anh ra ngoài boong đi dạo một lát. Anh hãy cố kiên nhẫn.

Tiếng bước chân lại vang lên, lần này tiến về phía cánh cửa mà tôi đang lắng tai nghe. Tôi là phóng vào buồng tắm, và vừa vào được bên trong tôi đã nghe tiếng cửa lách cách mở. Trong lúc đó, tôi trong thấy Err chạy trốn ra ngoài theo lối cửa trước. Anh ta mở ra và khép lại một cách vô cùng lẹ làng và im lặng. Tôi bước vào phía sau cửa buồng tắm, để cửa hé mở. Tôi nghe tiếng bước chân dừng lại ở giữa phòng khách.

Gã đàn ông hỏi lớn :

- Ai đó ?

Y nói tiếng Anh bằng một giọng rất đúng. Y đứng yên có tới một phút. Tim tôi đập thành thịch trong lồng ngực và tôi nghe máu gào lên trong hai tai tôi. Gã đàn ông đứng giữa phòng vẫn không bật đèn. Một lát sau, tôi nghe y lại bước thẳng về phía cửa buồng tắm đang hé mở. Y dừng trước cửa, đưa tay đẩy cánh cửa mở, vào phía trong. Cánh cửa chỉ xoay được mấy phân đã đụng vào mũi giày của tôi, làm vang lên một tiếng động.

Gã đàn ông bảo :

- Đi ra ! Tôi có súng.

Tôi vẫn đứng im, hy vọng y không nghe được tiếng thở mạnh của tôi. Quả thật y không nghe. Y chờ thêm một chút rồi thận trọng bước qua ngưỡng cửa, thò tay tìm cái ngắt điện.

Tôi liền xô mạnh cánh cửa vào người y, nghe rõ tiếng cửa đập vào đầu y. Tôi không thể trông thấy gì khác ngoài bàn tay và cánh tay của y, nhưng

nhìn vào đó tôi biết y bị cánh cửa tung trở ra phòng khách. Lợi dụng lúc y còn đang choáng váng, tôi chạy ra ngoài. Y gượng lại khá nhanh, vừa kịp để trả đòn trong lúc tôi lướt qua bên cạnh y trong bóng tối lơ mờ. Y ôm ngang đầu gối tôi.

Cả hai chúng tôi cùng té mạnh xuống sàn. Tôi rút được một chân ra khỏi vòng aty của y và co đầu gối lại cho tới lúc một bàn chân của tôi kê lên vai y. Chỉ cần ấn một cái là tôi có thể thoát ra khỏi vòng tay của y một cách dễ dàng. Tôi cố bò dậy thật nhanh, trông thấy y đang cầm một khẩu súng lục trong bàn tay phải. Tôi biết y còn do dự chưa dám dùng tới. Tôi liền chạt một đòn thái cực đạo nhanh như chớp xuống cổ tay của y. Y buông rơi khẩu súng và chụp lấy cổ tay với bàn tay kia. Khom mình trên cánh tay bị tê liệt một lúc lâu, đủ thời gian cho tôi lao qua cửa và thoát ra hành lang.

Khi tôi trở về phòng thì Err đã có mặt tại đó. Mặt mày xanh tái, rõ ràng không còn hồn vía.

Anh ta bảo tôi :

- Thưa ông quả thật Chúa đã cứu giúp tôi. Nhưng sau vụ này chắc chắn tôi giảm thọ mười năm là ít.

- Khỏi lo, anh sẽ bình phục lại như thường.

Anh ta nhìn vào áo quần xộc xệch của tôi, e ngại hỏi :

- Ông không hề gì chứ ?

- Tôi không sao hết.

Đoạn tôi vừa đưa cho anh tờ giấy bạc năm Anh kim, vừa nói tiếp :

- Đây ... tiền công của anh. Đừng lo sợ gì nữa.

Tôi biết anh ta không thể nói gì được. Anh ta nhìn tôi bằng một đôi mắt sợ hãi và đi ra.

Tôi vừa rót cho mình một ly whisky với một bàn tay chưa hết run thì tôi bỗng giật mình vì ba tiếng gõ cửa lớn kế tiếp nhau vang lên.

Tôi bảo :

- Cửa không khóa, xin cứ vào.

Gã đàn ông đi vào chính là người tôi đã bắt gặp đang nghe lén Monique và tôi nói chuyện trên phòng quan sát

- Ông Dunbar tôi có thể vào ?

- Ông đã vào rồi. Tôi có biết ông ?

- Không đâu. Tên tôi là Van Leyden. Nhưng chúng ta đã gặp nhau.

Giọng nói của y rất nhẹ, gần như không nghe được.

Tôi đoán y là người Đức hay Thụy Sĩ, nhưng tôi không thể quả quyết.

- Thật vậy sao ?

- Mới cách đây vài phút mà thôi. Trong phòng của ông De Ménard.

Mãi tới lúc đó, tôi mới nhận thấy bộ điệu cánh tay mặt của y có vẻ cứng cõi, tựa hồ còn bị thương.

Tôi lắc đầu :

- Chắc chắn ông đã làm. Cả đời tôi, tôi chưa hề bước chân vào phòng của ông De Ménard.

Y mỉm cười. Một nụ cười thất sắc, chỉ hiện ra trên môi chứ không lên tới mắt.

Y bảo :

- Không sao. Tôi nghĩ cần phải cho ông một cảnh cáo nhỏ. Ông đã thoát khỏi tay tôi lần này. Chuyện đã sẽ không bao giờ tái diễn. Ông Dunbar, tôi khuyên ông nên tránh xa những việc không liên quan đến ông.

Y lại mỉm cười một cách lạnh nhạt và đi ra, đóng nhẹ cánh cửa.

Không một lời hăm dọa, không buộc tội xâm phạm, không giận dữ. Y bỏ lại trong không khí một cảm giác giá lạnh.

Tôi nói với bộ mặt của Stuart Dunbar trong tấm kiếng phía trên buồng phía trên bồn rửa tay :

- Y tưởng ông bạn chỉ là một kẻ tò mò.

Rồi tôi nâng ly lên và uống mừng nó

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 4

Monique ghé vào phòng hút thuốc sau khi chúng tôi ăn điểm tâm xong và mỗi người bỏ một Anh kim vào cái hộp tiền ở trong phòng được dùng làm quỹ tương tế cho thủy thủ đoàn trên tàu. Chúng tôi bắt gặp viên sĩ quan trưởng kho lương tại đây lúc ông ta cũng đang bỏ tiền vào hộp. Khuôn mặt ngăm ngăm đặc biệt của người xứ Wales (1) nứt nẻ thành một nụ cười khi ông ta trông thấy Monique.

Ông ta reo lên :

- Cô de Ménard. Sáng hôm nay, tôi đang mong được gặp cô. Tôi có một chuyện muốn nói với cô.

Nàng đáp :

- Xin ông cứ nói. Ông Dunbar, đây là ông Davies, trưởng kho lương. Ông Stuart Dunbar.

Nàng hơi nhấn mạnh tên đầu của tôi, dường như muốn phân biệt Ted với tôi. Ông ta bắt tay tôi một cách vội vã và quay sang phía nàng tiếp tục câu chuyện :

- Tôi muốn yêu cầu cô vui lòng hát giúp cho chúng tôi trong buổi hòa nhạc, trên tàu đêm cuối cùng trước khi đến Cobh (2) Lẽ tất nhiên đây là cuộc trình diễn thường lệ của thủy thủ đoàn, và đã có một số ít người nhận giúp đỡ cho chúng tôi, nhưng không một ai có thể so sánh nổi với cô. Chúng tôi sẽ vô cùng hân hạnh nếu được cô hát giúp vài ba bài lieder (3)

-Ồ, thật tình tôi không biết còn hát được hay không. Lâu rồi tôi không có dịp tập lại. Vả lại, ai đàn cho tôi hát bây giờ ?

Trước vẻ buồn rầu của nàng. Davies hân hoan bảo :

- Có một chuyện bất ngờ kỳ diệu. Albert Morse hiện có mặt trên tàu, cô hãy xem qua danh sách hình khách sẽ thấy.

Ông đưa cho nàng tập thẻ lên tàu đựng trong một tấm bìa dày bên ngoài có đóng dấu tàu Cunard. Nàng liếc qua và đưa lại cho tôi.

- Có ông ấy thì tuyệt. Không một ai như ông ấy. Nhưng bité ông ấy có chịu đàn cho tôi ? Ông ấy không hề đàn cho ai cả.

- Sáng hôm nay, tôi đã hỏi ông ấy, và lẽ tất nhiên ông ấy đ ă vui vẻ nhận lời. Buổi trình diễn đã được định vào tối Thứ Năm, trong phòng lớn. Tôi sẽ sắp cô sau thời gian nghỉ giải lao, ca sĩ duy nhất trong phân nửa sau của chương trình. Tôi ước mong cô sẽ cho chúng tôi nghe một vài bài của Hugo Woif (4). Nhạc của ông ấy không có ai hát hay bằng cô.

- Kìa, Ông Davies, ông quên các thần tượng của tôi hay sao như Lehmann và Shumann (5)

Davies quay sang tôi :

- Cô De ménard rất khiêm nhượng, vì cô ấy là một người Pháp hát tiếng Đức. Cô ấy đã quên hồi trước có nhiều ca sĩ lừng danh chuyên môn hát tiếng Đứ a, như Charles Panzéra chẳng hạn.

Ông ta mỉm cười và đi ra cửa. Chúng tôi lại trở lên boong đi dạo một vòng. Tôi nói :

- Cô không kể cho tôi biết trước kia cô là một ca sĩ tiếng Đức. Tôi cứ tưởng cô chỉ là một người mẫu.

- Tôi chỉ hát trong một thời gian ngắn. Tôi đã làm người mẫu trình bày các kiểu y phục và in hình trên các báo ở Ba Lê, để sinh sống trong lúc học hát với Panzéra.

Tôi thú thật:

- Tôi rất dốt về âm nhạc, nhưng tôi biết nhiều về Panzéra. Tôi có một đĩa HMV cũ của Panzéra trình diễn mấy bản tình ca của Villoo Debussy phổ nhạc (6).

- Ông đâu có dốt về nhạc nếu ông thích đĩa đó. Đĩa hát này hiện giờ rất quý vì đã được thâu từ lâu lắm rồi.

- Tôi cũng xưa cũ như chiếc đĩa hát đó.

Nàng neho mắt nhìn tôi, nói bằng tiếng Pháp:

- Như một cự chiến binh.

Tôi kéo nàng tới gần một chiếc thuyền cấp cứu để cho khuất gió và chúng tôi nghiêng mình trên lan can nhìn xuống mặt biển trong lúc tôi nhồi thuốc vào ống điếu và châm lửa.

Nàng chột bảo:

- Biển xanh quá, phải không ông?
- Minh còn băng ngang dòng Gulf Stream (7) Đúng màu mắt của cô. Ngày mai mình sẽ qua vùng nước biển có màu xanh đậm và không chừng tàu sẽ chạy trong sa mù. Minh sẽ đi ngang qua Grand (8).
- Nó có giống như Thái Bình Dương không ông? Tôi chưa hề trông thấy vùng biển này.
- Nước biển ở Thái Bình Dương sẫm màu hơn. Nhưng có nhiều chỗ trong Biển San Hô màu nước lại hồng (8)

Nàng im lặng gật đầu. Tôi chăm chú nhìn một bên mặt nàng:

- Cô có quen biết nhiều với em tôi?
- Chỉ chút ít, tại Cự Kim Sơn; Ông ấy đã mời tôi đi ăn tối một lần ở đó. Rồi Jacques và tôi đã dùng cơm tối với ông ấy ở Hoa Thịnh Đốn. Và tôi đã ra phi trường cùng với ông

ấy buổi sáng ông ấy bay sang Nữ Ước, Thứ Sáu vừa qua.

- Tôi nghĩ là Thứ Tư mới phải.

Nàng hơi cau mày, có vẻ bối rối một cách thành thực.

- Không, Thứ Sáu. Tôi đã đi tiễn và nhìn ông ấy bước lên máy bay. Tôi

có một trí nhớ rất tốt. Tôi lại còn có thể cho ông biết hôm đó ông ấy mặc như thế nào. Một chiếc áo choàng bằng vải len màu nâu tuyệt đẹp, và một cái cà vạt gắn một vật gì hay hay bằng vàng – hình như là một quả cầu.

Tôi nói tiếp:

- Và một cái neo. Đó là phù hiệu của Thủy Quân Lục Chiến. Nhưng nếu cô đã ra phi trường với em tôi sáng Thứ Sáu, nhất định cô đã gặp Ted sau đêm cô vào tìm Ted tận trong nhà

Nàng có vẻ hoảng hốt, quay mặt sang phía khác và nhìn xuống biển.

- Vâng, đáng lẽ tôi phải kể cho ông nghe từ trước. Nhưng tôi đã quên khuấy đi vì quá lo lắng về vụ anh tôi mất tích và bị tai nạn, điều này chắc ông đã rõ và hãy còn nhớ. Hơn nữa, Ted đã yêu cầu tôi đừng kể lại việc tôi gặp ông ấy.

- Chuyện hơi khó tin.

Nàng vụt xoay người lại, như muốn đốt cháy tôi bằng đôi mắt.

- Stuart Dunbar, có phải ông bảo tôi là một kẻ nói dối?

- Xin lỗi Monique. Không phải vậy. Chỉ vì tôi đang bối rối.

Nàng liền nói:

- Tôi cũng xin lỗi ông. Tôi không biết vì sao em ông yêu cầu tôi điều đó. Nhưng quả thật như vậy.

Nàng chợt mỉm cười với tôi. Nhưng nàng lại quay đi và nhìn xuống những làn sóng trắng xóa từ mũi tàu lướt dọc theo hông phía dưới xa.

Nhưng nàng đã kể chuyện chiếc áo choàng màu nâu, trong lúc áo của Ted có màu ve chai. Nàng không phải là người không phân biệt được màu sắc. Nàng đã nhìn thấy đúng màu của nước biển. Phải chăng quả thật nàng đã gặp mặt Ted? Hay là nàng chỉ nhớ mơ hồ màu áo của Ted trên tấm hình? Nhưng nàng làm sao thấy được hình, vì chỉ một mình Dilligham có?

Nàng quay lại nhìn tôi với hàng lông mày hơi nhếch lên:

- Tôi ước mong ông đến dự buổi tiệc trà của tôi vào tối mai?
- Cảm ơn cô. Chắc chắn tôi sẽ đến. Anson cũng có mặt?
- Tôi đã mời ông ấy. Stuart, hình như ông không thích ông ấy?
- Monique, cô không phải là người không có tài nhận xét. Chắc cô cũng thừa hiểu tại vì sao. Chỉ vì tôi đã ghen như một anh mán. Tôi đã yêu cô. Bây giờ mình nên về phòng. trời mỗi lúc một thêm lạnh.

Vừa dứt câu, tôi vội vã bỏ đi như chạy, bởi vì tôi sợ nghe câu trả lời của nàng.

Nhưng nàng không nói gì một hồi lâu. Nàng xoay người khỏi lan can và ngược nhìn tôi trong im lặng, đôi mắt màu xanh biếc của nàng không một chút xaouyến. Tôi có cảm tưởng nàng đang đánh giá tôi, cố quyết định một điều gì về tôi. Một điều không liên hệ với những lời tôi vừa nói, nhưng chắc chắn phát xuất từ đó; Ngay từ đầu tôi đã có một ước muốn gần như không sao chế ngự nổi: đánh nàng, rồi sau đó hôn nàng. Cả hai việc đó, tôi đều không làm. Dần dần tôi yên trí rằng nàng chỉ muốn xét kỹ con người tôi, và ánh mắt đăm đăm lạnh nhạt kia không có ý khích bác. Đó chỉ là một ánh mắt quan sát. Có lẽ đó là lần đầu tiên nàng lưu tâm đến tôi. Tự nhiên tôi cảm thấy lo ngại. Như vậy nghĩa là mãi cho tới lúc này, nàng chỉ nghĩ về tôi một cách hời hợt.

Tôi bảo:

- Mình nên đi về phòng. Trời mỗi lúc một thêm lạnh.

Nàng nháy mắt:

- Không. Ông cứ tiếp tục đi dạo và hút cho xong điếu thuốc. Tôi sẽ xuống trước một mình.
- Cũng được.

Nàng bỗng đưa bàn tay phải lên và vuốt nhẹ má tôi, bằng một cử chỉ thân mật. Tôi thoáng thấy hình như nàng rướm rướm nước mắt. Rồi nàng quay người và bước hơi loạng choạng về phía cầu thang dẫn xuống dưới.

Tôi tiếp tục thừng lửng, bước , bắt kịp MacInnes đang hút ống điếu và đội một chiếc mũ len, và cùng đi với ông ta. Trước nỗi ngạc nhiên của tôi, ông ta chỉ gật đầu mỉm cười, và chúng tôi tiếp tục bước đi trong im lặng. Tôi nghĩ ông ta đang cười thầm tôi trong lòng.

Tôi lại càng ngạc nhiên hơn nữa; khi đi qua xuống cấp cứu số một, tôi lại trông thấy Monique. Nàng đang chăm chú nói chuyện với Anson, đứng ngay phía sau cây cột sắt treo xuống cấp cứu số một. cả hai người đều không trông thấy tôi và MacInnes trong lúc chúng tôi đi qua, MacInnes đưa mắt nhìn tôi dưới hai hàng lông mày rậm.

Ông ta trầm tĩnh nói:

- Tôi không ngờ, cô nàng quen thân với ông ta đến thế?
- Tôi cũng vậy.
- Chà, con người ta có nhiều sở thích thật là kỳ lạ.

Chúng tôi tiếp tục bước trong im lặng. sau khi đi trọn một vòng trên boong, chúng tôi thấy họ vẫn còn ở chỗ cũ. Nhưng lần này họ đang đối diện với nhau. Tôi cố không nhìn, nhưng cảnh tượng đó ở ngay trong tầm mắt của tôi. Đầu nàng cúi xuống và mặt nàng quay về phía ngoài khơi. Anson đang nắm chặt cổ tay phải của nàng, nhìn xuống đỉnh đầu nàng. Trong lúc chúng tôi đi qua, tôi nghe ông ta bảo:

- Dừng bao giờ để tôi bắt gặp cô!

Giọng ông ta đầy vẻ gay gắt và ác độc. Tôi không nghe tiếng trả lời của Monique trong lúc chúng tôi bắt đầu tới khúc ngoẹo ở cuối boong trước. Chân tôi tự nhiên hơi chậm lại. MacInnes liền đặt một bàn tay lên cánh tay của tôi và nói:

- Không phải chuyện của mình.
- Ông nói đúng.

Tôi đi theo ông ta tới cầu thang kế tiếp. Ông ta bỏ ống điếu đã tắt lửa vào túi, bảo tôi:

- Ông khoan về phòng đã. Tôi muốn mời ông một ly rược trước khi ăn trưa.

Chú thích :

- 1- Wales : Một vùng phía đông nước Anh, diện tích 19.345 c.s.v. Dân số 2.640.000 người. Đô thị lớn là Cardiff và Swansea.
- 2- Cobh : hải cảng phía Nam Ái Nhĩ Lan . Dân số độ 7.000 người. Ngày xưa gọi là Queenstown. (c.t.c.d.g.)
- 3- Lieder : tiếng Đức, có nghĩa bài hát.
- 4- Hugot Wolf (1860-1829) : nhạc sư người nước Áo
- 5- Lille Lehmann (1848- 1856) Nhạc kịch sư người nước Đức : Robert Schumann (1810 – 1856) : nhạc sư người nước Đức (c.t.c.d.g)
- 6- Françoi Villon (1831 – 1889)thị sĩ người nước Pháp. Achille Claude Debussy : nhạc sư người nước Pháp.
- 7- Gulf Siream : một dòng nước nóng chảy giữa biển rộng chừng 90 c.s phát xuất từ vịnh Mễ Tây Cơ, qua Eo Bể Florida xuyên Đại tây dương, hướng về Âu Châu theo phương Bắc.
- 8- Grand Banks : bờ biển phía tây nam của Terre Neuve dài độ chừng 1600 cs
- 9- Coral sea (bể San Hô) : một phần của Thái Bình Dương phía đông bắc Úc châu, nơi quân đội Hoa Kỳ đã chiến thắng quân đội Nhật bản trong một trận hải chiến và không chiến năm 1942

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 5

Tôi cảm thấy bầu không khí trong buổi ăn trưa có vẻ căng thẳng. Mọi người đều nói chuyện với nhau một cách rời rạc. Monique gần như hoàn toàn im lặng, chỉ lên tiếng nói khi mới vào bàn và khi Kitt tới bên nàng để hỏi nàng muốn dùng món nào. MacInnes và viên kỹ sư trưởng đang ôn lại những kỷ niệm thời thơ ấu. MacInnes quê quán ở quận Fife và viên kỹ sư ở biên giới gần quận Ayr. Anson nói ít, nhưng tôi trông thấy ông ta thỉnh thoảng lại nhìn tôi trong lúc ông ta đang nói chuyện với Allen. Đã có lần Allen tách rời khỏi cuộc nói chuyện.

Chợt ông ta hỏi viên kỹ sư trưởng:

- Ông kỹ sư, có phải tất cả những kỹ sư đi biển ở Anh đều là người Tô-cách-lan?

MacInnes trả lời thay cho viên kỹ sư:

- Dĩ nhiên là như thế. Điều này đã được ghi rõ trong Hiến Pháp.

Nhưng câu chuyện chỉ lui tới chừng đó. Tôi vẫn giữ im lặng, trong lòng thắc mắc về Anson trong lúc tôi lắng tai nghe những mẩu chuyện lảm cẩm. Ông ta không giống người Anh. Rất có thể tổ tiên ông ta là người Đan Mạch hoặc Thụy Điển, căn cứ vào hình dạng cái đầu của ông ta. Tuy nhiên, tên ông ta lại đúng là tên Anh. Trước kia đã có một vị thủy sư đô đốc mang tên họ này, rồi về sau người ta lấy tên ông ta đặt thành tên một chiến hạm lớn, chiếc tàu dài nhất hiện thời. Nhưng cái tên này nghe cũng có vẻ Pháp. Tôi đọc thử trong trí não theo giọng Pháp.

Ngay lúc đó trong trí tôi bỗng vang lên một tiếng thật lớn và rõ ràng đến nỗi tôi phải nhìn quanh bàn ăn một lượt để xem thử có một ai khác nghe được hay không.

“Anson – Ah-sohn”. Nhất định là như thế. Anson do Jacques de Ménard nói bằng giọng mũi. Và cụ già Mannion đứng núp sau cánh cửa ở cuối hành lang về phía đối diện với nhà của Ted, đã nghe thành hai tiếng “A! So!” như tiếng Nhật, theo lời ông cụ kể lại. Không, đó chính là tên của Anson mà một người Pháp có thể phát âm trong trường hợp không quen với tiếng Anh.

Tiếng nói của Monique làm tôi giật mình.

- Ông cười gì mà có vẻ thú vị vậy?

- Chính tôi cũng không biết mình đang cười. Nhưng vì cô đã nói chuyện, tôi xin hỏi cô một câu. Ông anh của cô có nói tiếng Anh giỏi như cô hay không?

- Cám ơn ông đã quá khen tôi. Không, anh tôi nói dở lắm – ngay cả tôi cũng vậy. Nhưng tôi đã đi học bên Anh, còn anh ấy thì không. Như phần đông

những người suốt đời chỉ phụng sự cho khoa học, anh ấy không có khiếu về sinh ngữ. Anh ấy cũng nói được tiếng Anh, nhưng theo giọng Pháp, nghe đến phát sợ. Chỉ những người Anh và người Mỹ nào quen nghe lắm mới hiểu nổi.

- Tôi đồng ý với cô Ý tôi muốn nói tài nói tiếng Pháp của người em trai của tôi cũng vậy, và Ted cũng là một khoa học gia. Hình như bao giờ cũng thế. Tôi nghiền ngẫm câu trả lời của nàng trong lúc nói chuyện. Rồi tôi chợt hỏi nàng:

- Cô bị vết bầm gì trên cổ tay vậy? Có đau lắm không?

Nàng nhìn xuống cổ tay của nàng đang đặt trên đùi, xoay chiếc vòng kết bằng đồng tiền cổ của nước Áo để cho vết bầm hiện ra lớn hơn tôi đã tưởng. Nàng im lặng một lúc khá lâu mới đáp:

- Không sao hết. Da thịt tôi rất dễ bị bầm. Tôi trật chân hời sáng trong lúc đi ngoài hành lang đến phòng ăn để dùng bữa trưa. May có một người bồi tàu đang đi qua và anh ta đã chụp được cổ tay của tôi nên tôi khỏi té. Vết bầm này do chiếc vòng gây ra, và chỉ ít hôm là tan mất.

Sự cố gắng của nàng quả thật khá đặc biệt, nhưng nàng đã diễn tả quá nhiều chi tiết. Nếu mình đang nói dối mình nên dùng những lời lẽ thật vắn tắt. Chi tiết càng nhiều sự dối trá càng dễ bị bại lộ. Tim tôi đau nhói lên khi nghe nàng nói như thế.

Nàng vừa đứng dậy vừa bảo:

- Bây giờ tôi phải đi tập hát với ông Morse. Ông đừng quên buổi dạ hội của tôi nhé!

Chúng tôi cùng đứng lên trong lúc nàng rời khỏi bàn ăn. Tới nửa đường nàng đi qua một cái bàn có một người đàn bà Tây Ban Nha đang cố dỗ một đứa bé trai đang khóc khe khẽ nhưng rất vui lòng. Nàng mỉm cười với người mẹ và đưa tay vuốt má đứa bé, nói với nó:

- Ah! Probercito!

Đứa bé ngược nhìn nàng, mặt tươi lên. Tiếng khóc của nó im ngay và nó mỉm cười với nàng trong lúc nàng tiếp tục bước ra cửa. Lòng tôi bỗng bồi hồi xúc động.

Tôi đến dự dạ hội của Monique trễ mất mấy phút. Khi tôi gõ cửa phòng nàng thì đã sáu giờ bốn mươi lăm. Căn cứ theo tiếng chuyện trò bên trong tôi có thể đoán tôi là người khách cuối cùng. Tôi hơi ngạc nhiên nhận thấy không phải chỉ có mặt những người cùng ngồi chung bàn ăn, như trong buổi dạ hội của viên kỹ sư trưởng đêm hôm trước. Tôi trông thấy viên trưởng kho lương, vị bác sĩ, hai người đàn bà mà tôi chưa từng biết, và hai người đàn ông. Một trong hai người đàn ông này là Van Layden, người đã bắt gặp tôi trong phòng của Jacques de Ménard. Người đàn ông kia tên Petrilli, một người có bộ mặt xương và găm đen mặc một bộ y phục theo kiểu Ý cắt may thật xấu.

Cả hai đều có vẻ dè dặt.

Van Layden nói khi Monique giới thiệu với ông ta:

Chúng tôi đã quen biết nhau từ trước.

Hai người đàn bà rõ ràng chỉ là hai nữ khách tình cờ, một người là một giáo sư sinh vật học ở một trường dành riêng cho nữ sinh tại nước Anh, người kia là một thiếu phụ Pháp trên đường trở về nước sau một cuộc trình diễn thời trang ở Nữ Ước.

Sau khi Monique để cho tôi tự do, tôi tiến lại gần MacInnes và Allen giữa lúc hai người này đang nói chuyện với Anson. Allen đang kết thúc một cuộc thảo luận khi tôi đến nhập bọn.

- Không phải tôi không cần. Nhưng tôi đã hơi chán nghe chuyện khoa học thánh thần. Khoa học là một thứ mê tín mới. Nếu các khoa học gia bảo mình một cái gì đó là không thể có thì, cũng như Chúa đã phán, cái đó là không thể có. Chẳng hạn khoa học bảo rằng không có sinh vật nào giống như loài rắn biển. Sai bét! Chính mắt tôi đã trông thấy hàng trăm con rắn biển đang nằm phơi nắng trên mặt biển Sulu, ở phía Nam Phi Luật Tân.

- Tôi cũng thế.

Allen liền ngoảnh đầu nhìn tôi. Ông ta có vẻ bối rối. Anson trông còn bối rối nhiều hơn nữa. Chắc hẳn Allen đang chọc tức ông ta. Tôi nói tiếp:

- Tôi cũng đã trông thấy. Cũng ở Biển Sulu. Chắc ông đã ở trong Toán Đặc Biệt 38.3, đang đi tới Balikpapan để yểm trợ cuộc đổ bộ của lính Úc.

Allen gật đầu.

- Vâng. Ông cũng vậy?

Tôi bảo:

- Lúc đó tôi đang ở trên chiếc hàng không mẫu hạm của Hải quân, giữ phận sự một quan sát viên. Tôi đã trông thấy bầy rắn biển đó – có nhiều con chu vi lớn bằng hình người, có con dài tới ba bốn thước tây.

MacInnes cười to.

- Henry VII vẫn thường bảo, mỗi khi một viên thuyền trưởng tâu lên một chuyện gì khó tin: “Người hãy kể chuyện đó cho đám Hải quân nghe – họ đã từng ở khắp mọi nơi và đã từng trông thấy đủ mọi điều – nếu họ tin thì chuyện đó có thật”.

Bỗng có một tiếng vỗ tay vang lên. Tôi nhìn quanh và trông thấy Monique sau lưng tôi.

Nàng nói, với đôi mắt sáng lên vì thích thú:

- Hoan hô ông Allen. Tôi rất vui vì nghe một chuyện tiện dị thường được nhiều người xác nhận. Bây giờ thì tôi lại tin bất cứ chuyện gì.

Nhìn Anson, tôi chợt cảm thấy một cơn lạnh dưng đứng tóc gáy. Trông ông ta đầy vẻ sát khí, không phải với Allen, nhưng với Monique. Nét mặt ông ta vẫn hoàn toàn thân nhiên, nhưng đôi mắt ông ta nheo lại làm tôi liên tưởng

tới một cặp mắt rắn hiem độc. Tôi nắm lấy cánh tay Monique và kéo nàng đi về phía bên trái.

Trong lúc chúng tôi lách mình xuyên qua đám đông tôi cảm thấy bàn tay của nàng chạm vào tay tôi. Mấy ngón tay của nàng chuôi vào lòng bàn tay của tôi một mảnh giấy nhỏ xếp lại. Tôi liền cầm lấy và nàng vội rút tay ra.

Tôi bảo nàng:

- Nếu đôi mắt là hai lưỡi dao găm thì chắc cô đã chết.

Vừa nói xong tôi đã hối hận ngay. Về điềm tĩnh của nàng đã nứt rạn. Trông nàng như người mất hồn.

Nàng bỗng nói:

- Xin lỗi anh. Tôi phải đi quanh để tiếp khách.

Rồi nàng bỏ tôi đứng một mình.

Tôi xoay lưng về phía đám đông tựa hồ muốn nhìn ra ngoài và mở mảnh giấy ra. Trên mặt giấy là mấy dòng chữ rắn rỏi, nét chữ mà từ trước tới giờ tôi chưa từng thấy, phía dưới không ký tên. Chỉ có hai câu ngắn ngủi:

Stuart,

Xin anh hãy ở lại vài phút sau khi mọi người khác đã ra về. Tôi có chuyện quan trọng cần nói với anh.

Tôi quay lại và tìm nàng trên đầu của đám đông. Tôi trông thấy nàng đang đứng gần cửa, kín đáo nhìn tôi trong lúc nói chuyện với Van Layden. Tôi mỉm cười và gật đầu. Nàng gật đầu lại. Trông nàng như sắp sửa khóc. Van Layden lưu ý hướng nhìn của nàng và xoay người để tìm xem mục tiêu của mắt nàng, nhưng tôi đã quay đi trước khi ông ta kịp nhìn thấy tôi.

Nhìn khuôn mặt của nàng, tui vui mừng thấy mọi người đã bắt đầu ra về.

Mỗi người hoặc từng hai người một lần lượt cảm ơn nàng và cáo từ để đi ăn cơm tối. Anson và MacInnes là hai người ra về sau cùng. Trong lúc

MacInnes tỏ lời từ giả, Anson đứng sau lưng ông ta ngay phía trong cửa.

Ông ta dăm dăm nhìn tôi với một vẻ khản trương trên mặt. Tôi biết ông ta đang lấy làm lạ tại sao tôi vẫn chưa chịu đi. Ông ta để cho MacInnes bước qua cửa và quay về phía Monique.

- Tôi đợi để cùng đi lên với cô?

Nàng bảo:

- Thôi, cảm ơn ông. Ông Dunbar sẽ đưa tôi an toàn lên phòng ăn.

Anson ném cho tôi một tia mắt giấu giếm. Ông ta gật nhẹ đầu chào

Monique, bước ra và khép cửa lại một cách nhẹ nhàng.

Monique không quay về phía tôi ngay. Nàng đứng nhìn sững cánh cửa đã đóng trong mấy giây. Rồi nàng khẽ nhún vai, với tay khóa cửa và xoay quanh. Cuối cùng nàng bảo:

- Tôi phải uống một viên Aspirin. Chỉ một chút xíu thôi.

Nàng lướt qua cửa thông thương với buồng ngủ, nhanh đến nỗi cánh cửa mở

ra chưa đầy ba tắc. Tôi liền quay sang Kitt lúc đó đang sửa soạn đi ra với một cái khay chất đầy những ly đã dùng xong. Tôi mở cửa cho anh ta và hỏi:

- Kitt, tôi nay Đại úy Anson uống gì?

Anh ta đáp:

- Thừa ông, nước cam vắt. Cảm ơn ông.

Vừa nói anh ta vừa khép nép bước qua cửa. Sau khi anh ta đi ra, tôi khóa cửa lại. Nước cam vắt. Lại thêm vẻ mặt nghiêm khắc của Anson.

Monique trở lại. Lần nay tôi chú ý đặc biệt dáng người kỳ lạ của nàng. Nàng bước tới chiếc trường kỷ. Tôi chờ nàng ngồi xuống. Rồi tôi ngồi ở đầu kia, xoay mặt về phía nàng.

Nàng nói:

- Stuart, tôi xin lỗi đã quấy rầy anh. Tôi sẽ không làm mất nhiều thì giờ của anh.

- Không có gì quấy rầy hết. Cô gặp chuyện gì rắc rối? Có phải là chuyện rắc rối.

- Stuart, tôi sợ.

Nàng mất hết vẻ khoan thai trong một lúc. Nàng cúi mình tới trước, úp mặt vào lòng bàn tay, với hai khuỷu tay chống lên đầu gối và mấy ngón tay thon dài vùi vào mái tóc đen gọn sóng. Một lát sau nàng ngước lên và ngồi ngay ngắn lại trên trường kỷ, rõ ràng đang cố trấn tĩnh. Đoạn nàng nói tiếp:

- Có lẽ không có gì quan trọng. Thường thường tôi không hề mất bình tĩnh như thế này, nhưng cộng thêm chuyện lời thôi của Jacques, tôi không sao tự chủ được nữa. Chiều hôm nay, sau khi tập hát xong, tôi xuống đây và nằm trên trường kỷ thiêu thiêu ngủ. Bỗng có ai muốn tìm cách vào phòng này. Tôi nghe quả nắm xoay – thấy nó xoay rõ ràng. May là cửa khóa. Nhưng đúng là quả nắm xoay một cách vụng trộm. Tựa hồ có ai muốn lên vào.

- Bồi phòng?

- Bồi phòng bao (mất một đoạn)... tôi đã hỏi cô ta. Nhưng (mất một đoạn nữa)... nghĩ, đi tới cửa. Tôi mở cửa và nhìn ra ngoài. Không có một ai ở đó.

- Cô có nhìn dài theo hành lang?

- Vâng, về cả hai phía. Có một người đàn ông đang bước đi, cách xa hơn mười bước, nhưng rất có thể ông ta vô tình đi qua.

- Chắc cô không nhận ra người đó là ai?

- Không. Tôi chỉ trông thấy lưng ông ta. Ngoài hành lang bao giờ ánh sáng cũng lờ mờ.

- Trông hình dáng không có gì quen thuộc?

- Tôi chỉ nhận thấy một điều là ông ta có mái tóc đỏ.

- Có lẽ Martin Allen. Phòng ông ta cũng ở lối này. Cô đừng lo sợ.

Trong lúc nói mấy lời này, tôi khẽ nắm lấy bàn tay của nàng. Nàng chột nín chặt bàn tay của tôi, xoay lòng bàn tay nàng úp vào lòng bàn tay tôi và xiết

cứng. Ngón tay chúng tôi đan vào nhau, và cả cườm tay của nàng cũng quặp sát cườm tay tôi. Đây là một cử chỉ hoảng hốt. Đây là lần đầu tiên tôi đụng chạm với nàng, khiến cho toàn thân tôi xao xuyến. Cườm tay của nàng khít bên tay tôi mật thiết như một thân thể trần truồng. Nàng có vẻ như sắp sửa bật tiếng khóc. Nhưng nàng bỗng rút nhanh tay ra và đứng dậy, với nụ cười trở lại trên môi.

- Cám ơn anh, Stuart, tôi tin chắc anh nói có lý. Bây giờ mình hãy lên ăn cơm tối.

Phút giây ngắn ngủi đã trôi qua và tôi không khỏi luyến tiếc. Nếu tôi gặp đúng lúc sự việc đó xảy ra, có lẽ nàng đã kể cho tôi nghe sự thật nàng đang sợ gì và có lẽ tôi đã giúp đỡ nàng. Tôi thường không do dự trong những trường hợp như thế. Nhưng trong những cuộc giao thiệp, bao giờ cũng có một khuôn mẫu mà mình không thể làm tan vỡ hoặc hối thúc vì sợ sẽ hủy hoại tất cả. Tôi còn chưa hiểu nhiều về nàng nên khó biết được lúc nào là lúc thuận tiện. Nhưng tôi tin sẽ có ngày cơ hội tốt đến với mình, và hiện giờ nên để cho nàng được tự nhiên.

Sau bữa ăn tối, tôi đi tìm Martin Allen. Tôi gặp ông ta trong phòng. Ông ta đang ngồi làm việc với một cái máy đánh chữ nhỏ để trên bàn viết, chiếc áo choàng vắt trên lưng ghế.

Ông ta bảo:

- Dunbar, mời ông vào. Ông cứ tự nhiên ngồi xuống đây.

Ông ta liệng chiếc áo choàng phủ lên máy đánh chữ, một cách gần như vô tình, và xoay tròn chiếc ghế tựa hồ muốn mời tôi ngồi xuống đó. Tôi vẫn đứng yên.

- Allen, tôi sẽ không làm mất thì giờ của ông nhiều. Ông đang làm việc.

- Tôi sắp tham dự một hội nghị bán hàng ở Luân Đôn nên tôi muốn gửi thư ở Cobb đề thông báo chương trình nghị sự. Tôi vừa mới bắt đầu soạn thảo.

Tôi liền hỏi thẳng vào vấn đề:

- Chiều hôm nay Monique de Ménard vừa bị một phen hoảng hốt. Có ai muốn lên vào phòng cô ấy giữa lúc cô ấy đang thiêu thiêu ngủ. Cô ấy cho hay đã trông thấy một người đang đi xa khỏi cửa. Ông ta có một mái tóc đỏ. Ông là người đàn ông duy nhất trên tàu có tóc đỏ.

Ông ta bật cười.

- Mới khởi sự ông đã buộc tội tôi đấy à?

- Đây không phải là một lời buộc tội. Ông hãy xem như là một câu hỏi thông thường.

- Tại sao tôi phải lên vào phòng của cô ấy? Tôi vừa mới rời khỏi nơi đó sau dạ hội kia mà.

- Chuyện xảy ra trước dạ hội. Và lời nói của ông đâu có phải là một câu trả

lời.

- Thế thì tôi xin trả lời thẳng. Không, tôi không phải là kẻ đó. Nhưng tôi đã trông thấy y. Lúc đó tôi đang đi trở về phòng riêng. Y quay người khỏi cửa và cúi đầu bước vào một hành lang nằm ngang.

- Y là ai?

- Tôi không biết nổi. Y cúi đầu đi khá nhanh. Tôi chỉ thoáng thấy y đội một cái mũ, mặc một chiếc áo choàng bẻ cổ lên cao.

- Tôi hiểu. Xin cảm ơn ông. Tôi để ông trở về với công việc.

Tôi vừa đi ra tới cửa, bỗng quay lại hỏi thêm:

- Hội nghị bán hàng? Thế thì chắc ông là một người môi giới?

Ông ta có vẻ hoảng hốt vì câu hỏi bất thần.

- Vâng. Tôi đang đi giới thiệu một loại hàng mới.

- Xin cảm ơn ông đã vui vẻ trả lời câu hỏi của tôi. Tôi muốn nói, câu hỏi trước.

Ông ta đáp:

- Có gì đâu mà ông phải cảm ơn. Nhưng trông ông hình như ông đã sắp sẵn trong trí để hỏi tôi ngay lúc ông vừa bước chân vào phòng.

- Ông nhận xét rất đúng. Chào ông. Sẽ gặp ông trong bữa ăn điếm tâm.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 6

Tôi tỉnh dậy khỏi một giấc ngủ chập chờn vào khoảng hai giờ sáng với một cảm giác đã bị đánh thức bởi một tiếng động khác thường. Tôi nhìn chiếc đồng hồ nhỏ loại du lịch bên cạnh giường. Tiếng động không được lặp lại. Bên ngoài ánh trăng mờ đang buông tỏa, chỉ lọt chút ít qua lỗ cửa ở thành tàu. Phải một lúc tôi mới nhận ra đó là tiếng kêu của chốt cửa. Mọi sợ hãi của Monique bỗng trở về trong trí tôi và tôi băn khoăn không biết mình có nhớ khóa cửa trước khi đi ngủ cách đây hai giờ.

Tôi hất chăn ra và vung chân xuống giường mà không vặn ngọn đèn ngủ. Tôi đi ra cửa để xem lại cửa có khóa không. Cảnh tượng nhà của Ted bị lục soát vẫn còn in rõ trong trí tôi.

Ngay lúc sắp sửa tới cửa, tôi đưa tay ra. Bàn tay của tôi chợt đụng phải một vật gì trong bóng tối. Mấy ngón tay của tôi cho tôi biết ngay đó là một cánh tay, và bàn tay của tôi tự động nắm chặt. Cánh tay của người lạ vẫn không cử động. Tôi liền vươn bàn tay còn lại lên vách tìm nút điện và bật đèn.

Ánh sáng làm quáng mắt tôi trong một giây. Khi đã hết chói tôi nhận thấy mình đang nhìn vào phía sau đầu của Monique. Nàng đang quay mặt về phía cửa, đầu cúi gằm xuống. Tôi thẳng thốt kêu lên:

- Monique! Có chuyện gì vậy?

Nàng quay lại đối diện với tôi khi tôi buông cánh tay của nàng ra. Tôi với tay khóa cửa lại, cố không nghĩ rằng nàng đã lục soát phòng tôi trong lúc tôi ngủ. Rồi tôi nhận thấy ngay sự vô lý của mình. Theo tôi biết nàng đâu cần tìm kiếm gì. Tôi nhìn vào khuôn mặt đang ngược lên của nàng. Nàng bảo:

- Stuart, tôi xin lỗi đã làm anh thức giấc. Tôi không có chủ tâm. Nhưng tôi lại gặp chuyện khủng khiếp. Lại có người muốn mở cửa phòng tôi - lần này là phòng ngủ - và ngay khi kẻ đó bỏ đi tôi liền đến đây để xem thử anh còn thức hay không. Cửa phòng anh không khóa và đứng ngoài phòng anh tôi sợ quá.

- Cô cứ ngồi xuống đây để tôi đi rót rượu. Cô dùng Scotch nhé?

- Vâng, Scotch mới thật là ngon.

Tôi rót whisky vào hai chiếc ly trong buồng tắm và thêm vào một chút nước. Khi tôi trở lại nàng đang ngồi trong một chiếc ghế bành đối diện với cái giường sát bên cạnh, mặt úp vào hai bàn tay và đôi vai rung động. Tôi lấy một bàn tay của nàng đặt quanh chiếc ly. Rồi tôi tắt ngọn đèn quá sáng ở trên đầu và bật đèn trên kệ giường. Nàng ngồi hết sức yên lặng trong lúc tôi làm công việc này, hơi thở của nàng đã hơi chậm lại. Nàng mặc một chiếc áo

ngủ màu xanh sẫm bằng một thứ lụa mềm, mà tôi đã biết lúc nắm lấy cánh tay của nàng. Chân nàng mang một đôi dép bạc. Khi nàng nhìn lên, tôi trông thấy mặt nàng xanh hơn lúc bình thường và mắt sáng long lanh, đôi môi hồng của nàng nhợt nhạt đến nỗi trông giống như miệng của một hồn ma. Nàng mỉm cười với tôi một cách yếu ớt và uống một ngụm whisky. Hai gò má của nàng gần như hồng hào trở lại ngay lúc đó. Tôi lấy chiếc áo khoác trong tủ kiếng mặc vào mình và ngồi xuống chân giường sát bên nàng. Nàng khẽ nói:

- Có chút rượu tôi hơi khỏe rồi. Stuart, tôi quấy rầy anh như thế này quả thật rất đáng trách. Tôi không còn tự hiểu mình tại sao cứ lo sợ băng quơ mãi. Hồi chiều tôi đã hoảng sợ, nhưng vào lúc hai giờ sáng thì tôi đã khùng khiếp thực sự.

- Tôi rất hiểu và tin cô. Cô hãy tạm ở đây, để tôi đi xem qua phòng cô.

- Không, Stuart.

Tiếng kêu thất thanh của nàng khiến tôi vụt dừng lại. Nàng nói tiếp một cách êm dịu hơn:

- Đừng, anh. Anh đừng bỏ tôi một mình. Lúc này ở đó chắc không có ai đâu. Tôi tìm đôi dép dưới mép giường và mang vào chân. Nàng chột bảo:

- Thôi để tôi về.

- Cô hãy uống hết ly này đã và có lẽ thêm một ly nữa. Tôi sẽ cùng đi với cô để xem rõ không có ai trong phòng cô.

- Stuart, tôi không thể ở lại đây được hay sao?

Nàng hơi đỏ mặt và cười một cách lúng túng.

- Tôi không cố ý nói theo nghĩa thường tình. Tôi không định tấn công tiết hạnh của anh đâu. Tôi chỉ muốn hỏi tôi có thể nằm tạm trên chiếc giường phụ của anh tới sáng? Tôi sẽ giữ thật yên lặng, và sẽ không ngủ.

Nàng muốn làm ra vẻ vui tươi nhưng xem bộ không thành công bao nhiêu. Tôi liền nói:

- Tùy ý cô. Tôi sẽ đi qua ngủ tạm trên giường phụ của cô.

- Ô, không được. Như thế sáng ra Daisy sẽ nghĩ sao?

Nàng uống cạn whisky và đặt ly lên mặt chiếc bàn thấp bên cạnh ghế, rồi đứng dậy.

- Bây giờ tôi khỏe lắm rồi. Chỉ cần anh đưa tôi về tới cửa phòng, tôi sẽ khóa cửa cẩn thận và đi ngủ trở lại.

Nàng đã có vẻ trầm tĩnh hơn, nhưng tôi không thích để nàng đi. Tôi bước theo nàng tới cửa và với tay mở khóa cho nàng. Tôi không lấy làm lạ khi thay vì mở khóa cửa tôi lại rút chìa khóa ra khỏi ổ. Nàng quay lại nhìn tôi, mắt lộ vẻ kinh ngạc. Không mang giày cao gót nàng chỉ đứng ngang vai tôi và tôi có thể trông thấy đỉnh đầu của nàng. Chúng tôi đứng như thế có tới mười lăm giây. Bỗng tôi bảo:

- Em hãy ở lại đây với anh.

Nàng chọt gục đầu vào vạt áo trước của tôi như một đứa bé làm nũng. Hai cánh tay của tôi choàng quanh lưng nàng. Nàng rút tay ra và khoác quanh cổ tôi. Dưới hai bàn tay của tôi, lưng nàng thật dài và thon. Tôi có thể cảm thấy cơn rung động bất thần trong thớ thịt của nàng chạy dài xuống tận hông. Hơi thở của nàng ngắn và nhanh. Nàng ngước mặt lên, mắt hơi nhắm lại và môi hé mở. Tôi có thể thoáng thấy màu xanh biếc của mắt nàng giữa hai hàng mi thanh tú. Tôi hôn lên khoe miệng nàng và cảm thấy nàng khẽ mỉm cười. Rồi tôi hôn lên chiếc miệng nồng nàn và mềm mại của nàng. Nàng hít một hơi thở dài và giữ lấy chiếc hôn, trong lúc thân hình nàng ghì sát vào người tôi. Tôi có thể cảm thấy rõ nàng không mang gì bên dưới lớp áo ngủ bằng lụa. Cơn rung động của nàng trở nên chậm và đều đặn hơn, trong khi miệng nàng mỗi lúc một thêm nóng bỏng dưới miệng tôi.

Tôi đã bảo nàng tôi đã yêu nàng và khi tôi nói như thế tức là quả thật như thế. Tôi đã nghi ngờ nàng, nhưng cuối cùng đã xô ngã tất cả. Mãi tới giờ phút này, tôi không ngờ tôi cần nàng một cách cuồng nhiệt đến thế, và những lời nói tôi đã từng dùng đều vô nghĩa trước sự hiện hữu của nàng. Chúng tôi không nói với nhau một tiếng nào trong suốt một giờ đồng hồ, nhưng quãng thời gian dài đó đã tự nó nói lên nhiều và cơ thể chúng tôi lại càng nói nhiều hơn.

Có lẽ quý bạn biết một truyện cổ tích của nước Đức kể rằng một vị tiên hiện đến mỗi khi có một đứa bé ra đời và đặt vào nôi hai món quà, một món vui và một món buồn, và khuôn khổ tương đối của hai món quà này sẽ uốn nắn cuộc đời của đứa bé theo lối này hay lối kia. Tôi vẫn thường nghĩ rằng nếu quả thật vị tiên này đã đến, chắc nàng chỉ để vào nôi của tôi một món quà, ước hẹn của Monique, và nàng là cả hai món quà nhập thành một.

Nằm bên cạnh tôi, trong vòng tay của tôi, trong buổi sáng sớm tinh sương hoàn toàn yên tĩnh, nàng đã hết run, và hôn tôi một cách say đắm với vẻ vừa âu yếm vừa mệt mỏi thường theo sau những màn yêu đương lịm người. Tôi biết vị mặn trên môi nàng chính là nước mắt. Tôi siết chặt nàng trong cánh tay và sờ má nàng bằng tay trái, hai gò má của nàng ướt đầm.

Lúc tôi sờ mặt nàng, nàng bỗng òa khóc nức nở tựa hồ nàng sắp xé nát trái tim của nàng. Tôi không biết nói gì. Tôi không thể làm gì hơn chờ đợi cơn bão tố tiêu tan. Tôi nhắm mắt lại và ghì chặt nàng trong bóng tối, cố không nghe tiếng nức nở đau đớn vang ra từ trong cổ nàng, cố ôm nàng để cho nàng có thể hiểu rằng nàng không cô đơn. Mấy ngón tay của nàng co quắp lại, móng tay cào nhẹ trên lưng tôi.

Tiếng nức nở của nàng dần dần tắt lịm trong bóng tối yên tĩnh và cuối cùng nàng nằm im trong vòng tay của tôi như đã kiệt sức. Tôi hơi nói tay ra lúc cơn giông tố đã tan và nàng vẫn còn tức tưởi như một đứa bé sau khi vừa

khóc một trận thê thảm. Nàng ngược khuôn mặt hãy còn nhòe nhoẹt nước mắt lên và lại hôn tôi. Nàng khẽ nói nhỏ đến nỗi tôi chỉ thoáng nghe:

- Ein Jeder sucht im Arm der Freundes Ruh. Dort kann die Brust in Klagen sich ergiessen.

Giọng nàng run lên vì hậu quả của nước mắt. Lời nói của nàng len lỏi vào tâm tư tôi nhưng tôi không thể sắp xếp được. Nó vang dội dọc theo bờ tâm trí tôi, từ từ phiên dịch ra thành tiếng thì thầm bên tai nàng:

- Mọi người đều tìm bình an trong vòng tay của một người bạn. Ở đây trái tim có thể tuôn tràn nước mắt.

Nàng thoáng nở một nụ cười. Tôi không thể nhìn được khuôn mặt của nàng bởi vì nàng đang gục mặt vào vai tôi, nhưng tôi có thể cảm thấy khoe miệng nàng cử động nhẹ nhàng như nàng đang mỉm cười. Nàng hít một hơi thở dài và nín lại độ một vài giây, khiến cho ngực nàng ép sát vào mình tôi. Rồi nàng nhẹ nhẹ thở ra, không còn tức tưởi nữa. Nàng chột bảo:

- Cám ơn anh.

Giọng nói của nàng không lớn nhưng vang rõ trong căn phòng.

- Em đâu có thiếu gì anh. Đâu có gì ngoài một cuộc đời.

- Bây giờ em phải đi về.

- Không.

- Không sao được. Err sắp sửa mang trà vào cho anh.

- Quỷ sứ bắt anh ta đi.

Nàng bỗng cất tiếng cười và thân hình nàng rung động theo tiếng cười lại càng ép sát vào tôi.

- Hình như anh có tới hai người đàn bà, Err và em. Và em phải đi.

- Ở đây em mới được an toàn.

- Thật không?

- Em hiểu anh muốn nói gì mà.

- Vâng. Stuart, em hiểu.

- Và anh...

Nàng đặt bàn tay của nàng lên miệng tôi.

- Không, anh đừng nhắc lại nữa. Cứ để mặc nó muốn ra sao thì ra. Chỉ trong một lát thôi.

- Em làm sao biết được anh định nói gì?

- Em đoán. Thôi Stuart, bây giờ em phải đi.

- Để anh đưa em về.

Nàng bỗng gỡ tay tôi ra và ngồi thẳng dậy. Trong ánh sáng lờ mờ rọi qua khung cửa nhỏ, nàng đẹp rực lên, thân hình như lấp lánh, với chiếc lưng dài và thẳng. Nàng đưa chân ra ngoài mép giường và đứng dậy như một bức tượng nữ thần tình yêu Aphrodite lấp lánh sáng. Nàng mang dép vào chân, lắc đầu bảo:

- Thôi, lúc này em đã khỏe lắm rồi.

Nàng lấy chiếc áo ngủ màu xanh mà ban nãy tôi đã liệng trên ghế và mặc vào người, buộc lại ở phía trước. Tôi cố nhìn một lần cuối thân hình thon thon và hai gò ngực kiêu hùng của nàng. Tôi cũng khoác chiếc áo choàng và đi ra cửa với nàng. Nàng thì thảo:

- Em sẽ gặp lại anh ngày mai.

- Hôm nay chứ. Trong bữa điểm tâm.

Nàng nhón gót và hôn nhanh tôi. Rồi nàng đi ra qua khung cửa hé mở và nhẹ nhàng khép lại.

Buổi sáng hôm ấy tôi không còn ngủ được nữa, trong lòng cứ nhớ mãi chiếc hôn vừa luống cuống vừa nồng nhiệt của nàng. Trước khi trở về giường để nằm thao thức nhìn sững phía trên, tôi liếc mắt ra ngoài qua khung cửa sổ.

Trời đang mưa. Nhưng bên ngoài, sau màn mưa nghiêng nghiêng, phía trên lớp mây dày, những vì sao vẫn hiện rõ. Những vì sao vẫn sáng long lanh.

Orion đưa cánh tay phải lên, và đàn chó chúm mũi chạy (1). Con mưa ào ào tuôn xuống mặt biển cuộn cuộn sóng và đọng lại thành từng vũng nước giá lạnh cách xa hàng nghìn dặm. Năm tháng đang chuyển qua mùa say ngủ.

Chúng tôi ở bên nhau suốt ngày, sau khi ăn sáng xong. Hôm ấy là một trong những ngày êm đẹp nhất mà tôi sẽ nhớ mãi đến trọn đời. Đó là ngày mà Norn, vị thần xóa nhòa màu sắc của vạn vật, không thi hành nhiệm vụ (2).

Biển hơi động và con tàu trôi trên mặt nước. Nền trời quang đãng, chỉ có một ít mây trắng như bông trôi bồng bềnh tận trên cao. Chúng tôi qua mặt một chiếc tàu hàng trong lúc cùng đi dạo trên boong, rồi ăn trưa và ăn tối trong nhà hàng, không gặp một người quen nào. Có lần chúng tôi ngắm chiếc Volendam chạy qua bên hông chúng tôi cách xa chừng ba trăm thước hướng về phía Nữ Ước, nhưng chúng tôi vẫn có cảm tưởng cả trần gian chỉ còn lại hai chúng tôi. Bây giờ tôi mới biết đó là một ngày tách biệt hẳn với bao ngày khác, một nỗi hân hoan vô tận, lưu loát và hoàn toàn, có thể làm nguôi ngoai và hàn gắn mọi khổ đau trong cuộc sống, một ngày như những liếp sắt trong một chiếc áo giáp và đủ thứ khí giới làm náo động thánh đường. Nếu mình sống được một ngày như thế mình là kẻ may mắn hơn đa số đàn ông, và nếu mình giữ được mãi như thế mình là một bậc thần tiên bất tử.

Một lần trong đêm tối, trong lúc nằm theo kiểu nàng thích nằm, mặt áp lên bờ vai trần của tôi và mái tóc mềm của nàng xõa trên cánh tay tôi, nàng chột động dẩy một cách mơ màng và nói như đang nửa thức nửa ngủ:

- Stuart, anh chờ bao giờ tin em.

Tôi liền bảo:

- Em điên. Anh bao giờ cũng tin vợ của anh.

- Em muốn uống.

- Scotch nhé?
- Dòng máu Tô-cách-lan của anh.
- Anh sẽ rót vào tim em.
- Trong tim em đã có máu của anh rồi.

Và lúc trời gần sáng, trong khi nàng đang ngủ một cách hiền hòa và tôi thao thức nằm ngắm một bên khuôn mặt của nàng trong ánh sáng mờ rọi qua khung cửa sổ hình tròn phía trên đầu nàng, nàng chợt cựa quậy trong giấc ngủ, đầu lắc qua lắc lại trên chiếc gối. Nàng kêu lên trong hơi thở hỗn hển, bằng một giọng khùng khiếp:

- Không, không!

Tôi liền sờ cổ nàng bằng cách lấy ngón tay khều ngay dưới vành tai bên trái, cách người ta vẫn thường dùng để trấn an và đánh thức ai mà không làm cho người đó giật mình. Nhưng nàng không tỉnh giấc. Nàng lại yên tĩnh nằm ngửa như cũ. Nàng tiếp tục nói:

- Em biết anh sẽ không bắt em làm việc đó. Em biết mà.

Chỉ có thế. Nàng nói như những người mới ngủ vẫn thường nói. Tôi cố không suy nghĩ tới những lời vu vơ của nàng nữa. Nền trời bên ngoài các khung cửa sổ đã khởi sự ửng sáng và những vì sao đang bắt đầu lặn trong lúc tôi bỗng hồi hận nhận thấy rằng tôi đã không hề nhớ đến em tôi suốt một ngày rưỡi.

Chú thích:

- (1) Orion: theo thần thoại Hy-lạp là một thợ săn, người yêu của Diana, nữ thần tượng trưng cho mặt trăng, săn bắn và trinh bạch; về sau Orion bị nạn chết và được nàng đưa về cõi thiên đường hóa thân thành một chòm sao (Liệp Hộ), gần chòm sao Tawus (Kim Ngưu) (chú thích của dịch giả).
- (2) Norn: theo thần thoại Na-uy, Norn là một trong ba vị thần: Urlh (Quá khứ), Verihandi (Hiện tại) và Skuld (Tương lai) quyết định số mạng cho thần thánh và loài người (chú thích của dịch giả).

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 7

Cô gái trong phòng vô tuyến lấy bức điện tín mà tôi vừa thảo và đọc lại cho tôi nghe, trong lúc cô ta đánh dấu từng chữ một bằng bút chì:

- John Dillingham, Công ty Hermes, 2091 đường R.N.W., Hoa-thịnh-đôn, D.C (HERCOR). Xin kiểm chứng có phải người đàn ông tên Howard Anson đã đáp phi cơ từ Nữ Ước đi Hoa-thịnh-đôn có lẽ vào chiều Thứ Tư 19 hình như không phải hãng Đông Phương và cho biết tin càng sớm càng tốt, Dunbar.

- Thưa ông, có phải HERCOR là địa chỉ điện tín?

- Vâng. cô có thể gửi đi ngay?

- Thưa ông, chúng tôi sẽ gửi đi nội buổi sáng hôm nay. Nhưng nếu ông cần phúc đáp liền, ông có thể dùng điện thoại.

- Không đến nỗi gấp rút như vậy. Cô cứ gửi điện tín cho tôi.

- Vâng. Chúng tôi sẽ cho ông biết điện tín phúc đáp ngay khi nhận được. Tôi đi xuống dùng bữa điểm tâm, và như thường lệ, bắt gặp MacInnes là người ăn sáng sớm nhất. Ông ta bảo:

- Chào ông. Có tin vui trong tờ Ocean Times sáng nay. Ông có biết đêm hôm nay Monique de Ménard sẽ hát cho mình nghe trong buổi hòa nhạc?

Tôi đáp:

- Tôi có nghe ông trưởng kho lương yêu cầu cô ấy. Cô ấy cho hay sẽ hát nhạc Hugo Wolf.

- Tuyệt! Dường như ông không mấy lưu tâm đến chuyện này?

- Đúng thế! Tôi chưa hề nghe bài nào của Hugo Wolf.

- Vậy thì ông sắp có cơ hội nghe. Mới tưởng tượng thôi cũng đủ thú rồi. Ít có người nào hát lieder hay bằng cô ấy, nhất là những bài của Wolf. Tôi đã nói với vợ tôi, hôm chúng tôi nghe cô ấy trình diễn trong một liederabend (1) ở Hong Kong, rằng thật là bất hạnh cho bất cứ một ai cùng lên sân khấu hát chung với cô ấy. Lẽ dĩ nhiên trước kia đã từng có nữ ca sĩ Elisabeth Sechwarzkopf cũng thuộc vào hạng giỏi.

- Tôi cũng có thể tưởng tượng được.

Ông ta nói:

- Dunbar, ông quả thật là một con người kỳ lạ. Tôi có cảm tưởng ông đặc biệt lưu tâm đến người đàn bà đó, nhưng xem bộ ông tỉnh bơ tựa hồ ông không thèm nháy nháy mắt dù đang trông thấy mẹ ruột của ông chết đuối. Ông ta nói mấy lời đó một cách khinh bạc. Tuy nhiên tôi vẫn không giận mà chỉ bảo:

- Tôi là cả một khối xúc động nung nấu trong lòng, nếu ông có thể nhìn thấy được trong lòng tôi.
 - Tôi tin tôi có thể thấy được. Tôi là con trai thứ bảy của một người con trai thứ bảy, tất cả đều thuộc dòng giống Tô-cách-lan, và thỉnh thoảng tôi trông thấy những hiện tượng huyền bí. Chẳng hạn như hiện giờ, tôi cứ thắc mắc mãi về người đàn bà đó. Cô ta... như thế nào, thật tình tôi không dám quả quyết. Ông có biết tiếng "fey", một danh từ xưa cũ của xứ Tô-cách-lan?
 - Mơ hồ thôi. Có phải nghĩa là khả năng thấy được những chuyện huyền bí do trời phú?
 - Không, không đúng. Tiếng đó có nghĩa số phải chết.
 - Tất cả loài người ai mà không khỏi chết?
 - Dĩ nhiên như thế. Nhưng danh từ đó bị hiểu sai chỉ vì thiên hạ tin rằng những người có số phải chết được trời phú khả năng thấu thị, tức là khả năng thấy những chuyện mà bình thường không ai có thể thấy, như những biến cố sắp xảy ra, những hiện tượng siêu hình, v.v... Tôi có linh cảm một cách gần như chắc chắn rằng cô gái đó đang lâm nguy một cách trầm trọng, nếu không đến nỗi phải chết. Tôi chân thành ước mong không đúng như thế. Nhưng căn cứ theo khả năng thấu thị của tôi, tôi còn linh cảm rằng cô ta có thể là nguồn gốc hiểm nghèo cho chính ông.
 - Hơn bất cứ người đàn bà đẹp nào khác?
- Ông ta quả quyết gật đầu.
- Vâng. Tôi biết ông nghĩ rằng tôi chỉ là một kẻ bạc nhược, nhưng kinh nghiệm đời đã cho tôi biết nên nói những chuyện đó ra khi mình cảm thấy một cách quá chắc chắn. Hơn nữa chuyện tàu này có một bầu không khí vô cùng kỳ dị. Nó ghép ông vào người đàn bà trẻ đẹp đó. Ông không cảm thấy như vậy à?
 - Quả thật, tôi không được biết nhiều về cô ấy.
 - Ông đừng nên giấu giếm. Tôi biết quá rõ mà. Ông nên nhớ tôi có khả năng đặc biệt. Ông có biết cô ấy hiện đang bị chuyện lôi thôi thuộc vào loại nào không?
 - Tôi không biết.
- Ông ta im lặng nhìn tôi một lúc, rồi bảo:
- Tôi không muốn tọc mạch. Tôi ghét rắc rối, và ghét tọc mạch. Một trong những thử thách gay go trong suốt thời gian sống trong những trại tập trung Nhật hồi chiến tranh cùng với vợ tôi nhưng bị giam giữ riêng biệt, là con người thiếu mất chuyện riêng tư. Tôi đã quen xem trọng điều này nên không thích xâm lấn vào đời tư của những người khác. Bà nội của tôi, một bậc mệnh phụ theo cổ học, thường trả lời một câu hỏi tò mò bằng một câu vặn lại thật hay. Bà cụ hết sức trầm tĩnh nói: "Nếu ông tha thứ cho tôi vì tôi không trả lời câu hỏi đó, tôi sẽ tha thứ ông về câu ông đã hỏi". Ông có toàn

quyền nói lại câu đó với tôi.

Tôi không muốn đấu khẩu với ông ta.

- Không phải như thế. Chỉ vì tôi không hiểu gì để biện minh cho mối lo ngại của ông.

Ông ta vẫn hỏi gặng, trái với bản tính của ông ta:

- Hiện giờ, ngay lúc này, ông không có chuyện gì rắc rối cả hay sao?

- Không. Tại sao ông có ý nghĩ đó - không kể khả năng thấu thị?

- Hôm qua, cô ta đã hỏi tôi một câu rất kỳ lạ: "Nếu tôi gặp chuyện rắc rối dính líu với những bí mật quốc phòng, tôi có thể tìm gặp ai ở Anh?". Tôi đã hơi sửng sốt, nhưng tôi vẫn cho ý kiến cô ta nên nói chuyện với Sir George Vallance ở Cơ Quan An Ninh, và tôi có nói tôi sẽ mời cô ta cùng đi ăn cơm trưa với ông ta và tôi, nếu cô ta muốn.

- Cô ấy không giải thích rõ cô ấy ngụ ý gì?

- Không. Thật ra, đó không phải là việc của tôi, nên tôi không hỏi. Tôi chỉ hỏi tại sao cô ta không tìm đến một người nào ở ngay trong xứ sở của cô ta. Mặt cô ta liền tái mét, trong lúc cô lắc đầu lia lịa và bảo: "Không, không! Phải ở Anh mới được!". Vì thế tôi không khỏi lo ngại cho cô ta. Nhất định ông cũng vậy, nếu ông quan tâm đến cô ta đúng theo tôi phỏng đoán.

Tôi gật đầu thú nhận:

- Vâng, ông đoán đúng. Tôi sẽ cố tìm cho ra sự thật.

Anson bước vào đúng lúc tôi rời khỏi bàn sau bữa điểm tâm. Ông ta chặn tôi lại ở giữa đường và bảo:

- Dunbar, tôi muốn bàn với ông về một công chuyện làm ăn ngay sáng hôm nay, nếu ông rảnh.

- Bất cứ lúc nào trước mười hai giờ trưa.

- Hay lắm. Mình sẽ nói chuyện trong phòng tôi vào khoảng mười một giờ được chứ?

- Vâng, tôi sẽ đến.

Tôi đi dạo một mình trên boong cho tới gần mười một giờ trưa. Đoạn tôi xuống phòng của Anson ở mạn lái của boong chính. Ông ta hỏi tôi trong lúc tôi ngồi xuống.

- Tôi xin mời ông một ly rượu trước đã? Tôi có một thứ Brandy ngon tuyệt: Martell.

- Không, cảm ơn ông. Tôi có hẹn uống cocktail với một người bạn vào lúc mười hai giờ.

- Thế thì tôi xin phép tiếp tục uống thứ này vậy.

Nói đoạn, ông ta cầm một ly nước cam trên chiếc bàn bên cạnh ông ta và uống từng ngụm nhỏ. Sau đó, ông ta lấy một hộp xì-gà trong hộc bàn, mở ra và đưa mời tôi.

- Không, cảm ơn ông. Tôi chỉ quen hút ống điếu.

Ông ta mỉm cười.

- Đây là xì-gà hiệu Upmano. Chắc ông không thích vì chính trị?

- Tôi không có ý nghĩ gì hết. Nhưng có lẽ ông không phải mời tôi đến để đàm luận về các thứ xì-gà của nước Cuba?

- Ông đoán hoàn toàn đúng. Quả thật không phải vậy. Tôi sẽ vào ngay vấn đề chính yếu.

Ông ta duỗi đôi chân dài ra phía trước mặt và gác chéo mắt cá lại, nhìn xuống đôi giày ông bóng loáng bằng da của mình. Giày được đóng một cách tuyệt đẹp, mỏng và mềm đến nỗi một cử động nhỏ nhất của chân ông ta ở bên trong cũng lộ rõ ra ngoài. Ông ta chống cùi tay lên tay ghế, mấy ngón tay đan vào nhau. Trong lúc nói chuyện, ông ta vẫn chăm chú nhìn hai bàn tay, ngón hơi bẻ cong.

- Dunbar, tôi đã mời ông đến đây nói chuyện với tôi bởi vì tôi lấy làm lạ về ông, và vì tôi muốn đề nghị ông một điều.

- Ông làm cho tôi kinh ngạc.

- Vâng. Và sẽ có nhiều chuyện ngạc nhiên khác xảy ra. Xin để cho tôi nói về nỗi thắc mắc của tôi trước. Tôi thắc mắc về ông bởi vì ông đã tỏ ra tò mò về tôi. Chẳng hạn những câu ông đã hỏi cô De Ménard. Và một bức điện tín hỏi nhiều câu về tôi. Lẽ tất nhiên, tôi không biết rõ nội dung...

Ông ta chợt mỉm cười một cách lạnh lùng trong lúc nói tiếp:

- Nhưng đó là một hành vi trái phép.

- Cô ấy đã bảo ông như vậy?

- Cô gái trong phòng vô tuyến điện chứ gì?

- Không phải. Cô De Ménard.

Ngay sau khi nói tới đây, tôi đã cảm thấy mình quá khờ dại. Tôi đã quên phút gã nghe lóm trong phòng ngoạn cảnh.

- Cô ấy đâu có nói gì.

Tôi bảo:

- Trong vụ này không có gì đáng gọi là bất bình thường. Chắc ông thừa hiểu rằng, trong nghề nghiệp của tôi, chuyện gì cũng có thể xảy ra. Tôi muốn tìm hiểu mọi người và mọi vật.

- Nhưng tại sao lại tôi? Tôi chỉ là một con người không có chút tiếng tăm.

- Ngày nay, thiên hạ đều biết rằng chính những người không chút tiếng tăm đã tạo ra thời sự - và lịch sử. Như John Brown, chẳng hạn. Dred Scott. Viên hạ sĩ tâm thường trên đảo Corsica. Người vũ nữ Đức hèn mọn mang một cái tên Đông Phương.

- Toàn là những người danh tiếng. Ông quá khen tôi. Thôi được, hãy cho qua chuyện đó, mặc dầu câu trả lời vẫn không khiến tôi thỏa mãn. Tôi xin bước sang điểm thứ hai. Tôi đặc biệt lưu tâm đến ông với hy vọng ông sẽ trở thành một người bạn đồng chí. Tôi muốn đề cử ông cho một địa vị trong tổ

chức của tôi.

- Tổ chức gì vậy? Thế mà tôi tưởng ông đã về hưu trí.

- Thôi mà, Dunbar. Phải, tôi đã ra khỏi Hải Quân Hoàng Gia. Nhưng ông chớ nên bảo tôi rằng ông không có một ý kiến gì về cái tổ chức mà tôi đang nói tới. Ông đã hỏi nhiều câu về nó. Có một câu mà cô De Ménard đã trả lời rất thành thực: cô ấy không biết tên của nó. Nhưng ông thì nhất định phải biết.

- Oui-Dire? Tôi có nghe cái tên này. Người ta kể với tôi rằng đó là một tổ chức gián điệp.

- Còn hơn thế một chút. Trên căn bản thì đúng như vậy, nhưng đây là tổ chức hoàn hảo nhất. Dù những tổ chức tinh vi nhất của các chính quyền cũng không sánh nổi. Chắc ông sẽ choáng váng nếu tôi kể cho ông nghe những người của chúng tôi đặt ngấm trong mọi chính phủ - nhiều nhân vật có địa vị rất cao. Chẳng hạn một người trong bộ tham mưu của De Gaulle. Một người trong nội các hiện tại của Anh. Một người trong Thượng-nghị-viện Hoa-kỳ. Đâu đâu cũng có. Nhưng không phải chỉ có nhân viên. Oui-Dire đang biến thành - sắp biến thành - một thứ siêu-quốc-gia.

Tôi dăm dăm nhìn ông ta có tới nửa phút mới hỏi:

- Vì thế, các ông đang thu tập các khoa học gia? Như em tôi?

- Em của ông? Theo tôi hiểu thì ông ấy đã chết. Dunbar, tôi xin chia buồn cùng ông.

- Ông làm sao biết được em tôi đã chết?

- Oui-Dire có những nguồn tin không bị được.

- Còn Jacques de Ménard?

- Tiếc thay, ông ta từ chối gia nhập với chúng tôi. Về phần ông thì sao?

- Mình chưa bàn qua các điều khoản. Tiền.

Ông ta hơi ngẩng đầu lên cao. Hai cánh mũi ông ta nở rộng tựa hồ ông ta vừa bắt được một mùi gì khó chịu. Ông ta bảo:

- Nhất định có đủ tiền để thỏa mãn cho cả ông. Nhưng tiền bạc đâu có nghĩa lý gì nếu đem so sánh với thế lực? Khi đã có thế lực thật sự rồi thì tiền bạc thâu vào mấy hồi - tôi không dám nói mọi trường hợp đều giống nhau, nhưng đại khái là như vậy.

- Monique de Ménard là một hội viên trong tổ chức của ông?

Ông ta nhìn sững tôi, kinh ngạc một cách thật sự.

- Trời ơi, đâu phải! Chúng tôi có nhiều việc cần dùng cô ấy, nhưng không đúng như ý ông nghĩ.

Tôi chặc lưỡi.

- Thế thì có vẻ hơi khô khan.

Ông ta xem đó như một câu trả lời. Ông ta quan sát khuôn mặt tôi một hồi lâu, rồi nói:

- Hay lắm. Tôi nghĩ rằng mình đã nói chuyện khá đầy đủ. Nếu ông có thể đổi ý, xin cho tôi hay liền. Trái lại...

Ông ta bỏ nửa chừng, xoay sang chuyện khác.

- Bây giờ đã tới lúc tôi đi dạo trên boong. Ông cùng đi với tôi?

Câu hỏi của ông ta như một lời đuổi khéo. Tôi liền nói:

- Tôi có một việc cần phải làm. Nhưng ông cho tôi hỏi một câu cuối cùng: ông nói rằng ông được tin em tôi đã chết. Tôi tin rằng đó là sự thật. Nhưng đó không phải là quan điểm của giới chính quyền, hay là ông không hay biết gì hết.

- Tôi biết đúng y những chuyện ông đã được nghe kể.

Nói đến đây, ông ta đứng dậy. Chúng tôi cùng ra khỏi phòng ông ta và chia tay tại cầu thang. Ông ta quay lại nhìn tôi với bàn chân đặt trên mặt nấc thang cuối cùng, và bảo:

- Ông chớ nên chờ quá lâu mới quyết định. Như thế có thể không hay... cho chính ông và cả cô De Ménard nữa.

- Như thế nghĩa là sao?

- Nghĩa là không khôn ngoan.

Nói rồi ông ta bước lên cầu thang và mất dạng.

Bức điện tín trả lời bức thư tôi gửi cho Dillingham đến vào lúc sáu giờ chiều trong khi tôi ra khỏi phòng tắm định thay áo quần để đi ăn cơm tối:

Hồ sơ Đông Phương cho biết Anson đáp máy bay Nữ Ước Hoa-thịnh-đôn 19 giờ thứ tư. Khẩn cấp xin cứ gọi Dillingham không cần phải chờ đến Luân-đôn. Patrick.

Cái tên có vẻ xa lạ đối với tôi, nhưng ông ta đã trả lời câu hỏi của tôi. Bình đầu răng và chiếc khăn tay dùng để che mặt. Chiếc áo choàng và cà-vạt của Ted, cùng cái mũ để che chiếc đầu trọc. Ngay khi vừa thay áo quần xong tôi trở lại phòng vô tuyến. Trước khi đánh bức điện tín của tôi, cô gái đọc lại cho tôi nghe:

John Dillingham HERCOR: Nhờ xem lại các chuyến bay từ Hoa-thịnh-đôn đi Nữ Ước sáng Thứ Sáu 21, hình như có một người băng đầu ngồi trong ghế lẫn đi với một người khác. Dunbar.

Chú thích:

- (1) *liederabend*: tiếng Đức, có nghĩa tương tự phòng trà ở Việt Nam (chú thích của dịch giả).

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 8

Monique không xuống ăn bữa tối hôm ấy. Tôi đoán nàng có ý định không ăn gì trước buổi hòa nhạc. Theo sự hiểu biết ít ỏi của tôi về các ca sĩ, tôi nhớ đã đọc đâu đó rằng họ thường thích ăn sau khi hát.

Sau bữa ăn tối, tôi đến phòng nàng và gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Tôi liếc chuồn vào dưới khe cửa một bức thư ngắn đại ý yêu cầu nàng để cho tôi được mời nàng ăn tối trong phòng tôi sau buổi hòa nhạc. Chưa đầy mười lăm phút sau, Daisy gõ cửa phòng tôi, đem phúc thư của nàng đến. Cô ta vừa mỉm cười một cách e lệ đến chịu không nổi vừa đưa bức thư cho tôi:

Stuart yêu quý,

Em sẽ đến với anh nửa giờ sau khi bế mạc buổi hòa nhạc. Trong những vụ như thế này chỉ cần một đĩa chim và một chai rượu là đủ. Monique.

Bức thư như mang theo tiếng nói của nàng. Tôi nhận thấy cô bồi phòng vẫn còn đứng ở cửa và còn mỉm cười. Tôi vừa lục túi tìm tiền lẻ, vừa bảo:

- Không cần trả lời. Cảm ơn cô Daisy, nhờ cô nhắn anh Err vào đây một chút.

Err từ nhà bếp trở lại sau mấy phút, cho tôi biết tôi có thể đặt món *Suprêmes de Volaille en Chaud-Froid*, *Blanche Neige*. Tôi nghĩ như thế cũng tạm đủ và gọi thêm một chai *Pouilly-Fuissé*, 1964.

Phần thứ hai của buổi hòa nhạc, sau khi nghỉ giải lao, là phần dành riêng cho Monique. Nàng đứng trong khoảng lõm của chiếc dương cầm màu đen, với một dáng người yếu ớt, mặc một chiếc áo dài màu đỏ tươi che kín đôi vai và cổ của nàng nhưng để trần hai cánh tay mang găng dài cũng màu đỏ. Albert Morse với chiếc áo choàng dài trông giống hệt một cây ma.

Giọng hát của nàng lúc cất lên khiến tôi bàng hoàng kinh ngạc. Nó không lớn nhưng được vận dụng và điều hòa một cách tuyệt diệu, vừa đầm ấm vừa thiết tha. Nó không hùng mạnh mà thanh tao và truyền cảm.

Nàng đã lựa những bài ca Mignon trích trong tập *Wilhelm Meister* của Goethe (1) để hát sau cùng. Theo chương trình tôi được biết đó là những bài: "Kenast du das Land" (Anh có biết chốn quê hương?), "Singet nicht in Trauer-tone" (Đừng hát bằng giọng buồn), "So last mich scheinen" (Cứ để cho em hy vọng), "Nur wer die Sehnsucht kenni" (Chỉ có kẻ nào đó mới biết tình quê hương), và "Heiss mich nicht reden" (Đừng buộc em nói), tất cả đều do Hugo Wolf phổ nhạc.

Nhất là bản cuối cùng đã làm cho tôi nín thở. Tôi đã nhận ra ngay lúc nàng mới hát câu đầu tiên. Đó là một bản nhạc tôi đã đọc được cách đây khá lâu

trong một cuốn tiểu thuyết, chứ không phải nghe ai hát. Từng câu một lần lượt vang lại bên tai tôi trong lúc nàng hát theo điệu nhạc đau buồn một cách thâm lặng của Wolf.

*Heiss mich nicht reden, heiss mich schweigen!
Denn mein Geheimnis ist mir Pflicht;
Ich mochte dir mein ganzes Inn re zeigen,
Allein das Schicksal will es nicht.
Zur rechten Zeit vertreibt der Sonne lauf
Die finstre Nacht, und sie muss sich erhellen;
Der harte Fels schliesst seinen Busen auf,
Missgonnt der Erde nicht die tiefverborgnen Quellen.
Ein Jeder sucht im Arm des Freundes Ruh ,
Dort kann die Brust in Klagen sich ergiessen;
Allein ein Schwur druckt mir die Lippen zu,
Und nur ein Gott vermag sie aufzuschlissen.*

Và trong đêm tối, tiếng hát của nàng như nghẹn ngào trong nước mắt. Nó không bị lạc giọng, nhưng người nghe tưởng chừng nó sắp sửa vỡ tan. Lời ca tự động dịch ra trong tâm trí tôi trong lúc nàng hát mà mắt không hề rời khỏi mặt tôi:

*Em phải sống trong u hoài im lặng!
Cho một điều bí ẩn đến suốt đời.
Nỗi cô đơn, niềm ước ao mang nặng,
Với anh, làm sao tỏ được bằng lời.
Cho đến khi vầng thái dương xuất hiện
Xé màn đêm, cho mầm sống phơi trần;
Rồi đá cứng cũng vỡ tim dâng hiến
Dòng suối tuôn vào lòng đất âm thầm.
Ai cũng mong an bình trong tay bạn,
Trái tim khô nước mắt sẽ tuôn trào.
Một lời thề khép bờ môi vô hạn.
Mở một lần, chỉ có Chúa trên cao.
(Đan Chinh phỏng dịch)*

Toàn thể khán giả ngồi im sững có tới mấy giây sau khi tiếng hát dứt mới ào ào vỗ tay hoan hô. Nàng ngẩng đầu lên, nhìn thẳng vào mặt tôi với vẻ như muốn ra dấu với tôi bằng chiếc cằm của nàng. Cử chỉ đó không có gì đáng lấy làm lạ, vì tôi đã trông thấy nàng bày tỏ nhiều lần, nhưng lúc này hình như mang một ý nghĩa nào đó mà tôi không sao đoán biết nổi.

Chú thích:

- (1) Wolfgang Goethe: đại văn hào Đức (1749 - 1832), có tư tưởng sâu sắc và óc tưởng tượng phong phú, tác giả của nhiều tác phẩm lừng danh được

dịch lại trên khắp thế giới, ngoài ra ông còn là một nhà bác học đại tài (chú thích của dịch giả).

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 9

Có tiếng gõ vang lên ngoài cửa phòng của tôi ngay lúc vừa quá mười hai giờ khuya. Tôi vẫn còn thức, nhưng tôi chưa kịp cử động thì Monique đã giật mình tỉnh dậy. Ngồi thẳng người, nàng nhìn tôi với đôi mắt mở tròn. Tôi đặt một bàn tay lên vai nàng và nhận thấy nàng đang run. Nàng nắm lấy bàn tay của tôi và áp vào làn da ấm giữa hai gò ngực của nàng. Tôi khẽ bảo:

- Không có gì đâu, em cứ nằm xuống.

Tôi hé mở cánh cửa độ vài phân và nhìn ra ngoài. Đó là Err.

- Thưa ông, có một bức điện tín. Nhân viên phòng vô tuyến vừa đưa xuống.

- Cảm ơn anh Err.

Tôi trở vào với chiếc phong bì trên tay. Monique chăm chú nhìn một cách sợ hãi.

- Gì vậy, Stuart?

- Điện tín. Có lẽ của ông chủ bút của anh.

Tôi xé chiếc phong bì mỏng ra, vo tròn phong bì và ném vào trong cái giỏ rác ở bên kia phòng. Monique nói:

- Hoan hô.

Bức điện tín cho biết:

Nội dung: Người đàn ông băng đầu dường như ngồi trong ghế lặn đáp chuyến bay sáng Thứ Sáu. Có người đàn ông hỏi đầu đi theo. Ngoài ra còn có một người đàn bà cao, tóc đen, thật đẹp. Nhân viên hãng Đông Phương nhớ rất rõ. Hãy cẩn thận. Xin ra dấu nếu cần trợ giúp. Gọi Dillingham nếu gặp khó khăn. Nhưng đừng gọi từ trên tàu. Patrick.

Đọc lại mấy lời ngắn ngủi mô tả về người đàn bà, tôi liếc mắt nhìn Monique.

Nàng cũng đang chăm chú nhìn tôi. Tôi liền bảo:

- Xin lỗi em. Đây chỉ là chỉ thị công tác của ông xếp anh.

Đoạn tôi xếp miếng giấy lại và chuôi vào túi áo ngủ. Trong một vài giây thiếu suy nghĩ, tôi có ý định đưa bức điện tín cho nàng xem và dò xét phản ứng của nàng. Nhưng tôi cố gạt bỏ ý nghĩ này, và từ từ trấn tĩnh lại. Rồi tôi trở về giường. Nàng gọi tôi:

- Stuart.

Nàng vẫn còn ngồi, cúi xuống nhìn tôi. Nền ngực của nàng hơi săn lại trong không khí mát lạnh của ban đêm. Tôi trả lời:

- Anh đây.

- Có chuyện gì rắc rối vậy?

- Đâu có gì rắc rối. Tại sao?

- Anh có vẻ im lặng và thờ thẫn như người mất hồn. Anh đang buồn chán?

- Có lẽ, hơi buồn.

- *Omne animalia triste post coitus?* (1)

Tôi không nín cười được. Nàng nói tiếng La-tinh giống hệt nữ sinh Anh ngoại trừ chữ *triste*. Riêng chữ này nàng lại dùng giọng Pháp, với âm "r" của dân Ile de France. (2)

- Không buồn theo cái kiểu đó. Ngoại trừ lúc anh nghĩ tới chuyện sáng mai tàu sẽ đến Cobh và ngày hôm sau thì đến Le Havre và Southampton.

Nàng chống người trên khuỷu tay và nhìn sát mặt tôi, ngực nàng chạm vào vai tôi. Tôi luôn cánh tay phải của tôi dưới mình nàng và bàn tay ôm lấy khoảng lưng nhỏ hẹp của nàng, cảm thấy làn da của nàng dưới mút ngón tay của tôi êm như nhung. Mái tóc huyền của nàng buông xuống một bên đầu vắt lên cổ tay nàng trong lúc nàng tựa đầu trên nhượng tay. Tôi xoắn một lọn tóc quanh cánh tay nàng như một chiếc vòng. Nàng cúi xuống và hôn tôi một cách chớp nhoáng, kết thúc chiếc hôn bằng cách cắn nhẹ môi dưới của tôi.

- Tại sao anh không vui?

- Anh làm sao vui được khi không biết rồi đây mình sẽ ra sao?

- Chỉ cần hiện tại mình được gần nhau. Như thế này không sung sướng hay sao?

Tôi lắc đầu:

- Vẫn còn chưa đủ.

Nàng nói:

- Anh là một người quá đạo đức. Tại sao vậy?

Ngón tay của nàng rà quanh miệng tôi trong lúc nàng hỏi và giọng nàng chợt có vẻ khác lạ như một vài lần tôi đã bắt gặp.

- Chính anh cũng không hiểu.

- Anh là một hỗn hợp thật lạ lùng, vừa hết sức phong nhã mà lại vừa hết sức rụt rè, một người Tô-cách-lan trên đất Virginia như bá tước Montrose (3) kết hợp với nhà độc tài Cromwell (4).

Tôi chắc lưỡi.

- Anh không ngờ em giỏi sử học quá.

Nàng vẫn không để ý lời tôi và nói tiếp:

- Có lúc anh như người điên cuồng. Nhưng những lúc khác anh lại vô cùng hiền lành. Anh không biết rằng người đàn bà thường thích ngọt dịu nhưng thỉnh thoảng họ lại muốn đối xử một cách cứng rắn? Dù một đôi khi phải chịu đau đớn?

- Anh sẽ không bao giờ gây đau đớn cho em. Monique, có lẽ anh sẽ không bao giờ gặp lại em.

- Cũng có thể lắm.

- Anh muốn nghĩ em tin như thế. Em hãy giải thích cho anh nghe một chuyện. Về bản nhạc Wolf mà em đã hát cuối cùng trong đêm vừa qua. Câu "Một lời thề khép bờ môi vô hạn" ngụ ý gì?

Một nỗi đau đón lướt qua khuôn mặt của nàng. Nàng khẽ hát hai câu cuối: "Một lời thề khép bờ môi vô hạn. Mở một lần, chỉ có Chúa trên cao". Stuart, em đâu có viết mấy dòng này, mà chính Goethe đã viết từ xa xưa. Xin anh đừng hỏi em gì nữa. Đây là lần cuối cùng...

Nàng dừng lại nửa chừng và nhìn sững tôi trong bóng tối lơ mờ.

- Lần cuối cùng gì?

- Lần cuối cùng em có thể nói chuyện với anh. Ngay cả lúc này là lúc giữa mình không còn gì bí mật. Anh hãy tin em. Mình đang phí thời giờ vì nói chuyện.

Tôi liền bảo:

- Thế thì ngừng ngay lại. Em hãy hé miệng ra và nhắm mắt lại rồi anh sẽ cho em cái này hay lắm.

Nàng thì thầm nói:

- Mắt em đang nhắm đây này.

Môi nàng hé ra như một đóa hoa hồng và tiếp đón tôi một cách mê say.

Chú thích:

- (1) *Tiếng La-tinh có nghĩa: "Mọi loài đều buồn sau khi giao hợp".*

- (2) *Ile de France: tên cũ của đảo Maurice, trong Ấn-độ-dương, về phía đông đảo Madagascar, trước kia thuộc Pháp, rồi thuộc Anh từ 1810, dân số 741.000 người, kinh đô Port-Louis, chuyên sản xuất đường mía (chú thích của dịch giả).*

- (3) *James Graham Montrose: Đại tướng Tô-cách-lan, sinh tại Edimbourg năm 1612, tướng lãnh trung kiên của Hoàng đế Anh Charles đệ Nhất, bị hành hình năm 1650.*

- (4) *Olivier Cromwell: Nhiếp chính nước Cộng-hòa Anh, sinh tại Huntingdon (1599-1658). Được bầu làm Thượng nghị sĩ ở Thượng nghị viện (1640), ông hô hào cách mạng chống lại quân đội Hoàng gia ở Naseby (1645). Lên Trung tướng ông thiết lập một tòa án đặc biệt tuyên án tử hình Hoàng đế Charles đệ Nhất (1649) thống trị Ái-nhĩ-lan và Tô-cách-lan, giải tán Quốc hội, áp dụng chế độ độc tài ở Anh (1653) (c.t.c.d.g).*

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ giang

Chương 10

Chưa kịp cạo râu, tôi mặc một cái áo ấm bên trong và khoác chiếc áo choàng len bên ngoài để có thể chịu đựng được không khí buổi sáng giá lạnh của Cobh. Trước khi rời khỏi phòng, tôi đứng uống cạn tách trà, lấy chiếc áo ngủ tôi đã vắt lên thành ghế và định treo vào trong tủ kiếng. Tôi thọc tay vào túi tìm bức điện tín tôi đã cất trong đó.

Nó đã rơi đâu mất. Tôi tìm trên sàn dưới ghế. Tôi tìm khắp mọi nơi trong phòng, nhưng không thấy ở đâu cả. Tôi nhớ rõ đã nhét nó vào trong túi. Tôi không nhớ sau đó tôi có lấy ra, nhưng tôi vẫn xem lại trong hộp đựng máy đánh chữ để chắc chắn tôi không cất nó cùng với các thứ giấy tờ khác trong cái đáy giả. Tất cả đều còn đủ ngoại trừ bức điện tín. Tôi đi lên boong hóng mát với một đầu óc đen kịt. Monique đã rời khỏi phòng hồi trời mới chớm sáng lúc tôi đang ngủ. Tôi cố nhớ lại những giây phút cuối cùng trong tình trạng mơ màng, nhớ lại chiếc hôn từ giã duyên kiếp của nàng và tiếng xột soạt êm dịu của chiếc áo lụa trong lúc nàng mặc vào người. Rồi hết. Tôi đã ngủ thiếp trước khi nàng ra tới cửa.

Hải cảng Cobh sáng chói lên trong nắng sớm, ánh sáng lấp lánh trên những gợn sóng lăn tăn trên mặt nước, không khí xao động với hàng trăm con Hải âu vừa bay tròn vừa phóng xuống chung quanh chiếc tàu đang chạy một cách gan dạ sát cầu nổi, những ngọn đồi xanh của Ái-nhĩ-lan dù ở giữa mùa đông mà vẫn rất tươi tốt, những ngôi nhà bé nhỏ đứng sừng sững trên mũi đất. Khu vực của hải-cảng Cobh trải dài khắp vịnh dưới một bè mây nặng trĩu. Trong lúc tôi đang nhìn ngắm, một cơn gió chợt xé rách một lỗ trên nền mây xám và ánh nắng theo đó tuôn xuống đô thị trông giống hệt một mũi lao từ trên trời phóng xuống.

Ngay về phía dưới chỗ tôi đứng, chiếc xà-lan đã cập sát tàu và các hành khách xuống bến Cobh đang thận trọng tìm đường bước xuống cầu phao dựng lên từ một boong hàng hóa về phía dưới xa. Một số người đã chen chúc nhau trên boong sau của chiếc xà-lan, đứng run rẩy trong ngọn gió lạnh buốt trong lúc họ nhìn hành lý của họ đang được đưa lên boong trước. Một trong số hành khách này là Van Layden với mái tóc vàng tro che dưới chiếc mũ đen.

Van Layden chợt nhìn lên boong hóng mát phía lái tàu và vẫy tay với một người. Tôi nghiêng mình ra ngoài xa khỏi chiếc cột mà tôi đang đứng bên cạnh và nhìn theo hướng mắt của ông ta. Anson cũng đang nghiêng mình ra khỏi một chiếc cột cách xa tôi chừng mười lăm thước.

Van Layden khum hai bàn tay đặt lên miệng và hét lớn mấy tiếng với Anson. Một ngọn gió bất thần đánh bật tiếng nói về phía mũi đất. Tôi chỉ nghe được một vài tiếng:

- Khách sạn Lace! Berkeley?

Nhưng tôi có thể nghe Anson trả lời một cách rõ ràng bởi vì tôi đang đứng khá gần ông ta và ở về phía dưới gió:

- Phải! Thứ Hai!

Cái gì Thứ Hai? Hôm nay là ngày cuối cùng của Tháng Hai. Mấy tiếng đó nghe tựa hồ tóm tắt những chỉ thị về một cuộc hội họp. Khách sạn Lace. Tôi biết chỉ có một nơi thích hợp với lời nói của Van Layden: Khách sạn Lovelace ở đường Berkeley tại Luân Đôn.

Khi chiếc xà lan đã nhỏ dần ở cuối đoạn đường đến Cobh và chiếc Victoria đã nhỏ neo, bắt đầu quay mũi về phía hải khẩu, tôi gõ ống điều vào cái gạt tàn thuốc bằng sắt ở bên cạnh tôi và đi xuống để cạo râu. Vừa lướt lưỡi dao cạo trên mặt, tôi vừa nghĩ đã tới lúc vạch mặt nhân viên của Dillingham trên tàu. Theo tôi được biết thì hiện giờ tôi không gặp một chuyện rắc rối nào nhưng Đảng của Anson - tức Đảng Oui-Dire, bây giờ tôi đã rõ - đang bắt đầu ly tán, và tôi không thể nào một mình theo dõi hết bọn họ. Tôi cũng nhớ rằng người của Dillingham đang ở trên tàu để biết chắc Ted không thể đi tới bất cứ một nơi đâu. Tôi không có cách gì biết được nhân viên đó sẽ dùng những phương tiện nào. Nhưng tôi muốn anh ta xuất hiện rõ để cho ít nhất tôi có thể nhìn thấy anh ta.

Tiềm thức của tôi chắc hẳn đã nhìn nhận trước khi tôi biết rõ rằng Ted chưa chết, rằng Dillingham có lý, và Ted đang muốn đi đến một nơi nào đó mà không được. Điều này không có vẻ mới lạ đối với tôi trong khi tôi vừa cạo râu trước gương vừa suy xét lại, cố gạt bỏ tính ương ngạnh thường lệ. Tôi không phải là một kẻ có nhiều tình cảm, và tôi tin mình có thể kiềm chế những xúc động, nhưng nghĩ đến điều này tôi vẫn cảm thấy cổ họng nghẹn ngào, hơn cả khi tôi nghĩ rằng Ted đã chết.

Trước khi tôi mặc một cái sơ-mi và áo choàng, tôi lục trong hộp đựng khay áo và lấy tấm Hải Quân Bội Tinh mà Dillingham đã đưa cho tôi để dùng làm dấu hiệu. Tôi gắn vào lỗ nút của chiếc áo choàng và sửa lại cho ngay ngắn. Màu kim loại lóng lánh nổi bật trên lớp vải sậm. Nhưng gan dạ tôi không vững như thế.

Martin Allen vừa ăn điểm tâm xong thì tôi ngồi xuống. Ông ta hỏi tôi:

- Ông vừa lên xem Queenstown?

Tôi đáp:

- Vâng. Tôi thích ngắm Hải âu bay.

- Hôm nay cũng là một ngày tốt cho lũ vịt trời, nếu ông muốn ngắm loài này. Nhưng tôi không biết hiện giờ có phải là mùa vịt hay không.

Ông ta mỉm cười với tôi và bỏ đi. Lúc bước qua cửa phòng ăn, ông ta dừng lại để nói chuyện với MacInnes. Tôi cũng sờ đến nỗi không nghe MacInnes nói với tôi trong khi ông ta ngồi xuống bàn.

- Dunbar, tôi vừa chào ông, ông không nghe hay sao?

- Xin chào ông. Tôi xin lỗi vì đang suy nghĩ vẩn vơ.

- Tôi cũng nhận thấy thế. Ông đã lên xem Ái-nhĩ-lan?

- Vâng, đó là một xứ sở tuyệt đẹp. Tôi không hiểu vì sao người Ái-nhĩ-lan đã rời bỏ miền này.

- Theo ý tôi, chắc cũng chỉ vì vấn đề cơm áo. Chào ông Mackintosh, sáng hôm nay có gì đặc biệt không?

Nói đoạn ông ta gọi thức điếm tâm trong lúc tôi ngỡ ngàng ngồi im. Martin Allen là người cuối cùng trên tàu mà tôi có thể nghi ngờ. Tôi đang mất xúc giác, mất cả khả năng phỏng đoán.

Tôi đến gặp Allen trong phòng ông ta, trong lúc ông ta đứng ở khung cửa sổ và chăm chú nhìn quang cảnh cuối cùng của Ái-nhĩ-lan đang biến dạng vào chân trời. Ông ta quay người lại khi tôi lặng lẽ mở cánh cửa không khóa.

- Chào ông Dunbar. Vụ săn vịt trời của ông ra sao?

- Lúc này đâu phải mùa vịt. Ngay ở Ái-nhĩ-lan.

- Chắc tôi đã làm cho ông ngạc nhiên nhiều lắm thì phải?

Tôi đáp:

- Phải.

- Kỳ lạ. Có nhiều lúc tôi tin chắc ông đã nhận ra tôi. Nhất là khi ông nói chuyện về cô De Ménard.

- Thì ra chính ông đã cố lén vào phòng của cô ấy.

Ông ta bảo:

- Mời ông ngồi. Không, tôi đã nói thật với ông về vụ đó. Theo tôi nghĩ, có lẽ là Anson, mặc dầu chuyện này khiến tôi hơi bối rối. Tôi đã cố tìm cách vào phòng anh cô ấy mà không được. Chứ không phải phòng cô ấy.

- Tôi có thể cho ông hay em tôi không ở trong phòng của Ménard. Tôi đã đích thân vào trong đó. Thật ra, tôi không tin em tôi có mặt trên tàu.

- Ông có muốn cá với tôi em ông ở trong phòng của cô De Ménard?

Lần này cơn giận của tôi bất thần bùng nổ. Tôi phải cố gắng lắm mới xòe được bàn tay ra và ngừng nghiêng răng.

- Vô lý.

Nhưng vừa nói xong hai tiếng đó, tôi chợt nhớ lại cử chỉ kỳ lạ của Monique những khi nàng ra vào buồng ngủ mà không chịu mở rộng cửa trong lúc tôi ngồi trong phòng khách của nàng. Và tôi cũng nhớ lại lời từ chối đầy lo âu của nàng lúc nàng không chịu để cho tôi lục soát phòng nàng giữa đêm khuya.

Tuy vậy, tôi vẫn cố nói:

- Vô lý. Nếu thế thì cô bồi phòng đã trông thấy.
- Làm sao ông biết được cô ta không trông thấy? Chỉ cần một món tiền thưởng đặc biệt là thu xếp ổn thỏa. Dù thế nào đi nữa, mong ông vui lòng giúp tôi một dịp lục soát phòng cô ấy đêm nay. Ông hãy tìm cách làm cho cô ấy bận rộn sau bữa cơm tối. Ông có thể đưa cô ấy đi khiêu vũ hoặc đi dạo mát trên boong. Trong lúc đó tôi sẽ lên vào phòng và cố tìm xem.

- Làm sao ông vào được?

Ông ta lấy xâu chìa khóa trong túi ra và đưa cho tôi xem một chiếc.

- Tôi có dụng cụ đặc biệt này để mở bất cứ ổ khóa nào.

- Ông không nghĩ rằng nếu có em tôi trong đó, bọn họ sẽ cho người canh chừng cẩn mật?

- Đâu cần. Ông ấy chắc đã bị tiêm thuốc mê - tôi dám cá như thế. Dù sao, tôi cũng phải chịu liều một phen. Trong nghề của tôi, tôi vẫn thường phải tùy cơ ứng biến.

Ông ta nói bằng một giọng nhẹ nhàng nhưng không có vẻ vui.

Khó mà giải thích được cơn giận đang ngấm ngấm sôi trong lòng tôi hay đây là một mặc cảm phản bội. Ông ta chỉ nói lên những điều mà tôi ngần ngại không muốn nói với chính mình, hoặc với cội tiềm thức luôn luôn hướng dẫn cho lẽ lối làm việc trong tâm trí của tôi. Nhưng tôi vẫn cảm thấy không thích nghe những lời đó.

Tôi bảo:

- Được rồi. Tôi sẽ làm theo lời ông. Ông hãy đến phòng tôi sau khi xong việc và kể lại cho tôi nghe.

Suốt ngày hôm ấy tôi không gặp Monique. Nàng không xuống ăn trưa cũng như ăn tối. Sau bữa ăn tối, tôi lên phòng nàng và gõ cửa. Tôi nghe ngay tiếng nàng hỏi ở sát cánh cửa:

- Ai đó?

Tôi đáp:

- Ein Freund (1) . Stuart.

Nàng chỉ mở cửa một chút xíu. Nàng đang mặc một chiếc áo lụa đen, tóc buộc lại ở phía sau bằng một dây băng màu xanh thẫm như lần đầu tiên tôi đã trông thấy nàng đêm nàng đến phòng tôi. Trái tim của tôi đập thình thịch trong lồng ngực.

Nàng chào tôi với một nụ cười thoáng qua:

- À, Stuart.

- Suốt ngày hôm nay anh không trông thấy em. Anh lo ngại không biết có phải em bị bệnh.

- Em bị nhức đầu ác liệt, nên phải nằm miết trong phòng.

Tôi liền đề nghị:

- Em cố lên khiêu vũ và uống một ly với anh rồi hãy đi ngủ. Chắc chắn em

sẽ cảm thấy khỏe hơn.

Nàng do dự một lát mới nhận lời:

- Được rồi. Nhưng đi chơi với em tối nay, e anh sẽ không vui đâu. Anh cho em mười phút để em thay áo quần. Em sẽ gặp anh trên phòng khiêu vũ.

Tôi có cảm tưởng như một kẻ phản bội. Nhưng tôi cần phải biết.

Chúng tôi cùng khiêu vũ trong một tiếng đồng hồ và kết thúc buổi tối bên nhau bằng một cuộc dạo bộ trên boong hóng mát. Monique có vẻ nghiêm trang và gần như im lặng suốt thời gian ở bên tôi. Tôi có cảm giác tựa hồ vừa nuốt một khối chì và lúc này nó đang nằm trĩ xuống trong đáy bụng của tôi. Ngay cả cảm giác êm dịu của bàn tay tôi đang đặt trên lưng nàng và thân hình đàn bà đầy quyến rũ của nàng trong vòng tay của tôi, vẫn không khiến cho tâm trí tôi nhẹ nhàng khoan khoái được.

Tôi có cái cảm tưởng thường gây ra do những vụ kết thúc. Frost (2) đã nói:

Ah, when to the heart of man,

Seemed it ever less than a treason,

To bow to accept the end

Of a love or a season.

(Ôi, trái tim người chỉ bấy nhiêu,

Dù chưa mưu phản, dối gian nhiều.

Cũng đành chấp nhận cho phần cuối

Của cuộc tình hay một thoáng yêu.

Đan Chinh phỏng dịch)

Đó là tất cả cảm nghĩ của tôi. Tôi không thể giải thích rõ vì sao tôi có ý tưởng đã tới lúc phải chấm dứt. Nhưng cảm nghĩ vẫn đến, đau buồn và không che đậy.

Đang bước đi trên boong hóng mát, chúng tôi cùng dừng lại ở một khung cửa mở để nhìn những ánh đèn lấp lánh sáng của các đội cấp cứu hàng hải trên bờ biển nước Pháp. Thỉnh thoảng chúng tôi trông thấy vùng ánh sáng mờ mờ của một đô thị gần bờ bán đảo Cherbourg phía dưới đám mây đang giăng dọc theo bờ biển. Tốc độ của chiếc Victoria đã giảm bớt. Vốn là chiếc nhỏ nhất so với những chiếc Queen khác, nó hơi tròng trành khi những làn sóng lớn từ ngoài khơi Đại-tây-dương đổ vào nâng phần lái tàu lên cao. Không khí ẩm ướt và giá lạnh: hơi nước biển và hơi sương đọng lại chảy dài trên mặt kiếng cửa sổ.

Nàng buồn rầu lên tiếng:

- Đó là vùng đất đen tối và đầm máu.

Tôi chăm chú nhìn nàng. Nàng vẫn không hề nhìn tôi, trong lúc tôi trả lời nàng:

- Phải.

- Anh đã ở đâu trong thời chiến tranh? Theo các đạo quân đồ bộ?

- Không, anh chỉ ở giữa Thái-bình-dương.

Nàng hỏi tiếp:

- Caen chỉ cách bờ biển mấy cây số về phía trong đất liền. Trong những năm đó, có khi nào anh ước ao có thể chết đi và không bao giờ phải sợ hãi nữa?

- Luôn luôn. Tại Tawara, trên quần đảo Marshall, Salomon, Guam, Iwo Jima, Okinawa. bất cứ ở đâu.

Tôi biết nàng không nhận ra những cái tên đã từng được nhiều người trong bọn quân nhân chúng tôi xem như bùa chú. Tôi cảm thấy mình hơi kỳ cục nên hỏi sang chuyện khác.

- Em vẫn còn nhớ những vụ đổ bộ?

Nàng nói:

- Hồi đó, em đang ở bên Anh. Em hãy còn là một con bé nhỏ xíu. Nhưng em không bao giờ muốn chết. Mãi tới bây giờ cũng vậy.

Tôi vỗ về:

- Em hãy yên tâm.

Nàng quay người khỏi khung cửa mờ và nhìn tôi đắm đắm. Đôi mắt màu khói của nàng gần như u tối, con ngươi mở thật rộng trong bóng tối của boong tàu, khiến cho nàng mang một nỗi buồn vời vợi.

Tôi chột bảo:

- Em đang run. Em lạnh hay sao?

- Như ở dưới đáy mồ. Em nghĩ em phải về phòng ngay bây giờ.

Tới cửa phòng của nàng, nàng nắm chặt và áp lưng bàn tay của tôi vào giữa ngực nàng. Nàng hôn tôi một cách nhanh chóng rồi khẽ nói:

- Ngủ ngon, nghe Stuart?

- Anh sẽ còn gặp lại em?

- Đêm nay không được đâu. Anh Stuart, thời giờ... thời giờ của em đã đến rồi. Ngoài ra em còn bị đau đầu, đau bụng và đang cảm thấy quá buồn chán. Em rất tiếc.

- Anh cũng rất tiếc. Anh sẽ gặp em sáng mai. Trong bữa điểm tâm.

Nàng mỉm cười.

- Ngủ ngon nghe anh Stuart. Anh hãy nhớ đến em. Nhất là về đêm.

Tôi hôn nàng, cố nhận chìm cơn kích thích đang trôi lên trong người tôi.

Nàng đi vào và đóng cửa.

Martin Allen không có mặt trong phòng tôi khi tôi trở về. Tôi liền đến gõ cửa phòng ông ta ở hành lang phía bên trái. Không có tiếng trả lời. Cửa phòng có khóa. Tôi liền đi lên phòng ngoại cảnh và những nơi công cộng khác. Tôi lại còn dạo một vòng quanh boong hóng mát và boong chính. Cả hai nơi này đều vắng tanh. Cuối cùng tôi trở về phòng và leo lên giường với một ly rượu nguyên chất. Vừa uống rượu tôi vừa đọc được hai chương của cuốn The Heavenly Twins mà tôi thường đem theo bên mình thì đã khá mệt

và thiu thiu ngủ.

Tôi đã không nhìn đồng hồ trước khi ngủ thiếp đi. Lúc tôi tỉnh giấc tôi không sao đoán biết mình đã ngủ được bao lâu. Đôi kim dạ quang trên mặt đồng hồ chỉ bốn giờ hai mươi sáu. Cuốn sách mở ra vẫn còn úp trên ngực tôi. Tôi biết mình đã ngủ khá say nên không làm rơi nó xuống.

Tôi nằm im có tới mấy phút mới hiểu cái gì đã đánh thức tôi dậy - Đó là sự yên lặng. Tàu đã nhẹ nhàng vào hải cảng Le Havre và cặp bến trong lúc tôi ngủ mê. Tiếng rung chuyển nhẹ của động cơ đã ngừng.

Vừa thức dậy, một cảm giác kinh hoàng mãnh liệt lướt qua tâm trí tôi làm cho tôi tỉnh táo hẳn. Tôi không có khả năng thấu thị như một số bà con miền Tô-cách-lan của tôi, nhưng tôi đã quá quen thuộc với những hồ nghi của mình. Bây giờ thì tôi có cảm tưởng chắc chắn rằng một việc gì độc đáo, khủng khiếp và nguy hiểm sắp sửa xảy ra.

Cách đây mấy năm đã có một lần tôi không thể nào uống nổi cà phê. chất caffeine đã gây ra trong tôi một cảm giác hoảng hốt, không tên và không hình dáng, tựa hồ có một con thú lớn đang rình rập sắp sửa nhảy chồm lên mình tôi. Cảm giác này lại trở về trong buổi sáng tinh sương hôm nay. tuy nhiên cảm giác kinh hoàng không phải cho chính tôi. Nó tập trung vào Monique, tựa hồ tôi có thể trông thấy rõ ràng nàng đang ở trong cơn hiểm nghèo. Tôi cố áp đảo cảm giác đó xuống càng lâu càng tốt. Rồi tôi trỗi dậy, thay áo quần và mặc luôn chiếc áo choàng dài bằng vải len. Tôi vẫn chưa có một tư tưởng minh bạch mình sẽ làm những gì, cho tới khi tôi bước ra ngoài hành lang. Rồi tôi biết tôi đang đi tìm Monique.

Tôi không gõ lên cửa phòng của nàng, và vận thử quả nắm. Tôi hy vọng như thế sẽ không làm nàng giật mình hoảng sợ. Cửa không khóa và nhẹ nhàng mở ra. Phòng khách lờ mờ sáng. Một chút ánh sáng từ những ngọn đèn của các kho hàng trên bến Le Havre lọt qua mấy khung cửa sổ vừa đủ cho tôi thấy đường.

Tôi lặng lẽ băng ngang phòng và áp tai vào mặt cửa buồng ngủ. Chỉ có sự im lặng và tiếng xào xạc khe khẽ của gió thổi nhẹ trong các ống dẫn thuộc hệ thống điều hòa không khí. Tôi liếc mắt trở lui phòng khách, trông thấy chiếc trường kỷ đã được dọn dẹp, làm chỗ ngủ, chăn và ra xô tung, nhưng không có gối.

Cửa buồng ngủ cũng không khóa. Trong lúc tôi mở hé cánh cửa, tôi bắt đầu nghe những tiếng động trên bến tàu bên ngoài. Đang có hoạt động ở phía trước mũi, có lẽ người ta đang dựng cầu phao để di chuyển hàng hóa xuống bến. Chắc hành khách sắp sửa lên bờ vào khoảng bảy giờ.

Tôi để cho cửa buồng ngủ tự động xoay và bước vào bên trong. Đây là một buồng ngủ có hai giường giống buồng của tôi. Tôi đi tới chiếc giường gần hơn hết. Giường không hề có ai nằm lên nhưng phía trên của tấm vải phủ đã

được lật ra. Chiếc gối có vẻ như đã được ném lên trên đầu giường. Tôi cảm lên mà không hiểu vì sao mình làm như vậy. Mùi nước hoa của Monique phả vào mặt tôi. Tôi biết ngay đó là Bellodgia, thứ nước hoa nàng thường dùng ban đêm.

Chiếc giường kia thì rõ ràng đã có người nằm lên. Tôi nhặt cái gối ở đây và đưa lên mũi. Không có mùi nước hoa. Thay vào đó là một mùi thoang thoảng mà tôi không sao xác nhận rõ pha trộn với một mùi khác nhẹ hơn làm tôi liên tưởng đến không khí trong các bệnh viện.

Tôi đặt chiếc gối trở xuống giường và lần bước về phía cửa buồng ngủ, tâm trí quay cuồng trong suy tư. Monique hiện đang ở đâu? Đúng lúc tôi vừa tới cửa, tôi bỗng biết thật chắc chắn có một kẻ nào ở trong phòng ngay sau lưng tôi. Tôi liền quay vụt người lại, nhưng không kịp. Bị đánh một cú vào gáy, đúng phía sau tai, tôi té nhào tới trước. Tôi ngã người qua cửa ra tới phòng khách, nằm dài trên tấm thảm. Đó là ký ức cuối cùng của tôi. Tôi bất tỉnh trước khi lăn ngửa ra và nằm yên.

Chú thích:

- (1) *Ein Freund (tiếng Đức): một người bạn (chú thích của dịch giả).*
- (2) *Robert Lee Frost (1874 -?): Thi sĩ Hoa-kỳ (c.t.c.d.g.).*

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 11

Khi tôi từ từ tỉnh lại, mặt trời buổi sáng đang chiếu qua cửa sổ phòng khách. Ngay trước khi ngồi dậy, trông thấy góc các tia sáng, tôi biết trời đã khá trưa. Tôi cố gượng vừa đủ để ngồi lên và nhìn đồng hồ tay. Sáu giờ năm mươi bảy. Tôi đã bị bất tỉnh hơn hai tiếng đồng hồ. Tôi có cảm giác đầu mình đã bị nứt, nhưng khi tôi đưa bàn tay sờ qua một cách đầy sợ hãi về phía sau, tôi không thấy máu mà chỉ có một cục u bên cạnh vành tai. Tôi biết mình đã bị đánh ngất một cách tài tình bởi một tay chuyên nghiệp biết cách làm sao cho nạn nhân không chết.

Ngoài ra còn có một mùi vị ngọt một cách buồn nôn trong miệng tôi và một cảm giác nóng ran chung quanh mũi và môi trên của tôi. Thuốc mê. Đúng rồi, không lẽ chỉ một cú đánh dù mạnh đến mức đó, mà lại có thể làm cho tôi mê man quá lâu như thế này.

Tôi phải ngồi yên mấy phút, tay ôm đầu cho tới khi bớt nhức, mới có thể vận sức đứng dậy được. Ngay chính công việc này cũng phải chia thành từng giai đoạn: đặt bàn tay trái lên mặt thảm, chống thân hình lên bằng hai đầu gối, bỏ một bàn chân trên sàn và đẩy mạnh. Bước đi cũng không phải dễ dàng. Tôi bước một cách chậm chạp và lao đảo tới khung cửa sổ gần nhất nhìn ra bến tàu, cố xem thử có phải tàu đang rời bến. Tôi có thể cảm thấy máy tàu chuyển động lại. Nắm chặt mép cửa sổ bằng cả hai bàn tay, tôi trông thấy quang cảnh bến tàu đang di chuyển từ từ xa dần hông tàu. Về phía bên trái tôi có thể trông thấy bờ dốc lải lải trôi lui mãi. Tôi nhìn nhanh khắp bến tàu. Ngoài bốn người, tất cả hành khách khác đã biến dạng vào khung cửa đen ngòm của dãy nhà quan thuế chạy dài bên kia đường sắt.

Họ là ba người đàn ông và một người đàn bà, vừa đi tới khung cửa rộng và tối đen. Petrelli đang đẩy một chiếc ghế lăn mang một người băng đầu kín mít. Anson bước một bên chiếc ghế. Và Monique bước phía bên kia.

Ngay lúc vừa đến khung cửa, Monique chột dừng chân và nhìn lui. Tôi có thể trông thấy khuôn mặt hình trái xoan của nàng một cách khá rõ trong ánh nắng của buổi sáng sớm. Anson dừng cách nàng một bước về phía trước. Ông ta nói với nàng một câu gì đó. Tôi có thể đoán được về nóng nảy trong thể đứng của ông ta. Nàng vẫn đứng nhìn lui thêm một lúc, mắt lướt dọc theo con tàu tựa hồ đang tìm một người nào ở trên boong.

Tôi vội vàng tháo con ốc gắn khung cửa sổ, nhưng ngay trong lúc cố tháo, tôi biết phải mất nhiều thì giờ mới mở được cả bốn con.

Đúng khi tôi ngừng tháo cửa, Monique quay người và đi theo Anson vào trong khung cửa như một miệng hang. Hình ảnh cuối cùng của nàng mà tôi đã được thấy trong lúc nàng ra khỏi nơi có ánh nắng là chiếc váy của nàng xoay nhẹ dưới lai chiếc áo choàng ngắn bằng lông chồn.

Mấy lời nói của Monique chợt vang lại trong tâm trí tôi trong lúc tôi nhìn nàng đi và một mùi vị cay đắng dâng lên từ đáy cổ của tôi. "Thời giờ... thời giờ của em đã tới rồi." "Đây là lần cuối cùng... lần cuối cùng em có thể nói chuyện với anh".

Tôi phải ngồi xuống ở bàn viết của Monique một hồi lâu mới có thể đủ thẳng bằng để đi ra cửa. Tôi chậm bước trở về phòng riêng, tay vịn vào vách ngăn, có cảm tưởng sắp sửa ngã xỉu lại trước khi về tới nơi. Nhưng tôi đã không ngã. Tôi đâm bổ người qua ngưỡng cửa và với tay lui đóng cánh cửa lại. Mãi đến khi tôi lụp chụp bật đèn lên rồi tôi mới trông thấy có ai nằm dài trên tấm thảm nhỏ bên cạnh giường.

Đó là Martin Allen. Ông ta đã gần chết khi tôi sờ vào mình ông ta. Cán một cây dao dài dựng đứng sau lưng ông ta trong lúc ông ta nằm úp mặt xuống tấm thảm. Ông ta gượng ngóc đầu dậy khỏi mặt sàn, nhìn tôi bằng đôi mắt lơ đãng.

Tôi gọi:

- Allen! Ai đâm ông vậy?

Miệng ông ta mấp máy một hồi mới thì thào được một tiếng:

- Matuschek.

Giọng ông ta đã quá yếu, như của một người hấp hối. Tôi luồn một bàn tay dưới trán ông ta và giữ cho mặt ông ta khỏi chạm lên nền. Tôi không thể lẫn ông ta nằm ngửa ra được vì kẹt con dao. Máu ông ta chỉ chảy ra ngoài chút ít, nhưng lưng áo choàng ướt sũng một khoảnh và ở khóm miệng có một tia máu bầm bắt đầu rỉ ra. Tôi hiểu ngay như vậy nghĩa là gì.

Tôi liền nói:

- Allen, ông đừng lo. Để tôi đi gọi bác sĩ.

- Không!

Ông ta như đem tất cả sức lực cuối cùng còn lại để ngăn cản. Tôi có thể thấy rõ thân hình ông ta cứng đờ đi vì đã dùng quá sức trong lúc vẫn cố gắng nói tiếp:

- Không! Trốn đi. Nghi ngờ ông. Hãy im lặng trốn đi. Nói với Dill m. Suit... Try...

Hai tiếng cuối quá yếu đến nỗi tôi không thể chắc chắn mình có nghe đúng hay không.

Ông ta lại lắp bắp:

- Suit... Try...

Rồi máu tươi trào ra khỏi miệng ông ta và mắt ông ta đại hãn khi tôi nhìn kỹ

lại. Tôi đặt nhẹ đầu ông ta xuống và ngồi ngửa ra.

Trong đời tôi, tôi đã từng chứng kiến nhiều người chết. Tôi đã nhận thấy một điều khá kỳ lạ là cơn đau đón lúc chết của mỗi người đều giống nhau. Một kẻ đang hấp hối và biết mình sắp chết bao giờ cũng gần như sẵn sàng ra đi. Các bạn của tôi là những người chịu nhiều đau đớn hơn hết. Tôi đã từng trông thấy nhiều bạn thân gập người lại vì đau đớn đến chịu không nổi, đã từng nhìn ánh mắt lạc thần của một người mặc cho huyết thanh từ từ chuyển sang từ cái chai treo trên cây súng đang cắm lưỡi lê vào nền đất cứng.

Nhưng cảnh tượng ngoài trận tiền bao giờ cũng đau lòng hơn bất cứ một nơi nào khác vì đôi mắt lạc thần là của một kẻ thân yêu như một người anh em cùng chung máu huyết.

Mãi một lúc thật lâu sau tôi mới trông thấy cái hình do Martin Allen vẽ một cách vụng về trên mặt gỗ màu vàng của chiếc ghế đầu bên cạnh giường.

Trong phút chốc, tôi quên hết nỗi phiền muộn. Cái hình được vẽ bằng chính máu của ông ta, gồm một hình chữ nhật với hai hình chữ nhật nhỏ hơn nằm bên trong, đối xứng nhau qua đường chéo và góc dính vào nhau. Dần dần tôi mới hiểu được ý nghĩa của nó: một trong những mẫu cờ dùng làm ám hiệu cho các loại tàu bè, có ngụ ý: "Bạn đang đứng giữa vùng nguy hiểm". Tôi dí một ngón tay lên đó và nhận thấy máu đã bắt đầu đông đặc và đen bầm.

Nhưng Allen đã để lại cho tôi một bức thông điệp.

Họa chăng chỉ có Chúa mới hiểu được tôi cảm thấy mình chịu trách nhiệm về cái chết của Allen trong suốt mười lăm phút ngồi xuống bên cạnh xác của ông ta, nhìn nó lạnh dần. Nhất định bọn chúng đã bắt được ông ta và giam giữ kín ở một nơi nào đó cho tới lúc giết ông ta và bỏ xác trong phòng tôi. Nhưng tôi phải thoát ra khỏi cảnh ngộ này, và tôi bắt đầu nghĩ đến vận đề của chính mình.

Tôi khó lòng mang xác Allen trở về phòng ông ta qua dãy hành lang chật hẹp trên tàu. Còn để lại đây, chắc chắn người ta sẽ phát giác trước khi tôi kịp qua khỏi phòng kiểm nhận thông hành ở Southampton. Trừ phi tôi có thể giấu kỹ ông ta.

Tôi chỉ nghĩ ra được mỗi một chỗ, và ngay cả chỗ này cũng rất nguy hiểm. Không biết bao lâu sau thì người ta lau chùi căn phòng này? Có lẽ không trước cuộc lau chùi toàn diện chiếc tàu để chuẩn bị chạy trở qua Đại-tây-dương. Ít nhất tôi cũng thừa sức lừa phỉnh được Err. Đó là tất cả những gì tôi có thể làm. Tôi phải duy trì tự do để dễ dàng hành động. Thật là may mắn vì tôi đã bảo Err đừng mang trà cho tôi trong buổi sáng cuối cùng này.

Cố quên chiếc đầu nhứt nhối và mùi vị đắng chát trong cổ họng vì buồn nôn, tôi xoắn mấy ngón tay vào phía sau cổ áo của Allen và kéo lê ông ta cùng tấm thảm nhỏ mà ông ta đang nằm lên bằng ngang sàn tới cửa buồng tắm. Tôi không dám nâng ông ta lên cao vì sợ làm tràn vũng máu còn chưa

thăm qua lớp thảm. Ông ta nặng một cách không ngờ. Chiếc đầu võ sĩ của ông ta lắc lư yếu xịu. Tôi suýt nôn mửa mấy lần trong lúc kéo ông ta tới cửa và vật lộn với ông ta cùng tấm thảm để đưa tất cả lên bậc cửa cao hơn nền phòng rồi sau đó lên cạnh bồn tắm lại còn cao hơn nữa. Cuối cùng tôi phải rút lưỡi dao ra để cho khỏi bị vướng lúc lặn ông ta vào bồn. Tôi ngạc nhiên thấy chỉ có một chút máu chảy khi tôi rút dao ra.

Tới đây thì tôi không sao nín thêm được nữa. Tôi quay lại bồn rửa mặt và nôn tháo suốt một phút. Nhưng lẽ tất nhiên trong ruột tôi không có gì nhiều. Ngay cả bữa điểm tâm tôi còn chưa ăn. Yếu đuối và run rẩy, tôi lấy tấm màn cuốn quanh xác Allen và nhét vào hai bên bồn tắm.

Sau khi đã cạo râu qua loa rồi, tôi mới chột trông thấy phong thư lớn nằm trên mặt gối của giường tôi, với dấu hiệu riêng của bến tàu Cunard ở trên góc. Bức thư đề tên tôi, "Stuart", với nét chữ ngay ngắn của Monique.

Tôi nhìn chăm chú một hồi lâu mới mở ra. Đoạn tôi đem thư tới bàn, nặng nề ngồi xuống, và bắt đầu đọc:

Stuart, Stuart yêu quý:

Ai oán: em phải thay đổi tất cả chương trình. Im lặng, sáng nay em phải rời khỏi tàu ở LeHavre. Ngày nay em biết em phải đi Ba-lê với Jacques. Thế có nghĩa là em sẽ không còn gặp lại anh nữa. Stuart, em rất buồn. Nhưng thế này là tốt nhất. U buồn thay, mình sẽ không bao giờ hạnh phúc, vì đời em không bao giờ đem an vui đến cho anh. Rồi đây em sẽ nhớ mãi chuyện này đến suốt đời, anh khiến em không sao quên được kỷ niệm. Nhưng bây giờ anh quên em đi. Đây là món quà cuối cùng em tặng anh, dù em đã cho anh quá ít, nhưng lại bảo đảm cho Ted vẫn còn sống và bình an. Điều này em phải bí mật cho anh hay. Stuart yêu quý, hãy tha thứ cho em, liebe Brust (1), vĩnh biệt anh.

Monique.

Phía dưới chữ ký, nàng đã viết bốn dòng cuối cùng của một ca khúc trong tập Welheim Meister, mà nàng đã hát theo nhạc của Hugo Wolf:

Darum an dem langen Tagie

Merke die es, liebe Brust,

Jeder Tag hat seine Plage

Und die Nacht hat ihre Lust.

Tôi lấy cây bút chì, cảm thấy lỗ trống trong dạ dày đang lan rộng dần, và dịch lại trên mặt giấy ngay dưới mấy câu thơ bằng tiếng Đức:

Rồi tháng ngày trôi chảy êm đềm,

Anh yêu xin nhớ mãi dùm em,

Ngày qua ngày vẫn thêm làm lỗi.

Cứu vẫn bằng niềm vui mỗi đêm.

(Đan Chinh phỏng dịch)

Tôi gạch bỏ đoạn thơ vừa dịch bằng hai lần bút chì khắc nghiệt và xem lại phần chính của bức thư. Tôi đọc đi đọc lại tới bốn lần cho tới khi quả quyết lời thư không giống Monique. Những mẫu tự đầu mỗi chữ hoa viết bằng kiểu chữ in, đúng là lối viết của nàng không sao làm được. Nhưng chữ đầu tiên, đứng riêng ra, thì lại hoàn toàn không giống của nàng. Tất cả chỉ là những câu ghi chú lộn xộn của một nữ sinh. Lời thư rời rạc và vụng về, không sao giống câu văn tiếng Anh của Monique thường không bao giờ vụng về.

Tôi tạm gác lại. Cất phong thư vào trong đáy giả của hộp đựng máy đánh chữ xong, tôi gọi Err mang thức điểm tâm vào phòng. Tôi không thể chường mặt ngoài bàn ăn. Và lại tôi không dám bỏ liều để Err vào lau chùi trong lúc tôi đi vắng.

Anh ta nói khi đem thức ăn vào:

- Ông sắp về tới nhà rồi.

Tôi bảo:

- Phải.

Nhưng tiếng đó làm tôi giật nảy mình. Tôi không thể về nhà được nữa. Tôi sẽ bị truy nã khi người ta tìm thấy tử thi của Allen trong bồn tắm của tôi.

Trong giây lát tôi chợt có ý định sẽ ở lại để cho nhà chức trách thẩm vấn.

Nhưng tôi hiểu như thế sẽ làm hư hỏng cuộc tìm kiếm mà tôi cương quyết thực hiện, và tôi không thể kéo dài thời gian.

Tôi liền hỏi Err:

- Bao giờ thì anh lau dọn căn phòng này?

- Thưa ông, chắc cũng phải sáng mai.

- Tốt. Tôi có việc phải làm. Anh chỉ cần trải giường xong đặt cho tôi tấm bảng "Miễn quấy rầy" ở ngoài cửa.

Tôi ngón ngấu cho xong bữa điểm tâm và đi lên phòng vô tuyến để cố gượng tạo ra một dấu vết giả mạo. Tôi đưa cho cô gái trong phòng này số điện thoại của Khách sạn Savoy ở Luân-đôn. Cô ta bắt liên lạc với Khách sạn sau mấy giây. Tôi liền hỏi thăm George Renata. Tôi quen biết nhiều anh ta nhưng tôi không muốn anh ta nhận ra tôi lần này. Tôi cố giả giọng miền đông tiểu bang Virginia trong lúc nói:

- Ông Renata, tôi là Angus Mackenzie ở Virginia, đang đi trên tàu Queen Victoria sắp cập bến Southampton, và tôi đã vô ý không đặt phòng trước.

Tôi muốn ngụ tại khách sạn Lovelace của ông nếu ông còn phòng trống.

Stuart Dunbar đã dặn tôi có thể nói chuyện với ông nếu tôi gặp khó khăn.

- Nhưng thưa ông Mackenzie, đây là Khách sạn Savoy.

Tôi kêu lên:

- Ôi, trời! Tôi đã gọi lầm số.

- Thưa ông, không hề gì. Nếu ông có thể giữ máy một lát, tôi có thể gọi tới

Lovelace và thu xếp giúp ông.

- Thế thì tốt quá.

Anh ta bỏ đi chưa tới một phút và trở lại cho tôi hay:

- Ông Mackenzie, ông thật may mắn. Ở đó còn một phòng trống loại hai giường, có buồng tắm riêng, nếu ông bằng lòng.

- Vậy là nhất. Ông vui lòng giữ phòng đó cho tôi?

- Thưa ông, tôi đã giữ rồi. Chúng tôi sẽ cho người ra tận bến tàu Southampton để đón ông.

Tôi biết chuyện này sẽ không thể che chở cho tôi được lâu. Hy vọng độc nhất của tôi là cô gái trong phòng vô tuyến sẽ nhớ tôi đã gọi số điện thoại của Savoy, và sẽ không biết mặt tôi. Tôi trả tiền mặt cho cô ta. Nhưng tôi vẫn mất khá nhiều thì giờ, nhiều hơn thì giờ cần thiết khi cần phải mạo hiểm trong một trường hợp như thế này.

Nhân viên sở di trú trên tàu chỉ liếc mắt xem qua sổ thông hành của tôi khi chúng tôi đến hải cảng. Tôi toát mồ hôi khắp người trong lúc ông ta nhìn hình tôi rồi quay sang tôi, và khoan thai đóng khuôn dấu vào sổ. Tôi phải vờ trông ra ngoài, phía mũi đất và tòa lâu đài cổ, qua mấy khung cửa sổ bên hông tàu. Hệ thống điều hòa không khí đã tắt nên không khí trở nên ngột ngạt. Tôi lại còn toát mồ hôi nhiều hơn nữa khi tôi xách hộp đựng máy đánh chữ trước phòng của viên trưởng kho và cố bước thật chậm xuống cầu phao. Tôi chờ đợi nghe một tiếng gọi lớn tên tôi ở bất cứ lúc nào. Tôi chỉ thở được một hơi dài lúc tôi cảm thấy mặt bê-tông ở cuối cầu phao dưới chân tôi, và bắt đầu băng đường rầy xe lửa chở hàng hóa, tiến về phía dãy nhà quan thuế. Thế rồi trong lúc bước vào đây, tôi lại gặp một chuyện rắc rối khác. Tôi đã quên phứt chuyện Geogre Renata bảo sẽ cho người đến đón tôi tại Southampton, mãi tới khi chợt trông thấy một người bồi sang trọng của Khách sạn Savoy đang lảng vảng ở cổng ra.

Anh ta lên tiếng hỏi:

- Thưa, ông Mackenzie?

Tôi không bao giờ biết được bọn họ làm cách nào để nhìn ra người mà họ đi đón, nhưng không bao giờ họ đón hụt.

Anh ta nói tiếp với tôi:

- Thưa ông, tôi sẽ lấy hành lý cho ông, nếu ông vui lòng giao giấy khai báo cho tôi.

Lưỡi tôi lú lại trong mấy giây. Anh ta nhìn tôi một cách kỳ lạ, tay vẫn đưa về phía chiếc phong bì tôi đang cầm. Tôi liền giao cho anh ta, và bảo bằng một giọng hơi luống cuống:

- Tờ khai mang tên Dunbar. Stuart Dunbar.

Vừa nói, tôi vừa đưa cho anh ta một tờ giấy bạc một Anh-kim. Mắt anh ta không hề nháy nháy trong lúc tay cầm tờ bạc.

- Thưa ông, tôi hiểu. Ông cần giữ kín không cho ai hay biết. Tôi sẽ đưa mọi thứ của ông lên xe lửa cấp kỳ. Ông chỉ việc đi theo tôi và bước một mình lên toa xe.

Anh ta đã có mặt ngay vừa lúc tôi đi qua khoảng đường chừng một trăm thước tới nơi xe lửa đậu. Anh ta bỏ hành lý lên giá cho tôi và chào:

- Xin chúc ông đi đường vui vẻ.

Rồi anh ta từ giã bỏ tôi ngồi run một mình.

Mồ hôi vẫn thào ra như tắm, tôi nhìn ra khung cửa về phía dãy nhà quan thuế cho tới khi đoàn xe lửa chuyển mình bắt đầu lăn bánh. Trong lúc con tàu khởi sự chạy nhanh, tôi bỗng trông thấy ba người đàn ông phóng ra khỏi ngưỡng cửa chính của dãy nhà quan thuế. Hai người trong bọn họ là hai viên sĩ quan hàng hải. Người thứ ba là một người mặc áo choàng dài màu trắng. Có lẽ Err. Bọn họ nhìn một lúc tựa hồ muốn chạy theo xe lửa. Nhưng đoàn tàu đã ra khỏi sân. Cuối cùng tôi trông thấy họ chạy trở vào nhà. Nhưng tôi biết giai đoạn tiếp theo là cảnh sát. Sau đó cảnh sát Luân-đôn sẽ truy tầm tôi. Hay là sở Scotland Yard? Tôi không đoán biết được.

Nhưng tôi hiểu tôi phải lánh mặt cảnh sát trong một thời gian. Vấn đề khó khăn là tôi không biết tôi cần lẩn tránh họ trong bao lâu, bởi vì tôi không có một ý kiến nhỏ nào về những gì mình sắp làm.

Tôi ngắm phong cảnh tươi đẹp chốn đồng quê miền Nam nước Anh qua vùng Winchester và Farnborough cùng những vùng khác nằm dọc theo con đường sắt quen thuộc này, cố lên tinh thần bằng một ly gin-tonic ở toa giải khát, nhưng tôi không thấy được bao nhiêu. Tôi đang thử suy nghĩ như một gã tội phạm. Tôi biết tôi không dám đi vào Luân-đôn bằng xe lửa. Nhất định người ta đang chờ tôi ở nhà ga Waterloo.

Mãi tới lúc tôi trông thấy một dấu hiệu đèn về phía bên trái, tôi mới sực nhớ tàu sắp sửa đến ga Vauxhall Bridge, và ga kế là Waterloo. Tôi đành phải đánh liều nhân lúc đoàn tàu giảm tốc độ trong khi chạy qua nhà ga.

Tôi kéo mấy túi đồ của tôi xuống khỏi giá và liệng tất cả ra ngoài cửa sổ ngoại trừ hộp máy đánh chữ trong lúc tàu lướt qua sân ga. Đúng lúc tàu chạy chậm như đi bộ, tôi đã chực sẵn ở cửa, liền mở ra và nhảy xuống khi tàu bắt đầu gia tăng tốc độ. Dù ở tốc độ đó, tôi vẫn bị té và trầy đầu gối.

Chú thích:

- (1) *Liebe Brust*: tiếng Đức, có nghĩa: lạc thú yêu quý (chú thích của dịch giả).

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Phần III - Chương 1

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì sân ga có vẻ thừa thớt người. Tuy nhiên, trong lúc băng ngang, tôi vẫn có cảm tưởng như mình là một kẻ đào tẩu. Chỉ có một chiếc tắc xi duy nhất trên bến xe ở bên ngoài. Tôi đưa một ngón tay ra dấu cho viên tài xế và trông thấy anh ta hoa tay làm hiệu.

Tôi bước vào băng sau của tắc xi và bảo :

- Khách sạn Lovelace, ngã tư đường Berkeley và Piccadilly.

- Vâng .

Anh ta cho máy xe nổ và lách ra nhập đoàn với các loại xer cộ đang lưu thông một cách lưa thưa dọc theo Albert Embankment. Chiếc tắc xi quẹo về phía Nam, trực chỉ Cầu Vauchall. Tôi nghiêng mình tới trước và nói với anh ta lúc anh ta vừa quẹo xe :

- Trước khi đưa tôi tới Lovelace, ông hãy chạy một vòng đường Stratton và cho xe qua thật chậm trước số mười. Không chừng có một người đang chờ tôi ở đó.

Viên tài xế đáp :

- Vâng, Dù sao, tôi cũng phải chạy qua con đường này.

Một trong những điểm kỳ cục của tôi là tôi rất say mê tìm hiểu tên của các địa phương và đường phố. Đặc biệt nhất là ở Luân Đôn, nơi mà những tên đường như những trang sử sáng chói. Như bao nhiêu lần khác, tôi lại kiểm điểm tên những con đường giữa Park Lane , Maxket Stree : Down Street, Queen Stree. Xe rẽ sang trái vào đường Stratton, và chạy rề rề qua phía trước số Mười, là nơi tôi có một căn phòng ở tầng trên cùng để xử dụng những khi không cần phải lánh xa mấy ông cảnh sát. Tôi ngồi một cách tự nhiên trên ghế và chăm chú nhìn vĩa đường phía bên kia. Quả thật đúng như tôi đã dự đoán, hai cảnh sát viên đang đứng phía trước lối vào nhà tôi và đang nói chuyện với một gã đàn ông vạm vỡ mặc thường phục chắc chắn là một viên thanh tra mật thám.

Người tài xế tắc xi ngoảnh đầu lại nhìn tôi với một vẻ mặt hiểu biết :

- Ông đã trông thấy họ rồi ?

- Phải , tôi đã trông thấy . Nhưng không phải phe của tôi. Ông cứ tiếp tục chạy và cho tôi xuống ở Lovelace.

Tôi không biết người tài xế có nhận ra tôi đã từng đi trên xe của anh ta hay không. Tôi trông anh ta không có nét gì quen thuộc. Nhưng tôi rất ít khi đi tắc xi ở Luân Đôn, chỉ thường dùng xe buýt hoặc tàu điện hầm.

Tôi gần như nín thở khi xe chạy vào đường Berkeley, sắp sửa tới Lovelace .

Nhưng ở nơi này không có một người nào chờ tôi. Người gác cửa xách hộp đựng máy chữ và hành lý cho tôi, và tôi ký tên vào sổ không một chút ngưng nghỉ, dùng cái tên Mackensie mà tôi đã nói với George Renata. Tôi cố lên thật nhanh để vào trong căn phòng rộng lớn và đẹp mắt. Tôi đưa cho người bồi phòng một lô áo quần để ủi, rồi đi rửa tay và mặt. Sau đó, tôi xuống cầu thang và ra ngoài đường Piccadilly theo ngã phòng rượu của khách sạn, chứ không qua cửa chính như ban nãy.

Vừa bước chân ra đường tôi đã có quyết định những gì tôi sắp làm. Tôi sẽ đi Ba Lê để cố tìm Monique. Không phải bởi vì tôi ước mong gặp nàng, mặc dầu Chúa đã hiểu nỗi khao khát của tôi mãnh liệt đến mức nào, mà bởi vì nàng có thể dẫn tôi tìm lại dấu vết của Ted. Đó là điều tối thiểu cần phải làm. Sau một buổi sáng suy nghĩ, niềm hy vọng dâng tràn trong lòng tôi. Trong văn phòng hãng BEA ở đường Regent, một con đường phố hình vòng cung, số người đang sắp hàng chờ đợi không nhiều lắm. Lúc tôi bước vào cuối hàng, phía sau ba người khác, tôi chợt nhận thấy một gã đàn ông đã đi theo tôi vào trong phòng và cũng sắp hàng sau lưng tôi. Trước đó, tôi đã không lưu ý đến y, nhưng tôi tin chắc một cách đáng ngại rằng y đã theo dõi tôi từ Lovelace.

Tôi xoay người lại, cố nhìn y cho thật rõ, nhưng làm bộ như đang nhìn về phía cuối căn phòng dài. Tôi chắc chắn ngay y không phải là một cảnh sát viên. Y là một gã đàn ông thấp lùn, mảnh khảnh, mặc một chiếc áo choàng kiểu cũ và đội một cái mũ dạ xám dơ bẩn. Y phục của y không phải của dân Anh, trông hình như đã được sản xuất từng loạt tại một xưởng cắt may nào đó ở Trung Âu. Đám râu đen lún phún mọc lên từ dưới cằm da vàng như sáp chứng tỏ y cần phải cạo thường xuyên hơn.

Nhưng khuôn mặt của y lại có vẻ dễ thương một cách kỳ lạ. Y khiến tôi liên tưởng một giáo sư không có tham vọng và không được đãi ngộ một cách tương xứng đi tị nạn từ Hung Gia Lợi, hiện giảng dạy môn sử học Âu Châu cận đại trong một trường đại học hạng nhì ở Mỹ.

Tôi không thể hiểu nổi y tìm ra tôi bằng cách nào ngoại trừ trường hợp cô gái trong phòng vô tuyến của chiếc Queen Victoria đã nghe lóm trôi trong lúc tôi nói điện thoại và kể lại cho một kẻ khác hay. Và nếu thế thì gần như chắc chắn rằng cảnh sát cũng biết tôi hiện đang ở đâu. Tôi chợt cảm thấy một cơn lạnh bò lên sau lưng.

Tôi không chú ý tới gã đàn ông trong một lúc bởi vì cô gái ở quầy vé hỏi tôi cần nàng giúp việc gì ?

Tôi bảo :

- Tôi muốn đi Ba Lê sáng mai, nếu cô có một chuyến bay.
- Vâng, thưa ông, chúng tôi có một chuyến bay lúc mười giờ hai mươi. Ông vui lòng đợi tôi xem lại còn chỗ nào không.

Đoạn nàng nhấc điện thoại và nói vào máy với thứ tiếng lóng thông dụng trong các quầy vé đường hàng không khắp nơi trên thế giới.

Trong lúc nàng còn đang nói chuyện, tôi bỗng toát mồ hôi lạnh. Tôi đã quên một điều chính yếu. Tôi không thể đi Ba Lê. Tôi không thể xuất trình sổ thông hành ở trạm cuối của bất cứ một đường bay nào, vì e rằng tôi đang bị truy nã. Nhất định cảnh sát đang kiểm soát kỹ các phi cảng.

Nhưng tôi vẫn để nàng kết thúc cuộc điện đàm. Nếu quả thật gã đàn ông sau lưng đang theo dõi tôi, ít nhất tôi cũng có thể lừa phỉnh y một phen. Nàng viết xong vé và đóng khuôn dấu. Tôi trả tiền mặt cho nàng, bởi vì tôi không muốn dùng chi phiếu du khách với tên họ tôi ghi rõ ràng trên đó. Tôi bước ra khỏi hàng người và đi ra đường Regent, tới ngã tư rồi quẹo trở về đường Piccadilly.

Trong lúc quẹo ở góc đường, tôi quay nhanh người lại tựa hồ tôi vừa quên một chuyện gì. Tôi gần như đụng mạnh vào người viên giáo sư sử học nhỏ thó. Y đi sát sau lưng tôi, cách tôi chưa đầy ba bước. Y nhảy qua một bên để tránh và lăm bắm một câu xin lỗi bằng một giọng Trung Âu nhưng không rõ nước nào. Y cúi đầu đi vòng quanh tôi và tiếp tục bước về phía khách sạn Lovelace theo đường Piccadilly. Tôi đứng chờ hai phút sau mới đi theo y. Tôi không thể trông thấy y trong đám đông về phía trước mặt tôi, nhưng tôi đoán rằng, nếu y là kẻ biết việc, y sẽ dừng lại ở một chỗ nào đó và chờ cho tôi bước qua. Y đã làm đúng như thế thật. Tôi trông thấy y ở ghi sê của tiệm bán đồ da B. Lewis, đang liếc nhìn tôi đi qua. Y quay mặt lại và lần này lại còn mỉm cười với tôi trong lúc tôi bước qua trước tiệm.

Mãi tới lúc bấy giờ tôi mới chợt có ý nghĩ rằng, sự vụng về của kẻ đang theo dõi tôi chắc không phải vô tình. Nếu y là người của Aneon, người của Oui-Dire, có lẽ y muốn tôi hiểu rằng tôi luôn luôn ở trong vòng giám thị của Aneon.

Một điểm khiến tôi đặc biệt lưu ý: nếu Oui-Dire biết tôi hiện ở đâu và tôi chưa bị cảnh sát chộp, thì rõ ràng Oui-Dire không muốn cảnh sát biết tôi ở đâu, hoặc không có ích lợi đích đáng nào trong việc giúp họ tìm bắt tôi.

Buổi tối hôm ấy, chuông điện thoại trong phòng tôi tại Lovelace đã reo vang một lần. Tôi hơi do dự trước khi trả lời. Khi tôi dỡ máy lên, trong đường dây không có một tiếng nói nào, ngoại trừ một hơi thở mạnh và chậm. Viên giáo sư sử học đang làm một cuộc kiểm soát thông thường để biết chắc tôi còn ở trong phòng.

Tôi liền nói vào máy:

- Vâng, tôi hãy còn đây. Tôi sẽ không đi đâu hết, ngoại trừ xuống quán Buttery vào khoảng mười một giờ khuya để uống một ly trước khi đi ngủ.

Y đáp:

- Ông Dunbar, ông không chơi đúng theo luật lệ.

Lần này, nhờ nghe rõ hơn một chút, tôi xác định được giọng nói của y. Đó là giọng Tiếp Khắc. Phát giác này cũng làm tôi nhớ lại những lời cuối cùng của Allen.

Tôi bảo :

- Matuachek, tôi có luật lệ riêng của tôi. Chào ông và chúc ông nhiều ác mộng.

Bây giờ tôi đã biết chắc rằng kẻ giết Martin Allen đang bám sát tôi theo lệnh của Oui- Dire.

Sau một ngày dài và một ly đôi whisky trước khi lên giường nằm, tôi đã ngủ say được bốn tiếng đồng hồ đầu tiên. Rồi tôi bỗng tỉnh dậy vào khoảng ba giờ sáng, với cảm tưởng vừa nghe ai gọi tên mình. Lúc tỉnh táo hẳn, tôi mới hiểu rằng đó chỉ là tiếng gọi trong một giấc mơ. Nhưng giọng nói không thể nào làm được. Chữ «I » trong tên tôi có âm điệu đặc biệt của vùng Ile de France. Tôi nằm thao thức một hồi thật lâu, cố xua mờ hình ảnh khuôn mặt trái xoan xanh xao và mái tóc đen của nàng trên chiếc gối của tôi.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 2

Thành Đô

Sáng hôm sau, tôi yêu cầu dọn điểm tâm ngay trong phòng. Trong lúc ăn, tôi lấy bức thư của Moniques ra khỏi hộp đựng máy chữ và đọc lại lần nữa. Nó vẫn không có một ý nghĩa nào sáng sủa hơn. Chắc chắn phải có một ám hiệu gì trong những chữ ở đầu dòng nếu tôi thừa nhận hai chữ không viết hoa. Nhưng tôi vẫn nghĩ mãi vẫn không thấy gì khác lạ và sinh ra nghi ngờ suy đoán của mình. Người ta thường tìm được nhiều ý nghĩa ngẫu nhiên sau khi sắp đặt lại các hàng chữ nếu chịu khó nghiên ngẫm thật kỹ. Điều khiến cho tôi gần như chắc chắn rằng bức thư này mang một ám hiệu đặc biệt là người viết đã dùng chữ và đặt câu một cách vụng về. Các hàng chữ giống như những câu thơ không vần không âm hiệu, tựa hồ nhiều chữ đã được dùng một cách gượng gạo để ngấm chứa một ám hiệu nào đó.

Cuối cùng, sau khi uống xong tách cà phê cuối, tôi quả quyết rằng nếu tôi không đọc nổi ám hiệu, thì ít nhất tôi cũng có thể tin tưởng sẽ không có một ai khác đọc nổi trong trường hợp bọn họ nhất định lục soát phòng tôi.

Tôi đã ghim vào trong cái kẹp phía trên hộp đựng máy chữ Olivetti của tôi mấy tờ giấy viết thư khổ lớn mang dấu hiệu của bến tàu Cunard mà tôi đã lấy trong phòng viết của chiếc Queen Victoria. Tôi rút ra một tờ và đặt lên mặt bàn cùng với bức thư của Moniques. Tôi biết mình không thể sao lại y hệt từ màu mực cho đến nét chữ của nàng, nhưng tôi có thể miễn cưỡng giả mạo tuồng chữ này.

Công việc được thực hiện một cách khá mỹ mãn với một mảnh khốe mà một ông già chuyên môn làm các thứ giấy tờ giả mạo đã truyền thụ cho tôi hồi tôi nhờ ông cụ nguy tạo một văn kiện. Quý bạn chỉ cần lật ngược bức thư mà bạn muốn chép lên trên một tờ giấy trắng, đoạn xếp sát dưới hàng chữ bạn cần sao và đặt sát phía trên chỗ mà bạn sẽ viết. Rồi bạn đừng nghĩ đó là một hàng chữ, và cứ cẩn thận sao từng dòng tựa hồ đây là những chi tiết trong một bức họa đồ chứ không phải là chữ.

Tôi chép lại bức thư y hệt nàng đã viết, nhưng tôi thay đổi khoảng cách giữa các chữ ở cuối mỗi dòng, để cho những chữ mang mặt hiệu - nếu quả thật tôi đoán không lầm - không còn nằm ở đầu dòng. Khi viết xong, tôi xếp bức thư này theo đúng lối xếp của nàng và cất vào trong cái đáy giả của hộp máy chữ. Đoạn tôi lấy một phong bì ở quầy tiếp tân của khách sạn và bỏ bức thư chính hiệu của Monique vào trong đó. Bên ngoài phong bì, tôi đề tên Đại úy

Colin Andrews, Bộ Tư Lệnh Hải Quân Hoàng Gia Anh, và ghi thêm dưới hàng địa chỉ : "Xin trao lại cho Stuart Dunbar". Nếu quả thật Đô Đốc Everett Jonas đã viết thư cho ông ta, chắc chắn ông ta sẽ nhận biết cái tên này. Tôi dán tem và bỏ phong thư vào thùng ngoài hành lang gần thang máy.

Tôi biết cần phải gọi điện thoại cho Dillingham, nhưng tôi bỏ ngay ý nghĩ đó. Sau một lúc phân vân, tôi quyết định gởi cho ông ta một bức điện tín, liền điện thoại xuống phòng gác để nhờ gởi đi :

Đã lên bờ, hiện tại Khách sạn Lovelace. Đau buồn về vụ Quen và Martin. Sẽ điện thoại sau khi biết điều gì rõ ràng.

Tôi ký bằng cái tên Mackenzie. Tôi tin Dillingham sẽ thừa sức đoán biết nguồn gốc nhờ ý nghĩa của bức điện tín.

Trong suốt khoảng thời gian còn lại của buổi sáng, tôi cố sức suy nghĩ. Tôi không thu hoạch được một kết quả nào ở đây bởi vì không có kết quả để thu hoạch.

Phương pháp sáng kiến hoàn toàn khác với phương pháp suy luận, và tôi vốn quen thuộc với cách đầu hơn cách sau. Đa số các bài tôi đã viết cho hăng Thông tấn đều là những bài sáng kiến, từ con người, nơi chốn, cho tới mọi vật. Tôi không bao giờ thích kiểu giải thích bởi lẽ tôi không có tài giải thích thật hay. Phương án sáng kiến có nghĩa là : bạn hãy ráng học tập mọi điều liên hệ với vấn đề, rồi bỏ quên nó đi trong hai tuần lễ để cho nó chìm sâu vào tiềm thức, và trong giai đoạn thứ ba tư tưởng của bạn sẽ nảy mầm. Tư tưởng sẽ nổi lên mặt biển bí mật đó. Khi tôi thử dùng phương pháp này vào việc suy luận, các tư tưởng trôi lênh bèn như một lũ cá thu đã chết và có mùi hôi.

Trên đường đến tiệm Buttery để ăn trưa, giữa lúc tôi gần như quyết định phải đi Ba-lê dù nơi đó là địa ngục và dù sẽ bị đám thanh tra chu lưu gây khó dễ, tôi mua một tờ Daily Telegraph và cầm theo trên tay. Tôi dừng lại ở quầy rượu bên ngoài tiệm Buttery để uống một ly trước, rồi khởi sự xem sơ qua trang đầu của tờ nhật báo.

Thoạt tiên tôi hăm hở đọc bài tường thuật về vụ Martin Allen bị giết trên tàu Victoria. Người viết đã dùng những lời lẽ khá dè dặt, có lẽ bởi vì không ai hiểu biết nhiều về Allen. Bài báo cho tôi hay cảnh sát đang nóng lòng muốn được tiếp xúc với một người tên Stuart Dunbar, "người có thể giúp ích cho cảnh sát trong cuộc điều tra", bởi vì Dunbar là một trong những người quen biết với nạn nhân. Nói trắng ra là : tôi đang bị truy tầm để cho cảnh sát thẩm vấn như một kẻ bị tình nghi. Một người bồi tàu - có lẽ là Err - để kể lại với cảnh sát rằng tôi đã trở về buồng hơi sớm hơn giờ phỏng định xảy ra án mạng. Bất cứ một độc giả truyện trinh thám nào cũng biết rằng giờ chết không thể định rõ một cách chính xác. Err cũng đã thuật lại tôi có hỏi anh ta phòng sẽ được lau chùi vào lúc nào.

Nhưng tôi chỉ thật sự xúc động khi mắt tôi bắt gặp một hàng chữ lớn khác, cũng đăng trên trang nhất, dính liền với cái tên Ménard.

Bài báo khiến cho thần trí tôi gần như hôn mê. Nó kể lại cái chết của Jacques de Ménard trong một tai nạn xe hơi kiểu thể thao ở gần Ba-lê. Đầu nạn nhân đã bị đè nát một cách ghê rợn và chiếc xe đã bốc cháy sau khi lăn tròn nhiều vòng trên một đoạn đường vắng giữa Ba-lê và Troyes. Phóng viên đã thuật khá đầy đủ về công việc và chức vụ hiện tại của kẻ bất hạnh :

Jacques de Ménard là chủ tịch Công ty Điện tử Pháp Quốc (Compagnie Electronique de France, S.A.), do chính ông thành lập và lúc này đã trở thành một công ty lớn, với năm ngàn nhân viên, sản xuất từ những vật dụng trong nhà cho đến các loại máy móc điện toán, các hệ thống ra đa phức tạp và các hệ thống kiểm soát hướng dẫn hỏa tiễn. Ông vẫn chưa lập gia đình. Cô em gái của ông, Monique de Ménard, một nữ ca sĩ nổi tiếng, là người thừa kế duy nhất.

Chính đoạn cuối cùng của bài báo đã khiến cho tôi xao xuyến mãnh liệt hơn hết :

Lúc tai nạn xảy ra, ông De Ménard đang ngồi bên cạnh một người đàn bà còn trẻ mà thi thể chưa được biết lý lịch. Hiện giờ cô De Ménard vẫn chưa có thể trở về nhà riêng của cô tại Ba-lê để giải thích rõ điều này.

Tôi ngồi bên cạnh ly rượu chưa cạn một hồi lâu, cứ đọc đi đọc lại bài báo sơ lược, rồi tôi vào trong tiệm Buttery để ăn một bữa cơm trưa mà tôi không thể nhớ có nuốt nổi hay không.

Tôi chỉ có thể nhớ rõ ràng chuyện đã xảy ra lúc tôi ăn xong. Tôi bắt đầu cảm thấy mơ màng buồn ngủ. Loại cà phê của Anh, pha như trà, thường quá yếu không chống nổi cơn buồn ngủ bình thường, nhưng tôi biết đây không phải là cơn buồn ngủ bình thường. Tôi khởi sự nhìn một vật hóa thành hai và mí mắt nhất định sụp xuống.

Tôi liền yêu cầu tính tiền. Lúc ký tên vào tấm phiếu và đưa lại cho người bồi, tôi lo sợ mình sẽ không đi nổi tới thanh máy.

Nhưng tôi vẫn còn đủ sức đi. Tôi mò mẫm dứt chìa khóa mở cửa và vừa vào trong phòng đã nằm vất ngang giường, mê man không còn biết gì nữa.

Khi tôi tỉnh dậy, tôi đang nằm thẳng người trên giường. Một chiếc gối đã được đặt dưới đầu tôi. Tôi cảm thấy mình vẫn còn mặc đầy đủ áo quần. Tôi cố ngồi lên nhưng không thể được. Tôi thật sự bị trói chặt không khác gì Gulliver trong xứ Lilliput (1), chỉ khác một điều là không thấy sợi dây nào. Thế mà tôi vẫn không sao cử động. Tôi liền đảo mắt nhìn quanh phòng.

Van Leyden đang tự trên lan can ở chân giường, hai cánh tay gác dọc theo lan can, mắt nhìn xuống tôi dưới mái tóc vàng. Viên giáo sư sử học nhỏ thó đứng sát bên trái y. Y cũng chăm chú nhìn tôi một cách thản nhiên.

Viên giáo sư chợt lên tiếng :

- Hình như ông ta đã tỉnh lại.

Van Leyden đáp :

- Phải. Matuschek, tôi thấy rồi. Ông Dunbar, ông có thể nghe tôi chứ?

- Vâng. Ông đang làm gì ở đây?

- Chỉ đến viếng thăm thân hữu. Ông Dunbar, ông cảm thấy thế nào?

- Hoàn toàn bị tê liệt.

- Thú vị. Để chúng tôi xem lại cho chắc chắn. Ông vui lòng thử đưa một cánh tay lên. Cánh tay kia.

Tôi làm theo lời của y. Sức cố gắng nhất định ai cũng có thể thấy dễ dàng.

Ông ta mỉm cười. Tôi lại thử hai chân. Tất cả đều nằm bẹp trên giường như những khúc cây không còn sinh khí.

Van Leyden bảo :

- Tuyệt. Xem bộ ngon lành lắm. Được rồi, Matuschek.

Gã đàn ông nhỏ thó liền đi quanh tới bên cạnh giường. Y nắm lấy bàn tay của tôi và bắt đầu bẻ ngược ngón tay cái ra phía sau. Tôi đau đớn hét lên :

- Trời ơi!

- Đủ rồi, Matuschek. Ông Dunbar, đó chỉ là một lối chứng minh rằng ông vẫn có thể cảm thấy đau đớn.

- Các ông cũng vậy nhey tôi được tự do, đồ chó đẻ đồng tính luyến ái.

- Ông nói chuyện có khó khăn không?

Lưỡi tôi hơi cứng lại nhưng tôi vẫn có thể nói :

- Không. Tại sao? Các ông có muốn nghe những gì tôi nghĩ về các ông?

- Bây giờ khoan đã, ông Dunbar. Có lẽ khi khác. Bây giờ chúng tôi đang đi dò tin tức, chứ không phải đi chải rửa. Trước khi chúng tôi khởi sự tìm những gì chúng tôi cần theo những lối không mấy vui thú, ông có vui lòng cho chúng tôi biết bức thư hiện ở đâu?

Tôi hiểu y muốn nói gì. Thói quen đặc biệt của người Tô-cách-lan đã xui khiến tôi cất bức thư ở chỗ mà y không thể nào tìm ra. Tôi giả vờ hỏi lại :

- Bức thư nào?

- Thôi mà, ông Dunbar, ông đừng nên gây khó khăn. Chúng tôi đang cần bức thư cô De Ménard đã viết cho ông trước khi cô rời tàu.

- Cô ấy đâu rồi?

- Tôi không có thì giờ để trả lời câu hỏi cho ông. Bức thư ở đâu?

Tôi vẫn một mực.

- Tôi không hiểu ông đang nói gì.

Y liền quay sang Matuschek.

- Được rồi, Vasil.

Gã đàn ông nhỏ thó cúi xuống và xách một chiếc vali con bằng da khỏi mặt nền bên cạnh chân y. Y đặt vali

Y đặt vali lên cái bàn ở giữa hai chiếc giường và lấy ra một ống chích. Tôi

nhìn sững y đẩy mũi kim vào trong một ống thuốc có chất nước trong suốt xuyên qua nút cao su và rút chất thuốc vào ống chích.

Van Leyden bảo :

- Cần thận nghe, Vasil. Chỉ cần hai phân khối.

Matuschek gật đầu. Y cúi lên mình tôi và véo một miếng da phía trên khuỷu tay của tôi. Y ngần ngại nhìn Van Leyden.

- Ông Dunbar, chắc ông muốn biết chuyện gì sắp xảy ra? Đây là một thứ thuốc đặc biệt rất hiệu nghiệm mà chúng tôi đã kiếm được trong một chuyến công tác thường ở Mạc-tư-khoa. Loại này, ở những nơi khác rất ít người biết tới. Nó gây ra những triệu chứng giống hệt một thứ ma túy. Thường thường, nó bắt đầu có hiệu lực sau khi chích vào người độ chừng (y nhìn đồng hồ tay) mười lăm giây sau. Chúng tôi sẽ chích cho ông một chút. Hiệu lực sẽ kéo dài khoảng hai phút. Nếu Matuschek tính kỹ.

Nói đoạn, y gật đầu với Matuschek. Viên giáo sư sử học mỉm cười một cách hiền lành và thúc mũi kim vào cánh tay của tôi. Y chích một cách khéo léo đến nỗi tôi gần như không cảm thấy gì khác lạ.

Tôi nhắm mắt lại và chờ đợi. Tôi có cảm giác tựa hồ những bắp thịt ở tay và chân tôi đang bị siết chặt bởi những chiếc kềm nóng đỏ. Cùng lúc với cơn đau đón dữ dội này, trong chốc lát đã lan tràn khắp cơ thể, lại còn thêm một cảm giác khổ sở hơn cỗi trên một cơn đau như những hòa âm trên một nốt nhạc. Tôi cảm thấy dường như có nhiều đàn kiến đang tấn công từng phân da thịt tôi, từ đầu cho tới gót chân. Tựa hồ tôi đang bị lột da sống, tựa hồ nhà giải phẫu đang moi các mạch máu của tôi và lôi ra ngoài cơ thể. Tôi cảm thấy máu đang tràn ra trong miệng tôi, trong khi tôi cắn lưỡi để cho khỏi hét lên. Khổ sở nhất là tôi không thể vận vẹo thân hình cho đỡ đau đón. Tôi vẫn còn bị tê liệt.

Tôi phỏng đoán khoảng thời gian này chỉ kéo dài hai phút như Van Leyden đã ước lượng. Nhưng nó như không bao giờ chấm dứt. Khi tôi lên tới mức độ gần ngất xỉu và cố gắng gượng lại, những cảm giác đau đón qua khỏi tột đỉnh và như nước thủy triều rút xuống không còn gì nữa. Tôi nằm yếu xỉu và toát đầy mồ hôi trên giường.

- Ông Dunbar, đó chỉ là một màn biểu diễn nhỏ. Một lối thăm vắn vắn minh thật, phải không ông? Và có lẽ đó mới là khởi đầu. Bây giờ tôi sẽ hỏi lại một lần nữa. Bức thư ở đâu?

Tôi không còn muốn liều mạng một cách vô ích. Thiên hạ vẫn thường bao tôi ương ngạnh theo kiểu này. Tôi liền nói :

- Trong hộp Olivetti, dưới đáy giả. Kéo đường rãnh kềm máy đánh chữ lên.

Van Leyden gật đầu với Matuschek. Matuschek đi tới cái hộp trên bàn vào kéo đường rãnh lên. Y trở lại và trao bức thư tôi đã viết giả mạo cho Van Leyden.

- Tại sao ông muốn lấy bức thư này? Đó chỉ là một bức thư chia tay.

Matuschek mỉm cười và mở miệng lên tiếng lần thứ hai :

- Thế thì tại sao ông cất giấu quá cẩn thận như vậy?

Van Leyden bảo :

- Khởi cần, Vasil. Ông Dunbar, chuyện rất đơn giản. Chúng tôi muốn biết chắc cô De Ménard không nhắn gởi gì với ông.

- Cô ấy hiện ở đâu?

Y chỉ vắn tắt trả lời :

- Ở nơi an toàn. Tuyệt đối an toàn.

Y có vẻ như muốn nói một điều gì khác nhưng đã đổi ý một cách kín đáo.

- Còn em tôi?

- Đã chết rồi, Ông Dunbar à. Tôi xin chia buồn. Ông nên bỏ qua chuyện đó đi. Ông chỉ gây thêm đau đớn nếu ông cứ tiếp tục tìm kiếm một cách đại dốt.

Y lại gật đầu với Matuschek. Gã đàn ông nhỏ thó lấy một ống chích khác trong chiếc va-li của y. Y thọc cây kim vào trong một cái chai khác.

Van Leyden giải thích :

- Thứ này chỉ giúp cho ông ngủ lại. Bây giờ không còn đau đớn gì nữa. Ông Dunbar, xin chúc ông có nhiều mộng đẹp.

Matuschek lại chích mũi kim vào cánh tay của tôi.

Chú thích:

Lilliput : xứ sở của giống người lùn một tác rưỡi, trong "Gulliver s Travels" của nhà văn Jonathan Swift ở nước Anh vào thế kỷ thứ 18.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bò Giang

Chương 3

Sáng hôm sau tôi thức dậy thật sớm. Tôi cảm thấy trong mình không có chút hậu phản ứng nào cả. Tôi nằm yên một lúc lắng nghe tiếng máy xe chạy trên Đường Piccadilly êm dịu vọng vào phòng qua hai lớp cửa sổ. Một lát sau tôi trỗi dậy, cởi áo quần mặc từ hôm qua và đi tắm nước lạnh.

Trong lúc cạo râu tôi bắt đầu cố suy nghĩ một cách đúng đắn. Tôi rồi bù đầu với đủ giả thuyết trong suốt bữa điểm tâm do bồi phòng đem vào cho tôi vào khoảng chín giờ. Tôi vẫn trở về với kết luận cũ. Về vụ Monique và Ted mất tích, tôi vẫn nhất định truy tầm. Bây giờ tôi hiểu rằng tôi không thể bám lấy niềm tin Ted đã chết lúc tôi còn ở Hoa-thịnh-đốn. Mặc dầu vậy, tôi không biết có thể tin Monique về những điểm nào. Riêng lời cam quyết của nàng về vụ Ted hãy còn sống thì có thể tin được. Tôi cố không nghĩ đến Monique. Rất có thể nàng chính là người đàn bà trẻ tuổi ngồi chung xe với anh nàng khi anh ta chết.

Tôi thay áo quần và đi thang máy xuống tầng trệt lúc chín giờ rưỡi.

Đúng lúc cửa thang máy mở tôi chợt biết mình đang lâm nguy. Đứng ở bàn giấy của người gác cổng là người đàn ông tôi đã trông thấy trước lối vào cao ốc có căn nhà của tôi, đang nói chuyện với hai cảnh sát viên mặc sắc phục. Rõ ràng ông ta là một thanh tra mật thám. Ông ta đang hỏi thăm người gác cửa.

Tôi biết ông ta có thể tìm được một bức hình của tôi một cách dễ dàng tại Hãng United Publication. Ngay lúc tôi vừa có ý nghĩ này, tôi trông ông ta lấy một chiếc phong bì từ túi áo trong và cho người gác cửa xem một tấm hình.

Tôi nhẹ nhàng ra khỏi thang máy và rải hai bước dài qua khúc hành lang hẹp, tiến tới cánh cửa hông mở ra phía quán Buttery. Viên thám tử nhìn lên khi tôi bước qua lối đi chật hẹp và mắt chúng tôi cùng gặp nhau trong một lát. Nét mặt ông ta không có vẻ nhận ra tôi. Bước nhanh lên hành lang chính tôi lẹ làng ra cửa phía đường Berkele hướng về ngã Buttery mà không bị theo dõi.

Tôi tìm được một buồng điện thoại ở đường Berkele và quay số của bộ Tư Lệnh Hải Quân. Tổng đài cho tôi liên lạc với một người thư ký. Giọng nói lạnh nhạt của một người đàn bà nhắc lại tên tôi tựa hồ có gì đáng lưu ý. Rồi cô ta nói:

- Ô, đúng rồi, ông Dunbar. Chúng tôi đang mong đợi ông. Tôi là Delight, nữ thư ký của Đại úy Andrews. Ông vui lòng chờ một phút để tôi xem thử sáng

nay ông ấy có việc gì hay không?

Cô ta trở lại sau mười giây.

- Ông Dunbar, Đại úy Andrews mời ông đến đây ngay. Tôi sẽ thay đổi một vài buổi hẹn để dành cho ông trọn sáng hôm nay.

Tôi liền bảo:

- Độ mười phút nữa tôi sẽ đến.

Đề Đốc Jonas đã thực hiện lời hứa. Tôi chợt cảm thấy bớt cô đơn hơn một chút.

Tôi đón một chiếc taxi đến Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Tôi biết đã đến lúc cần phải vận dụng mọi sự giúp đỡ mà tôi có thể tìm thấy. Tôi không chắc chắn sẽ nhờ cậy nhiều ở Đại úy Colin Andrews, thuộc Hải Quân Hoàng Gia, nhưng tôi phải thử xem.

Văn phòng của Đại úy Andrews khiến cho tôi hơi ngạc nhiên. Căn phòng không lớn, nhưng nó gây ra một cảm tưởng đặc biệt. Cái bàn viết xinh xắn của ông ta đặt ở một đầu phòng trông thật cân xứng với chỗ hội họp ở đầu kia, gồm một cái bàn hội nghị ngắn xung quanh có sáu chiếc ghế bành rất êm ái. Mấy bức tường lót ván đào-hoa-tâm và những tấm màn bằng vải dày ở các khung cửa sổ khiến cho căn phòng giống hệt văn phòng của một vị giám đốc quan trọng. Ngay trong ngày u ám như hôm nay, nó vẫn mang nét vui tươi và sáng sủa. Ngoài ra lại còn có một lò sưởi nhỏ đốt bằng than đá ở cuối phòng gần chỗ hội nghị.

Bản thân Andrews là một điều đáng ngạc nhiên. Ông ta bước vào văn phòng một cách nhanh nhẹn, mấy phút sau khi nữ thư ký của ông ta dẫn tôi vào.

Ông ta có vẻ quá trẻ so với một vị đại úy của Hải Quân Hoàng Gia, có lẽ chỉ trên bốn mươi tuổi là cùng. Một bộ mặt điều hâu ngăm đen, với một cái mũi quặm tạo cho ông ta cái dáng của một tay lãng tử giang hồ vào thời Elizabeth Đệ Nhất. Nhưng ông ta cạo râu rất sạch. Ông ta chỉ cần thêm một bộ râu của Francis Drake là hoàn toàn giống vị đề đốc này.

Ông ta lên tiếng:

- Chào ông Dunbar. Tôi hy vọng ông chính là Stuart Dunbar, người Everett Jonas đã viết thư cho tôi hay.

- Chính tôi đây. Xin chào đại úy Andrews.

- Ông đến vừa đúng lúc để gây hào hứng cho tôi. Nấy lúc gần đây công việc mỗi lúc một thêm nhàm chán.

Sau khi hỏi qua về gia thế tôi, ông ta lại hỏi tiếp:

- Có phải ông cũng là người mang tên Stuart Dunbar đã gửi cho tôi một bức thư mà tôi chưa kịp mở ra xem?

- Vâng. Tôi ước mong đại úy có thể dành cho tôi ít phút.

- Bao nhiêu cũng được. Tôi đã cho dời tất cả các cuộc hẹn sáng nay khi tôi nghe tin ông đến đây. Ông ngồi xuống chứ. Ông muốn dùng cà phê hay trà?

- Xin cho trà.

Ông ta chắc lưỡi và mỉm cười.

- À, ông dùng trà. Cô Delight, cô thấy chứ? Còn tôi thì cà phê. Cô Delight đã học pha ở bên Mỹ, ngon tuyệt.

Cô ta liền bỏ đi lấy khay.

Tôi hỏi:

- Tên cô ấy là Delight thật, hay đó chỉ là một biệt danh gọi đùa trong sở?

Ông ta đáp:

- Đúng Delight. Chắc ông tưởng tên cô ấy có chữ “De” ở trước như một số người Pháp. Ở London có một tiệm bán thịt mang bản hiệu J.W. Death. Tôi đoán có lẽ khởi thủy là De Ath.

Cô Delight trở vào với chiếc khay. Cà phê bốc hơi thơm ngát.

Andrews bảo:

- Cô Delight, nhờ cô mời Sir George vào.

Khi người nữ thư ký đã đi ra, ông ta quay sang tôi:

- Tôi mong ông không phiền lòng. Sau khi tôi nghe tin ông sẽ đến đây trong sáng hôm nay, và sau khi tôi nhớ lại những lời Everett Jonas đã viết cho tôi, tôi thiết tưởng mình phải mời Sir George Vallance đến. Chắc ông biết ông ấy là Giám đốc An Ninh.

Tôi nói:

- Vâng, tôi có nghe nói về ông ấy một cách mơ hồ.

Nhất định Andrews xem việc này quan trọng lắm, nên ông ta mời dời tất cả các cuộc hẹn lại và yêu cầu Vallance đến họp.

Andrews nói:

- Càng mơ hồ chừng nào càng tốt chừng đó. A, Sir George, ông đã đến. Đây là ông Stuart Dunbar. Tôi đã nói chuyện với ông về ông ấy.

Sir George lên tiếng:

- Ông là một người bạn của một người bạn của tôi. Alexander MacInnes.

Ông mạnh giỏi chứ?

- Vâng, cảm ơn ông. MacInnes là một người rất tốt. Tôi hy vọng ông ấy không chê tôi quá nhiều.

- Ông ấy đã nhắc lại tên của ông, phòng lúc tôi có dịp gặp ông.

- Một sự tình cờ lý thú

Vallance mỉm cười một nụ cười lạnh lùng.

- Không hoàn toàn đâu. Ông ấy còn nghĩ rằng tôi cần phải biết rõ về câu hỏi của cô De Ménard. Ông có biết cô ấy hiện giờ ở đâu?

- Không.

Ông ta nhìn tôi chăm chú một hồi lâu, mãi cho đến lúc Andrews xen lời:

- Thôi mình cùng ngồi xuống đi. Chúng tôi muốn nghe câu chuyện của ông. Tiếng chuông điện thoại liên lạc nội bộ trên bàn vang lên ngắt lời ông ta. Đó

là cô Delight.

- Thừa đại uý, có ông Dillingham đến.

- Cô mời ông ấy vào ngay.

Tôi ngạc nhiên ra mặt:

- Dillingham?

Andrews bảo:

- Vâng. Tôi không thể không gọi cho ông ấy hay, sau những lời Everett Jonas đã kể với tôi. Tôi mong ông không lấy thế làm phiền.

Tôi đáp ngay:

- Tôi còn vui mừng là chẳng khác.

Cô Delight dẫn Dillingham vào phòng. Tôi để ý thấy ông ta và Sir George Vallance giống nhau một cách đặc biệt: thân hình cao, gầy, toàn màu xám.

Ông ta bắt tay với Vallance và Andrews, rồi bảo tôi:

- Dunbar, ông vẫn còn là một đầu đề.

Tôi đáp lại:

- Tôi vẫn còn có nhiều vấn đề.

Ông ta nhìn Andrews.

- Các ông đừng để tôi làm gián đoạn.

- Không, không! Không đúng là gián đoạn. Dunbar mới sửa soạn kể chuyện cho chúng tôi nghe.

Tôi mất bốn mươi phút sau đó để kể lại tất cả câu chuyện, với mọi chi tiết mà tôi có thể nhớ. Họ đều hết sức lắng tai nghe. Họ chỉ ngắt lời tôi ba lần, hai lần để hỏi thêm cho rõ, một lần chỉ huýt gió khi tôi kể tới đoạn Van Leyden và Matuschek đột nhập vào phòng của tôi. Đó là phần cuối của câu chuyện.

Vallance nói:

- Bọn người đó chắc chắn không bao giờ đùa. Chúng tôi đã dùng họ một đôi khi – tôi muốn nói nhóm Oui-Dize. Nhưng không hiểu bây giờ có chuyện gì khác lạ? Bọn này như đi trật đường rây.

Andrews lắc đầu.

- Tôi không hiểu. Nhưng tôi lưu ý đến phát minh đó, và hiện giờ Edward Dunbar ở đâu.

Dillingham lớn giọng bảo:

- Tôi cũng vậy

Vallance quay sang ông ta.

- Ông hãy kể vụ đó cho chúng tôi nghe với. Nó hiệu lực đến mức nào?

Dillingham bảo:

- Hiệu lực một cách khủng khiếp. Các ông có thể tin lời tôi. Tôi không mấy lo ngại về phát minh nguyên thủy của người Pháp – tức phát minh của Jacques de Ménard – nhưng tôi vô cùng lo ngại về phát minh của Edward

Dunbar. Phát minh của CEFSA chỉ có hiệu lực tới chân trời, nhưng phát minh của Dunbar có hiệu lực uốn cong theo mặt địa cầu.

Vallance kéo chòm râu mép qua một bên.

- Hừ. Tôi hiểu. Minh có thể phỏng đoán bọn chúng muốn chiếm phát minh đó để làm gì?

Dillingham nói:

- Chúng tôi đã cố suy đoán. Chúng tôi không có ý kiến gì mãi đến lúc nghe Dunbar kể lại đề nghị của Anson trên tàu Queen Victoria. Dunbar, y nói gì? một thứ siêu quốc gia?

Vallance bảo:

- Vô nghĩa. Nhưng tôi tin rằng manh mối thật sự ở trong mấy tiếng Martin Allen đã gượng nói với Dunbar trước khi chết. Bọn chúng đã bắt giữ Allen suốt đêm. Nhất định anh ta đã nghe bọn chúng nói chuyện. Ông không có ý kiến gì về hai tiếng đó hay sao, Dunbar?

- Không.

- Ông có chắc chắn đã nghe rõ? Chỉ có ông mới biết được.

Tôi lắc đầu.

- Làm sao mà chắc chắn được. Tiếng nói như sắp hết hơi và không còn tự nhiên. Mỗi ông ấy chỉ hơi hé ra. Tôi đã kể cho các ông nghe hai tiếng tôi nghe được. “Suit” và “try”.

Andrews nói:

- Có vẻ mơ hồ thật.

Tôi bày tỏ ý kiến thêm:

- Thật ra, hai tiếng đó, không được thốt lên một cách rõ ràng như lúc này tôi cố gắng thuật lại. Tiếng thứ hai - nếu có thể xem đó như một tiếng nói - rất dễ nghe lầm từ tiếng “Tra”. Tiếng kia nghe rõ hơn, nhưng cũng rất có thể tôi đã lầm. Cuối tiếng này không chừng là chữ “d” chứ không phải là chữ “t”, nhưng như vậy thì lại vô nghĩa hơn nữa.

Vallance nghiêng mình tới trước và chăm chú nhìn tôi.

- Minh thử nghĩ đó không phải là hai chữ, mà chỉ là một chữ với hai âm.

Chuyện có lý đấy chứ?

Tôi nhìn nhận:

- Có thể lắm. Lúc đó Allen đang hấp hối. Rất có thể ông ấy dừng lại giữa hai âm.

Vallance chỉ một ngón tay trở thật dài vào tôi

- Ông hãy nghiệm lại theo lối đó.

Tôi thử đi thử lại nhiều lần. Kẹt hơn hết là chữ “y”. Giọng nói của Allen phều phào trong máu, nên cũng có thể đó là chữ “a”. Khi thử lại lần thứ ba, tôi có cảm giác vừa bị một quả đấm thực sự. Dà dày tôi thất lại.

Tôi reo lớn:

- Chúa ơi! Ngu quá.

Andrews từ tốn bảo:

- Tôi xin chịu thua.

Dillingham chồm ra khỏi ghế

- Ông nói gì vậy?

Tôi liền đáp:

- Tôi đã quên đưa cho các ông xem bức thư do Monique viết cho tôi. Đại úy

Andrews, ông đang giữ bức thư đó mà. Ông vui lòng cho tôi xem lại?

Ông ta rút phong thư in tên và địa chỉ của Khách sạn Lovelace ra khỏi túi.

Phong thư vẫn còn dán kín. Tôi liền xé ra, và nói:

- Nó đây. Cùng một chữ. Nhưng đối với tôi nó không có nghĩa gì cả.

Andrews cầm lấy bức thư.

- Phải. Tôi hiểu lỗi mật mã này.

Đoạn ông ta gọi lớn vào máy điện thoại nội đàm.

- Cô Delight!

- Thưa đại úy cần gì ạ?

Ông ta nói ngay:

- Cô Delight nhờ cô lấy cuốn Muirhead Scotland ngoài thư viện đem vào đây cho tôi? Càng nhanh càng tốt.

Vallance hỏi:

- Ông nói tiếng gì nghe lạ quá?

Dillingham bảo:

- Chắc là tiếng Ấn Độ

- Không, tiếng Tô-cách-lan. Sir George, nhất định ông biết Saint Sudra.

Ông ta lấy bức thư khỏi tay của Andrews, xem qua và gật đầu.

- Phải rồi! Đúng là Saint Sudra. Rõ ràng như ban ngày, chỉ việc đọc thẳng xuống là thấy ngay. Nhưng, Andrews, thế này thì vô lý quá.

Dillingham nín không được, phải hỏi:

- Có ai vui lòng nói rõ ra cho tôi nghe với?

Ngay lúc đó, cô Delight đi vào phòng, với một cuốn sách nhỏ màu xanh trên tay. Tôi nhận thấy đó là một trong những cuốn chỉ dẫn thật hay của nhà xuất bản Ernest Benn, do Russell Muirhead soạn thảo. Tôi đã mang theo bên mình sáu cuốn trong bộ sách này những lúc phải đi đến các vùng xa lạ.

Andrews cầm cuốn sách và giở nhanh qua những trang ở phía sau. Rồi ông ta hớn hờ nói:

- Phải, đây rồi. Tôi xin trích đọc trang ba trăm chín mươi hai, đoạn cuối phần viết về quần đảo Hebrides: "Saint Sudra, gồm bốn hải đảo nhỏ tách riêng một vùng và hiện giờ không có người ở (dộ chừng năm mươi dặm vuông) cách Murra, điểm cực anm của Outer Hebrides, bốn mươi dặm về phía tây, ngày nay chỉ được viếng thăm với những mục tiêu khoa học (không

có tàu du khách). Đảo lớn nhất, Saint Sudra (dài độ chừng mười dặm) có cao độ lên tới một ngàn hai trăm bộ, về phía cực bắc là nơi được bao bọc bởi những bờ đá tuyệt đẹp, mặc dù những vùng ở miền trung và miền nam rất bằng phẳng. Vào tháng tám năm 1930, toàn thể dân chúng trên quần đảo (tổng cộng ba mươi lăm đảo lớn nhỏ), với những phương tiện riêng bán khai, đã di chuyển mọi thứ động sản đến định cư một số lớn gần Lochaline. Hiện nay, bốn đảo trong nhóm Saint Sudra (Sudra, Dun, Ross và Kevin) bị bỏ hoang cho lũ dê núi rất khó săn bắt và lũ chim biển sinh sản ngày một thêm nhiều trên những bờ đá cao. Giống vật thực sự đã man duy nhất là chuột. Saint Sudra (không có vị thánh nào mang tên này) có lẽ xuất xứ từ cái tên Sudreyjar, một danh từ Na-uy nghĩa là Đảo Miền Nam mà người Na-uy dùng để gọi chung quần đảo Hebrides. Đã có một thời kỳ Sudra thuộc quyền của dòng họ MacLeod. Đảo Dun chính là nơi Lord Field đã đày bà vợ của ông ta khi bà này biết rõ nhiều chuyện bí mật của đảng Jacobite (1734). Sau đó ông ta đã cử hành tang lễ cho bà vợ, mặc dầu vị phu nhân bất hạnh còn sống thêm ba năm kể từ ngày được đưa đi khỏi đảo vào năm 1972.”

Mọi người cùng suy nghĩ trong im lặng. Andrews kéo dải lụa dùng để đánh dấu vào trang vừa đọc và gấp cuốn sách lại. Ông ta đắm đắm nhìn chúng tôi với cặp lông mày nhíu sát vào nhau.

- Có ai muốn đánh cuộc rằng đây không phải là Saint Sudra ám chỉ trong bức thư? Và tiếng Sudra của Martin Allen?

Tôi quả quyết:

- Nhất định đó là tiếng Allen cổ nói. Chắc hẳn ông ấy đã nghe bọn chúng nói chuyện về nơi này trong lúc bọn chúng bắt giữ ông ấy thâu đêm. Bọn chúng đã nói chuyện không thêm e dè, vì biết rằng Allen sẽ phải chết sáng hôm sau.

Vallance hỏi:

- Điểm chính yếu là gì?

Dillingham trả lời ông ta:

- Tôi nghĩ Andrews đang tin tưởng rằng mấy hòn đảo này có lẽ không phải không có người ở như Muirhead nói trong cuốn sách.

Andrews gật đầu:

- Chính thế. Có lẽ giống vật thực sự đã man duy nhất không phải là lũ chuột nữa. Và tôi có ý kiến mình nên tìm hiểu rõ ngay lập tức. Tôi xin phép đi gọi một cú điện thoại. Tôi sẽ thấy tôi có thể phát giác được những gì.

Ông ta liền đi đến bàn giấy và quay một số điện thoại gồm có bảy chữ số.

Trong lúc chờ đợi trả lời từ đầu dây đằng kia, ông ta nói với chúng tôi:

- Tôi liên lạc với bộ Nội Vụ. Tôi sẽ chuyển qua máy phóng thanh để tất cả các ông đều có thể nghe.

Ông ta bật nhanh cần ngắt điện, và nói tiếp vào máy điện thoại:

- A lô, Bannister, Colin Andrews đây.
- A lô, Andrews. Anh ở đâu mất biệt mấy năm nay?

Andrews đáp:

- Chỉ vì tôi không có điều gì cần hỏi anh. Bây giờ tôi đang cần đây. Anh có thể cho tôi biết rõ về một hòn đảo ở cực nam của quần đảo Hebrides tên là Saint Sudra. Theo lời người ta nói thì không có ai ở.

Bannister trả lời ngay:

- Hoàn toàn sai.
- Không phải không có ai ở?
- Hiện giờ không còn như trước. Mới cách đây vài năm mà thôi. Câu hỏi của anh thật là một sự tình cờ lạ lùng. Ba tháng trước tôi vừa trình lên Sếp một biên bản về vụ này. Hòn đảo đã được một nhóm khoa học gia kiểu công tử bột xin mượn.
- Anh có nhớ một cái tên anò trong nhóm khoa học gia công tử bột đó không?
- Trời ơi, Andrews, tôi làm sao nhớ rõ được. Nếu chuyện này quan trọng đối với anh, tôi sẽ xem lại hồ sơ và sẽ gọi lại cho anh hay.

Andrews liền bảo:

- Xin anh hãy xem lại ngay. Ngay bây giờ. Không thể để sang ngày mai.
- Hãy hành động ngay hôm nay, như Winnie vẫn thường bảo. Hãy xuất lực càng sớm càng tốt.

Chúng tôi cùng nghe tiếng máy đặt xuống giá ở đầu kia. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau trong lúc Andrews quay một số điện thoại khác, một số ngắn chỉ gồm bốn chữ số, và lần này ông ta không bật máy phóng thanh.

- Claggett? A lô, Dick, Colin Andrews đây. Tôi hiểu, tôi đã gần như giam mình trong tu viện chỉ vì quá bận... Với phương tiện mình sẵn có tại phía bắc, mình có thể thực hiện một phi vụ quan sát vùng Outer Hebrides hay không?... Không, chỉ có mấy hải đảo nhỏ cách Murra độ chừng bốn mươi dặm, về phía tây... Đặc biệt chú ý một đảo mà thôi. Đúng rồi, Sudra..., tôi hiểu. Anh có thể chuẩn bị trước giúp tôi, hay là tôi phải liên lạc với phòng Phi Vụ?... Cảm ơn, Dick... Không, chỉ cần xem qua và cho tôi một bản phúc trình thật nhanh... Phía, tôi sẽ ban hành lệnh, nhưng anh khỏi phải chờ đợi tôi. Anh cứ thi hành việc này, tất cả trách nhiệm tôi sẽ lãnh hết. Chuyện khá quan trọng.

Ông ta trở về bàn nhưng không ngồi xuống. Trông ông ta có vẻ nóng nảy, và nói với chúng tôi:

- May quá. Hiện đang có một chiếc hàng không mẫu hạm thực hiện các cuộc thí nghiệm về thời tiết ở Butt-of-Lewis và Cape Wrath. Hàng không mẫu hạm Defiant. Claggett đang chuẩn bị một chuyến bay quan sát. Tôi xin phép ra ngoài để ban hành lệnh.

Ông ta quay người định đi ra cửa. Tiếng nói của Dillingham làm ông ta ngừng lại.

- Khoan đã, Andrews. Tôi biết đây là chuyện ngoài thẩm quyền của tôi, nhưng nó vẫn khiến tôi lo ngại. Chắc ông cũng hiểu rất có thể xảy ra chuyện nguy hại? Tôi muốn nói, cho phi công.

- Sao vậy? Ô, tôi hiểu.

- Phải. Nếu Saint Sudra là một căn cứ bí mật của Anson và tổ chức Oui-Dire, và nếu có một chiếc hộp đen được đem đặt tại đó, thì chiếc thám thính cơ của ông có thể không trở về được. Xét đoán theo sự kiện bọn chúng tìm đủ mọi cách để không ai biết gì về Sudra, nhất định chúng sẽ không niềm nở tiếp đón những kẻ tò mò. Ngoài ra ông nên nhớ, có lẽ bọn chúng không biết có một mật tin trong bức thư của cô De Ménard, nhờ Dunbar đã che đậy một cách khôn khéo. Nếu bọn chúng bắt gặp chiếc thám thính cơ của ông, chúng sẽ hiểu ngay.

Andrews tỏ ra do dự:

- Tôi hiểu ý ông muốn nói gì. Nhưng tôi nghĩ rằng dù sao đi nữa, mình vẫn phải điều tra.

Chưa ai kịp trả lời ông ta, chuông điện thoại bỗng reo vang. Ông ta liền chụp lấy máy.

- A lô, Bannister. Anh cừ thật. Chuyện như thế nào?.. Tôi hiểu... Phải, tôi hiểu. Cảm ơn anh nhiều lắm. Khi nào anh cần, tôi sẽ xin đáp lại.

Ông ta quay về phía chúng tôi.

- Đúng là Anson. Bannister cho tôi biết hòn đảo đã được sở hữu chủ cho Anson mượn. Không thấy ai nhắc tới Oui-Dire. Các điều khoản trong khế ước thuê mượn nói rõ hòn đảo được dùng làm nơi nghiên cứu và khuyếch trương.

Sir George Vallance bảo:

- Ông cứ đi ban hành lệnh thám thính.

Andrews liền nói:

- Độ mười phút nữa, tôi sẽ trở lại và dẫn các ông đi ăn trưa.

Ông ta dẫn chúng tôi đến câu lạc bộ Hải Quân và Quân Đội, được dân London gọi là câu lạc bộ Vào-Ra vì những tấm bảng chỉ đường xe chạy trên hai cột trụ ở đường Piccadilly.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ giang

Chương 4

Khi chúng tôi trở về, cô Delight đã sao lại bản tin từ máy tin hiệu. Chúng tôi cùng chăm chú đọc:

WHITBY GỬI ANDREWS: Đã cho hai phi cơ từ Defiant đi thám thính Saint Sudra. Mất liên lạc với phi công ở 125 dặm. Phi cơ không trở về và từ đó không cho biết tin tức. Chúng tôi đang tìm kiếm. Cần tiếp tục thám thính hay không?

Vallance ngược mặt lên trước tiên, và bảo:

- Nên cho ngừng lại thì hơn.

Dillingham tiếp lời:

- Tôi đồng ý. Không cần mất thêm phi cơ nữa. Tôi đề nghị ông cũng nên chấm dứt ngay cuộc tìm kiếm trên mặt biển. Đừng sử dụng bất cứ cơ giới nào có hệ thống đốt.

Andrews cau mày:

- Cứ để mặc như thế hay sao?

- Phải rồi, cứ để mặc.

Dillingham đứng dậy, nắm tay chống lên bàn, mặt đưa tới gần Andrews, nói tiếp:

- Tôi khỏi cần nhấn mạnh thêm về chuyện đó làm gì. Đại úy vừa có một bằng chứng rõ ràng của chiếc hộp nhỏ màu đen. Đừng bao giờ nghi ngờ sự hiệu nghiệm của nó nữa. Dù Anson chỉ đem dùng chiếc hộp cũ của Ménard CEFSA trên Saint Sudra, cũng quá đủ. Ông có thể cá đến sạch túi rằng phi hành đoàn của hai chiếc phi cơ kia lúc này đang lênh đênh trên phao cứu nạn, nếu họ hãy còn may mắn. Chiếc hộp đó có hiệu lực tới đường chân trời theo mắt mình thấy, và nó sẽ triệt hạ mọi thứ.

Andrews lại nhíu mày một cách chán nản.

- Còn các loại tàu ngầm?

Dillingham đáp:

- Tôi không rõ. Nhưng tôi nghĩ rất có thể tàu ngầm sẽ không hề gì nhờ có nước che chở, miễn là đừng trôi lên mặt biển. Nếu ông muốn tìm kiếm phi hành đoàn của hai chiếc phi cơ ngộ nạn, ông nên dùng tiềm thủy đình. Hay nhất là sau khi trời tối. Dù bọn chúng đang làm trò gì trên hòn đảo đó, nhất định đó không phải là trò đùa, cả chúng không muốn bất cứ một ai trông thấy.

Andrews ngồi xuống

- Mình có thể dùng một toán thủy quân lục chiến đổ bộ lên Saint Sudra và quét sạch cả vùng?

Sir George Vallance chận lời:

- Andrews, mình nên thận trọng một chút thì tốt hơn. Dù sao, bọn người đó cũng đã mướn hòn đảo một cách hợp pháp, và mình không thể tràn đại lên phá rối tất cả. Trước hết mình nên tìm hiểu thật rõ bọn chúng đang làm những gì. Sau đó, nếu là chuyện mình cần phải can thiệp, mình sẽ thảo luận một chương trình hành động thích nghi.

Tôi lên tiếng lần thứ nhất kể từ khi ăn trưa xong:

- Việc này xin để cho tôi.

Toàn thể mọi người nhìn tôi. Vallance nói:

- Dunbar, tôi cũng nghĩ vậy. Ông đã được Anson đề nghị một cuộc hợp tác. Chỉ có ông mới mong vào được nơi đó một thời gian khả dĩ đủ để điều tra bọn chúng đang âm mưu chuyện gì.

Tôi bảo:

- Như thế hay hơn cho cả đoàn người tràn lên, tôi e sẽ có nhiều người chết. Nhưng tôi lên đó bằng cách nào?

Andrews sốt sáng:

- Tôi có thể thu xếp việc này.

Vallance lắc đầu

- Tôi nghĩ không nên. Ông sẽ làm hỏng tất cả nếu đưa Dunbar tới đó bằng tàu hay tiềm thủy đình của Hải Quân Hoàng Gia. Dunbar phải đi đến bằng một phương tiện giao thông bình thường, không phải của chính phủ. Để tôi xem lại cuốn sách chỉ dẫn đó.

Ông ta tìm xem họa đồ ở phía sau, và nói tiếp:

- Mỗi tuần một chuyến tàu thủy đi Colonsay, lên cửa biển Lorse tới Oban, Sound of Mull, rồi tới Coll và Tiree, và tiếp tục tới Barra và Murra. Theo lối này không được, vì quá lâu. A, đây là một hãng cho mướn phi cơ từ Glasgow đi Islay, Tiree, Barra và Murra. Dunbar, kể từ Murra, ông phải tự xoay sở, nhưng tôi tin tưởng sẽ có một người trong số dân chài ở đó bằng lòng đưa ông lên Saint Sudra.

- Tôi sẽ trở về bằng cách nào?

Andrews chen lời:

- Việc đó tôi có thể dàn xếp được. Chúng tôi thừa sức đón ông trở về sau khi công tác tời bại này kết thúc mặc dù chúng tôi không thể đưa ông đi. Chúng tôi chỉ cần biết ngày giờ hẹn để cho tiềm thủy đình đến – và nơi gặp nhau.

Vallance cầm cây bút chì sơn vàng từ nãy giờ xoay trở một cách sốt ruột trên tay, chỉ vào tôi và hỏi:

- Ông cần ở trên Sudra trong bao lâu?

- Không lâu quá ba ngày.

- Thế thì mình hãy lấy ngày 8 làm ngày hẹn, Andrews, ông có thể chuẩn bị ngay được không?
- Chắc chắn được. Mình hãy ước hẹn tàu sẽ tới nơi đúng mười hai giờ khuya ngày 8 tháng 3 và sẽ chờ đến một tiếng đồng hồ trước khi trời sáng. Chúng tôi sẽ liên tiếp đón như thế ba đêm nếu cần - tức đêm tám, chín và mười tháng 3. Phòng trường hợp ông không thể tới chỗ hẹn đúng đêm 8.
- Ở đâu?

Andrews bảo:

- Mình hãy xem hoạ đồ.
- Ông ta đi đến bức tường và giở tấm địa đồ mấy hòn đảo, loại đặc biệt dùng trong quân đội.
- Tôi đã lên Sudra với một toán quân đổ bộ vào những ngày đầu tiên của cuộc chiến tranh 1939. Vì nơi này không thể là một căn cứ tốt, nên chúng tôi không thiết tới chuyện đó, nhưng tôi vẫn còn giữ hoạ đồ. Đó là một nơi khi họ cò gáy tương tự Saint Kilda về phía bắc, mặc dầu Kilda hiện được sử dụng làm trạm hướng dẫn cho dàn hoả tiễn Uist.

Ông ta chỉ bằng đầu bút chì

- Hòn đảo độc nhất đáng cho mình lưu tâm là Saint Sudra, đảo lớn nhất này. Theo sách tài liệu cho biết, đảo dài độ mười dặm, kể từ Sternness, mũi đất xa nhất về phía bắc, cho tới vịnh Luana ở tận cùng phía nam Hải cảng chính, khá tốt, là nơi này, vịnh Gentry, ở về phía đông nam. Nó gần như chia hòn đảo ra làm hai phần, ngay dưới trung tâm, thọc sâu vào đất liền gần đặng South Loch, tức phá biển này.

Tôi hỏi:

- Những lần màu đỏ này chắc là hệ thống đường sá?
- Phải. Không có thành phố hay làng mạc gì ngoại trừ Bragawick, tại đây, ở phía trên vịnh Gentry, và hiện giờ bị bỏ hoang. Bây giờ đây là nơi tôi đề nghị dùng làm điểm hẹn.

Ông ta chỉ vào một điểm ở bờ biển đông nam của Sudra, bên kia eo biển hẹp của Friday Sound về phía Dun, và vẫn tiếp tục trình bày:

- Một nơi tuyệt diệu để yên lặng gặp nhau, với điều kiện đoạn bờ biển này không có gì thay đổi. Ở đây vừa khuất gió vừa không có sóng mạnh. Bãi biển dốc đứng suốt một khoảng dài, bờ đá không cách xa mức thủy triều cao và, theo tôi còn nhớ, bao phủ bởi loại cây kim tước và cỏ hoang.

Ông ta chợt quay sang tôi

- Khi ông muốn rước đi, ông hãy dùng một cây đèn pin để làm hiệu. Một chiếc xuồng bằng cao su sẽ tới đón ông. Ông còn nhớ dấu hiệu Morse chứ?
- Vâng.

- Hay lắm. Ông chỉ cần ra dấu OUI – ba chữ O, U và I.

Vallance cựa quậy một cách bút rứt

- Chiếc xuồng đó có rộng chỗ không? Ít nhất Dunbar cũng sẽ đưa theo một người khác, nếu ông ấy may mắn. Tôi vẫn còn nhớ loại xuồng xập xệ đó hồi tôi chưa ra khỏi biệt kích quân.

- Bây giờ tiến bộ lắm rồi. Chúng tôi sẽ chu toàn.

Dillingham cũng góp ý kiến

- Còn quần áo nữa. Ở đó chắc lạnh lắm?

Andrews trả lời:

- Không lạnh lắm. Nhiều người không tin, nhưng thực ra quần đảo Hebrides ít lạnh và ít khó chịu hơn London trong khoảng giữa tháng 11 và tháng 3.

Nhưng tôi sẽ nói với Dunbar về chuyện này.

Tôi lại nói:

- Còn một điều cuối cùng. Tôi đang bị cảnh sát truy nã. Ông có thể can thiệp để bãi bỏ vụ đó?

Vallance đáp ngay:

- Không được. Chúng tôi không dám liều lĩnh nói với bất cứ ai về chuyện ông và những việc ông sắp làm. Dù là với cảnh sát. Ông phải tự xoay sở lấy. Ông cũng đừng nên trở về khách sạn. Chắc họ đang chờ ông tại đó, căn cứ theo lời ông kể về vụ họ đi hỏi thăm ông hồi sáng. Ông hãy đích thân tìm mướn máy bay, và cố tránh xa cảnh sát.

Trông thấy bộ mặt của tôi, Andrews liền bảo:

- Không đến nỗi nào đâu. Đêm nay tôi sẽ cho người lên vào nhà ông để lấy ra cho ông những món ông cần.

Tôi niềm nở trả lời:

- Cảm ơn ông. Ông an ủi tôi một cách lạ lùng.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bò Giang

Phần IV - Chương 1

Chẳng ai tìm dấu

Tôi trông thấy quần đảo Hebrides lần đầu tiên qua bờ biển phía đông của đảo Mull (1), một hòn đảo xanh tươi nằm tận trong cùng nhóm - Những bức tường đá màu hồng của Lâu đài Duart đứng chót vót trên một mũi đất đối diện với vịnh Loch Linhe và Sound of Mull, đang xoay từ từ về phía dưới chúng tôi trong lúc chúng tôi bay là là bên trên. Trông Hebrides tựa hồ như tách rời khỏi cánh tay của văn minh, mặc dù không đúng như thế.

Tôi đã rời khỏi Khách sạn Lovelace sau khi nhân viên gác cửa cho hay có một thanh tra thám tử tới hỏi thăm về tôi, rồi ông ta trở lại lần nữa để xem kỹ sổ thông hành của tôi. Tôi đã tìm được một chuyến máy bay đi Glasgow và mượn một chiếc phi cơ cỡ nhỏ đưa tôi tới Murra. Trong lúc mắt nhìn dần cù trên triền đồi của Mull, tôi nghĩ rằng ít nhất tôi đang ở ngoài tầm tay của Scotland Yard. Tôi cố tìm lũ cừu con lông trắng nhỏ xíu thường chạy lảng quăng chung quanh những con khôn lớn trầm tĩnh hơn nhưng không thấy một con nào, có lẽ hiện giờ không phải là mùa cừu đẻ.

Murra chỉ cách Coll và Tiree, hai hòn đảo tương tự nhau về phía bên kia Mull, khoảng chừng sáu mươi lăm cây số. Chúng tôi gần như không còn trông thấy hai đảo này khi Murra lù lù xuất hiện về phía trước. Viên phi công của chiếc máy bay nhỏ hai động cơ đẩy tay lái tới trước và phi cơ bắt đầu giảm tốc độ. Vào khoảng ba giờ chiều thì ông ta quay vòng cuối cùng, hạ bánh xe và đưa chúng tôi xuống trên bờ biển.

Murra và Barra là những nơi duy nhất trên thế giới mà tôi biết có đường hàng không hoạt động điều đặn nhưng không có phi trường bình thường. Hiện nay phi cơ hạ cánh trên những bãi biển tuyệt đẹp. Chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, chiếc taxi già nua đã đưa chúng tôi cùng túi hành lý đến cửa Khách sạn Stornholm.

Mặt tiền của khách sạn nhìn ra Vịnh Battlement và Lâu đài Battle, có hình dáng mập lùn một cách kỳ lạ như đồ chơi, xây trên một núi đá cách bờ biển độ chừng mấy trăm thước. Người gác cửa đang xách hành lý cho tôi chợt trông thấy tôi nhìn quang cảnh đó liền giải thích :

- Thưa ông, Lâu đài này đã có từ thế kỷ XII, trước kia là nhà của Macleod tại Murra, đã được trùng tu vào năm 1957.

Một chiếc tàu chạy bằng hơi nước, chiếc Claymore of Glasgow, đang neo ở cuối bến tàu phía trước khách sạn. Những ngọn đồi chung quanh vịnh đang bắt đầu có vẻ mùa xuân, với những bãi cỏ xanh và một bầu không khí êm

địu. Tôi ngửi thấy mùi gay gay hỗn hợp bởi nước biển, dầu và cá trong lúc tôi quay người lại để đi theo người gác cửa vào trong khách sạn.

Tôi nói với cô gái có mái tóc đỏ ngồi sau bàn giấy :

- Tôi ước mong sẽ được cô dẫn đi viếng thành phố ban đêm.

Nàng trả lời, làm lộ hai đồng tiền trên má :

- Thưa ông, chúng tôi rất sẵn lòng, nhưng đêm nay trong khách sạn chỉ có ba người khách. Lúc này đã hết mùa du lịch.

Tôi ký tên vào phiếu ghi danh. Cô tay xoay tấm phiếu và xem lại.

- Ông Dunbar, xin chào mừng ông đến Murra. Ông từ London đến đây cũng khá xa, nhưng tôi có thể đoán ông không phải người nước Anh.

- Vâng. Tôi là người Mỹ.

- Người Mỹ các ông giỏi thật. MacLeod, vị đại diện chủ cuối cùng của Murra, cũng là một người Mỹ - căn cứ theo sinh quán. Ông ta là một kiến trúc sư xuất thân từ Virginia và đã trùng tu rất nhiều nơi trong lâu đài Battle. Mặc dù khí hậu vừa phải, trong phòng tôi trên lầu hai vẫn có một ngọn lửa nhỏ đang cháy trong lò sưởi. Khác với người Anh, người Tô Cách Lan nhất quyết không chịu tin rằng mùa xuân đã đến từ Tháng Ba.

Tôi nằm xuống giường và ngủ tới bảy giờ. Đoạn tôi rửa mặt và đi xuống quầy rượu. Trong phòng, có khá nhiều người, rõ ràng là dân chúng trong vùng, bởi vì trong khách sạn chỉ có ba người khách trọ. Để cho thêm ngon miệng, tôi uống một ly lớn whisky, vừa nhìn cái lò sưởi vĩ đại vừa lắng nghe những lời tranh luận và đi vào căn phòng ăn nhỏ lúc bảy giờ rưỡi.

Trong phòng chỉ có một nữ chiêu đãi viên, một cô gái nhỏ nhắn, có mái tóc thật đen bóng khiến tôi liên tưởng đến mái tóc của Monique. Tôi tự cá với mình rằng tên cô ta là Campbell. Đúng như thế thật.

Tôi ngạc nhiên thấy có món thịt nai trên tấm thực đơn do nàng đem cho tôi.

Nàng trông thấy vẻ ngạc nhiên của tôi và mỉm cười nói :

- Chúng tôi mua thịt nai từ bên Pháp. Thịt hợp pháp. Chứ không phải thịt nai săn lậu ở Anh đâu.

Tôi vội bảo :

- Tôi đâu có buộc tội cô. Tôi chỉ muốn ăn thịt nai, dù thịt lậu hay không cũng được.

- Thưa ông, có ngay.

Cô ta bước ra phía cửa để đón tiếp một khách khác vừa đi vào. Khách mới là một người đàn bà. Cô bé Campbell đứng chắn giữa tôi và nàng, nhưng có một cái gì trong không khí báo hiệu cho tôi. Khi cô chiêu đãi viên quay người để dẫn nàng tới một cái bàn, tôi chợt trông thấy mặt nàng. Trái tim của tôi nháy lên như một con cá chuồn. Đó chính là Monique.

Tôi đã đứng dậy khỏi ghế và đang cầm cái khăn ăn trong tay khi nàng trông thấy tôi. Đôi mắt nàng chỉ lướt qua mặt tôi chưa đầy một giây rồi tiếp tục

nhìn về phía sau tôi. Nét mặt nàng không hề có một biến đổi nhỏ trong lúc nàng đi qua bên cạnh tôi về phía bàn của nàng. Bước chân nàng vẫn không khựng lại một chút nào. Tôi đứng sững, nhìn nàng. Người nữ chiêu đãi viên dẫn nàng tới một bàn gần khung cửa sổ trông ra hải cảng và giữ một chiếc ghế cho nàng. Nàng khẽ lắc đầu và chọn một chiếc ghế đối diện, xoay lưng về phía tôi.

Khi nàng ngồi xuống, tôi chỉ trông thấy phía sau đầu và một gò má của nàng bên mái tóc đen nhánh. Cô chiêu đãi viên mang đến cho nàng một ly sherry pha nhạt và hỏi thức ăn. Tôi có thể nghe giọng nói của nàng một cách rõ ràng vì căn phòng không lớn. Không sao làm lẫn được về điểm này, dù tôi không nhìn thấy khuôn mặt đó đi nữa. Tôi biết rõ âm điệu của giọng nói này còn hơn âm điệu của giọng nói chính tôi.

Lúc nữ chiêu đãi viên mang thức ăn đến cho nàng, nàng lại lên tiếng thêm lần nữa :

- Cô có thể dọn điểm tâm ngày mai cho tôi thật sớm? Tôi phải đi đúng bảy giờ.

- Thưa cô, được chứ. Cô sẽ dùng điểm tâm ở ngay trong phòng? Phòng ăn vào giờ đó còn chưa mở cửa.

- Phải, nếu không có gì quá phiền phức.

- Thưa cô, có gì đâu mà phiền phức. Cô có thể dùng trứng gà chiên với thịt heo?

- Như thế là nhất rồi. Thêm bánh mì nướng và một ly cà phê đen. Tôi ở phòng hai hai mươi ba. Nếu tiện, cô dọn cho tôi vào khoảng sáu giờ.

Sau đó tôi không còn thưởng thức nổi món thịt nai. Khó mà rời mắt khỏi gò má xanh xao kia. Tôi chờ tới lúc nàng bỏ đi sau khi ăn xong, mắt vẫn cố tránh mắt tôi. Rồi tôi trở lại quầy rượu và uống một ly lớn Brandy với một tách cà phê vô vị.

Tôi có một ít ấn tượng về người đàn bà. Tôi biết rằng phần đông họ đều thiết thực ngay cả những người có vẻ nhu nhược, gần như không bao giờ thiên về phía yếu thế và những ảo tưởng điên rồ, như nhiều người đàn ông vẫn thường như vậy. Tuy nhiên, tôi luôn luôn xiêu lòng trước những người có vẻ hiền dịu và một đôi khi như không còn là phái đẹp vì bị kích động hoặc sững sốt trong lúc hoảng sợ nhất thời, những người hình như đang cần được giúp đỡ. Trong đời tôi chưa từng gặp một người đàn bà nào tài giỏi hơn Monique. Tôi thường tự hỏi cảm nghĩ đầu tiên của tôi đối với nàng xuất phát từ nỗi sợ hãi của nàng nhiều đến mức nào, tại sao đêm hôm đó nàng đã mất thăng bằng và trở nên mềm yếu đến thế, tựa hồ đất dưới chân nàng bỗng sụp xuống. Chính sự lao đao của nàng đã khiến tôi xúc động mạnh.

Nhưng bây giờ trong cơn sững sốt vì thái độ phớt tỉnh của nàng trong phòng ăn, tôi lại còn lúng túng hơn nữa. Nàng đã bước qua trước mặt tôi hai lần,

không thềm biết tới tôi, thế mà tôi vẫn còn ngồi đây bên cạnh lò sưởi trong một quầy rượu mờ ánh đèn của một khách sạn, cầm một ly Brandy trên tay mà tự cảm thấy tủi thân và trong lòng tràn đầy hình ảnh của nàng gấp đôi khi trước.

Tôi lấy chìa khóa phòng ở bàn của người gác cửa lúc chín giờ tối và bước lên những nấc thang chật hẹp. Tôi đi qua cửa phòng của tôi ở tầng hai cho tới khi tới trước cánh cửa có tấm bảng đồng mang số 223. Tôi đứng đó một phút rồi mới đưa bàn tay lên và sờ nhẹ vào mặt cửa. Tôi phải đem hết ý chí ra mới khe khẽ gõ lại mạnh hơn. Tôi đang kiêu hãnh.

Mấy giây sau tôi nghe một tiếng xào xạt vang qua cửa. Cánh cửa không khít với sàn ở phía dưới. Tiếng thì thào tiếp theo đó cũng không lớn gì hơn.

- Ai đó?

Nhớ lại lần cuối cùng trước cửa buồng nàng, tôi liền đáp:

- Ein Freund.

Cánh cửa chọt mở nhanh về phía trong căn phòng tối đen. Nàng ngã người vào trong vòng tay tôi một cách mau lẹ, vừa khép miệng tôi bằng miệng nàng. Tôi nhắc nàng hồng chân khỏi mặt sàn và bước vào vừa đủ để dùng chân đóng cửa lại và ngay lúc đó tôi vẫn cảm thấy được nàng đang mặc một chiếc áo dài bằng lụa màu xanh thẫm mà tôi còn nhớ nàng đã mặc trên tàu Victoria. Tôi cảm thấy bàn tay nàng đặt trên má tôi bên cạnh miệng chúng tôi lúc đó như đang gắn chặt vào nhau hơn nữa.

Rồi nàng rời miệng nàng khỏi tôi một cách nhanh và chuôi một bàn tay lên môi tôi để cho tôi khỏi lên tiếng nói. Nàng kê má nàng sát vào má tôi và thì thầm bảo vào tai tôi :

- Xuyt! Anh đừng nói lớn.

- Chuyện gì vậy?

Nàng vừa thở vừa nói :

- Trời ơi, Stuart, anh Stuart. Stuart yêu của em. Em đã ước ao anh đến, đồng thời cầu nguyện cho anh đừng đến. Em lại còn cầu nguyện Thánh Monica và Đức Cha Huguenot.

- Anh đã đến đây. Tại sao em phải thì thầm như thế này?

- Phòng sát bên cạnh. Một người của Anson. Y có thể nghe qua tường. Ở bên này, em có thể nghe cả tiếng y đánh răng.

- Y là ai?

Nàng vẫn ôm chặt vai tôi.

- Em không biết. Một gã nhỏ con có một bộ râu đen cắt ngắn. Trông y như một hóa học gia đã hết thời. Nhưng y làm cho em phát sợ, Stuart à.

Matuschek. Ý nghĩ vừa đến trong đầu tôi đã dựng đứng tóc gáy của tôi lên.

- Em chắc chắn y là người của Anson?

Vừa hỏi xong tôi đã biết ngay là một câu hỏi khờ khạo. Chính y đã cùng tới

Van Leyden đột nhập vào phòng tôi - Phải. Y đã ở bên Anson tại Balê hôm bọn chúng tạo ra... tạo ra cái chết khủng khiếp của Jacques trong chiếc xe hơi kiểu thể thao của anh ấy. Lẽ dĩ nhiên, đó không phải là Jacques thật.

Tôi bảo :

- Tên của y là Matuschek. Y đang làm gì ở đây?
- Y đến đây là chuyện không có gì lạ. Khách sạn này do Anson làm chủ. Vì vậy mà em không dám nói chuyện với anh trong phòng ăn. Bọn chúng đang dò xét. Tất cả đều làm cho Oui-Dire.

- Em khỏi phải lo.

Nàng nói tiếp :

- Mình không nên nói chuyện ở đây. Anh hãy trở về phòng anh. Em sẽ đến trong vòng một phút.

- Anh đi ngay.

Nàng tới chưa đầy một phút sau. Lần này nàng ngã vào lòng tôi không dữ dội như ban nãy mà êm ái áp má nàng vào má tôi.

- Trời ơi, Stuart, gặp lại anh em sung sướng quá.

Tôi không trả lời. Nàng sờng người trong mấy giây. Rồi nàng dang xa mặt ra và nhìn vào mắt tôi.

- Đứng, Stuart. Anh đừng nghi ngờ em. Em biết anh có ý nghi ngờ em.

Nhưng xin anh đừng như thế. Em không chịu nổi.

Đôi mắt của nàng mở lớn và đen long lanh trong ánh lửa.

- Nếu em đúng như anh nghi ngờ thì em có thể dẫn đường cho anh đến đây hay sao?

Tôi đáp :

- Nhờ bức thư. Có phải em dùng để cho anh hay?

- Lẽ tất nhiên. Và anh đã đọc được ý nghĩa. Anh đang tìm đường tới Saint Sudra. Em không dám ngụ ý nói vì em mà anh mạo hiểm, nhưng có phải đúng như vậy hay không?

- Đúng. Và phần lớn chỉ vì em.

- Anh đừng nói nữa. Mình có cả đêm hôm nay để trò chuyện.

Miệng nàng lại trở về miệng tôi trong chiếc hôn cuồng nhiệt như không bao giờ muốn rời ra nữa.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 2

Nằm thao thức với cái cảm giác đầu nàng đang kê trên vai tôi tựa hồ nàng đang ngủ, cuối cùng tôi hay biết mí mắt nàng cử động. Hai hàng lông nheo của nàng cọ nhẹ vào da tôi khiến tôi cảm thấy nhột ở vai.

- Em thức đấy à?

Nàng dẫn người ra.

- Phải, Stuart, em vẫn còn thức.

Giọng nói của nàng đã mất hết vẻ gượng gạo.

- Thấy em thở nhẹ quá, anh đã tưởng rằng em đang ngủ.

- Chính lòng mẫn nguyện đã giúp cho em thở một cách nhẹ nhàng.

- Lúc này mình không có thời giờ làm việc đó. Như thế không khác gì mình quá xa xỉ.

Nàng thở dài :

- Em hiểu. Anh muốn nói chuyện. Anh là một người có tài nói chuyện.

Nhưng nàng cũng mỉm cười. Tôi cảm thấy những thớ thịt nhỏ ở khóe miệng nàng động đập sát vai tôi.

Tôi lắc đầu.

- Anh là người Tô-Cách-Lan có tính ít nói. Nhưng lúc này anh cần phải nói. Em sắp sửa đi sớm. Anh đã nghe em nói thế với cô bé Campbell.

- Cô bồi bàn? Phải, em muốn cho anh nghe. Cả số phòng của em nữa. Quả thật em không biết xấu hổ.

Nàng chống cùi tay nhô người lên và chăm chú nhìn tôi trong ánh sáng lơ mờ của ngọn lửa sắp tắt.

- Mình nói chuyện gì bây giờ? Em phải bắt đầu từ đâu? Kể từ lúc em chưa quen biết anh?

- Mình mới quen nhau được 2 tuần lễ. Nhưng em chỉ cần khởi sự từ buổi sáng em rời khỏi chiếc Victoria.

Nàng nằm ngửa xuống, duỗi hai cánh tay lên phía trên, rồi đặt cả hai bàn tay sau đầu. Thế nằm này khiến cho ngực nàng nổi cao hơn.

- Đúng là một buổi sáng khủng khiếp. Em đã cố tìm anh trước khi đẩy chiếc ghế lăn của Ted vào phòng quan thuế.

- Ted đã được giấu ở đâu?

- Trong phòng của Jacques.

- Vô lý. Anh có nghe người đàn ông trong phòng đó nói chuyện. Rõ ràng y nói tiếng Pháp rất đúng giọng. Ted không thể nói được một câu tiếng Pháp nào nghe ra hồn.

- Stuart, đó chỉ là một trò bịp bợm. Thật ra Ted có trong đó, cũng như người mà anh đã nghe tiếng. Ở giường bên kia. Mê man không biết gì hết. Bọn họ đoán chắc anh muốn điều tra cho rõ, nên đã tương kế tựu kế...

- Thế Ted không ở trong phòng của em hay sao?

- Chỉ trong đêm cuối cùng, sau khi bọn chúng giết Martin Allen.

- Phải. Anh đã ngửi thấy mùi băng keo và thuốc sát trùng trên gối.

- Bọn chúng làm như thế để cho anh ngờ vực em. Có phải anh đã nghi em?

Tôi không trả lời nàng một cách trực tiếp :

- Em làm sao biết được những điều đó nếu em không làm cho Anson?

Nàng lắc đầu qua lại trên hai bàn tay. Bàn chân trái của nàng chạm vào mắt cá của tôi. Sự đụng chạm khiến cho tôi bốt căn thẳng.

Nàng nói một cách khó nhọc :

- Kể ra cũng đúng một phần. Nhưng không phải tự ý. Ai mà muốn làm cho tổ chức bần thỉu đó. Và nó bần thỉu thật, Stuart, à. Chúng đã hăm dọa Jacques, và sau khi đã giết Jacques chúng lại tiếp tục hăm dọa em. Em phải làm theo lệnh của chúng nếu không sẽ mất hết. Và Jacques cũng phải vậy, thế mà vẫn không tránh khỏi chết.

- Jacques chết lúc nào?

- Em nghĩ anh đã đoán ra. Ngay trong phòng của Ted ở Hoa-Thịnh-Đôn, khi mấy người cùng đi ăn tối ở Hội quán Jockey trở về.

Tôi gật đầu :

- Anh đã đoán đó là xác của Jacques.

- Đúng thế.

Giọng nàng hơi nghẹn lại trong một giây và nàng quay đầu về phía khác. Tôi hiểu ngay nỗi đau khổ mà nàng đã cố che giấu. Tôi đã quá bận tâm với nỗi khổ của mình cùng cuộc tìm kiếm khó khăn, rồi sau đó mãi nghĩ đến nàng nên đã quên lưu ý cảnh ngộ mà nàng phải gánh chịu. Tôi sờ lên vai nàng và nàng ngoảnh mặt trở lại với tôi, mắt long lanh trong ánh lửa.

Tôi khẽ bảo :

- Anh xin chia buồn với em.

- Chuyện đó bây giờ không thành vấn đề nữa. Em có thể uống một chút rượu để cho dễ nói chuyện?

- Dĩ nhiên.

Tôi liền pha hai ly whisky với một chút nước và mang lại giường. Căn phòng đang lạnh dần lúc ngọn lửa tàn rụi trong lò sưởi và sàn nhà cũng giá buốt dưới chân tôi. Nàng chống mình lên trên gối để cầm ly rượu trên tay tôi. Tôi tìm chiếc áo dài của nàng và khoát lên vai nàng, nhét vào hai bên hông, rồi hỏi :

- Anson dùng chuyện gì để hăm dọa em và Jacques?

Nàng đáp :

- Anh cần phải hiểu rõ Jacques. Anh ấy đã tự ý liên lạc với Anson từ trước. Cách đây độ ba năm. Jacques nguyên là một phi công trong Không-Lực, rồi sau đó là một anh hùng Kháng Chiến, nhưng anh ấy là một người bình dị và hiền hòa. Anh ấy ghét chiến tranh, ghét luôn cả công việc chế tạo các thứ khí giới - kể cả các hệ thống vũ khí điện tử. Anh ấy tin rằng Anson đang tổ chức một liên minh khoa học gia phụng sự hòa bình. Jacques không ngờ rằng Oui – Dire là một tổ chức gián điệp. Anson muốn chiếm sáng chế điện tử mà Jacques đang nghiên cứu. Y bảo rằng phát minh này sẽ bảo đảm nền hòa bình bởi vì nó sẽ ... vô hiệu hóa mọi thứ khí giới.

- Anh biết chuyện đó, Ted Cũng đang nghiên cứu về vụ này.

- Nhưng thành tích quan trọng hơn. Jacques và Ted có thể bàn luận với nhau về vấn đề đó, nhưng họ không thể nói nhiều, vì lý do an toàn cho cả đôi bên. bây giờ thì không còn lo về vấn đề an toàn nữa. Anson đang nắm giữ phát minh của Jacques. Y muốn đoạt luôn phát minh của Ted, nhưng trong hệ thống này thiếu mất một bộ phận. Chính vì vậy y bắt Ted đem về đây. Em đoán lúc đầu Ted chưa trao tất cả cho y. Jacques đến gặp Ted ở Hoa Thịnh Đốn cốt để kể cho Ted nghe sự thật Anson đang hoạt động như thế nào.

- Và thật sự Anson làm những gì ?

- Em không biết, em không được biết, Stuart à, Jacques không bao giờ kể cho em nghe. Anh ấy chỉ bảo rằng anh ấy đã khám phá ra sự thật, và anh ấy muốn kể lại với ted. Anh ấy đã phải đến gặp Anson tại Saint Sudra và lúc trở về anh ấy có vẻ tức giận và nghĩ ngợi nhiều lắm.

- Anh ấy đã nói với Ted trong bữa ăn tối hôm đó ?

- Không. Họ không muốn nói chuyện đó ra vì có mặt em. Mọi người cùng trở về nhà Ted sau khi ăn xong. Em chỉ uống thêm một ly rượu và trở về khách sạn một mình. Jacques đã bắt gặp Anson đợi anh ấy ở ngoài hành lang khi anh ấy vừa ra khỏi nhà Ted.

- Phải. Em biết anh đã nghĩ đến điều này rất nhiều. Y... y đã bắn chết Jacques.

Nàng dừng nói và nhắm nghiền mắt lại. Tôi nắm lấy bàn tay tự do của nàng và siết nhẹ. Khi nàng ngước lên nhìn tôi trở lại, tôi trông thấy mắt nàng long lanh hàng lệ.

Lẽ tất nhiên sự việc là như thế. Ánh sáng lóe lên mà ông cụ mannion đã trông thấy ở ngoài hàng lang tối và chớp lửa của khẩu súng. Chắc nó phải có một ống hãm thanh. Ông cụ đứng sau cánh cửa nên không thể nào nghe được tiếng khạc đạn rất khẽ qua một ống hãm thanh

Nàng nói tiếp bằng một giọng căng thẳng và không đều :

- Chắc hẳn ted đã điên đầu lên. Em đoán anh ấy cũng như em, lo sợ không dám gọi cảnh sát. Trước hết anh ấy chạy đến tìm em ở khách sạn.

Anson liền đuổi theo. Em vừa vào trong phòng ngủ để thay quần áo saun khi Ted đến, thì Anson gõ cửa ngoài phòng khách. Em đoán Ted đã để cho y vào. Khi em đi ra thì Ted đã bất tỉnh, đầu bị thương, máu chảy xối xả. Anson gọi Mendoza vào và bọn chúng tiêm cho Ted một mũi thuốc. Chúng cạo sạch đầu anh ấy bằng lưỡi dao cạo của Jacques và gọi vị bác sĩ của khách sạn đến để băng bó. Vị bác sĩ muốn chở anh ấy đi nhà thương để rọi điện. Nhưng Anson không bằng lòng, y bảo sẽ đưa đi rọi ở Nữ Ước. Sau đó, bọn đem vào nhiều băng hơn nữa, tự tay cuốn quanh kín cả đầu Ted, chỉ chừa lại mấy lỗ cho hai con mắt và cái miệng. Chính ted đã được bọn chúng đưa đi Nữ Ước trong chiếc ghế lăn

- Anh hiền. Và chính em đã lấy bức điện tín về vụ đó trong túi anh trên tàu Queen Victoria.

- Stuart, em xin lỗi anh. Em cần phải biết bức điện tín nói gì. Anson đã bảo em rằng anh định phá hủy danh dự của Jacques.

- Em đừng lo. Rồi Anson và Mendoza trở về nhà Ted và đốt xác của Jacques trên giường của Ted.

Nàng im lặng gật đầu trong lúc tôi nói tiếp :

- Còn Ted thì được đưa đi Nữ Ước bằng máy bay vào ngày Thứ Sáu. Có phải chính Anson đã mượn tên của Ted để đáp phi cơ hôm Thứ Tư ?

- Đúng ! Mặc áo choàng và mang cà vạt của Ted.

- Tại sao em không chịu nói hết với Dilligham và anh hôm em bị bắt gặp trong nhà của Ted ?

-Ồ, Stuart, em làm sao nói được, anh không thấy rõ hay sao ? Em không thể nói với bất cứ ai về những việc Jacques đã làm. Như vậy tất cả danh dự của anh ấy sẽ tiêu tan, đúng lúc anh ấy đang tìm cách chuộc lại lỗi lầm. Hôm ấy em chưa biết Jacques đã chết. Ngày hôm sau Anson mới kể lại với em, khi em đã bắt đầu lo lắng không biết Jacques ở nơi nào. Em nằm lì trong phòng và khóc suốt ngày. Anson đã hăm dọa sẽ mất báo với Phòng Nhĩ Pháp rằng Jacques đã đem bán phát minh điện tử cho kẻ khác. Như vậy là kể như tan nát cả Jacques cùng với công ty của anh ấy. Em không thể để cho trọn công trình của anh ấy tiêu tùng. Anh ấy đã gầy dựng công ty. Đó là tất cả cuộc đời của anh ấy. Anh ấy không vợ, không con, và...và em xin thú thật, em cũng hơi ích kỷ. Em muốn giữ cho công ty sống còn.

- Nhưng, Anson không thể tố cáo Jacques mà không tự tố cáo y luôn. Chẳng lẽ Phòng Nhĩ Pháp không thể hỏi Anson những câu rắc rối về vai trò của Oui – Dire trong toàn thể vụ này ?

- Stuart à, anh đã đánh giá Anson quá thấp, và đây là một điều tối nguy hiểm. Anson đã viết một bức thư đưa cho Jacques ký tên. Bức thư không được gửi cho ai ngoại trừ người có liên hệ.

- Thì ra thế.

- Lời thư nói rằng Jacques đã giao các họa đồ điện tử của bộ máy đó cho một điệp viên Nga, và bằng chứng này có thể tìm thấy trong tủ sắt của hãng CEFSA.
- Thật vậy sao ?
- Thật vậy. Có một hồ sơ với đầy đủ giấy tờ giả mạo. Anson đã đưa cho em xem các tấm hình chụp lại vừa đủ để làm sụp đổ Jacques và CEFSA. Anson giữ bức thư mà Jacques đã ký tên vào để hăm dọa em và tự bảo đảm an ninh cho chính y. Y chỉ cần gửi qua bưu điện đến Phòng Nhì Pháp là xong ?
- Trời đất !
- Đúng là chỉ còn biết kêu trời.
- Bức thư đó vẫn còn hăm dọa được hay sao ? Jacques đã chết rồi mà. Nàng đầm nhẹ lên ngực tôi :
- Sao anh ngốc quá vậy, Stuart ! Danh dự của Jacques có còn thì CEFSA mới sống được và em mới có cơ hội cứu vãn tình thế. Em biết làm gì khác hơn bây giờ?
- Nàng đưa vai lên và buông trở xuống. mắt nàng vẫn còn ngấn lệ lúc nàng ngược lên nhìn tôi.
- Đáng lẽ em nên nói với anh không chừng anh có thể giúp được em.
- Không. Em không thể. Bây giờ em kể hết cho anh nghe rồi, có lẽ em sắp sửa phá hủy công ty của Jacques. Anh hiện làm cho Dilligham. Em làm sao biết được anh đang dự tính làm những gì?
- Tôi không hề có ý nghĩ chính nàng cũng đang bị xâu xé bởi những nghi ngờ tương tự như tôi.
- Tôi liền hỏi:
- Bây giờ em làm sao biết chắc được?
- Nàng đáp bằng một giọng không hồn:
- Em không cần gì nữa. Em sắp sửa đi Saint Sudra để đưa cho Anson những gì y muốn. Y Sẽ cho một chiếc tàu đón em vào lúc bây giờ.
- Y muốn gì?
- Giọng nàng hơi run:
- Hãng CEFSA. Y muốn chiếm cổ phần của em trong công ty, nếu không y sẽ phá tan bằng cách tố giác Jacques.
- Em phải dâng tất cả cho y ?
- Nàng cười một cách gay gắt :
- Ồ không ! Y chỉ muốn trả một nửa trị giá kế toán. Ban quản trị đã yêu cầu em đi thương lượng với y. Dù thế nào đi nữa, em bây giờ chỉ còn trơ trọi một mình.
- Không đúng hẳn. Còn có anh nữa chứ. Mình sẽ cùng nhau bàn tính lại.
- Nàng tụt người, đập mạnh trán vào vai tôi, vừa lắc đầu vừa nói :

- Em sợ. Anh đi được.

Tôi bảo :

- Xuyt. Đúng như lời em, mình đã nói chuyện quá nhiều. Chỉ còn năm tiếng đồng hồ nữa là tới giờ điểm tâm.

Nàng khẽ ngâm một câu thơ :

- Thời gian chấp cánh, tựa chim bay.

- Em cũng thuộc thơ? Anh biết một đoạn hay hơn nhiều. Rồi thàng ngày trôi chảy êm đềm, anh yêu xin nhớ mãi dùm em, ngày qua ngày vẫn thêm lắm lổ, cứu vãn bằng niềm vui mỗi đêm.

- Nàng ngâm tiếp:

- Und die Nachi hat ihre Lust. Tiếng Đức nghe có vẻ hay hơn

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 3

Trong lúc thay quần áo sau khi cạo râu xong, tôi đứng ngắm vịnh Battlement từ cửa sổ phía trước phòng của tôi. Hôm nay là một ngày u buồn, với một màn sương mỏng trong không khí. Tòa lâu đài như được phủ dưới một tấm khăn, nhưng vẫn không che giấu được vẻ đen tối. Giữa lúc đó một chiếc tàu thấp, dài từ từ cập bến. Nó có một cây cột radio cao và một hình dáng quen thuộc một cách kỳ lạ, nhưng tôi chưa kịp nhớ ra thì nó đã cập hông vào bến tàu. Trên tàu chỉ thấy bóng dáng hai người đàn ông. Một trong hai người khom mình về phía một chiếc cột trên bến tàu để buộc dây. Người kia vẫn đứng ở bánh lái. Về phía mũi tàu có mấy cái giá kỳ lạ thẳng đứng, rõ ràng để đặt súng. Ở giữa tàu là mấy dàn phóng thủy lôi nhưng không mang sẵn thủy lôi. Chiếc tàu rõ ràng là một ngư lôi đỉnh không trang bị vũ khí.

Ngay khi tôi nhận thấy điều này, tên của chiếc tàu chợt nảy ra trong trí tôi. Đó là một chiếc ngư lôi đỉnh S của quân đội Đức, còn được gọi là ngư lôi đỉnh E trong cuộc Thế Chiến. Tôi có thể liệt kê các đặc tính của nó căn cứ theo ký ức : trọng tải độ sáu mươi tấn, bề dài chừng tám mươi thước, trang bị hai dàn phóng ngư lôi 500 ly, hai đại liên có đầu nặng nửa ký lô, một trung liên hai mươi ly, dàn động cơ dầu cận M.A.N. có tốc độ lớn hoặc động cơ chạy xăng Daimler-Benz có thể cho một tốc độ khoảng chừng ba mươi lăm gút.

Một trong hai người ngồi chồm hồm sau tấm kiếng chắn gió để đốt ống điều. Y chưa đốt xong thì người kia đã bước lên cầu tàu. Trong giây lát tôi đã hiểu vì sao. Y vừa trông thấy Monique đi ra khỏi khách sạn. Nàng sải bước băng qua đường, theo sau là người gác cửa mang hành lý cho nàng.

Gã đàn ông từ chiếc ngư lôi đỉnh đi xuống gặp nàng ở giữa đoạn đường trên cầu tàu và lấy hành lý khỏi tay người gác cửa. Y xoay gót một cách nhanh nhẹn và trở về tàu. Monique nói một câu gì đó với y. Nàng quay lại để thưởng tiền cho người gác cửa trong lúc gã đàn ông xách hành lý của nàng vẫn tiếp tục đi không nhìn lui. Người gác cổng kéo nhẹ vành mũ để chào nàng. Monique lại bước về phía chiếc tàu. Tôi ước mong nàng quay lại và nhìn lên nhưng nàng không hề trông lui và vẫn bước đều.

Một lúc sau tôi nghe tiếng cánh cửa trước của khách sạn đóng mạnh. Rồi tôi trông thấy một người thấp nhỏ chạy ra ngoài, băng qua đường về phía bến tàu. Đó là Matuschek. Y nói lớn một chuyện gì với người đàn ông trên tàu. Tôi không thể nghe rõ. Bọn chúng đợi y. Một trong hai gã đưa một bàn tay

cho y để kéo y lên, rồi quay sang đưa tay cho Monique. Nàng nhìn y không nói và bước lên một cách dễ dàng, rồi nhanh nhẹn nhảy vào trong tàu.

Tôi chăm chú nhìn bọn chúng tháo dây và cho động cơ lên tốc độ, quay tàu ra cửa bến. Hình ảnh cuối cùng của Monique mà tôi còn được thấy là một cánh tay đưa lên phía trên khuôn mặt nàng lúc này chỉ là một vết mờ màu trắng.

Người gác cổng nói với tôi :

- Bây giờ không phải là mùa thích hợp với một cuộc ngoạn cảnh chung quanh đảo. Tại sao ông không đi chuyến tàu hơi nước cho tiện? Ngày mai nó lại khởi hành.

Tôi bảo :

- Không được. Có lẽ tôi phải trở về Glasgow bằng chuyến tàu đó, nhưng tôi muốn xem qua Murra trước đã.

- Ô, được chứ. Tôi chỉ có thể giúp ông một ý kiến là hãy gọi điện thoại cho Archibald MacLeod. Mặc dầu tôi không thể biết chắc cậu ấy có chịu đi hay không, bởi vì chỉ thỉnh thoảng cậu ấy mới cho mượn xuồng máy. Cậu ấy đang chuẩn bị xuồng sẵn sàng cho mùa hè sắp tới. Ông có thể gọi điện thoại đến Lâu đài Battle và hỏi thử xem.

Một giọng nói đàn bà cho tôi hay Archibald MacLeod không có mặt ở nhà. Bà ta cho tôi số điện thoại xưởng tàu ở Lingay, về phía bên kia vịnh, nơi anh ta đang lo tô điểm cho chiếc thuyền buồm.

Chiếc Ailsa tiến vào bến tàu lúc gần mười hai giờ trưa với mấy cây cột trụ trụi và chỉ chạy một động cơ phụ nhỏ. Đó là một xuồng máy xinh đẹp chỉ dài độ mười thước. Một trong hai thanh niên rất trẻ trèo lên cầu tàu và đưa bàn tay cho tôi, rồi nói ngay :

- Tôi là Archibald Sinclair MacLeod. Đây là em tôi, tên Eric.

Archie vào khoảng hai mươi hai tuổi, còn Eric mới độ chừng mười tám. Cả hai đều sạm nắng dường như suốt ngày chỉ ở ngoài trời, từ mùa hè cho chí mùa đông. Archie bằng lòng đi ăn trưa với tôi, nhưng anh ta muốn Eric chờ trên tàu.

Anh ta giải thích :

- Chung quanh đây có nhiều người lạ quá.

Anh ta và cô bé Campbell mỉm cười với nhau dường như họ là một đôi bạn thân, nhưng anh ta rất ít nói cho đến lúc chúng tôi ăn gần xong bữa ăn trưa. Anh ta lắng nghe tôi nói một cách lễ độ, thỉnh thoảng gật đầu.

Tôi đi vào điểm chính :

- Tôi sẽ trả cho anh mỗi giờ một guinea, thêm tiền xăng.

- Ông Dunbar, ông cho nhiều như thế, làm sao chúng tôi từ chối cho được.

Chúng tôi cũng đang cần tiền. Chúng tôi sắp sửa đưa chiếc Ailsa tham dự cuộc đua xuyên Đại-tây-dương tổ chức vào mùa hè năm nay. Nếu ông muốn,

mình có thể lên đường ngay sau khi ăn trưa xong. Nhưng ông có thể cho tôi biết ông sẽ làm cách nào để trở về đây được?

- Mấy người bạn của tôi trên Saint Sudra sẽ đưa tôi về khi tôi xong việc.

Anh ta nhìn sững tôi một cách kỳ lạ và tiếp tục ăn không nói gì nữa. Rõ ràng anh ta đang nghĩ tôi điên nên mới tin tưởng sẽ nhờ được bạn bè trên một hòn đảo không có người ở đưa tôi trở về Murra. Nhưng anh ta muốn giữ lễ độ nên không dám tỏ thật điều đó. Tuy nhiên cuối cùng anh ta vẫn nói khéo :

- Ông nên biết, không có đường điện thoại liên lạc với Saint Sudra. Như vậy ông không thể gọi tôi đến đón ông. Có lẽ hay nhất là tôi chạy loanh quanh ngoại khơi một vài ngày chờ ông.

Tôi bảo :

- Khởi cần, Arch à. Nhưng dù sao tôi cũng cảm ơn anh đã nghĩ tới chuyện đó.

Anh ta lại nhắc nhở chuyện này một lần nữa trên đường đi tới Saint Sudra. Anh ta chăm chú nhìn trời một hồi, có vẻ vừa ý với thời tiết vì lúc này một chút nắng đã hiện ra. Anh ta vẫn chưa giăng buồm. Thỉnh thoảng mới có một cơn gió nhẹ thổi qua làm cho mặt nước gợn lăn tăn. Từng làn sóng dài của Đại-tây-dương nâng nhẹ mũi chiếc Ailsa lên trong lúc chúng tuần tự chuôi vào phía dưới lườn tàu. Archie và Eric cùng cầm bánh lái.

Archie chợt hỏi :

- Có phải ông là người Mỹ.

- Phải. Nhưng tổ tiên tôi là người Tô-cách-lan.

- Tôi không có ý ám chỉ những người Mỹ đều điên. Chính chúng tôi, Eric và tôi cũng có một nửa phần Mỹ. Ba chúng tôi là người Mỹ. Nhưng chắc ông đã biết rằng trên Saint Sudra không có ai ở suốt ba chục năm nay?

- Phải. Nhưng hiện giờ ở đó có người. Có thể tạm gọi là một đoàn thám hiểm khoa học.

Anh ta nhìn tôi với vẻ hoài nghi.

Tôi liền nói :

- Trông anh có vẻ không tin lời tôi. Ở Murra các anh không để ý thấy gì lạ hay sao? Chẳng hạn có ai đến mua đồ tiếp liệu, thực phẩm?

Anh ta trầm ngâm bảo :

- Có một kho hàng mới thành lập ở Sternholm nhưng không một ai biết gì về bên trong. Trên nóc có cả một cột radio lớn trông thật kỳ lạ. Nhưng chung quanh đó xe cộ rất ít qua lại, và tôi không hề biết một ai từ Sudra đến.

Không chừng Eric có thấy ai.

Eric liền nói :

- Không hề. Em không biết một người nào ở đó.

Cả Archie và Eric đều uốn giọng gần đúng tiếng Anh chính hiệu. Tôi nghĩ chắc hai anh em đã từng đi học tại đó.

Archie ngược mắt nhìn trời, kêu lên :

- Xem kia, tôi tin chắc mình sắp gặp gió lớn. Như thế sẽ giúp cho ông đỡ tốn một mớ xăng.

Anh ta đi về phía trước với Eric và hai anh em cùng kéo buồm lên một cách nhanh nhẹn. Anh ta đoán rất đúng. Gần như ngay lúc đó một ngọn gió đông nam nổi lên. Trong phút chốc, chiếc xuồng đã có một tốc độ lên đến mười lăm gút, nhanh hơn cả khi có máy chạy. Tôi tin tưởng có thể cá chiếc Ailsa sẽ thắng cuộc đua xuyên Đại-tây-dương, nếu Archie nắm bánh lái.

Tôi hỏi Archie anh ta có thể đưa tôi vào Vịnh Gentry theo ngả Friday Sound và eo biển Lunna hay không.

Anh ta đáp :

- Dễ quá mà. Ngả đó cũng không khác ngả mình hiện theo bao nhiêu. Tôi chỉ ước mong gió cứ thổi mãi như thế này.

Tôi cũng ước mong điều đó khi nhớ đến hệ thống điện tử có thể làm tê liệt động cơ của chiếc Ailsa.

Lúc năm giờ thì chúng tôi vào eo biển. Tôi quan sát bãi biển một cách kỹ càng với cặp ống nhòm của Archie cho tôi mượn. Andrews đã nhớ nơi này rất chính xác. Đây là một bãi biển khá sâu với bờ dốc thoải có cát trắng và lởm chởm những đá. Về phía bên kia bãi cát chạy dài một bờ đá cao khoảng chừng bốn thước tây, có nơi lên tới sáu thước, có nơi chỉ độ ba thước, nhưng trung bình là bốn thước. Bờ đá thỉnh thoảng bị tách rời ra bởi một lần nứt sâu từ trên đỉnh xuống tận dưới đáy. Bãi biển nơi tôi phải đến gặp Andrews và chiếc xuồng máy của ông ta rất dễ nhận thấy ở mút đông bắc, gần đảo Lunna.

Archie chăm chú nhìn tôi trong lúc tôi hướng ống nhòm về phía bãi biển.

Tôi giải thích :

- Tôi chỉ muốn xem thử có thể lợi được hay không.

Anh ta nói ngay :

- Ông phải hết sức cẩn thận. Khởi dẫu thủy triều thấp chừng mấy thước, đáy biển thụt xuống không sâu lắm.

- Sâu bao nhiêu?

Eric trả lời sau khi xem lại bản đồ.

- Một trăm fathom, ở chính giữa eo biển.

Tôi le lưỡi :

- Một trăm tám chục thước tây!

Eric mỉm một nụ cười thú vị trước vẻ kinh hoàng của tôi :

- Thừa ông, đúng như vậy. Tuy nhiên, ra khỏi dẫu thủy triều thấp, khởi đầu đáy biển chỉ xuống sâu rất nhanh tới bốn mươi fathom.

Lối vào vịnh Gentry chỉ rộng chừng 1.600 thước giữa mũi Pentland và đảo Nossie. Trong lúc chúng tôi quay vào cửa vịnh, tôi phỏng đoán làng

Bragawick chỉ cách chúng tôi vào khoảng ba cây số. Với cặp ống nhòm, tôi có thể trông thấy nhiều ụ dọc theo một cầu tàu duy nhất. Bốn chiếc ngư lôi đỉnh S đang đậu ở bốn ụ, cùng với mấy chiếc tuần dương đỉnh. Điều khiến cho tôi ngạc nhiên nhất là một chiếc tàu hàng khá lớn đang bỏ neo trong vịnh cách bến tàu gần một cây số, như đang ngồi lên khỏi mặt nước, phô bày những mảnh sắt gỉ. Quang cảnh có vẻ rộng rập trên các boong tàu trong ánh sáng đang giảm dần. Một bọn đàn ông đang đưa hàng hóa xuống nhiều chiếc xà lan bằng những cây cần trục.

Archie nhìn tôi.

- Tôi xin rút lại lời tôi đã nói không có ai trên Sudra. Chiếc tàu hàng nào vậy ông?

Eric đáp trước :

- Đó là chiếc Star of Aden, khởi hành từ Alexandria.

Tôi nhìn anh ta, vô cùng ngạc nhiên. Chỉ mình tôi có ống nhòm, và chính tôi còn không đọc nổi tên.

Archie bật cười :

Eric vẫn được nhiều người gọi là Mắt Ó. Nó có thể thấy rõ mọi vật ở cách xa trên ba cây số bằng mắt trần trong lúc tôi không thấy rõ quá một cây số rưỡi dù có ống nhòm.

Eric bảo :

- Tàu đang chuẩn bị rời bến.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 4

Một chiếc Land Rover mui trần đang đậu trên bến tàu trong lúc chiếc ngư lôi định S tiến vào ụ. Tôi có thể trông thấy chiếc đầu sói không sao làm lẫn của Anson ở phía trên tay lái. Một gã đàn ông mặc đồng phục xám ngồi bên cạnh ông ta với một khẩu tiểu liên đặt trên đầu gối. Anson bước xuống khỏi xe và đi ra ụ tàu theo một đoạn đường hẹp. Ông ta đưa một bàn tay ra cho tôi khi tôi bước lên bên, và lên tiếng :

- Chào ông Dunbar. Rất vui mừng được gặp lại ông.

Tuy nhiên giọng ông ta chẳng những không vui vẻ một chút nào mà lại còn gượng gạo.

Tôi đáp :

- Chào ông Anson. Tôi đến để bàn tính với ông về đề nghị của ông. Ông có vẻ không khích lệ khách đến đây thì phải?

- Không. Ông đến là một điều rất hay. Tuy ông hơi trễ, nhưng dù sao mình vẫn có thể bàn luận. Ông làm sao mà tìm ra chỗ ở của tôi?

- Martin Allen đã cho tôi hay, ngay trước khi ông ấy chết.

- Phải. Matuschek đã hành sự không được chu đáo. Tôi phải nói chuyện với anh ta về vụ này. Mình nên đi ngay. Trời đã chiều lắm rồi. Ít nhất, tôi cũng có thể mời ông một bữa cơm tối và một giường ngủ đêm hôm nay. Ông có thể đi xe lên tận lâu đài cùng với Nelson và tôi.

Ông ta quay phác người lại và bước tới chiếc Land Rover. Tôi liền đi theo ông ta. Gã đàn ông cầm súng rời khỏi ghé trước và ra băng sau, cầm theo hành lý của tôi. Trông y có vẻ cau có trong lúc chạt vật với túi đồ khá nặng của tôi.

Đường bắt đầu lên dốc thật gắt ngay khi chúng tôi băng ngang Bragawick. Tôi ngắm những ngôi nhà bé nhỏ trong làng, nhớ lại lời Colin Andrews đã diễn tả về nơi này. Toàn thể đều xây bằng đá bản xứ, với mái lợp rơm. Một bọn người không nhiều lắm, đa số là đàn ông, đang xê dịch những thân cây. Họ là những người thợ. Tất cả, cũng như gã Nelson đang ngồi ở băng sau, đều mặc đồng phục xám. Mỗi người đều mang một dấu hiệu nhỏ có hình chữ <O> trên túi ở ngực bên trái để phân biệt.

Thỉnh thoảng tôi mới trông thấy một người đàn bà, nhưng không phải là hạng đàn bà nội trợ. Họ chỉ giống như những người phụ việc, đầu tóc rối bù, ăn mặc lờ lợt. Phần đông có bộ mặt của dân du mục. Tôi liên tưởng đến một thành phố khai thác mỏ hoặc gỗ xẻ. Đây không phải là một làng có nhựa sống. Trên những con đường chúng tôi chạy qua, không hề thấy bóng dáng

một đám trẻ con nào nô đùa.

Chúng tôi ra khỏi Bragawick và vẫn tiếp tục lên dốc. Độ dốc lớn đến nỗi chúng tôi vừa đi lên chưa được một cây số tôi đã trông thấy những mái nhà xa tít về phía dưới.

Cảnh tượng chợt trông thấy ở về phía nam của thành phố làm tôi giật mình. Nằm dài trên vùng bình nguyên dưới đó là cả một phi trường, với hai phi đạo dài và một tòa nhà lớn. Ngoài ra, hai bên phi đạo có nhiều trại chứa phi cơ. Tôi nói với Anson trong lúc ông ta vẫn giữ im lặng suốt từ khi chúng tôi rời khỏi bến tàu.

- Thì ra ở đây có cả một phi trường.

- Vâng.

- Có phải chiếc đang ở trên cầu kiểm soát đó là một chiếc DeHavilland Bốn-B?

- Vâng. Ông có cặp mắt tốt thật.

- Còn một chiếc Caravelle?

- Đó là phi cơ riêng của tôi. Chiếc Bốn-B thuộc tổ chức.

- Oui-Die?

Ông ta nhìn tôi một cách lạ lùng, không nói gì, mắt quay trở lại con đường quanh co. Nó không đến nỗi quá ngoằn ngoèo như tôi đã tưởng và chiếc Land Rover giữ nguyên một tốc độ khá đều. Chúng tôi hướng về phía bắc đông bắc. Trong lúc chúng tôi lên cao dần, tôi có thể trông thấy mặt biển ở phía nam và đông nam. Tôi còn thoáng thấy được chiếc Ailsa, lúc này đã biến thành một chấm trắng nhỏ xíu bên kia đảo Nossie, đang trực chỉ theo phía đông để trở về Murra.

Tôi nói với Anson :

- Hòn đảo này tuyệt quá. Chắc ông đang làm chủ ở đây?

- Đâu phải. Có thể tạm gọi là mượn lại.

- Về phía bên trái, có một vùnggì trông như một trại thiết giáp vậy?

Anson mím môi lại thành một lần thẳng. Ông ta liếc mắt về phía gã đàn ông đang ngồi ở băng sau, nói lảng :

- Ngày hôm nay chắc không thể nào đi viếng cảnh được. Tờ sắp tới mất rồi.

Ông ta vói tay bật đèn xe. Tôi có cảm tưởng ông ta đang quyết định một điều gì, trong lúc ông ta nói tiếp :

- Sáng mai tôi sẽ dẫn ông đi xem một vòng trên đảo, nếu ông vẫn còn ở lại đây với chúng tôi.

Tôi ngậm miệng trên suốt đoạn hành trình còn lại chỉ im lặng nhìn những mép đá lởm chởm gần bờ biển bên phải. Hàng hà sa số chim biển vừa bay vòng quanh vừa kêu la om sòm trên các bờ đá - trong đó có đủ các loài du cầm và hải âu có thể lội nước, lũ hải âu này đang lũ lượt kéo nhau vào đất liền khi màn đêm khởi sự buông xuống. Tôi biết rất có thể có cả loài hải báo

xám đặc biệt của miền Đại-tây-dương trong đám núi đá phía dưới những đoạn bờ biển hình răng cưa.

Tôi chợt có một cảm tưởng huyền bí về đảo này. Tôi không sao xua đuổi được ý tưởng hoang liêu của nó ra khỏi tâm trí. Nó đứng yên, hoặc trôi lênh đênh giữa vùng bắc Đại-tây-dương, nằm như một chiếc tàu khổng lồ đi về cõi hư vô, trong một nỗi cô đơn tàn khốc, giữa những ngọn gió lạnh buốt thổi về hướng đông bắc.

Tôi chợt cảm thấy tóc dựng đứng lên ở sau gáy.

Tòa lâu đài đứng sừng sững trên một bờ đá ở mé biển phía đông. Tôi có thể trông thấy nó lúc chúng tôi chạy theo khúc đường vòng cuối cùng. Các khung cửa sổ đã bắt đầu sáng ánh đèn. Trên các bức tường hoa phũ chung quanh, đèn được thắp sáng choang, theo tôi đoán có lẽ không vì muốn cho đẹp mà vì muốn bảo đảm an ninh. Tôi có thể trông thấy nhiều khẩu tiểu liên gắn sẵn sàng vào giá trong chòi gác chính phía trên cao. Tuy nhiên tôi không thể quả quyết có người đang kèm giữ hay không. Những bức tường đá màu xám đã khiến cho cảm tưởng của tôi về hòn đảo này càng thêm vững chắc. Trông nó không khác chiếc cầu phao đang bay bổng lên cao của một con tàu, và con tàu này chính là hòn đảo.

Anson bảo :

- Lâu đài Kinnoul.

Quẹo khỏi đường cái, ông lái xe chừng năm sáu chục thước theo một đoạn đường vòng rải sỏi, chạy vào một khuôn sân nhỏ có những bức tường thấp bằng đá bọc quanh. Tôi nghĩ những bức tường này có thể thay thế cho hào hố. Trông nó giống như đất đá đổ xuống và các lực lượng võ trang khó lòng bò lên nổi. Chúng tôi dừng lại ở trong sân.

Anson nói :

- Donald sẽ mang hành lý giúp ông và chỉ phòng cho ông. Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đại sảnh để uống cocktail vào lúc bảy giờ. Ông khỏi cần mặc đồ lớn. Tôi thường ăn tối một mình, không dùng chung với các cấp chỉ huy thuộc ban khoa học hiện sống trong lâu đài. Chúng ta sẽ cùng uống cocktail với họ.

Ông ta quay nhanh người và biến vào trong một khung cửa hẹp tối đen, để Donald tiếp tục đi với tôi. Khi chúng tôi bước vào bên trong một hành lang nhỏ xíu tôi ngạc nhiên trong thấy nó chỉ đưa tới một thang máy. Chúng tôi phải đứng chờ. Anson đã đi lên một mình.

Rồi mãi đến lúc trông thấy những phần còn sót lại của một cầu thang cũ, bằng đá đã được thay thế bằng một cái thang máy, tôi mới hiểu ngõ vào này như thế nào. Đây là lối duy nhất để đi vào lâu đài, hoặc đi trở ra. Xưa kia, khoảng trống chật hẹp này vốn là chân cầu thang bằng đá. Một chiến sĩ muốn vào đây phải vừa bước lên cầu thang vừa chiến đấu, mang theo cả

khiên lẫn kiếm khó nhọc lắm mới tiến lên được một nấc thang đục sâu trong đá.

Bảng điều động thang máy cho biết có cả thảy bốn tầng, kể luôn tầng trệt là tầng chỉ dùng làm lối ra vào. Ba nút bấm ở trên ghi rõ : ĐẠI SẢNH, CƯ XÁ CHUYÊN VIÊN, NHÂN VIÊN. Donald dẫn tôi lên tầng cư xá chuyên viên tức tầng phía trên đại sảnh. Y đưa tôi đi dọc theo một hành lang dài, hai bên có rất nhiều khung cửa. Cuối cùng y bỏ hành lý của tôi vào một phòng trong góc, và vặn tắt bảo :

- Buồng tắm ở chính giữa hành lang.

Nói đoạn, y đi ra, khẩu tiểu liên mang lắc lư qua vai trái. Tôi có thể nghe giọng nói của y không hề có một chút nhân tính. Nó tuôn ra cửa miệng y như ra khỏi một bộ máy vô tri giác.

Đồ đạc trong phòng tuy đẹp nhưng đơn sơ. Một chiếc giường rộng kê ở đầu phòng, và đầu kia là một lò sưởi đốt bằng củi. Một cánh cửa dẫn vào một buồng vệ sinh chỉ có bồn rửa mặt và một cầu tiêu.

Quang cảnh nhìn qua các khung cửa sổ thật là ghê sợ, dù lúc trời đang tối dần. Máy cửa sổ phía đông nhìn ra phía trên một bờ vực đầy những đá nhọn lởm chởm đến nỗi khó lòng đủ chỗ cho một bàn chân dài độ hơn hai tấc đặt lên. Các cửa sổ phía bắc nhìn thẳng ra bờ đá dốc đứng chạy xuống biển cách xa gần hai trăm thước phía dưới. Tòa lâu đài đứng trên một mũi đất nhô ra biển. Tôi đoán ít nhất phải có hai hoặc có lẽ ba mặt của tòa nhà trông ra bờ đá. Tôi đã đoán đúng. Chúng tôi đã đi vào theo một mặt duy nhất được dùng làm lối vào. Và cũng chỉ có một con đường ra khỏi lâu đài Kinnoul.

Tôi bước ra khỏi thang máy và đi vào đại sảnh lúc hơn bảy giờ. Căn phòng làm tôi liên tưởng ngay đến phòng khánh tiết trong Whitehall (1) nơi Charles Đệ Nhất (2) đã bị mất đầu bởi tên đao phủ lúc nhà vua vừa bước qua khỏi cửa. Nhưng nơi này rộng gấp mười. Trần phòng cao, các ngọn đèn vách, những bước chân dung - đa số đều mặc loại vải sọc vuông của người Tô-cách-lan _ ván lát tường màu đen, sàn nhà bằng gỗ không trải thảm mòn tới bóng loáng, và những khung cửa sổ cao khiến tôi nghĩ đến thời Phục Hưng (3) toàn thịnh. Một ngọn lửa đang cháy đỏ rực trong một lò sưởi lớn ở khoảng giữa phòng.

Chú thích

(1) Whitehall : một hoàng cung thời xưa của nước Anh gần Westminster Abbey, còn gọi là Whitehall Palace.

(2) Charles Đệ Nhất (1600-1649) : Hoàng đế Anh quốc từ 1625. bị kết tội phản quốc và bị hành hình vào năm 1649.

(3) Renaissance : cuộc cách mạng văn hóa, nghệ thuật và khoa học xảy ra ở Châu Âu vào thế kỷ XV và XVI.

(đến trang 267)

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 5

Món điểm tâm gồm trứng và thịt muối được đưa tới tận phòng tôi trên một cái khay. Tôi ăn xong, liền cạo râu và thay áo quần thì vừa đúng sáu giờ rưỡi. Nelson đưa tôi xuống. Anson đang đợi tôi trong một chiếc Jeep mui trần. Ông ta mặc một cái áo choàng ngắn dày cộm có cổ bằng da trùu.

Ông ta lên tiếng trước :

- Chào ông. Ông không lạnh hay sao?

Tôi chỉ mặc một chiếc áo khoát bằng vải len với một áo nịt dày bên trong.

- Như thế này là vừa đủ. Nếu trời không mưa.

- Trong thùng xe có sẵn hai bộ áo quần đặc biệt để dùng vào lúc nào trời quá lạnh.

Tôi trèo lên. Ông ta liền phóng xe đi, hất tung hai luồng sỏi nhỏ về phía sau lúc bốn bánh xe có khía sâu của chiếc Jeep cắn chặt vào mặt đường rải sỏi.

Ông ta quay về phương bắc, chạy trên con đường ở gần bờ biển.

Ông ta lại bảo :

- Ông phải nói chuyện một đôi câu đi chứ. Ông có biết gì về mấy hải đảo nhỏ ở vùng này?

- Rất ít.

- Tất cả quần đảo Hebrides, còn được gọi là Isles of the West (Hải Đảo Miền Tây), nguyên thuộc nước Na-uy, mãi đến cuộc chiến tranh vào năm 1263 mới chuyển qua Tô-cách-lan. Người ta còn có thể thấy rõ di tích của thời kỳ lệ thuộc Na-uy trong các địa danh, chẳng hạn Stenrness, Lunna Voe, Vaila Voe và Nossie Holm, cùng các tên tương tự. "Voe" có nghĩa là vịnh nhỏ.

"Holm" có nghĩa là một hoang đảo. Và còn nhiều nữa. Trong thời kỳ bị Tô-cách-lan thống trị, thời kỳ được mệnh danh là Triều Đại Đảo Chúa, khi dòng họ MacDonald of Islay là những vị chúa tể, quần đảo Hebrides thực sự có đủ sức mạnh làm rung chuyển ngai vàng của xứ Tô-cách-lan. Tôi nhận thấy đây là một sự trùng phùng thú vị.

- Trùng phùng với cái gì?

- Lẽ tất nhiên ông chưa biết chúng tôi đang làm gì ở đây. Tới đúng lúc tôi sẽ cho ông rõ.

Ông ta chợt mỉm cười với một ý nghĩ thâm kín trong đầu và nói tiếp :

- Ông sẽ là người ngoại cuộc duy nhất biết được chuyện này, sau khi ông đã đi viếng một vòng khắp đảo.

- Ngôi nhà gì bên tay trái vậy?
- Phòng thí nghiệm. Vừa mới hoàn tất. Các khoa học gia của chúng tôi thường làm việc trong các phòng phía dưới của lầu đài, nhưng ở đó chật chội quá. Về phía sau khu nhà thí nghiệm có cả cư xá cho chuyên viên. Tôi chưa có thể đưa ông vào xem ở bên trong được, vì chỉ những người có phận sự đặc biệt mới được phép vào.
- Đại khái, phòng thí nghiệm thuộc loại gì?
- Phần lớn là điện tử, hóa học và vật lý học. Phần vụ điện tử hướng mọi nỗ lực và việc kiện toàn máy vô hiệu hóa, được gọi là Mục Tiêu Một. Chuyện đó, dĩ nhiên ông đã biết.

(tiếp theo từ trang 273, chương 5, phần IV - CHẴNG AI TÌM DẤU)

- Có phải đó là chiếc hộp đen do em tôi phát triển ra?
 - Không phải, chiếc hộp đen của Jacques de Ménard. Chúng tôi đặt tên cho chiếc hộp của em ông là Mục Tiêu Hai. Rủi thay, chúng tôi không thể hoàn thiện Mục Tiêu Một, nên chúng tôi cần Mục Tiêu Hai.
 - Tôi hiểu. Và em tôi bắt buộc phải giao cho ông?
- Ông ta trả lời bằng một giọng tin tưởng :
- Phải. Căn cứ theo lời ông nói, tôi đoán ông không tin em ông sẽ giao lại. Nhưng chính ông đã có một kinh nghiệm về phương pháp khai thác của chúng tôi? Tôi nghĩ rằng ông ấy sẽ trao cho chúng tôi bộ phận còn thiếu.
 - Tại sao ông cần phải có?
 - Mục Tiêu Một bị giới hạn ở đường chân trời - tức độ chừng bốn mươi dặm tại cao độ này. Như thế cũng thừa đủ để bảo vệ chúng tôi trên Saint Sudra, nhưng chúng tôi cần một hệ thống tốt hơn để dùng về sau. Các chuyên viên điện tử của tôi không đủ sức cải tiến Mục Tiêu Một. Nhưng vẫn tiếp tục không ngừng. Công cuộc nghiên cứu hóa học của chúng tôi hướng về các loại hơi độc gây phản ứng tê bại. Công cuộc nghiên cứu vật lý thì phần lớn thuộc lãnh vực tia laser, mặc dù vấn đề laser ngày nay đã hơi lỗi thời. Mình tới nơi rồi - nơi cao nhất của đảo.
- Ông ta giảm tốc độ chiếc xe Jeep và thắng lại ở mép bờ đá cao về phía cực bắc của hòn đảo.
- Đó là hồ Rata bên tay trái. Hồ Venna và hồ Madoch ở ngay dưới đây - cả hai đều tuyệt đẹp, rồi ông sẽ thấy.
- Nhưng chính bờ đá khiến tôi lạnh xương sống. Nó thẳng đứng và cao hơn mặt nước biển có tới trên ba trăm rưỡi thước tây. Nhiều đàn chim như những đám mây lớn vừa liệng vòng quanh vừa kêu la om sòm, trong đó tôi nhận

thấy cả loài hải yến và chim cắt.

Anson bảo :

- Xưa kia nơi này là chỗ trú ẩn của các loài chim. Tôi hơi lấy làm tiếc vì chúng tôi đã biến đổi một đôi phần. Nhưng tôi tin các loài chim sẽ trở lại khi chúng tôi bước qua một thời kỳ trọng đại khác.

Ông ta nhìn tôi bằng khóe mắt. Trong lúc tôi vẫn không nói gì, ông ta tiếp lời :

- Về chuyện chúng tôi sẽ bước qua nơi nào - đó là bài giảng kế tiếp.

Tôi nói :

- Tôi xin hỏi thêm một câu. Theo tôi đoán thì ngôi nhà trên đỉnh bờ đá kia là một đài radar. Tại sao phải có radar như vậy?

Nhận xét của tôi không thể nào làm được, vì ngay trên mái của ngôi nhà sườn sắt có mấy cái ăng-ten như những chiếc rô đang quay tròn.

Anson đáp :

- Rất dễ hiểu. Có lẽ ông không được rõ máy vô hiệu hóa hiện đại của chúng tôi, tức Mục Tiêu Một, còn có một khuyết điểm khác. Nó làm tê liệt mọi hoạt động điện thường, điện tử cùng những hoạt động liên hệ - không phải chỉ của kẻ lạ mà luôn của chính chúng tôi nữa. Vì lý do này, lẽ tất nhiên chúng tôi không thể cho nó hoạt động liên tục, và phải dùng radar để báo cho chúng tôi biết lúc có kẻ lạ tiến tới gần. Khi thấy những chấm sáng trên màn hình radar, nhân viên túc trực sẽ báo động để cho toàn thể công nhân ngoài hải cảng cũng như trên phi trường và trong các phòng thí nghiệm đều biết nguồn năng lượng sắp bị máy vô hiệu hóa làm gián đoạn. Khi chúng tôi đã có được bộ máy của em ông - tức Mục Tiêu Hai, chúng tôi sẽ không cần phải dùng phương pháp bất tiện này nữa.

- Ông thật tình lo ngại sẽ bị tấn công hay sao?

- Ông hãy đợi tới khi quan sát xong. Rồi ông sẽ thấy. Lúc này, tôi chỉ muốn cho ông hay một điều : chúng tôi không muốn bị người ngoài dòm ngó.

Chúng tôi chạy xe xuống phía tây cho tới khi gần đến vùng đất bằng phẳng ở trung tâm của hòn đảo. Anson không nói gì thêm trong lúc chúng tôi chạy vòng theo những bờ đá mỗi lúc một thấp dần song song với bờ biển về phía tây. Khi trông thấy một khu có nhiều bồn chứa kỳ lạ, tôi vừa hỏi chuyện về đêm vừa qua thì ông ta quẹo chiếc Jeep khỏi con đường chật hẹp và ngừng lại ở góc đường.

Ông ta chỉ tay về phía nam bồn chứa, bảo :

- Bài giảng kế tiếp.

Ông ta chăm chú nhìn tôi trong lúc tôi nhìn sững quang cảnh này. Trước mắt tôi là một ngôi nhà dài và thấp, chỉ có một tầng. Trên mặt tường liền lạc là mấy khung cửa sổ giống hệt trên một chiếc tàu. Những khung cửa sổ đó nhìn ra một khu đất rộng hình chữ nhật bao bọc bởi một hàng rào kẽm gai. Khu

đất tro trụi không một chút cây cối. Rồi tôi dần dần để ý thấy nhiều chỗ lồi lên khỏi mặt đất một cách đều đặn trong hình chữ nhật. Tất cả đều thấp, hơi tròn đầu, sơn lốm đốm nâu để tiếp với màu đất. Mỗi chiếc nắp bằng kim loại dường như có bản lề mở qua một bên. Có cả thảy ba hàng, mỗi hàng bốn cái, cách khoảng nhau độ chừng ba mươi thước tây.

- Ông đoán thử xem nó là gì?

Tôi đáp :

- Tôi có biết gì đâu mà đoán cho nổi. Máy cái đó trông giống như những bồn dầu nhỏ mà tôi có dịp trông thấy ở Romania với những cái giếng có mái che và gần đường ống. Nhưng ở đây không có một khúc ống nào. Có phải ông đã tìm ra mỏ dầu?

Anson bật cười. Tôi chưa hề nghe ông ta cười như thế. Đó là một tràng âm thanh the thé như những tiếng sủa của một giống vật, nghe hết sức khó chịu. Tôi có cảm giác màng tai đang vỡ ra.

Cười xong, ông ta giải thích :

- Ông có thể nói như vậy, nếu ông thích dùng giọng văn hoa mỹ. Nhưng thật ra thì không phải. Đó là những hầm chứa hỏa tiễn có tầm bắn trung bình, được đặt ngay bên dưới nắp hầm. Hỏa tiễn được trang bị những hệ thống hướng dẫn cực kỳ chính xác và có thể phóng đi bất cứ lúc nào tôi muốn. Tôi ngồi sững nhìn mấy dãy hầm, lắng nghe âm vang lời nói của Anson trong đầu. Trong lĩnh vực của tôi, tôi đã thấy nhiều người khổ sở vì một khuyết điểm kỳ lạ về sự phối hợp của bộ óc và cái miệng. Họ hiểu một cách rành rẽ mà vẫn không sao thốt ra một câu nào hay ho. Đặc biệt nhất là một vài người trong giới giáo sư vẫn thường giảng bài hàng giờ cho các học sinh. Một nhà toán học đại tài, đã quen suy nghĩ thành phương trình, có thể phiên dịch những phương trình ra ngôn ngữ mà quý bạn và tôi đều có thể hiểu. Người kém hơn không thể như thế được. Anson gần như là một nhà toán học. Ông ta nghĩ bằng những hình ảnh lạ lùng, tàn nhẫn, rồi ông ta sắp lại thành lời khiến tôi giá buốt tận xương tủy. Tôi đã tưởng lầm ông ta là kẻ mơ mộng đầy ảo tưởng. Ông ta đâu phải vậy. Ông ta có thái độ của một người đã quen cận chiến và thích trò này, một người muốn đánh cá dù thời vận bên ngoài có vẻ xui xẻo, bởi vì ông ta biết chắc mình có thể đổi thay thời vận.

Mãi một lúc sau tôi mới nói được :

- Có lẽ ông muốn nói.

- Tôi không nói đùa.

- Phóng đi bất cứ lúc nào ông muốn - tôi chấp nhận như thế. Nhưng nhắm vào đâu?

Ông ta không trả lời tôi một cách trực tiếp.

- Ông sẽ nhận thấy chúng tôi khỏi cần đặt phòng kiểm soát dưới đất. Thật sự

không thành vấn đề. Không thể có ai phục thù, vì chúng tôi có bộ máy vô hiệu hóa, và chỉ cần dùng hỏa tiễn một lần, trong trường hợp tối cần.

Tôi chợt có một hình ảnh điên cuồng của một người hiến thân vào một cuộc chiến tranh bí mật với Nga - Xô, và cố xua tan. Trong cơn xúc động, tôi hỏi một câu khờ khạo :

- Ông làm sao mà đưa được hỏa tiễn đến đây?

- Rất đơn giản. Nếu ông chỉ muốn hỏi điều đó, tôi xin trả lời ngay : bằng đường biển. Nhưng nếu ông muốn hỏi chúng tôi đưa từ đâu đến thì đó là một chuyện khác. Chúng tôi đã đặt chế tạo tại rất nhiều quốc gia và các hãng chế tạo yên trí họ làm cho một chính phủ ngoại bang nào đó.

Ông ta chợt bật cười thành tiếng trước vẻ mặt của tôi.

- Không, không phải là một xứ tương tự Cuba đâu. Không có một món nào được chế tạo tại Nga - Xô. Người Nga không hề hay biết gì về sự hiện hữu của mấy dàn hỏa tiễn này. Ngoài ra cũng chưa có một ai khác hay biết.

- Các hỏa tiễn đó để làm gì?

- Hiện giờ thì không để làm gì cả. Nhưng cũng sắp sửa tới lúc được sử dụng. Đó là một vấn đề. Đáng tiếc là ông sẽ không bao giờ viết đăng lên mặt báo được.

Ông ta dừng lại một lát để xem đồng hồ tay.

- Vừa đúng mười hai giờ trưa. Tôi sẽ nói cho ông nghe sau khi ăn cơm xong. Mình hãy trở về lâu đài.

Ông ta cho chiếc Jeep nổ máy và chạy băng ngang qua đảo bằng một con đường dẫn chúng tôi qua khỏi lối vào đại kiểm soát hỏa tiễn xây cất bằng gỗ.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giảng

Chương 6

Ông ta bảo khi chúng tôi ăn trưa xong - hay đúng hơn khi ông ta ăn xong, bởi vì tôi ăn rất ít :

- Ông không hỏi đúng câu hỏi. Đó là một điều đáng trách đối với một ký giả giỏi. Nhưng tôi vẫn sẽ trả lời rành mạch cho ông. Trước hết là, đúng - trên cả mười hai hỏa tiễn đều có đầu đạn hạch tâm. Mỗi một đầu đạn có thể so sánh với loại đã được dùng trong các cuộc thí nghiệm mới đây của Hải quân tại Bikini ngoài khơi Thái-bình-dương. Tôi tin ông đã từng trông thấy loại đó. Mỗi một hỏa tiễn có khả năng tàn phá hơn những trái bom đã được thả xuống Hiroshima và Nagasaki. Không phải bom khinh khí, như giới báo chí bình dân thường gọi.

Ông ta ngừng nói để đốt lại điều xì gà.

- Mỗi hỏa tiễn đó được điều chỉnh sẵn để có thể phóng vào một đô thị. Tất cả đều ở trong địa phận Anh quốc và Tô-cách-lan. Kể từ bắc xuống nam, gồm có : Glasgow, Edinburgh, Newcastle, Leeds, Hull, Manchester, Birmingham, London, Briston, Southampton, Portsmouth, Plymouth. Tôi thấy ông đang muốn hỏi nhiều điều. Ông hãy đợi một lát nữa. Tôi sẽ trả lời tất cả cho ông trước khi ông hỏi.

Tôi không có ý định ngắt lời ông ta. Tôi đang sững sờ và toát mồ hôi lạnh.

- Hôm nay là ngày 7. Hôm nay đúng ba giờ chiều, nhân viên chìm của chúng tôi hiện giữ một chức vụ tối cao trong chính phủ Anh - ông có thể tạm gọi là một vị bộ trưởng - sẽ đến trình diện Thủ Tướng. Ông ta đã xin yết kiến từ trước. Sau đó Hội Đồng Nội Các sẽ nhóm họp suốt một tiếng đồng hồ.

Trong cuộc họp mật này, người của chúng tôi sẽ trình bày trước mặt Thủ Tướng một bức tối hậu thư. Tôi không muốn làm cho ông phải nóng lòng vì những chi tiết nhỏ nhặt. Đại khái bức tối hậu thư cho hay một cuộc cách mạng thầm lặng ở Anh đã hoàn thành, chính phủ hiện tại cần phải bị lật đổ, và nếu các điều kiện do chúng tôi đề ra không được thi hành đúng, nhiều hậu quả không thể tránh nổi sẽ xảy đến.

- Tôi muốn biết đó là những hậu quả gì?

- Khoan đã. Trước hết ông hãy nghe những điều kiện.

Ông ta xòe mấy ngón tay ra trong lúc nói tiếp :

- Thứ nhất : chính phủ Anh phải được chuyển giao lại cho tổ chức của tôi - hoặc cho tôi, nếu ông muốn nói như thế hơn. Trong chính phủ hiện tại chúng tôi đã đặt sẵn đủ người để có thể bàn giao chức vụ. Thứ hai : cuộc cách

mạng này đã được tham khảo ý kiến của phe đối lập, nên sẽ không thể có chống đối dưới bất cứ hình thức nào. Lưỡng viện quốc hội sẽ được giải tán ngay tức khắc, như thế sẽ không ai có quyền chất vấn. Đại diện các nhóm đối lập phải đến yết kiến Tân Chính Phủ, vào đúng bốn giờ chiều để nghe lệnh tối hậu. Thứ ba : (ông ta hơi cuối đầu với tôi) báo chí sẽ được thông tri về sự thay đổi chính phủ và chương trình loan tin sẽ được kiểm soát rất kỹ trên mặt báo, trong radio và trên vô tuyến truyền hình. Lẽ tất nhiên mọi văn bản cần thiết đã có sẵn trong tay của tân bộ trưởng thông tin.

Tôi bảo :

- Tôi có thể tưởng tượng ra một danh từ. Vị cứu tinh của dân tộc, như Nkrumah. Ông sẽ tự xưng là gì? Vị lãnh tụ?

Ông ta nhìn tôi một cách lạnh lùng.

- Chuyện đó không thành vấn đề. Có lẽ là nhiếp chính.

- Tôi biết trước lực lượng nào sẽ đẩy lui cuộc mưu phản này.

- Lời nói của ông không mấy thanh nhã, nhưng kể ra thì cũng không sai.

Phải, ông thừa biết. Vị Thủ Tướng và Lưỡng Viện sẽ được cho hai mươi bốn giờ để hành động. Nếu không có hành động cụ thể nào tới cuối thời gian này, hỏa tiễn đầu tiên - chỉ một mà thôi - sẽ được phóng đi và sẽ tiêu diệt Edinburgh. Sau đó, các hỏa tiễn khác sẽ lần lượt phóng đi cách khoảng ba tiếng đồng hồ, cho đến bao giờ bản tối hậu thư được thi hành đúng mức. Hỏa tiễn sẽ được bắn sao cho sự tàn phá tiến dần tới Luân-đông theo những vòng tròn đồng tâm. Trước hết là Edinburgh, rồi Plymouth. Và cứ thế - ông có thể theo dõi trên họa đồ.

- Các cơ quan quân sự sẽ tưởng rằng kẻ nào muốn gây chiến và họ đâu có chịu để yên?

- Ông bạn thân của tôi ơi! Viên Bộ Trưởng Quốc Phòng sẽ có mặt tại phiên họp của Hội Đồng Nội Các kia mà! Dù sao, các cơ quan tình báo sẽ cho họ biết sự thật. Nhưng họ không thể nào tấn công chúng tôi, dầu họ biết chúng tôi ở đâu đi nữa. Chắc ông còn nhớ bộ máy vô hiệu hóa?

- Có nhiều người đã biết các ông hiện ở đâu. Ông làm sao chống lại một cuộc tấn công theo qui ước, chẳng hạn với một hoặc hai sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến?

- Có cách gì đưa họ tới Saint Sudra, trong tầm hiệu lực của máy vô hiệu hóa? Bằng một chiếc thuyền buồm gắn động cơ nhỏ xíu như đã chở ông tới đây hay sao? Khó lắm!

- Tiềm thủy đình?

- Chở những chiếc phao cao su nhỏ đầy binh sĩ? Thôi mà, Dunbar, ông chớ nên ngây ngô như thế. Và lại, Thủ Tướng còn được cáo tri nếu ông ta mưu toan tấn công, tất cả hỏa tiễn sẽ được phóng đi cùng một lúc. Nếu ông ta còn tỉnh trí, ông ta có dám liều lĩnh đến mức độ đó hay không?

Tôi gật đầu.

- Tôi hiểu, ông ấy sẽ không dám. Nhưng tại sao? Ông muốn dựng nên một chế độ độc tài bấp bênh để làm gì?

Ông ta nhìn sững tôi như một cậu bé ngu dốt.

- Dunbar, một khi ông khiến tôi phải kinh ngạc vì nhận định quá kém. Saint Sudra chỉ là căn cứ cho bước tiến đầu tiên trên đường tiến tới uy lực. Không phải để đi chinh phục mà để xây dựng hòa bình. Một khi Anh quốc đã vào tay chúng tôi rồi, phần còn lại sẽ rất đơn giản. Cùng một lúc - Pháp, rồi Ý, rồi Đức. Và cứ như thế, mình sẽ trở về với triều đại nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhất, với đầy quyền uy và chiến thắng, thống trị tất cả để giữ vững nền hòa bình của thế giới.

- Còn Liên Hiệp Quốc, họ sẽ ngồi yên trong lúc chuyện này diễn ra?

- Vô nghĩa. Nó đâu có gì liên quan đến Liên Hiệp Quốc. Ông thử nghĩ lại xem : đâu có ai sử dụng tới vũ khí để đánh nhau.

Còn Hoa-kỳ? Còn Nga-Xô? Họ sẽ đứng bên cạnh và yên lặng xem?

- Có gì đâu mà xem? Đâu có gì ngoại trừ một vài đổi thay trong chính phủ. Sẽ không ai hay biết chuyện đang xảy ra, cho đến khi hay được thì đã quá muộn.

- Rồi Hoàng gia sẽ ra sao?

- Lẽ tất nhiên sẽ không sao hết. Tôi không phải là Cromwell (1), mặc dù ông có nhã ý xét đoán tôi một cách sai lầm.

Tôi cố nói thêm :

- Nhưng có lẽ ông đã quên tính đến một điều. Tại sao ông nghĩ Thủ Tướng sẽ tin lời ông khi ông bảo rằng ông có mười hai hỏa tiễn với đầu đạn hạch tâm đang nhắm vào mười hai đô thị lớn khắp nước Anh? Bất cứ ai cũng có thể hăm dọa bậy bạ như thế.

Anson vẫn thản nhiên đáp :

- Nếu ông nghi ngờ thì vụ tàn phá Ediburgh sẽ xóa tan tất cả. Nhưng, ông bạn Dunbar, ông nên hiểu chúng tôi vẫn có một cách cứu được Edinburgh. Tối hôm qua tôi đã thu xếp việc này với viên bộ trưởng của tôi. Chính ông sẽ xác nhận bằng điện thoại. Ông hiện có đầy đủ khả năng và tiếng tăm của một ký giả nhờ đã tham dự các vụ thí nghiệm nguyên tử ngoài khơi Thái-bình-dương. Thủ Tướng biết ông. Tôi tin ông ta sẽ nhận ra giọng nói của ông. Và để cho chắc chắn rằng ông nói thật chứ không phải bị ép buộc, tôi đã sắp xếp cho ông và em ông được xem tận mắt các dàn hỏa tiễn vào chiều nay. Viên giám đốc kế hoạch của tôi sẽ chỉ dẫn cho các ông.

- Anson đã nói chuyện với chú sau khi đánh thức chú dậy? Sau khi chú tới đây?

- Không nói chuyện anh vừa kể. Y chỉ bảo y sẽ triệu tập một hội nghị các kỹ sư điện tử của y. Em đã đoán rằng y định bắt em nói một chuyện gì trong

ngành điện tử cho đám này nghe. Nhưng em không hỏi tới.

- Thế nào y cũng đỡ trò. Y chỉ cần chích một mũi thuốc như đã chích cho tôi, và chú sẽ nói, chú tin tôi đi.

- Stuart, em...

- Chú khỏi lo. Ted, tôi cần rõ ngay bây giờ. Chú hãy cho tôi biết hiệu lực chiếc hộp đen của Ménard chứ thế nào. Bọn chúng đang sử dụng thứ đó. Ted dần dần tỉnh trí trở lại.

- Nó vừa đủ hiệu nghiệm để bảo vệ hòn đảo này, căn cứ theo lời anh vừa kể cho em nghe về vị trí của đảo. Tầm hoạt động chỉ dưới bốn mươi dặm, như thế nó không thể tác dụng gì với một hòn đảo nào gần nhất trong quần đảo Hebrides. Nhưng hiệu lực của nó sẽ rất ghê gớm từ đây cho tới đó, theo độ cao của nơi này.

- Có cách gì tấn công đảo được hay không? Chẳng hạn tiềm thủy đình?

Ted từ từ lắc đầu :

- Không. Tiềm thủy đình có thể được che chở khỏi bị ảnh hưởng của chiếc hộp đen nhờ có nước ở phía trên, tức là khi còn lặn dưới mặt biển. Nhưng khi đã trôi lên rồi thì không còn có thể hoạt động được nữa. Ngay cả hỏa tiễn Polaris cũng không thể phóng đi. Chiếc hộp đen sẽ làm tê liệt các hệ thống hướng dẫn. Nói tóm lại, nếu hỏa tiễn được bắn ra ở gần, hệ thống hướng dẫn không thể hoạt động. Chắc anh đã biết hỏa tiễn Polaris được bắn ra như thế nào : sau khi lên khỏi mặt nước nhiên liệu mới được đốt cháy. Nhưng chiếc hộp đen lại ngăn chặn sự đốt. Như thế ở trong tầm hiệu lực của chiếc hộp đen, một hỏa tiễn Polaris sẽ rơi trở xuống biển ngay sau khi nó vừa phóng lên khỏi mặt nước độ chừng mười thước.

- Còn cách đổ bộ lên bãi biển.

- Anson rất có lý về điểm này. Anh phải đưa binh sĩ đến đây bằng tàu ngầm và cho họ ngồi trên những xuồng cao su. Họ sẽ nhón nháo như những bầy vịt, dù tiềm thủy đình có thể đưa họ tới nơi đổ bộ. Như em vừa nói, tàu ngầm chỉ có thể được che chở trong lúc đang lặn, nhưng nó bắt buộc phải trôi lên. Và khi đó với tác dụng của chiếc hộp đen, em e rằng nó không sao lặn xuống được nữa. Quả thật, nó hủy hoại không chứa một cái gì.

- Được rồi, Ted, chú khỏi lo. Còn về...

Ted bỗng chặn lời tôi bằng cách hoa bàn tay phải lên và nói :

- Nếu mình cứ tiếp tục nói chuyện mãi, anh không nghĩ rằng tốt hơn hết, mình nên hét lớn cho bọn nghe lén khỏi mất công.

- Tôi không biết khởi sự như thế nào.

- Để cho em.

Nói đoạn Ted lục soát toàn thể căn phòng, không bỏ qua một nơi nào. Ted nhìn về phía sau những bức tranh treo trên tường. Ted nhìn dưới bàn ghế, dưới giường, trong lớp lò xo. Ted tháo tung cả ra lên và vỗ khắp mặt nệm.

Tuy không tìm thấy gì, nhưng trước khi Ted ngồi trở xuống Ted vẫn vịn cho nước chảy ào ào trong bồn rửa mặt.

Tôi bảo :

- Xem bộ chú rãnh nghề quá.
- Ở RIEC em vẫn thường làm trò này.
- Theo ý chú bây giờ mình có thể an tâm chuyện trò?
- Phải. Em không tin mình đang bị nghe lén, nhưng nếu mình bị thật thì tiếng nước chảy ít cũng sẽ át tiếng nói của mình đi phần nào.
- Bây giờ mình hãy nói về các hỏa tiễn dưới hầm chứa. Chú sẽ cùng đi xem với tôi. Chú có thể cho tôi biết đó là thật hay giả.
- Em tin có thể. Em đã từng thực hiện một vài bộ phận trong các hệ thống hướng dẫn hỏa tiễn.
- Chú có thể cho tôi biết cách phá hoại hệ thống kiểm soát?
- Em đã có dịp tháo ráp các hệ thống điều khiển và kiểm soát. Nhưng mình làm sao có thể phá hoại nổi? Chắc chắn bọn chúng canh phòng rất cẩn mật.

Tôi nói :

- Tôi không biết. Tôi chưa có dự tính đó. Tôi chỉ thả vấn đề này vào trong đáy óc để tự nó nảy mầm. Chú cũng nên làm như thế.

Ted lo lắng hỏi :

- Stuart, anh không định làm việc này chứ? Em muốn nói chắc anh không có ý định khuyên Thủ Tướng nên nhượng bộ?
- Chú đừng nên điên rồ thêm nữa. Ở trong tình cảnh này tôi biết làm gì khác hơn? Đây không phải là một chuyện tôi có thể tự ý phán xét. Thủ Tướng phải điên khùng lắm mới không chịu nghe lời. Anson không đùa đâu, đó là điều tôi biết rõ. Tôi chỉ còn một việc có thể làm là xóa bỏ ván bài. Cách hay nhất là phá hủy toàn bộ máy vô hiệu hóa, và tìm cách cho Colin Andrews biết máy đã bị phá hủy. Nhưng mình phải tìm hiểu rõ bọn chúng còn một bộ máy nào nữa hay không. Một vấn đề khác là tìm cho ra Monique de Ménard. Cô ta đang bị lâm nguy một cách trầm trọng.

Ted buồn rầu bảo :

- Cô ta hiện ở phòng kế đây. Bọn chúng đã cho em hay.
- Tôi suýt phóng mình ra cửa. Nhưng tôi đã tự kiềm chế lại.
- Hay lắm. Tôi sẽ thăm cô ta sau, nếu cửa phòng không có khóa. Bây giờ, chú hãy nghe tôi nói đây, Ted. Thời gian chỉ còn rất ít. Ngày mai là kỳ hạn cuối cùng. Tất cả những gì mình có thể làm là tùy cơ ứng biến, trừ phi bộ óc phân tích của chú sáng tạo được một ý kiến kỳ diệu nào. Mình không biết rõ nơi này. Chú cứ việc làm theo tôi, dù chú nhận thấy việc này không ổn. Tất cả đều tùy thuộc vào yếu tố bất ngờ. Mình sẽ tìm cách phá hoại hoặc làm cho sai lạc đi. Chú nhớ không được hành động theo ý riêng. Hãy cố kiên nhẫn một lần này. Nếu mình có thể phá hoại đúng và thoát khỏi đảo mình sẽ

có hy vọng ngăn chặn tai họa. Nhưng dù sao cũng lo phá hoại trước đã.

Lần này tôi trông thấy Ted mỉm cười trong lúc trả lời :

- Giống hết thời xa xưa. Được rồi, em sẽ cùng chơi trò này với anh.

- Tốt. Bây giờ tôi qua phòng bên cạnh.

Nhưng tôi không đủ thời giờ. Có tiếng gõ cửa vang lên. Khi tôi mở ra, Matuschek đứng đó, tay cầm một khẩu tiểu liên. Một người lạ mặt đứng phía sau lưng y.

Y giới thiệu :

- Ông Dunbar, đây là giáo sư Karl Kalwitz. Giáo sư sẽ đưa ông đi xem khu vực hỏa tiễn. Mời ông vui lòng đi ngay.

Tôi hỏi Kalwitz ở cổng vào căn cứ hỏa tiễn :

- Chỉ có một người gác?

Ông ta đáp với một nụ cười lơ đãng :

- Cần gì phải canh gác cho nhiều? Có ai lạ vào đây đâu? Nhưng cũng còn một người khác. Anh ta đi tuần ngoài hàng rào chung quanh căn cứ, đúng ra chỉ có ba mặt hàng rào. Gần như không cần thiết.

Ted làm bộ vô tình hỏi :

- Hàng rào điện?

Kawitz gật đầu.

- Có thể truyền điện vào, nhưng chúng tôi chưa bao giờ cần tới.

Ted đưa mắt nhìn tôi. Tôi lắc đầu. Ted vẫn thường hung hăng lao đầu vào bất cứ việc gì. Đó là một trong những lý do người ta khuyên Ted hãy bỏ môn túc cầu và tập trung vào môn côn cầu hồi Ted còn ở Đại học đường Virginia. Ted ghét trò lấy banh một cách lịch sự.

Kawitz dẫn chúng tôi vào trong nhà. Đó là một căn phòng dài, hẹp, xây bằng gạch chịu lửa, trần thấp và soi sáng bằng những ngọn đèn ống. Một dãy gồm mười hai cái tủ điện gắn thẳng hàng trên mặt trong của bức tường tiếp giáp căn cứ đặt hỏa tiễn, phía dưới những khung cửa sổ kiên cố. Tôi trông thấy Ted chăm chú nhìn các tủ điện.

Rồi Ted hỏi Kalwitz :

- Tại sao mỗi hỏa tiễn phải có một tủ điện riêng? Phối hợp làm một đâu có khó khăn gì?

Kalwitz trả lời :

- Đúng thế. Nhưng hệ thống chúng tôi đang dùng là một hệ thống hoàn toàn mới do chúng tôi sáng chế ra. Mục đích đầu tiên là làm cho các hỏa tiễn độc lập với nhau, như vậy nếu một tủ điện nào bị trúng đạn của kẻ địch - tuy đây là một chuyện tối vô lý - hỏa tiễn sẽ tự động phóng lên. Một mục đích khác nữa là công việc thay đổi chương trình hướng dẫn của mỗi hỏa tiễn sẽ được dễ dàng và nhanh chóng. Ông đến đây để tôi chỉ cho xem.

Tôi nhìn quanh căn phòng trong lúc Ted và Kalwitz cúi xuống quan sát một

tủ điện. Tôi bước dọc theo chiều dài của căn phòng, trông thấy máy điện thoại móc trên tường, rõ ràng để liên lạc với những cơ sở khác trên đảo. Ted có vẻ u buồn lúc tôi trở lại nơi hai người đang đứng.

Ted nói với tôi :

- Ông ấy nói đúng.

Đoạn quay sang Kalwitz.

- Tôi đoán loại hỏa tiễn này dùng nhiên liệu đặc.

- Đúng thế. Một loại đặc biệt chế tạo tại Đức. Ở đây chúng tôi không thể dùng lox (1) vì nó không được bền. Bây giờ các ông hãy tới đây với tôi. Tôi có chỉ thị cho các ông xem đầu đạn. Tất cả đầu đạn, nếu các ông muốn. Nó chỉ khai hỏa khi nào hỏa tiễn được phóng đi.

Ông ta dẫn chúng tôi trở qua khung cửa duy nhất và đi quanh tới cổng hàng rào. Ông ta mở ống khóa vĩ đại và xoay cánh cửa qua một bên rồi bảo :

- Minh bắt đầu với hỏa tiễn gần nhất.

Tới bên cạnh cái nắp hình tròn, ông ta sờ vào một nút bấm trên một tấm bảng gắn cách mặt đất chừng một thước trên một cột sắt. Tôi nghe một tiếng gầm vang lên từ phía dưới đất. Nắp hầm đường kính độ hai thước rưỡi từ từ mở ra, xoay quanh bản lề. Tôi có thể trông thấy ngay phía dưới miệng hầm, cái mũi bằng của hỏa tiễn với hình dáng thật xấu xí. Kalwitz cúi xuống, hai bàn tay loay hoay một lát bên đầu hỏa tiễn. Cái mũi bằng từ từ mở ra cho đến khi chúng tôi có thể từ chỗ đang đứng trông thấy được những gì ở bên trong. Ted ngồi chồm hồm xuống và nhìn kỹ. Kalwitz liền bật mấy ngọn đèn ống ở chung quanh mép hầm. Ông ta không nói một tiếng.

Lúc này không cần phải nói gì. Mặt của Ted tái mét khi Ted đứng trở dậy.

Ted bảo :

- Được rồi. Như thế là đủ. Tôi đã thấy rõ.

Tôi nói theo :

- Tôi cũng vậy.

Kalwitz vẫy tay quanh một vòng.

- Các ông có muốn xem những cái khác?

Ted lắc đầu :

- Tôi tin lời giáo sư. Có phải tất cả đều được trang bị để đốt cháy không khí?

- Đúng vậy. Với chiều cao độ chừng một ngàn tám trăm bộ (1).

- Giống như Nagasaki và Hiroshima?

Kalwitz đáp :

- Tương tự như thế. Nhưng thứ này mạnh hơn nhiều.

Ông ta nhún vai và nhăn mặt. Tôi hiểu rằng ông ta không hứng thú một chút nào với công việc này. Trong một thoáng, tôi chợt nghĩ cách lợi dụng sự chán chường của ông ta. Nhưng hy vọng tiêu tan ngay khi ông ta trả lời câu hỏi cuối cùng của Ted.

Ted nói :

- Tôi muốn hỏi giáo sư những thứ này được chế tạo tại đâu. Nhưng tôi không hy vọng giáo sư sẽ trả lời.

Kalwitz tỏ vẻ buồn rầu.

- Phải. Tôi không được phép trả lời câu hỏi đó, vậy xin ông đừng hỏi nữa. Nhưng chắc ông phải nhớ rằng người Hoa-kỳ đã từ lâu không còn giữ độc quyền nữa. Không phải người ta đã đánh cắp những tài liệu mật. Khi mình đã cho công khai nổ tung một trái bom như thế và cho thấy nó có thể chế tạo, thì sự bí mật kể như không còn nữa. Bất cứ một nhà vật lý học giỏi nào cũng có thể làm ra được. Và hiện giờ có rất nhiều phương pháp dễ hơn xưa. Khoa kỹ thuật học về khối lượng mà ông thường dùng ngày nay đã lỗi thời. Hiện giờ, ngay cả Do thái cũng có thể làm bom.

1800 bộ (feet) = 540 mét

Tôi bảo Ted :

- Ông ấy nói đúng. Một nhà vật lý học Đức mà chúng tôi đã giải thoát khỏi một trong những trại tù binh ở Nagasaki đã nói chuyện đó với tôi hồi Tháng Tám 1945.

Chúng tôi không nói gì nữa trong lúc Kalwitz lái xe đưa chúng tôi trở về lâu đài. Vẻ xanh xao, tiêu tụy vẫn còn hiện rõ trên khuôn mặt của Ted. Mới cách đây hai mươi phút Ted đã nhìn vào trong cửa địa ngục. Ted đã trông thấy cánh cửa mở ra một chút rồi đóng lại. Ted hiểu rằng lần sau khi mở ra được rồi nó sẽ không đóng lại nữa, và Ted phải chịu một phần trách nhiệm. Tôi cũng đã trông thấy, và thật là đau đớn khi biết rằng chính mình đã tiếp tay nối giáo cho giặc.

Chú thích

(1) Xin xem lại chú thích trang 161

(1) Lox : oxygen hóa lỏng được dùng để hỗn hợp với nhiên liệu cho hỏa tiễn

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 7

Anson ngừng lại ở cánh cửa phòng tận cùng trong hành lang dẫn về phía ngôi nhà gần phòng tôi. Ông ta đặt bàn tay lên quả nắm và nhìn tôi.

- Em ông đã tỉnh lại. Thứ thuốc mê đã được dùng để giữ yên ông ấy là một thứ không gây hại, mặc dầu ông ấy có vẻ hơi choáng váng đầu. Ông ấy đã được thông báo sẽ có ông đến thăm. Ông ấy cũng đã được báo cáo tất cả những gì đã xảy ra kể từ khi ông ấy rời khỏi Hoa Thịnh Đốn. Tôi sẽ không vào với ông. Ông ấy còn có ác cảm với tôi hơn cả ông nữa.

Ông ta cười một tiếng ngắn và mở cửa. Tôi vừa bước vào, ông ta đã đóng ngay cửa lại.

Ted đang ngồi trên một chiếc ghế bành êm ái bên cạnh lò sưởi trong một căn phòng giống hệt phòng tôi. Trong lúc tôi bước vào, Ted ngược mặt nhìn tôi một cách mơ hồ.

Tôi lên tiếng trước:

- Kia, Ted! Tôi đã đi tìm chú suốt nhiều ngày nay.

Ted chống tay lên ghế đứng dậy, run run bước về phía tôi và đưa bàn tay ra.

Tôi liền nắm chặt lấy tay của Ted.

Lúc bấy giờ Ted mới nói:

- Chúa ơi, Stuart, em đã làm cho cả hai anh em mình cùng bị nguy hại. Một vụ nguy hại ghê rợn. Tất cả chỉ vì em.

- Ted, chú hãy ngồi xuống đi. Mình cần phải nói với nhau một vài chuyện.

- Em biết anh sắp sửa nói gì: “Edward, chú làm sao đến nỗi lâm vào con đường cùng này?”

- Lúc này không phải là lúc nói chuyện đó, Ted à. Lúc này còn có chuyện trọng đại hơn sự an nguy của chú.

Tôi nhìn sát vào mặt Ted trong lúc Ted ngồi xuống. Tôi có thể trông thấy rõ Ted không mang dấu vết bệnh hoạn nào sau một thời gian dài bị chích thuốc mê. Tóc trên chiếc đầu bị cạo trọc của Ted đã khởi sự mọc lún phún, và tôi thấy một miếng băng nhỏ dán lên vết thương.

Ted bảo:

- Họ đã kể hết cho em nghe.

- Nhưng chắc bọn chúng chưa kể cho chú nghe chúng đang làm trò gì trên Saint Sudra?

- Chưa. Em chưa nghe chuyện đó.

Khi tôi kể xong, Ted nhìn sững tôi với một đôi mắt mở tròn. Mặt Ted vẫn tỉnh, nhưng mắt đăm lẹ. Ted nhắm nghiền lại. Một giọt nước chảy xuống từ

khóe trong của con mắt bên trái. Ted chùi bằng lưng bàn tay và dụi mắt. Trông Ted giống như hình ảnh buổi sáng mùa hè năm xưa khi tôi lôi Ted ra khỏi mấy đứa bé đang bị Ted đánh toi bởi vì bọn chúng đã giết chết ba con mèo con.

Ted nói bằng một giọng ghen ngào:

Chúa ơi! Thì ra đó là một điều Jacques đang định kể với em. Em cũng không hề hay biết bọn chúng đã giết Jacques, nhưng dù sao cũng đã quá muộn.

Ted gục đầu vào hai bàn tay, cùi tay chống lên hông ghế.

- Chú đã cho Anson biết cách kiện toàn bộ máy vô hiệu hóa hiện tại của y?

Ted ngừng mặt lên.

- Không, Stuart. Em xin thề với Chúa...

Tôi chặn lời:

- Chú làm sao biết được? Chú ở trong tình trạng mê man kể từ khi rời khỏi Hoa Thịnh Đốn kia mà.

- Thế thì em làm sao mà...

- Bọn khốn nạn đó có những thứ thuốc khá công hiệu. Bọn chúng đã thí nghiệm với tôi một lần ở Luân Đôn, và tôi đã phải cho chúng biết điều chúng cần, vô phương chống cự.

- Nếu bọn chúng đã biết được những gì cần biết về mạch điện còn thiếu trong chiếc hộp đen, anh có tin bọn chúng vẫn để cho em sống tới bây giờ hay không?

- Chú nói cũng có lý. Chú ở đây bao lâu rồi?

- Mới đêm hôm qua. Trước đó bọn chúng đã nhốt em ở một nơi nào em không rõ. Em chỉ nhớ mơ hồ em đã nằm trên một chiếc giường nhỏ trong một kho chứa đồ.

Tôi bảo:

- Có lẽ đó là ở Murra. Nhất định chú đã bị chích một thứ thuốc tương tự Scopolamine¹ (Chú thích 1: Scopolamine: một hóa chất có ký hiệu C₁₇H₂₁NO₁ lấy từ rễ cây scopolia, dùng chung với morphine sẽ khiến người bị chích ngủ mê man (c.t.c.d.g)) mà không hay biết và mất hết lý trí. Đưa tay tôi xem thử - cả hai cánh tay.

Ted liền cuộn tay áo lên. Tôi xem kỹ những mạch máu lớn chạy qua phía trong của cùi tay. Không có dấu kim chích nào như dấu Matuschek đã để lại trên cánh tay của tôi. Nhưng điều này cũng không hoàn toàn xác nhận Ted không bị chích thuốc mê vào người.

- Anson đã nói chuyện với chú sau khi y đánh thức chú dậy? Sau khi chú tới đây?

- Không nói chuyện anh vừa kể. Y chỉ bảo y sẽ triệu tập một hội nghị các kỹ sư điện tử của y. Em đã đoán định rằng y định bắt em nói một chuyện gì trong ngành điện tử cho đám này nghe. Nhưng em không hỏi tới.

- Thế nào y cũng dờ dờ. Y chỉ cần chích một mũi thuốc như đã chích cho tôi, và chú sẽ nói, chú tin tôi đi.

- Stuart, em...

- Chú khỏi lo, Ted, tôi cần rõ ngay bây giờ. Chú hãy cho tôi biết hiệu lực chiếc hộp đen của Ménard như thế nào. Bọn chúng hiện đang sử dụng thứ đó.

Ted dần dần tỉnh trí trở lại.

- Nó vừa đủ hiệu nghiệm để bảo vệ hòn đảo này, căn cứ theo lời anh vừa kể cho em nghe về vị trí của đảo. Tầm hoạt động chỉ dưới bốn mươi dặm, như thế nó không thể có tác dụng gì với một hòn đảo gần nhất trong quần đảo Hebrides. Nhưng hiệu lực của nó sẽ rất ghê gớm từ đây cho tới đó, theo độ cao của nơi này.

- Có cách gì tấn công đảo được hay không? Chẳng hạn tiềm thủy đình?

Ted từ từ lắc đầu:

- Không. Tiềm thủy đình có thể được che chở khỏi bị ảnh hưởng của chiếc hộp đen nhờ có nước ở phía trên, tức là khi còn lặn dưới mặt biển. Nhưng khi đã trôi lên rồi thì không còn có thể hoạt động được nữa. Ngay cả hỏa tiễn Polaris cũng không thể phóng đi. Chiếc hộp đen sẽ làm tê liệt các hệ thống hướng dẫn. Nói tóm lại, nếu hỏa tiễn được bắn ra ở gần, hệ thống hướng dẫn không thể hoạt động. Chắc anh đã biết hỏa tiễn Polaris được bắn ra như thế nào: sau khi lên khỏi mặt nước nhiên liệu mới được đốt cháy. Nhưng chiếc hộp đen lại ngăn chặn sự đốt, như thế ở trong tầm hiệu lực của chiếc hộp đen, một hỏa tiễn Polaris sẽ rơi trở xuống biển ngay sau khi nó vừa phóng lên khỏi mặt nước độ chừng mười thước.

- Còn cách đổ bộ lên bãi biển?

- Anson rất có lý về điểm này. Anh phải đưa binh sĩ đến đây bằng tàu ngầm và cho họ ngồi trên những xuồng cao su. Họ sẽ nhón nháo như những bầy vịt, dù tiềm thủy đình có thể đưa họ tới nơi đổ bộ. Như em vừa nói, tàu ngầm chỉ có thể được che chở trong lúc đang lặn, nhưng nó bắt buộc phải trôi lên. Và khi đó với tác dụng của chiếc hộp đen, em e rằng nó không sao lặn trở xuống được nữa. Quả thật, nó hủy hoại không chừa một cái gì.

- Được rồi, Ted, chú khỏi lo. Còn về...

Ted bỗng chặn lời tôi bằng cách hoa bàn tay phải lên và nói:

- Nếu mình cứ tiếp tục nói chuyện mãi, anh không nghĩ rằng tốt hơn hết, mình nên hét lớn cho bọn nghe lén khỏi mất công.

- Tôi không biết khỏi sự như thế nào.

- Để cho em.

Nói đoạn Ted lục soát toàn thể căn phòng, không bỏ qua một nơi nào. Ted nhìn phía sau những bức tranh treo trên tường. Ted nhìn dưới bàn ghế, dưới giường, trong lớp lò xo. Ted tháo tung cả lên và vỗ khắp mặt nệm. Tuy

không tìm thấy gì lạ, nhưng trước khi Ted ngồi trở xuống Ted vẫn vịn cho nước chảy ào ào trong bồn rửa mặt.

Tôi bảo:

- Xem bộ chú rành nghề quá.
- Ở RIEC em vẫn thương làm trò này.
- Theo ý chú bây giờ mình có thể an tâm chuyện trò?
- Phải. Em không tin mình đang bị nghe lén, nhưng nếu mình bị thật thì tiếng nước chảy ít nhất cũng sẽ át tiếng nói của mình đi phần nào.
- Bây giờ mình hãy nói về các hỏa tiễn dưới hầm chứa. Chú sẽ cùng đi xem với tôi. Chú có thể cho tôi biết đó là thật hay giả.
- Em tin có thể. Em đã từng thực hiện một vài bộ phận trong các hệ thống hướng dẫn hỏa tiễn.
- Chú có thể cho tôi biết cách phá hoại hệ thống kiểm soát?
- Em đã có dịp tháo ráp các hệ thống điều khiển và kiểm soát. Nhưng mình làm sao có thể phá hoại nổi? Chắc chắn bọn chúng canh phòng rất cẩn mật.

Tôi nói:

- Tôi không biết. Tôi chưa có dự tính đó. Tôi chỉ thả vấn đề này vào trong đáy óc để cho tự nó nảy mầm. Chú cũng nên làm như thế.

Ted lo lắng hỏi:

- Stuart, anh không định làm việc này chứ? Em muốn nói chắc anh không có ý định khuyên Thủ Tướng nên nhượng bộ?
- Chú đừng nên điên rồ thêm nữa. Ở trong tình cảnh này tôi biết làm gì khác hơn? Đây không phải là một chuyện tôi có thể tự ý phán xét. Thủ Tướng phải điên khùng lắm mới không chịu nghe lời. Anson không đùa đâu, đó là điều tôi biết rõ. Tôi chỉ còn một việc có thể làm là xóa bỏ ván bài. Cách hay nhất là phá hủy bộ máy vô hiệu hóa, và tìm cách cho Colin Andrew biết máy đã bị phá hủy. Nhưng mình phải tìm hiểu rõ bọn chúng còn một bộ máy nào nữa hay không. Một vấn đề khác là tìm cho ra Monique de Ménard. Cô ta đang bị lâm nguy một cách trầm trọng.

Ted buồn rầu bảo:

- Cô ta hiện ở phòng kế đây. Bọn chúng đã cho em hay.
- Tôi suýt phóng mình ra cửa. Nhưng tôi đã tự kềm chế lại.
- Hay lắm. Tôi sẽ thăm cô ta sau, nếu cửa phòng không có khóa. Bây giờ, chú hãy nghe tôi nói đây, Ted. Thời gian chỉ còn rất ít. Ngày mai là kỳ hạn cuối cùng. Tất cả những gì mình có thể làm là tùy cơ ứng biến, trừ phi bộ óc phân tích của chú sáng tạo được một ý kiến kỳ diệu nào. Mình không biết rõ nơi này. Chú cứ việc làm theo tôi, dù chú nhận thấy việc này không được ổn. Tất cả đều tùy thuộc vào yếu tố bất ngờ. Mình sẽ tìm cách phá hoại hoặc làm cho sai lạc đi. Chú nhớ không được hành động theo ý riêng. Hãy cố kiên nhẫn một lần này. Nếu mình có thể phá hoại đúng và thoát khỏi đảo mình sẽ

có hy vọng ngăn chặn tai họa. Nhưng dù sao cũng lo phá hoại trước đã.

Lần này tôi trông thấy Ted mỉm cười trong lúc trả lời:

- Giống hết thời xa xưa. Được rồi, em sẽ cùng chơi trò này với anh.

- Tốt. Bây giờ tôi qua phòng bên cạnh.

Nhưng tôi không đủ thời giờ. Có tiếng gõ cửa vang lên. Khi tôi mở ra, Matuschek đứng đó, tay cầm một khẩu tiểu liên. Một người lạ mặt đứng phía sau lưng y.

Y giới thiệu:

- Ông Dunbar, đây là giáo sư Karl Kalwitz. Giáo sư sẽ đưa ông đi xem khu vực hỏa tiễn. Mời ông vui lòng đi ngay.

Tôi hỏi Kalwitz ở cổng vào căn cứ hỏa tiễn:

- Chỉ có một người gác?

Ông ta đáp với nụ cười lơ đãng:

- Cần gì phải canh gác cho nhiều? Có ai lạ vào đây đâu? Nhưng cũng còn một người khác. Anh ta đi tuần ngoài hàng rào chung quanh căn cứ, đúng ra chỉ có ba mặt hàng rào. Gần như không cần thiết.

Ted làm bộ vô tình hỏi:

- Hàng rào điện?

Kalwitz gật đầu.

- Có thể truyền điện vào, nhưng chúng tôi chưa bao giờ cần tới.

Ted đưa mắt nhìn tôi. Tôi lắc đầu. Ted vẫn thường hung hăng lao đầu vào bất cứ chuyện gì. Đó là một trong những lý do người ta đã khuyên Ted hãy bỏ môn túc cầu và tập trung vào môn cầu hời Ted còn học Đại học đường Virginia. Ted ghét trò lấy banh một cách lịch sự.

Kalwitz dẫn chúng tôi vào trong nhà. Đó là một căn phòng dài, hẹp, xây bằng gạch chịu lửa, trần thấp và soi sáng bằng những ngọn đèn ống. Một dãy gồm mười hai cái tủ điện thẳng hàng trên mặt trong của bức tường tiếp giáp căn cứ đặt hỏa tiễn, phía dưới những khung cửa sổ kiên cố. Tôi trông thấy Ted chăm chú nhìn các tủ điện.

Rồi Ted hỏi Kalwitz:

- Tại sao mỗi hỏa tiễn phải có một tủ điện riêng? Phôi hợp làm một đâu có khó khăn gì?

Kalwitz trả lời:

- Đúng thế. Nhưng hệ thống chúng tôi đang dùng là một hệ thống hoàn toàn mới do chúng tôi sáng chế ra. Mục đích đầu tiên là làm cho các hỏa tiễn độc lập đối với nhau, như vậy nếu một tủ điện nào bị trúng đạn của kẻ địch – tuy đây là chuyện tối vô lý – hỏa tiễn sẽ tự động phóng lên. Một mục đích khác nữa là công việc thay đổi chương trình hướng dẫn của mỗi hỏa tiễn sẽ được dễ dàng và nhanh chóng. Ông đến đây để tôi chỉ cho xem.

Tôi nhìn quanh căn phòng trong lúc Ted và Kalwitz cúi xuống quan sát một

tủ điện. Tôi bước dọc theo chiều dài của căn phòng, trông thấy máy điện thoại móc trên tường, rõ ràng để liên lạc với những cơ sở khác trên đảo. Ted có vẻ u buồn hơn lúc tôi trở lại nơi hai người đang đứng.

Ted nói với tôi:

- Ông ấy nói đúng.

Đoạn quay sang Kalwitz.

- Tôi đoán loại hỏa tiễn này dùng nhiên liệu đặc.

- Đúng thế. Một loại đặc biệt chế tạo tại Đức. Ở đây chúng tôi không thể dùng lox1 (Lox: oxygen hóa lỏng để dùng để hỗn hợp với nhiên liệu cho hỏa tiễn – c.t.c.d.g) vì nó không được bền. Bây giờ các ông hãy tới đây với tôi.

Tôi có chỉ thị cho các ông xem đầu đạn. Tất cả đầu đạn, nếu các ông muốn.

Nó chỉ khai hỏa khi nào hỏa tiễn được phóng đi.

Ông ta dẫn chúng tôi trở qua khung cửa duy nhất và đi quanh tới cổng hàng rào. Ông ta mở ổ khóa vĩ đại và xoay cánh cửa qua một bên rồi bảo:

- Mình bắt đầu với hỏa tiễn gần nhất.

Tới bên cạnh cái nắp hầm hình tròn, ông ta sờ vào một nút bấm trên một tấm bảng gắn cách mặt đất chừng một thước trên một cột sắt. Tôi nghe một tiếng gầm vang lên từ phía dưới đất. Nắp hầm đường kính độ hai thước rưỡi, từ từ mở ra, xoay quanh bản lề. Tôi có thể trông thấy ngay phía dưới miệng hầm, cái mũi bằng của hỏa tiễn với hình dáng thật xấu xí. Kalwitz cúi xuống, hai bàn tay loay hoay một lát bên đầu hỏa tiễn. Cái mũi bằng từ từ mở ra cho đến khi chúng tôi có thể từ chỗ đang đứng trông thấy được những gì ở bên trong. Ted ngồi chồm hổm xuống và nhìn kỹ. Kalwitz liền bật mấy ngọn đèn ống ở chung quanh mép hầm. Ông ta không nói một tiếng. Lúc này không cần phải nói gì. Mặt của Ted tái mét khi Ted đứng trở dậy.

Ted bảo:

- Được rồi. Như thế là đủ. Tôi đã thấy rõ.

Tôi nói theo:

- Tôi cũng vậy.

Kalwitz vẫy tay quanh một vòng.

- Các ông có muốn xem những cái khác?

Ted lắc đầu:

- Tôi tin lời giáo sư. Có phải tất cả đều được trang bị để đốt cháy không khí?

- Đúng vậy. Với chiều cao độ chừng một ngàn tám trăm bộ1 (1800 bộ (feet) = 540 mét).

- Giống như Nagasaki và Hiroshima?

Kalwitz đáp:

- Tương tự như thế. Nhưng thứ này mạnh hơn nhiều.

Ông ta nhún vai và nhăn mặt. Tôi hiểu rằng ông ta không hứng thú một chút nào với công việc này. Trong một thoáng, tôi chợt nghĩ cách lợi dụng sự

chán chường của ông ta. Nhưng hy vọng tiêu tan ngay khi ông ta trả lời câu hỏi cuối cùng của Ted.

Ted nói:

- Tôi muốn hỏi giáo sư những thứ này được chế tạo tại đâu. Nhưng tôi không hy vọng giáo sư sẽ trả lời.

Kalwitz tỏ vẻ buồn rầu:

- Phải. Tôi không được phép trả lời câu hỏi đó, vậy xin ông đừng hỏi nữa. Nhưng ông chắc phải nhớ rằng người Hoa Kỳ đã từ lâu không còn giữ độc quyền nữa. Không phải người ta đã đánh cắp những tài liệu mật. Khi mình đã cho công khai nổ tung một trái bom như thế và cho thấy nó có thể được chế tạo, thì sự bí mật kể như không còn nữa. Bất cứ một nhà vật lý học giỏi nào cũng có thể làm ra được. Và hiện giờ có rất nhiều phương pháp dễ hơn xưa. Khoa học kỹ thuật về khối lượng mà ông thường dùng ngay nay đã lỗi thời. Hiện giờ, ngay cả Do Thái cũng có thể làm bom.

Tôi bảo Ted:

- Ông ấy nói đúng. Một nhà vật lý học Đức mà chúng tôi đã giải thoát khỏi một trong những trại tù binh ở Nagasaki đã nói chuyện đó với tôi hồi tháng Tám 1945.

Chúng tôi không nói gì nữa trong lúc Kalwitz lái xe đưa chúng tôi trở về lâu đài. Vẻ xanh xao, tiêu tụy vẫn còn hiện rõ trên khuôn mặt của Ted. Mới cách đây hai mươi phút Ted đã nhìn vào trong cửa địa ngục. Ted đã trông thấy cánh cửa mở ra một chút rồi đóng lại. Ted hiểu rằng lần sau khi đã mở ra được rồi nó sẽ không đóng lại nữa, và Ted phải chịu một phần trách nhiệm. Tôi cũng đã trông thấy, và thật là đau đớn khi biết rằng chính mình đã tiếp tay nôi giáo cho giặc.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 8

Anson đang chờ chúng tôi trong phòng của Ted. Ông ta đang chăm chú nhìn một gã gia nhân đặt một chiếc khay bạc đựng mấy cái ly, một chai nước và một chai whisky trên mặt bàn lúc chúng tôi bước vào. Có cả Matuscheck với một khẩu súng lục gác trên đầu gối.

Anson lên tiếng:

- À, các ông đây rồi. Tôi đã chuẩn bị rượu sẵn cho các ông uống ở ngay tại đây. Tôi chắc các ông dễ cảm xúc hơn tôi và rượu là thứ thuốc trấn an xưa cũ nhất của con người. Tối nay toàn thể ban chuyên viên không ăn cơm ở dưới lầu vì bận việc. Cơm tối của hai ông sẽ được mang lên đây. Hai ông uống một ly rượu?

Tôi bảo:

- Chúng tôi chưa muốn uống ngay bây giờ.
- Các ông không bị xúc động vì những gì giáo sư Kalwitz vừa chỉ cho các ông xem hay sao? Thế mà tôi tưởng các ông sẽ xao xuyến lắm. Nhưng các ông nghĩ sao về công trình kiến tạo của chúng tôi?

Ted liền hỏi:

- Cần gì phải nghĩ? Chúng tôi đã hoàn toàn tin vào lời nói của ông.
- Tốt. Các ông đã làm cho tôi rất vui lòng. Bây giờ tôi muốn mời hai ông tham dự một lễ nhỏ mà tôi đã dự định sẽ cử hành tối mai, tại văn phòng tôi, vào lúc chín giờ. Các ông đã biết chỗ.

Ông ta gật đầu với tôi:

- Nhưng tôi đã yêu cầu Matuschek đến tận đây để hướng dẫn các ông vào lúc gần chín giờ. Không phải một buổi lễ theo những nghi thức, nhưng lại vô cùng quan trọng. Đề nghị của chúng tôi – cứ gọi là thế - hiện giờ đã được thông báo cho Thủ Tướng và một phiên họp của Lưỡng Viện đã được triệu tập vào chín giờ tối hôm nay. Hơi trễ hơn chúng tôi ước tính, nhưng chúng tôi đã cho họ hai mươi bốn giờ, cho tới chín giờ tối mai, để trả lời chúng tôi. Như vậy tối mai chúng tôi sẽ có một phúc trình của nhân viên của chúng tôi ở Luân Đôn gửi về Murra bằng điện thoại rồi từ đó gửi về đây bằng ra-di-ô. Lúc bảy giờ, chúng tôi sẽ nhờ ông nói chuyện với Thủ Tướng và kể cho ông ta nghe ông đã được trông thấy những gì về các công cuộc chuẩn bị của chúng tôi. Tôi cần phải báo cho ông biết một điều ông còn chưa được thấy: quân đội riêng của chúng tôi. Đội quân này gồm năm trăm người, được trang bị đầy đủ các loại vũ khí nhẹ và đại liên 88 ly đặt trên xe thiết giáp. Đề phòng trường hợp ông xúi giục một cuộc tấn công điên cuồng theo quy ước

lên Saint Sudra.

Tôi hỏi một câu hơi thừa:

- Nếu tôi từ chối thì sao?
- Thế thì ông sẽ là người duy nhất phải chịu trách nhiệm về sự diệt vong của Edinburg, và sau đó Thủ Tướng nhất định phải tin lời chúng tôi. Không phải ai cũng có cơ hội trở nên hữu dụng như ông hiện giờ.
- Còn nếu Thủ Tướng không chịu tin lời tôi thì sao?
- Ông ta không dám đâu. Tôi cam đoan ông ta đã rung động lắm rồi. Và lại ông đã nổi danh với những bài phóng sự chính xác và cả tài tiên đoán. Tôi vẫn còn nhớ những lời tiên đoán của ông về vụ bầu Thủ Tướng kỳ vừa qua.

Tôi lại hỏi:

- Giả sử Thủ Tướng sẽ nhượng bộ, chúng tôi sẽ ra sao khi đã làm những công việc nhỏ đó cho ông?
- Không phải cho tôi đâu Dunbar. Cho Edinburg. Và cho cả Anh quốc mới đúng. Còn chuyện các ông sẽ ra sao thì điều đó tùy thuộc hiệu lực hành vi của ông.
- Thế thì tôi đang ở vào một tư thế thương lượng. Tôi sẽ làm đúng theo lời ông, nhưng chỉ với điều kiện sẽ được yên lành trả về đất liền.

Anson mỉm cười một cách lạnh ngắt:

- Lẽ tất nhiên là như thế. Đó không phải là một cuộc thương nghị khó giải quyết. Bây giờ tôi phải đi. Cơm tối của hai ông sẽ được đưa lên vào lúc tám giờ. Các bữa ăn ngày mai cũng vậy. Thang máy sẽ được canh gác, tôi chắc các ông thừa hiểu. Nhưng không có ai tới gần phòng các ông. Các ông có thể trò chuyện với nhau tùy thích.

Ông ta mở cửa, Matuschek đi ra trước ông ta. Anson còn nói thêm:

- Lẽ tất nhiên, cô de Ménard có thể đi theo các ông nhưng chỉ sau khi cô ấy chịu ký kết một vài điều tương thuận mà hiện giờ chúng tôi đang thương lượng. Xin chào các ông.

Ông ta mỉm cười với chúng tôi một cách lạnh nhạt và đi ra.

Ted bảo:

- Anh đừng nói gì với em hết. Để cho em tự đoán lấy.
- Có gì đâu mà đoán.
- Monique đang gặp chuyện gì rắc rối?

Tôi liền kể cho Ted nghe về vụ Anson đòi quản lý công ty CEFSA.

Ted nói:

- Lẽ tất nhiên y muốn chiếm CEFSA. Y đang cần nhiều bộ máy vô hiệu hóa, và CEFSA có thể chế tạo ra bao nhiêu cũng được. Y cần hàng trăm cái khi y bắt đầu bành trướng khỏi Anh quốc. Chúa ơi, tưởng tượng cái cảnh một màn radar bao quanh nước Anh và không có một thứ gì có thể lọt qua màn này. Dĩ nhiên y đang cần chiếm công ty CEFSA. Đó là chưa kể đến những thứ

khác mà y có thể khai thác từ công việc chế tạo vũ khí của CEFSA.

Tôi bảo:

- Chính vì thế mình phải dẫn Monique đi theo với mình.
- Và đó không phải là lý do duy nhất. Nhưng mình cứ chuẩn bị sẵn nếu mình đi được.
- Mình phải đi. Khổ thay, mình không thể chỉ lo tự thoát thân. Kế hoạch của mình vẫn sẽ tiến hành.

Ted chợt nói:

- Có một tia sáng. Em đã hỏi Kalwitz về máy vô hiệu hóa, và ông ta đã nói chuyện đó một cách tự nhiên. Chỉ có một bộ máy hiện đặt trên đỉnh tháp phía bắc của lâu đài. Khi trở về đây với Kalwitz em đã để ý tìm xem và đã nhận thấy cây ăngten.
- Chú làm sao biết được chỉ có một máy?
- Kalwitz đã nói với em. Không cần thêm máy nào nữa, vì đảo nhỏ và cao, trong lúc tầm hiệu lực của mỗi máy tới bốn mươi dặm. Anson đang định dùng CEFSA để chế tạo thêm khi y khởi sự điều khiển tất cả nước Anh. Tôi biết cần phải làm gì nhưng tôi muốn nghe chính miệng Ted nói ra, nên vẫn hỏi:

- Thế là chỉ có một máy vô hiệu hóa. Vậy tính sao bây giờ?

Ted quả quyết:

- Mình sẽ phá hỏng bộ máy trước khi trốn đi. Em có thể làm công việc này ngay bây giờ. Có lẽ trên đó chỉ có một người.

Tôi lắc đầu.

- Không được đâu, vì nhiều lý do. Mình không có cách nào gửi thông điệp ra ngoài để người ta có thể kịp thời tổ chức một cuộc tấn công trên đảo. Và lại các hỏa tiễn đã được dự trữ để tự động phóng lên, trong trường hợp những tu điện hoặc đài kiểm soát bị trúng đạn. Mình phải phá hỏng máy vô hiệu hóa ngay lúc trốn đi, giả sử mình có thể tẩu thoát. Mình không thể rời khỏi nơi này trước mười hai giờ khuya ngày mai tức là giờ hẹn với tiềm thủy đình. Nếu mình phá máy bây giờ và tìm được cách ra khỏi đây, mình phải chờ hai mươi tám tiếng đồng hồ nữa. Trên hòn đảo nhỏ xíu này, với năm trăm người trang bị vũ khí, chắc chắn bọn chúng sẽ tìm ra mình trước giờ hẹn – và chúng cũng có thể sửa chữa lại lại bộ máy hoặc thay thế bằng một máy mới.

Ted cau mày:

- Tại sao mình phải chờ? Trong vịnh thiếu gì tàu?
- Những chiếc tàu được canh phòng cẩn mật. Mình không có hy vọng nào đâu. Dù có chiếc tiềm thủy đình đi nữa, hy vọng cũng rất mỏng manh. Trừ phi mình cũng có thể phá hỏng luôn các hỏa tiễn.
- Không thể được. Hoặc có thể cũng không chừng? Để em nghĩ kỹ lại xem sao. Điều rắc rối là toàn thể đã được ráp đầy đủ cho nên nếu mình phá hủy tu

điện hoặc cắt đứt hệ thống dây tức là mình làm cho hỏa tiễn tự động phóng lên. Kalwitz bảo rằng họ đã ráp hệ thống này để nếu có một cuộc tấn công nào có thể thoát qua khỏi bộ máy vô hiệu hóa và bắn phá đài kiểm soát, tất cả hỏa tiễn sẽ tiêu diệt mười hai đô thị lớn nhất của nước Anh. Theo lời Anson thì bọn chúng đã thông báo điều đó trong bức tối hậu thư gửi cho Thủ Tướng.

Tôi bảo:

- Khi cần phải phóng từng hỏa tiễn một, chắc chúng sẽ điều động bằng tay? Từ tủ điện?

- Phải. Tại sao?

- Tôi không biết. Tôi chỉ nghĩ tới mọi chi tiết. Tôi không hiểu Anson có chịu gia hạn hoặc thương lượng thêm trước khi phóng hay không?

Mắt Ted chợt mở rộng.

- Em có một ý kiến. Nếu em có thể lọt vào đài kiểm soát đủ thời giờ, em có thể điều chỉnh lại một hai hỏa tiễn đầu, đổi hướng để cho nó lệch về phía tây thay vì phía đông. Như vậy hỏa tiễn sẽ không bắn trúng một mục tiêu nào hết.

Tôi bảo:

- Chú đã không còn yếu kém tinh thần như thường lệ. Nếu chú vào được trong đó – một việc rất khó thành sự thật – chú bắt buộc phải điều chỉnh lại tất cả hỏa tiễn.

- Việc này cũng đáng để em thử một phen.

Không thể làm trong ba tiếng đồng hồ cuối cùng của mình trong đêm mai, nếu mình được tự do. Chú đã thấy bọn lính gác mang tiểu liên. Chú đừng mơ tưởng chuyện đó nữa.

- Theo em hiểu thì anh không tin Anson sẽ để cho mình đi?

- Chú có tin được không? Dù sao mình phải có một kế hoạch phòng hờ. Nếu mình có thể phá hỏng máy vô hiệu hóa và thoát xuống bãi biển, và nếu mình có thể tin bọn chúng chỉ có một máy, mình có thể chuyển giao nội vụ cho Hải quân Hoàng Gia – nếu mình dẫn trước họ đừng bắn vào đài kiểm soát.

- Anh Stuart, em đếm tới ba tiếng “nếu” trong câu anh vừa nói. Tóm lại mình không biết gì chắc chắn cả. Hơn nữa, bây giờ anh lại bàn tính trái ngược với ban nãy. Tại sao lại có sự thay đổi đó.

Tôi bảo:

- Vấn đề thời gian. Tôi muốn nói mình không thể phá hủy máy vô hiệu hóa lúc này. Nhưng mình phải làm việc đó trong đêm mai.

Ted nhe răng cười với tôi như một lễ sinh trong ca đội của một giáo đường.

- Chắc anh sắp “nếu” nữa.

- Tôi linh cảm mình sẽ gặp may. Mình phải liều. Điều khó chịu nhất là mình không thể trù định mà phải tùy cơ ứng biến. Đối với một việc trọng đại như

thế này không cần tính tới chuyện may rủi.

Ted nói trong lúc miệng vẫn còn cười:

- Điều thú vị là nếu mình không biết mình sẽ phải làm gì, thì kẻ địch của mình cũng không biết. Bây giờ mình nên ngủ một giấc trước khi ăn tối. Mình sẽ có dịp cần nhiều sức khỏe.

Tôi bảo:

- Im lặng tức là yên nghỉ.

Nói đoạn tôi trở về phòng riêng.

Sau bữa cơm tối, tôi cố gắng tìm hiểu một cách thận trọng trong một phạm vi rất nhỏ hẹp. Tôi đi ra ngoài, bước dọc theo hành lang rộng, và bấm nút xuống bên cạnh cửa thang máy. Nó đang rần rần chạy lên. Khi tới tầng có tôi đang đứng, cánh cửa chọt mở ra một cách im lặng. Tôi nhìn vào bên trong buồng thang máy sáng rực ánh đèn, thẳng vào bộ mặt của Nelson và hòng khẩu tiểu liên của y. Matuschek đứng bên cạnh y, tựa người vào vách buồng, khói đang tỏa thẳng đứng từ điều thuốc lá y kẹp giữa hai ngón tay theo kiểu Âu châu. Matuschek mỉm cười để lộ cả hàm răng đen sì.

- Ông muốn tìm phòng tắm, phải không ông Dunbar? Ở tầng bốn phía tay phải.

Vừa nói y vừa bấm nút ở bên trong thang máy. Cánh cửa đóng trở lại. Tôi lại nghe nó rần rần chạy thẳng xuống tầng dưới cùng.

Trở về phòng riêng, tôi nhìn những khung cửa sổ một lần nữa. Mặc dầu chìm trong bóng tối, chỉ có một chút ánh sáng phản chiếu qua những ngõ ngách của tòa lâu đài, tôi vẫn thấy rõ không thể thoát ra bằng cách leo tường. Tôi không tưởng tượng được vì sao lần thứ hai tôi lại nghĩ rằng ban đêm có vẻ khá hơn. Tôi cố đừng lạc quan, và biết rằng kẻ bí quan là người được hưởng mọi thứ ngạc nhiên thú vị.

Bức tường dốc đứng chạy thẳng xuống gần sát bờ vực. Về phía tây, khoảng cách từ tường ra tới bờ vực chưa tới nửa thước. Về phía bắc thì chẳng có gì cả. Tôi nghiêng mình ra ngoài để nhìn. Bức tường của tòa lâu đài không bằng phẳng. Có nhiều lỗ để níu tay và chân đục vào trong đó, nhưng chỉ để cho một người leo núi thật giỏi, với đủ dây và móc sắt có thể cắm sâu vào mặt đá. Tôi chỉ là người lái thuyền giỏi, nhưng lại là một người leo núi thuộc vào hạng tồi. Kinh nghiệm leo núi độc nhất của tôi cách đây mấy năm ở Thụy Sĩ đã khiến cho tôi không còn ước muốn thử lại một lần nữa.

Tôi đã nghĩ rằng nếu tôi có thể tuột xuống dải đất hẹp đó, về phía tây, tôi có thể men lần tới sâu. Nhưng tôi biết không có hy vọng tuột xuống đó.

Chỉ còn một lối thoát là thang máy. Hoặc Anson.

Cửa phòng của Monique không khóa khi tôi đi tìm nàng lúc mười giờ đêm.

Nàng đang ngủ. Lửa trong lò sưởi đã cháy thành những cục than hồng với lớp tro bên ngoài. Tôi lặng lẽ bước qua tấm thảm dày tới bên cạnh giường của nàng và nhìn xuống chiếc đầu màu đen trên mặt gối. Nàng đang nằm ngửa, một cánh tay gác trên gối bên cạnh đầu, lòng bàn tay quay lên và mấy ngón tay hơi co vào.

Tôi sờ một ngón tay vào một bên cổ nàng, chỗ mềm mềm ngay phía dưới vành tai. Trong giây lát, nàng vẫn nằm yên, mở mắt. Đôi mắt của nàng to và đen ánh trong căn phòng mờ tối.

Nàng nói bằng một giọng ngái ngủ:

- Stuart! Em tưởng anh sẽ không bao giờ đến được.

Tôi ngồi xuống trên cạnh giường của nàng. Nàng liền ngồi dậy và choàng hai cánh tay quanh cổ tôi. Tôi giữ nàng như thế suốt một phút, không muốn lên tiếng kể cho nàng nghe những gì tôi phải kể về sự liều lĩnh của chúng tôi. Một lúc sau nàng mới rút tay ra, đưa lên khỏi vai và buông xuống trên gối.

Tôi bảo:

- Anh xin lỗi đã làm em thức giấc. Anh đang cảm thấy buồn chán và muốn được gần một người bạn. Ted không đúng là thứ bạn anh cần.

- Ô, Stuart, anh đã tìm được Ted?

- Ted hiện ở trong phòng sát đây. Em sẽ gặp Ted sau. Bây giờ thì khoan đã. Mình có nhiều chuyện cần nói với nhau.

Nàng mơ màng bảo:

- Anh vẫn luôn luôn là một người nói nhiều.

- Anh tự biết. Nhưng đây là chuyện rất quan trọng.

- Anh cứ chồm lên mình em như thế này thì làm sao nói chuyện cho được.

Mãi một lúc lâu sau đó tôi mới bắt đầu kể cho nàng nghe, trong lúc chính tôi cũng cảm thấy buồn ngủ. Tôi không chắc lời nói của tôi có lọt được vào tai nàng hay không. Cuối cùng, tôi cảm thấy nàng ngủ gục trên vai tôi. Tôi không muốn đánh thức nàng. Một lát sau nàng khẽ cựa mình và đặt bàn tay lên miệng tôi, mấy ngón tay rà quanh cằm tôi, và nàng nói:

- Stuart, anh ngừng nói rồi sao? Giọng anh nghe êm tai quá. Em có thể cảm thấy tiếng nói của anh rung động từ ngực anh qua ngực em.

- Em làm gì có ngực.

- Lẽ tất nhiên bên dưới những gì tượng trưng cho người đàn bà em cũng có ngực chứ. Anh hãy nói chuyện thêm cho em nghe.

- Khỏi cần nữa. Em hãy ngủ lại đi.

Nhưng nàng đã ngủ thiếp trở lại trước khi tôi nói xong tiếng cuối cùng. Mấy ngón tay của nàng trên mặt tôi duỗi ra và cào nhẹ trên má tôi trong lúc bàn tay của nàng tuột xuống.

Một lát sau, tôi cũng nhắm mắt ngủ. Trí óc tôi đã quá bận rộn suốt một thời gian dài. Song le chắc hẳn tôi đã ngủ. Điều cuối cùng mà tôi còn nhớ được là

tôi đã trông thấy ánh sáng mờ xám của buổi bình minh giả tạo, bàn tay trái của buổi sáng trên bầu trời ở ngoài cửa sổ. Khi tôi nhìn trở lại thì trời đã chan hòa ánh nắng.

Tôi bỗng giật mình. Chiếc đồng hồ tay của tôi cho biết chỉ còn mấy phút là tám giờ. Monique mặc áo ngủ đang đứng bên cạnh một trong những khung cửa sổ cao nhìn ra ngoài biển. Tôi đến sát mình nàng và nhìn ra ngoài với nàng. Nàng luồn cánh tay của nàng dưới cánh tay của tôi và ép sát nó vào mình nàng, không nói gì.

Buổi sáng đã đến dưới một bầu trời u ám nặng trĩu. Tôi lo lắng nhận thấy hôm nay là ngày hẹn mà biển lại động hơn hẳn ngày hôm qua. Gió thổi mạnh khiến cho những làn sóng bạc đầu vuron cao trên mặt biển và làm bay tung bọt nước khắp nơi về phía dưới chúng tôi.

Tôi bảo:

- Có phải anh đã làm cho em không ngủ được?

- Anh đừng nói bậy. Em ngủ ngon lắm mà.

Nhưng trông nàng có vẻ phờ phạc và dưới mắt nàng có hai quầng thâm.

- Em đã nghe được những gì về vụ này?

Nàng quay người để nhìn lên mắt tôi.

- Khá đủ. Và em đã qua phòng bên cạnh, nói chuyện với Ted. Ted đã kể với em thêm nhiều điều.

- Em đừng lo ngại. Dù thế nào đi nữa, đêm nay mình sẽ dời khỏi đây. Anh thấy em đã để dành thức ăn điểm tâm cho anh.

Chiếc bàn lăn vẫn còn ở gần lò sưởi, bình cà phê đang được bắc trên một bếp lửa để luôn luôn nóng.

Nàng tiến tới bàn.

- Người ta vừa mới đưa vào. Em còn chưa ăn miếng nào. Anh uống một chút cà phê nhé?

Tôi uống cà phê và ăn bánh croissant với nàng. Chúng tôi nói chuyện rất ít.

Rồi tôi trở về phòng riêng để cạo râu và thay áo quần.

Khi tôi trở qua nàng đã thay y phục xong. Nàng mặc một bộ áo quần và mang một đôi giày, tất cả là loại đặc biệt dùng lúc đi trượt tuyết. Một chiếc áo choàng ngắn dày bằng len liệm ở chân giường.

Tôi chắc lưỡi:

- Em tính giỏi lắm. Đã ấm mà lại màu đen, chắc sẽ rất tiện lợi. Tối nay em nhớ mặc vào người.

- Anson đã yêu cầu em đi một vòng xe với ông ta ngày hôm nay. Em đoán ông ta muốn nói chuyện về thỏa ước.

- Tại sao em lại đem quần áo trượt tuyết đi theo?

- Em chưa từng ở Hebrids và đã tưởng nơi này lạnh lắm. Như ở Ulthima Thule (Ulthima Thule: vùng cực Bắc của địa cầu, có thể là Na Uy, Iceland

(đảo lớn gần Na Uy), hoặc Mainland (đảo lớn nhất thuộc quần đảo Shelland ở phía Bắc Tô Cách Lan)).

- Kể ra em không hiểu rõ cũng không có gì lạ, vì có rất nhiều người nghĩ như em. Nhưng không chừng đêm nay trời lạnh thật sự.

Nàng bồng vòng tay quanh hông tôi và ôm chặt, úp mặt vào ngực tôi. Tôi cũng siết lấy mình nàng.

Nàng khẽ nói:

- Stuart, em sợ quá!

Tôi bảo:

- Em là một nữ kịch sĩ đại tài. Không nên lộ ra mặt.

- Nhưng em vẫn cảm thấy sợ.

- Em đừng lộ ra ngoài. Rồi em sẽ thấy không sao dù có chuyện gì xảy đến.

Em đừng tỏ ra hay biết việc Ted và anh có thể làm tối nay. Khi xong xuôi anh sẽ kể cho em nghe. Nhất là em đừng phản kháng Anson. Em cứ bảo ông ta em đã quyết định ký mọi điều khoản theo đúng ý của ông ta.

Nàng ngẩng mặt lên và nhìn thẳng tôi, vô cùng kinh ngạc.

- Anh nói thật chứ, Stuart? Nhưng tại sao vậy?

- Phải anh nói thật. Anh không nói bán ngay cổ phần. Em cứ bảo y em sẽ bán. Em cứ việc ký tờ tương thuận nếu em bị ép buộc, nhưng hãy cố kéo dài qua ngày mai nếu có thể. Nếu em phải ký, anh và Ted sẽ cố lấy lại tờ cam kết cho em.

Tôi làm bộ mạnh dạn mà trong lòng không tin nổi một phần mười.

- Em sẽ cố. Nhưng chắc không phải dễ dàng gì. Y đã tỏ ra gấp rút.

Tôi cười bảo:

- Anh tin em sẽ thành công.

Nàng hôn tôi và cắn nhẹ môi dưới tôi:

- Bây giờ em phải đi. Em phải gặp Anson đúng chín giờ sáng.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 9

Chương 9

Ngày tám tháng ba là một trong những ngày dài nhất của đời tôi. Bầu trời nặng trĩu những mây suốt buổi chiều dài. Khi tia sáng cuối cùng khởi sự tắt, không gian vẫn không bớt ảm đạm. Thỉnh thoảng lại có một trận mưa lớn. Tôi nghe tiếng những giọt nước đập mạnh vào dãy cửa sổ phía tây tựa hồ trời đang mưa tuyết.

Lúc trời vừa tối, như thường thường trời vẫn tối rất sớm ở vĩ tuyến này, thì cơn mưa tạnh hẳn và gió cũng hơi bớt thổi. Một làn sa mù mỏng bắt đầu bò dọc theo phía dưới chân bờ đá. Tôi hy vọng tới nửa đêm bức màn sương sẽ dày hơn và vẫn sẽ là đà sát mặt đất. Lúc này tôi sinh ra ước mong những chuyện vô lý. Nếu tôi có thói quen cầu nguyện chắc bây giờ tôi đã khẩn vái. Tôi nhớ chưa bao giờ thành tâm cầu nguyện một điều gì, ngay trong lúc được di chuyển đến Tarawa, nơi chúng tôi đã biết trước chỉ có năm mươi phần trăm may mắn tới đúng thủy triều thích hợp cho cuộc đổ bộ, và nếu tới sai giờ thì thật là tai họa.

Monique đến phòng tôi vào khoảng bảy giờ và Ted đến sau đó mấy phút.

Chúng tôi cùng ăn cơm với nhau nhưng không uống rượu trước khi ăn.

Monique vẫn còn mặc bộ áo quần trượt tuyết. Ted và tôi mặc hai lớp áo len dày bên trong áo choàng. Chúng tôi biết có lẽ không có thì giờ trở lên để thay đổi y phục sau buổi lễ tại văn phòng của Anson.

Anson đích thân lên tìm chúng tôi lúc chín giờ kém mười lăm, có cả Matuschek đi theo. Ông ta bảo Matuschek:

- Anh chờ tôi ngoài hành lang.

Ngay sau khi vừa bước vào, ông ta đóng cửa lại và nói:

- Tất cả có đủ đây rồi. Hay lắm. Tôi vừa có quyết định. Cô De Ménard có thể đi theo để dự thánh. Chắc chắn cô ấy sẽ đặc biệt chú ý và nhờ đó cô sẽ lấy quyết định.

Nói đến đây ông ta quay nhìn tôi trong lúc vẫn tiếp:

- Tôi đoán cô ấy đã kể cho ông nghe quyết định của cô ấy. Hình như cô ấy không giấu ông bất cứ một chuyện gì.

Ông ta nhấn mạnh hai tiếng “bất cứ” bằng một giọng đổi khác hẳn. Trong lúc miệng nói, mắt ông ta hết nhìn tôi lại nhìn Monique, rồi cuối cùng trở lại nhìn tôi.

Nàng lên tiếng:

- Đại úy Anson, đây là chuyện chỉ liên quan đến ông và tôi. Tôi không thể

gây liên lụy cho một người khác. Nhưng bây giờ tôi có thể nói với ông rằng tôi đã quyết định. Ông sẽ có tất cả những gì ông muốn. Tôi không thể có một quyết định nào khác hơn.

- Tuyệt!

Trong một thoáng, tôi chợt nghĩ ông ta sắp sửa xoa hai bàn tay vào nhau.

Nhưng ông ta chỉ thản nhiên nói tiếp với Monique:

- Thế thì cô sẽ đặc biệt thích thú với cuộc vui nhỏ mọn trong buổi tối hôm nay, bởi vì cô sẽ là một diễn viên thầm lặng trong đó. Bây giờ xin tất cả hãy đi theo tôi. Đã gần tới giờ rồi.

Chúng tôi cùng bước theo ông ta và Matuschek trở ra thang máy. Donald đã được thay thế bởi một tên gác khác. Chúng tôi đi xuống qua đại sảnh và hành lang tới văn phòng của Anson. Tôi nhớ mãi cảm giác rờn rợn khi băng ngang đại sảnh. Toàn thể căn phòng lớn gần như chìm trong bóng tối, chỉ được soi mờ mờ bằng một chút ánh sáng từ phía ngoài rọi qua khung cửa sổ trên cao. Không có lửa cháy trong lò sưởi. Chiếc bàn dài im lìm và vắng tanh. Tôi trông thấy Monique rùng mình lúc chúng tôi đi qua bên cạnh bàn tựa hồ nàng vừa thấy những hồn ma đang ngồi chung quanh.

Anson bảo khi đến trước cửa văn phòng:

- Matuschek. Anh đứng chờ bên ngoài. Không ai được phép vào hoặc ra trừ phi tôi cho anh hay. Và nếu tôi gọi anh, anh phải vào thật nhanh.

Matuschek nhe hàm răng dơ dáy với chúng tôi và đóng cửa lại.

Anson nói:

- Quý vị có thể ngồi xuống đây.

Ông ta chỉ bốn chiếc ghế đặt khoảng giữa bàn viết rộng của ông ta và bàn nước thấp ở góc phòng đằng kia. Ông ta đứng sau bàn viết và nói vào máy nội đàm:

- Masterson, anh có thể chuyển đài BBC vào máy phóng thanh của tôi.

Một tiếng kêu vang lên trong máy phóng thanh rồi im lặng. Trong chốc lát chúng tôi đã nghe được giọng nói của xướng ngôn viên đài BBC đọc bản tin hai mươi một giờ. Anh ta đang đọc một bài về cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Rồi anh ta ngừng một lúc và bắt đầu mục khác.

- Đây là Luân Đôn, dư luận đang xôn xao bán tán về lý do một phiên họp đặc biệt của Hội Đồng Nội Các bắt đầu từ sáng sớm hôm nay sau phiên họp khẩn cấp đêm hôm qua, và hiện giờ vẫn còn tiếp diễn. Hôm nay phiên họp lại càng thêm khác thường với sự góp mặt của vị đại diện Nữ Hoàng, đã được yêu cầu đến bàn luận cùng với các vị bộ trưởng. Người ta lại còn biết rằng chiều hôm nay Đại sứ Hoa Kỳ và Đại sứ Pháp đã được mời đến Số Mười, đường Downing để hội kiến với Thủ tướng Anh.

Chiếc đầu của Anson ngẩng lên và làn da phía trước căng ra thật rõ, trong lúc xướng ngôn viên đài BBC vẫn nói tiếp:

- Thủ Tướng đã rời khỏi phiên họp để nói chuyện với các ông đại sứ ngay trước khi Hội Đồng Nội Các lại tạm ngừng để ăn tối. Không một vị bộ trưởng nào rời khỏi Số Mười, và người ta phỏng đoán tất cả đã dùng bữa tối ngay tại đây. Không một ai hay biết gì về lý do của phiên họp bất thường, không một lời bình luận nào được đăng tải trên mặt báo, ngay ở Đông Nam Á, là nơi vẫn thường bình luận những tin tương tự.

Xướng ngôn viên lại ngừng rồi tiếp tục thuật qua những vụ đất sụp trong khu mỏ sắt ở Tô Cách Lan làm cho nhiều làng phải lâm nguy. Anson lại nói vào máy nội đàm:

- Thôi, đủ rồi, Masterson, Lambert sẵn sàng nói chuyện chứ?

Nhân viên giữ máy đáp:

- Thưa ông, sẵn sàng. Tôi đã yêu cầu ông ấy đứng chờ bên cạnh điện thoại.

Tôi sẽ cho chuyển ngay vào máy phóng thanh, chỉ trong chốc lát.

Anson rời khỏi bàn giấy và ngồi xuống ở gần bàn nước. Lúc đó tôi mới nhận thấy có một máy vi âm nhỏ để trên bàn.

Ông ta bảo:

- Trên Sudra không có điện thoại liên lạc với thế giới bên ngoài. Chúng tôi đành phải cho nhân viên của chúng tôi ở Luân Đôn điện thoại theo lối thông thường tới căn cứ chúng tôi ở Murra. Cuộc điện đàm này sẽ được đưa vào máy truyền tin của chúng tôi ở Murra và chuyển thẳng về đây bằng vô tuyến điện. Lẽ tất nhiên phần truyền tin bằng vô tuyến điện từ Murra nghe không được rõ lắm.

Ted nhìn tôi rồi ngược mắt lên trần. Chúng tôi chợt nghe một giọng nói mới lạ vang ra từ loa phóng thanh.

- Lambert đây. Thưa, ông còn đó chứ?

Anson liền cầm máy vi âm lên tay và nói:

- Phải, Lambert. Thủ Tướng sẵn sàng nói chuyện chứ?

Một tiếng kêu rè rè nhỏ nổi lên trong máy phóng thanh một lát, rồi dịu hẳn xuống.

- Xin ông đợi cho một lúc. Thủ Tướng đang trên đường đi đến phòng này. Trong mấy giây đầu tiên, tôi nghe một tiếng đằng hắng khe khẽ. Rồi kế đó là giọng nói hơi nhỏ của vị Thủ Tướng vang lên thật rõ trong phòng, không thể nào làm được dù hệ thống truyền âm đã làm biến đổi phần nào.

Ông nói:

- Vâng. Tôi đây.

Anson nói vào máy vi âm:

- Theo sự sắp xếp của chúng tôi, tôi đã mang ông Stuart Dunbar, là người ông đã biết, đến phòng này để nói chuyện với ông. Nhưng trước khi tôi chuyển qua ông Dunbar, tôi cần phải hỏi ông một câu. Tôi vừa nghe trên đài BBC có tin các ông đại sứ Nga Xô, Hoa Kỳ và Pháp đã đến hội đàm với ông

ngày hôm nay. Ông đã bàn luận chuyện này với họ hay sao?

Giọng nói của Thủ Tướng có vẻ gay gắt:

- Đây là công việc của tôi mà.

Anson đính chính:

- Lúc này không còn đúng như thế nữa. Đây cũng là công việc của tôi, và chẳng bao lâu sẽ là hoàn toàn của tôi, tùy thuộc quyết định của ông.

Vị Thủ Tướng có vẻ trầm tĩnh lúc ông trả lời sau khi im lặng một lúc.

- Tôi chỉ bàn luận với các vị bộ trưởng về một lời hăm dọa vô danh, để chắc chắn không một ai báo động bậy nếu chúng tôi nhận thấy phải trả đũa.

Anson liền bảo:

- Ông sẽ không bao giờ trả đũa được. Dunbar sẽ nói chuyện này với ông.

Ông ấy đây rồi. Ông có thể hỏi ông ấy bao nhiêu câu cũng được. Ông ấy sẽ trả lời một cách thành thực, không bị ai ép buộc.

Ông ta gật đầu với tôi. Tôi ngồi xuống bàn phía bên trái ông ta và ông ta trao máy vi âm cho tôi. Miệng tôi khô ran. Tôi nhận thấy mình đang toát mồ hôi.

Tôi lên tiếng:

- Thưa Thủ Tướng, Dunbar đây.

- Dunbar, tôi đoán ông biết rõ về câu chuyện quái đản này.

- Thưa Thủ Tướng, đúng.

- Có phải ông là một thành phần của cái... đảng đó?

- Thưa Thủ Tướng, một cách vô tình mà thôi. Hiện giờ tôi là một tù nhân tại đây. Nếu Thủ Tướng đã nói chuyện với ông George Vallance, chắc Thủ Tướng hiểu một phần của vụ này. Tôi được khuyến cáo trình lại với Thủ Tướng những gì tôi có thể về mũi súng đang nhắm vào Thủ Tướng.

Anson nhìn tôi một cách quỷ quyệt khi nghe tôi nhắc tên của Vallance. Tới đây, ông ta lấy máy vi âm lại và nói vào máy:

- Tôi xin hỏi một câu. Ông có hoàn toàn tin chắc rằng ông đang nghe tiếng nói của Stuart Dunbar?

Vị Thủ Tướng trả lời ngay:

- Dĩ nhiên. Tôi đã nói chuyện nhiều lần với Dunbar trong mấy năm vừa qua. Dunbar, ông còn ở đó không?

Tôi lấy máy vi âm trở lại.

- Thưa Thủ Tướng, tôi vẫn còn đây.

- Ông bảo ông hiện là một tù nhân. Tôi hy vọng ông không bị cưỡng bách.

Tôi đưa mắt nhìn Anson. Mãi đến lúc này tôi mới hiểu được chủ định điều xáo trong đầu óc ông ta. Lời hứa của ông ta để cho chúng tôi rời khỏi Sudra khiến tôi không có cảm tưởng mình đang bị cưỡng bách. Nhưng cũng có thể chúng tôi sẽ phải chết. Ý nghĩ chúng tôi sẽ không bao giờ được phép an toàn ra đi tràn ngập khắp tâm trí tôi. Tôi cố xua nhanh tư tưởng này và tiếp tục nói chuyện với vị Thủ Tướng.

- Thừa Thủ Tướng, tôi không bị cưỡng bách. Chuyện tôi trình với Thủ Tướng sẽ không có ảnh hưởng gì tới chuyện sẽ xảy đến cho tôi.
Anson mỉm cười với tôi một cách bất chính. Ông ta hiểu rằng tôi đã thấy rõ nước cờ thí của ông ta.

Vị Thủ Tướng nóng nảy bảo:

- Thế thì ông hãy nói cho tôi nghe đi. Có phải bọn cướp đó nói thật khi chúng bảo rằng chúng có hỏa tiễn với đầu đạn hạch tâm đang nhắm vào mười hai đô thị lớn nhất của nước Anh?

- Thừa Thủ Tướng, đúng vậy. Chính mắt tôi đã trông thấy. Những dàn hỏa tiễn này có vẻ thật, dù tôi không phải là một nhà chuyên môn. Em tôi cũng công nhận như thế. Chắc Thủ Tướng đã biết em tôi là người có uy tín trong lãnh vực đó.

Ted chen lời:

- Stuart, anh nói “có vẻ thật” không đúng, phải nói là “thật”.

Vị Thủ Tướng lo lắng hỏi:

- Chuyện gì vậy?

- Thừa Thủ Tướng, em tôi muốn nói rằng các hỏa tiễn đó là thật. Không thể nghi ngờ được.

Ông thở dài:

- Chúa ơi! Thế mà tôi hy vọng đây chỉ là chuyện bịa đặt. Được rồi, Dunbar, tôi thành thực cảm ơn ông. Tôi ước mong được tiếp chuyện với ông trong những trường hợp vui thú hơn vào một ngày gần đây. Tôi hoàn toàn tin tưởng ông.

- Tôi xin cảm ơn Thủ Tướng.

- Còn về vụ kia thì sao? Có phải mình không thể mở một cuộc tấn công theo lối bình thường lên đảo? Chúng tôi đã biết rõ nơi đó, có lẽ ông đã hiểu.

Tôi cố nói thật hăng hái:

- Thừa Thủ Tướng, đúng vậy. Cả em tôi và tôi đều là cựu sĩ quan Thủy Quân lục chiến. Chúng tôi không sao thấy có cách nào tấn công được nơi này – trừ trêu chọc chính em tôi đã phát minh ra loại máy ngăn ngừa. Lính đổ bộ sẽ bị tiêu diệt trước khi họ có thể tràn lên bãi biển và tôi tin chắc Thủ Tướng đã biết chỉ có thể đổ bộ lên một bãi biển duy nhất khỏi phải leo núi. Đó là tất cả sự thật. Nếu Sir George Vallance chưa trình với Thủ Tướng về vụ hai chiếc thám thính cơ của Hải Quân cất cánh từ hàng không mẫu hạm Defiant, xin Thủ Tướng hỏi lại ông ấy.

- Tôi đã biết chuyện đó. Tôi hiểu ý ông muốn nói gì. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với ông về cách tấn công đảo. Nhân tiện, cho tôi hay phi hành đoàn của hai chiếc phi cơ đó mãi đến hôm nay vẫn không có tông tích. Thôi, tôi xin cảm ơn ông một lần nữa, và chúc ông may mắn.

- Tôi rất buồn vì phải báo tin xấu cho Thủ Tướng.

- Ông đâu có lỗi gì. Chúng tôi phải lo giải quyết vụ này. Bây giờ tôi sẽ cúp máy và trở về với hội nghị. Chào ông.

Đường dây không tắt ngay. Tiếng nói của Lambert lại vang lên:

- Thưa ông, Lambert đây. Ông Thủ Tướng đã có vẻ tin lắm rồi. Họ hứa sẽ trả lời trong vòng một tiếng đồng hồ. Tôi cũng xin trình ông tôi hiện đang bị câu lưu ở đây.

Anson bảo:

- Điều đó, tôi đã nghĩ từ trước. Anh đừng lo. Anh đã hành sự rất chu đáo. Có lẽ tôi sẽ gặp anh vào tối ngày mai, nếu tất cả tiến hành theo đúng dự liệu, và tôi thấy không có lý do gì khiến cho sự việc không êm xuôi. Tôi sẽ bay sang Luân Đôn khi quyết định đã được loan báo. Tuy nhiên, hiện giờ họ đã hơi đi quá kỳ hạn rồi đó. Lambert, anh hãy thúc đẩy chút xíu đi.

- Thưa ông, vâng.

Trong lúc hai người nói chuyện, tôi cố để ý tìm một dịp sơ hở không đề phòng, để đánh liều một phen. Nhưng chuyện đó không bao giờ xảy ra.

Anson vẫn chăm chú nhìn chúng tôi trong lúc ông ta nói chuyện. Tôi biết Matuschek đang ở ngay ngoài cửa. Dù sao, tôi không thể động đậy gì được trong khi đường dây liên lạc vẫn tiếp tục. Masterson ở trong phòng kiểm soát sẽ được báo động một cách quá dễ dàng.

Ted khiến cho tôi lo ngại. Ted ngồi trong ghế, nhưng mình chồm tới trước, hai bàn tay trên tay ghế, cùi tay nâng lên, tựa hồ sắp sửa phóng qua phòng. Tôi lắc đầu với Ted mà Ted vẫn không hòa hoãn lại. Monique thì nhìn sững Anson với đôi mắt đầy ghê sợ.

Anson chợt tắt máy vi âm. Loa phóng thanh trong góc phòng cũng im luôn, tiếng rè rè từ từ biến mất trong lúc Masterson vặn nút tắt máy. Anson, vẫn ngồi ở bàn nước, quay mặt về phía chúng tôi và nói với tôi:

- Cám ơn ông. Công việc tốt đẹp lắm. Không khác gì chính tôi đã viết sẵn cho ông xem trước.

- Không phải vậy hay sao?

Ông ta hiểu lầm tôi, và bảo:

- Không. Thật tình tôi không có dự tính nào sau khi ông từ chối đề nghị của tôi trên tàu Victoria. Nhưng phải nói rằng tôi đã nghĩ ra một ý tuyệt diệu khi ông tìm đến đây. Ông có mặc cảm phạm tội hay không?

- Không. Tội của ông, chứ đâu phải của tôi. Tôi chỉ cố tìm cách giảm thiểu tổn thất.

- Sẽ không có tổn thất. Đây chính là cái hay đặc biệt của sự thực hiện kế hoạch. Hoàn toàn không đổ một giọt máu.

Ông ta kết thúc lời nói bằng một nụ cười nửa miệng với vẻ châm biếm.

Tôi nói:

- Đó chỉ là một vấn đề quan điểm. Sự đổ máu sẽ đến sau, nếu ông không

muốn kể tới Martin Allen và phi hành đoàn của hai chiếc phi cơ ấy. Nhưng bây giờ ông phải thi hành một lời hứa. Khi nào ông đưa chúng tôi tới Murra? Ông ta nhìn tôi dường như tôi vừa hỏi xin ông ta một đàn hỏa tiễn.

- Dunbar, chắc ông thừa biết câu trả lời cho câu hỏi đó.

- Tôi làm sao mà biết được?

- Thế thì câu trả lời là... không bao giờ.

- Rất có thể tôi quá ngây thơ, nhưng tôi vẫn phải nhắc nhở ông về lời hứa của ông.

Ông ta mỉm cười. Thật ra, đó không hẳn là một nụ cười, mà chỉ là một cái nhếch mép.

- Dunbar, những lời hứa chỉ để cho kẻ ngu dại. Và nếu ông sử dụng trí nhớ phi thường của ông – trí nhớ đã giúp ông tường thuật mọi cuộc đối thoại một cách chính xác không cần phải ghi chép – ông sẽ nhớ lại tôi không hề hứa hẹn gì cả.

- Ông...

- Phải, tôi thấy ông đã nhớ lại. Tôi chỉ nói “lẽ tất nhiên” để trả lời cho lời phát biểu hơi khờ khạo của ông rằng tôi sẽ trông thấy ông an toàn trên đảo Murra. Tôi không thích ràng buộc với một khế ước chỉ có một câu nói mơ hồ như thế.

- Ông cũng là một sea lawyer¹ (1 Sea lawyer: một thủy thủ thích cãi cò, khích bác những điểm về luật lệ hàng hải, thường dùng những luận điệu sai lầm – c.t.c.d.g.) trong Hải Quân hay sao?

Ông ta cười nhẹ:

- Không. Tôi là một sĩ quan xuất sắc, có ghi rõ trong hồ sơ. Dunbar, chính ông vừa tỏ ra một vài đặc tính của một sea lawyer, khi ông muốn bàn cãi một chuyện không thể bàn cãi được. Tính toán là công chuyện của các ông. Cũng có thể một dịp nào đó, chúng tôi sẽ cho ông – hoặc em ông – đi và kể lại toàn thể câu chuyện ngày hôm nay đã diễn biến như thế nào – đặc biệt trong những vùng chúng tôi dự tính thu phục.

Tôi nhắc:

- Pháp. Rồi Ý. Rồi Đức.

- Tuyệt. Ông đã nhớ kỹ kế hoạch sơ lược của tôi. Trí nhớ phi thường của ông quả xứng đáng với lời đồn.

- Còn cô De Ménard thì sao?

- Cô ấy thì lại khác. Sau khi ký xong tờ tương thuận, cô ấy có thể đi đâu tùy ý. Tôi sẽ gặp cô ấy an toàn ở Pháp, ông cứ tin tôi đi. Cô ấy sẽ khó lòng nói chuyện bậy bạ, vì đã biết chuyện gì sẽ xảy đến cho vong linh của ông anh, cũng như xí nghiệp của ông ta.

Mặt của Monique trắng như tờ giấy. Nàng dăm dăm nhìn Anson trong lúc ông ta đứng lên khỏi chiếc ghế bên cạnh bàn nước, rồi nhìn tôi một cách bất

lực. Ông ta không nói gì nữa. Tôi trông thấy cánh tay của Ted cương lên trong lúc Anson đứng dậy. Nhưng Monique đã đặt bàn tay của nàng lên cánh tay của Ted và Ted ngồi yên.

Tôi biết nàng đang suy nghĩ chuyện gì. Chính tôi cũng đang nghĩ tới chuyện đó. Một khi ông ta đã nắm được tờ tương thuận trong tay rồi, tính mạng của nàng còn ít giá trị hơn một gói đậu phụng trong sở thú. Khi sự thật phũ phàng này vỡ ra trong đầu óc tôi, tôi hiểu rằng thời cơ đã đến. Nếu quả thật có thân giao cách cảm, thì Monique và Ted chắc cũng hiểu được điều này. Nhưng tôi sẽ không bao giờ biết rõ Monique đã quyết định như thế nào. Trong lúc nàng cúi tới trước để đặt một bàn tay ngăn cản lên cánh tay của Ted, nàng để cho cùi tay của nàng cọ vào chiếc áo choàng ngắn mà nàng đã gác qua đầu gối khi nàng ngồi xuống. Thoạt tiên, tôi tưởng đó chỉ là một cử động vô tình. Chiếc áo choàng tuột khỏi đầu gối của nàng và rơi xuống nền giữa ghế nàng và ghế của Ted. Ted không trông thấy sự việc đó. Đôi mắt của Ted đang nhìn sững Anson.

Anson đã khởi sự bước theo bề dài của căn phòng đi về phía bàn giấy của ông ta. Mắt ông ta bắt gặp chiếc áo rơi trong lúc ông ta đang đi. Ông ta liếc Ted và dừng lại giữa hai chiếc ghế, cúi xuống để nhặt cái áo bằng cách cầm ở cổ. Rồi ông ta nghiêng mình về phía trước để đặt trở lại trên đầu gối của Monique.

Đúng lúc đó Ted hành động. Ted đưa bàn tay phải lên, với lòng bàn tay nằm ngửa, và chặt cạnh bàn tay vào một bên cổ của Anson, ngay phía sau tai, bằng một sức mạnh mà tôi khó lòng tin Ted có thể điều động trong lúc đang ngồi.

Cú chặt khiến cho Anson choáng váng, vừa đủ thời gian cho Ted chồm lên đầu ông ta. Tôi cũng nhảy lại bởi vì tôi biết rằng Ted đang cố bóp nghẹt tiếng hét sắp sửa thốt ra. Nhưng cả hai chúng tôi đều không chụp kịp Anson để ngăn chặn tiếng rú thất thanh:

- Matuschek!

Tôi thấy cái miệng hét trước khi tôi thực sự nghe tiếng hét – cái miệng hấp hối há to, những sợi gân cổ phồng lên, đôi mắt nhắm chặt. Trong lúc nghe tiếng đó, tôi biết ngay đã quá muộn. Tôi liền để cho Ted xử sự với Anson, và nhảy trở lại phía cửa mở ra hành lang, đứng núp một bên trước khi Matuschek có thể mở ra. Tôi biết tôi không thể giữ y ở ngoài. Như thể chỉ khiến cho khẩu tiểu liên chế tạo tại Nga-sô mau nhả một tràng đạn.

Trong lúc nhảy, tôi cố giơ tay ra dấu Monique tránh khỏi lần đạn nếu có nổ súng. Nàng hiểu ngay, rồi nhanh khỏi ghế và nằm xuống nền. Tôi trông thấy nàng lăn mình ra phía sau bàn giấy của Anson đúng lúc vai tôi chạm vào tường bên cạnh mép cửa. Cùng lúc đó tôi trông thấy Ted đã choàng được một cánh tay quanh cổ Anson từ sau lưng và một bàn tay úp trên miệng ông

ta. Hai con mắt của Anson lồi ra phía trên cánh tay đang siết mạnh và hai chân ông ta đá lung tung trong lúc không khí trong buồng phổi bắt đầu thiếu. Không có một chút thời gian nào để suy nghĩ. Tôi nghe tiếng bước chân đang chạy của Matuschek bên ngoài cửa. Trong lúc chờ đợi, tôi cố nhớ lại một cách tuyệt vọng những gì tôi đã thoáng thấy về loại tiểu liên bang rỗng đó. Tôi không sao nghĩ ra một cách chế ngự nó cho an toàn. Mình có thể ngăn cản một khẩu súng lục bắn vào mình nếu mình có gan chụp lấy nòng súng và dùng cho nó xoay về phía mình. Nhưng một khẩu tiểu liên thì hoàn toàn khác hẳn, không khác một loài mãnh thú.

Cánh cửa mở tung ra và Matuschek phạm lỗi lầm cuối cùng của đời y. Y bước vào trong phòng mà không chịu xem xét kỹ, mắt dán vào cuộc chiến đấu trên nền. Y bắt đầu đưa họng súng lên. Nhưng cái cảnh Anson bị bại trận bởi tay Ted khiến y sững sờ một lúc.

Khi y quay về phía bên trái và chợt trông thấy tôi thì đã quá muộn. Cạnh bàn tay xòe ra của tôi chặt mạnh vào yết hầu của y. Tôi cảm thấy xương sụn quả táo Adam của Matuschek đập nát. Y gục cắm xuống như người đã tắt thở. Tôi chụp lấy nòng súng ngăn và vặn ra khỏi tay của y. Vừa dùng báng súng rỗng đánh vào phía sau đầu y, tôi vừa rửa người vẽ kiểu đã không chế loại báng đặc. Nhưng như thế này cũng đủ. Matuschek ngã tới trước và nằm quần quai trên thảm, vì bị nghẹt thở. Tôi đá cánh cửa đóng lại và xoay ổ khóa.

Trận chiến đã tới màn kết thúc. Ted động đầu Anson vào một góc bàn. Anson ngã xuống và nằm im. Tôi liền đi ra phía sau bàn viết và kéo Monique đứng dậy. Mặt nàng tái mét và thân hình run lẩy bẩy nhưng nàng mỉm cười với tôi. Tôi trở lại Matuschek và cúi xuống xem lại cho chắc chắn. Y đang dần chết. Không còn cách gì có thể cứu được y dù tôi muốn giúp đi nữa. Tôi quỳ gối bên cạnh y và nhìn vào khuôn mặt đen xạm của y. Y ngược mắt nhìn lại tôi với vẻ oán hận của một con lon l (1 Weasel: con lon, một giống vật mình thon dài, chân ngắn, đuôi dài, và rậm lông, thường bắt chim, chuột để sinh sống – c.t.c.d.g.) trong một cái bẫy. Có lẽ nửa phút sau y mới chết. Tôi nhìn cảnh y chết, nhớ lại ánh mắt của Martin Allen, lưỡi dao cắm sau lưng ông ta và máu trào trong phổi. Chết vì thở không được không phải là một lỗi dễ dàng.

Tôi trở lại chỗ Ted đang đứng nhìn xuống Anson và xoa cánh tay.

Tôi bảo:

- Chú giỏi lắm. Ông ta đã chết rồi?
- Không. Ông ta vẫn còn thở. Chỉ bất tỉnh. Còn tên kia thì sao?
- Y đã chết.

Tôi cúi xuống và bắt mạch Anson. Mạch nhẩy yếu và không đều, nhưng vẫn còn. Tôi nói tiếp:

- Ít nhất ông ta cũng còn mê man mười lăm phút. Chú hãy giúp tôi một tay đặt ông ta lên ghế. Phía sau bàn giấy.

Ted nắm hai chân Anson, còn tôi thì nắm hai cánh tay. Chúng tôi đưa ông ta tới chiếc ghế trông đồ sộ như một cái ngai và đặt ông ta ngồi vào trong đó. Tôi điều chỉnh lò xo ở phía dưới để cho thân hình ông ta ưỡn ra sau một cách tự nhiên. Tôi rút sợi dây nịt ra khỏi thắt lưng. Ted đoán biết tôi đang định làm gì và đưa luôn sợi dây nịt của mình cho tôi.

Chúng tôi kê hai cánh tay của Anson lên tay ghế và buộc hai sợi dây nịt quanh hai cườm tay ông ta, cố hết sức kéo cho thật chặt và đục lỗ nịt mới bằng mũi kéo nhọn mà tôi đã tìm thấy ở bàn viết.

Ted hỏi:

- Còn hai chân?

Tôi vừa hát đầu về phía xác chết ở gần cửa vừa bảo:

- Chú hãy lấy sợi dây nịt của Matuschek.

Ted liền mang sợi dây lại. Chúng tôi cùng cột cả hai mắt cá ông ta vào cái chân duy nhất của chiếc ghế xoay, uốn chân ông ta hết sức về phía sau cho thật chắc. Khi ông ta hồi tỉnh, hẳn ông ta sẽ rất đau đớn. Tôi nhét chiếc khăn tay của tôi vào trong miệng ông ta, và Ted cũng đưa khăn của Ted cho tôi buộc cứng miệng ông ta lại.

Đoạn tôi nói với Ted:

- Đưa khẩu súng đó cho tôi.

Trong lúc tôi cầm nó trong tay, Monique từ phía sau đi tới và choàng một cánh tay quanh lưng tôi. Nàng đặt một bàn tay che kín họng súng và chăm chú nhìn tôi, vẻ kinh hãi hiện rõ trên mặt.

Tôi trấn an nàng:

- Anh không định bắn chết ông ta đâu. Anh muốn để dành ông ta cho một chuyện tàn tệ hơn thế. Vả lại, nếu anh nổ súng, nhiều tên khác sẽ chạy đến đây và mình khó lòng chống cự nổi.

Rồi tôi sực nhớ, liền hỏi:

- Em đã ký tờ tương thuận chưa?

- Chưa. Em bảo em sẽ ký tối nay, sau vụ này.

- Tốt, thế thì mình khỏi phải mất công tìm kiếm. Ted, còn một việc cần phải làm trước khi mình tìm cách ra khỏi đây. Bộ máy vô hiệu hóa.

Ted nói:

- Phải. Em phải nghĩ xem em có thể làm gì được bây giờ. Còn tên gác thang máy?

- Tôi sẽ ra ngoài đó cùng với chú. Monique, em cố thử tìm trong các học bản trong lúc bọn anh đi, để xem thử có thể tìm ra một vài thứ khí giới nhỏ nào nữa hay không. Nhất là một cây đèn bấm.

Nàng dặn dò:

- Stuart, nhớ hết sức cẩn thận nghe anh.

- Anh sẽ nhớ.

Ngoài hành lang không có bóng dáng một người nào. Gian đại sảnh cũng vậy trong lúc chúng tôi bước ngang qua một cách thận trọng. Tôi thoáng nghe những tiếng động mơ hồ từ nhà bếp về phía bên kia đại sảnh, nhưng rõ ràng tối nay ban chuyên viên vẫn phải tiếp tục làm việc và ăn cơm ở ngay chỗ làm.

Cửa thang máy đóng kín. Tôi bấm nút lên và nghe tiếng buồng thang rần rần chạy lên tầng chúng tôi. Tôi đứng ngay trước cửa. Ted tựa sát vai vào bức tường bên cạnh cửa. Công việc thật là dễ. Tên gác thò đầu ra và đưa mũi súng lên chỉ vào tôi. Cạnh bàn tay của Ted chặt vào đúng cổ họng của y. Tôi thì dùng báng súng đập lên đầu y. Chúng tôi kéo lê y trở về phòng của Anson và trói chặt y bằng sợi dây lưng của Anson, bắt ngựa người y gằn gầy đôi về phía sau để có thể cột cườm tay của y vào cườm chân. Lúc này không thể êm dịu được nữa.

Ted đi ra ngoài và đóng cửa lại. Tôi nhìn Monique. Nàng có vẻ trầm tĩnh, cầm trong tay một khẩu súng lục 38 cút ngùn, xấu xí.

Nàng bảo:

- Em tìm thấy trong hộc bàn. Nhưng không có đèn bấm.

- Em biết cách sử dụng chứ?

Nàng mỉm cười với tôi:

- Biết. Ở nhà Jacques vẫn thường dẫn em ra sân tập bắn. Em bắn súng lục không đến nổi tệ lắm. Nhưng này Stuart, mình không thể bỏ mấy tên này ở đây được. Bọn chúng sẽ phát giác trước khi mình chạy thoát.

Tôi nói:

- Chỉ còn hai tiếng đồng hồ nữa là tới giờ hẹn trên bãi biển Lunna. Có lẽ lâu hơn một chút. Và anh không thể giết thêm một tên nào trong bọn chúng được nữa.

- Bọn chúng có thể đã giết anh. Cả Ted. Và em nữa.

Tôi tiếp:

- Và Edenburg.

Màng tai của tôi bỗng chấn động vì một tiếng nói lớn vang lên từ phía sau lưng tôi. Tôi nhảy nhồm người lên. Monique kinh hoàng nắm lấy cánh tay tôi. Tôi xoay người và nhìn vào mặt Anson. Đôi mắt ông ta vẫn còn nhắm. Rồi tôi hiểu tiếng nói đã vang lên từ máy nội đàm đặt trên bàn viết. Tôi liền bước quanh bàn và bật nút xuống, hỏi vào máy:

- Cái gì đó?

Tôi nói bằng một giọng cao hơn bình thường, hy vọng chuyển qua máy sẽ không khác Anson bao nhiêu. Quả nhiên, tôi thành công.

Gã trong máy trình:

- Thưa ông, có một người hiện ở trên tháp và bảo rằng ông muốn nhờ ông ta xem lại máy vô hiệu hóa. Tên ông ấy là...

Tiếng nói chợt ngừng lại nửa chừng. Tôi nghe một tiếng thịch. Giọng Ted vang lên ngay trong máy phóng thanh:

- Cảm ơn Stuart. Em sẽ xuống ngay.

Tôi quay trở về với Monique.

- Cứ để cho bọn chúng sống. Mình sẽ khóa cửa phòng lại lúc đi. Chắc mấy giờ sau mới có người dám quấy rầy Anson. Không chừng sáng mai, nếu mình may mắn.

Ted lao vào phòng như một luồng gió.

- Xong rồi. Em đã liệng tất cả bộ máy xuống biển bên hông lâu đài.

- Chú đã làm gì tên gác?

- Anh khỏi lo. Y sẽ không thể gây rắc rối cho mình. Em cũng đã liệng khẩu tiểu liên của y xuống biển. Đó là một khẩu súng hạng trung bình của Hoa Kỳ cỡ năm mươi 1 ($1: .50 = 0.50 \text{ inch} = 12.7 \text{ ly}$).

Tôi nghĩ tới chiều cao gần hai trăm thước từ đỉnh lâu đài xuống tới biển. Rồi tôi cố không nghĩ đến chuyện đó nữa.

Tôi bảo:

- Thôi, mình hãy đi.

Ted nói:

- Em đã ghé vào tầng cư xá và lấy hai sợi dây nịt cho mình. Tiếc rằng em không thể lấy hết hành lý.

Tôi lo ngại cho Ted hay:

- Mình sẽ cần một ngọn đèn bấm. Trong văn phòng của Anson, không có một cây nào.

Ted đáp:

- Chiếc Land Rover đang đậu ở trước cửa. Em đã trông thấy từ trên đỉnh tháp. Có lẽ trong xe có đèn bấm. Mình nên đi ngay.

Tôi giựt đứt dây điện thoại trên nền dưới chân Anson. Ted cũng giựt đứt dây máy vì âm. Tôi đưa mắt nhìn qua một lần cuối xác của Matuschek cùng Anson và tên gác đang mê man bất tỉnh. Cả hai vẫn còn im lìm. Tên gác không chết vì Ted đã không đánh y mạnh như tôi đã đánh Matuschek.

Lúc đi ra, tôi bật chốt tự động của khóa cửa, thầm cảm ơn loại ổ khóa tối tân, không giống loại cổ điển phải dùng chìa khóa như ở tầng cư xá. Rồi tôi tắt tất cả đèn và kéo cánh cửa đóng lại.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 10

Lối vào ở đáy buồng thang máy, trước kia là chân cầu thang, lúc này trống vắng và tối đen. Ánh sáng ở mặt tiền phía ngoài chỉ lờ mờ soi bên trong cửa. Chúng tôi có thể trông thấy chiếc Land Rover đang đậu trên khoảng đường cách cửa độ mười thước.

Ted bảo:

- Rất có thể có người gác bên ngoài. Phải hết sức cẩn thận.

Tôi thận trọng nhìn qua mép cửa.

- Tôi không trông thấy gì lạ. Có lẽ không có ai canh gác. Mình đành phải liều lĩnh thử xem. Chú và Monique cứ tạm ở đây. Hãy dùng tiểu liên để che chở tôi. Tôi sẽ bước đại ra xe. Nếu không có gì xảy ra, chú và Monique hãy chạy ra theo tôi.

Monique nắm chặt cánh tay của tôi với cả hai bàn tay của nàng trong một lát rồi thả ra. Tôi từ từ bước ra giữa vùng ánh đèn sáng, gần như phải đếm một nhịp thật chậm trong đầu để giữ cho đôi chân đừng chạy. Tôi có cảm tưởng như mình là một con ruồi bò trên một bức tường trắng thật rộng.

Tôi vừa đi được năm bước trong ánh sáng thì tôi bỗng nghe một tiếng nổ lớn vang lên từ phía trên. Tôi liền ngược nhìn lên, nhưng bị chói mắt nên không thể trông thấy gì. Tôi lại nghe một tiếng nổ khác sắc và ngắn hơn. Tôi chạy tới chiếc Land Rover và trong lúc chạy tôi nhận thấy đó không phải là tiếng đạn cỡ 50(1) mà là một cỡ nhỏ hơn.

Tôi núp vào phía sau chiếc xe và nhìn lui vừa đúng lúc để trông thấy một bóng người té qua lan can và rơi xuống đất làm vang lên một tiếng bịch. Rồi tôi trông thấy Ted đang đứng cách cửa độ vài ba thước, với khẩu tiểu liên trên tay, nhìn sưng xác chết. Sau đó Ted bước tới gần, dùng chân đá nhẹ cái xác. Đoạn Ted ra dấu cho Monique ngồi vào ghế trước và trèo vào phía sau trong lúc tôi ngồi vào ghế tài xế.

Ted hồi thúc:

- Chúa ơi! Hồng bét cả rồi. Như thế cũng đủ đánh thức tất cả mọi người trong tòa lâu đài đây. Mình hãy rời khỏi đây ngay lập tức.

Tôi nhìn lui tòa lâu đài trong lúc cho máy nổ. Mọi khung cửa sổ đều tối đen.

Tôi gần như cầu nguyện cho đừng có ai nghe vụ bắn súng vừa qua.

Chiếc đồng hồ đeo tay của tôi cho biết lúc này đã mười giờ rưỡi. Còn một giờ rưỡi nữa để lái xe chạy tới bãi biển Lunna, cách đây khoảng mười ba cây số. Một khoảng thời gian quá thừa thãi, dù chúng tôi sẽ gặp chuyện trở ngại.

Ý tôi chỉ muốn rời khỏi nơi này đúng giờ hẹn. Nhưng quả thật tôi không thể sắp xếp thời khắc biểu đúng theo ý mình được. Tôi đặc biệt lưu tâm tới đoạn đường chạy qua Bragawick gần bến tàu và các ụ tàu đậu. Tôi biết có nhiều người canh gác ở đó. Tôi không rõ căn cứ của bọn lính gác đặt tại đâu, nhưng theo quang cảnh tôi đã được trông thấy từ xa, tôi đoán bọn chúng hiện ở trong các trại dọc theo phi trường.

Tôi bảo:

- Minh đi.

Tôi lái chiếc Land Rover vọt ra khỏi cổng và phóng vào con đường dốc chạy qua căn cứ hỏa tiễn xuống làng Bragawick và bãi biển về phía dưới. Tất cả chúng tôi đều im lặng. Tôi cũng muốn như thế bởi vì tôi đang cố tìm lại trong ký ức một con đường tắt có thể đưa chúng tôi đến thẳng bãi biển không cần phải chạy qua khu vực bến tàu là nơi tôi đoán chắc sẽ gặp bọn lính gác. Nhưng sự im lặng không kéo dài.

Ted nghiêng mình tới trước trong lúc chúng tôi đi về phía Nam và kê đầu giữa Monique và tôi trên lưng ghé trước, tựa cằm trên hai cánh tay gác chéo với nhau. Tôi có thể trông thấy mặt kiếng trên bảng điều khiển phản chiếu lại chiếc đầu khá lớn của Ted.

Ted chợt nói:

- Stuart, chắc anh không đồng ý, nhưng em muốn anh thả cho em xuống ở ngã ba có con đường rẽ vào căn cứ hỏa tiễn. Trong lúc phá bộ máy vô hiệu hóa, em đã nảy ra một ý nghĩ. Em tin tưởng có thể biết cách phá hủy các dàn hỏa tiễn đó.

Tôi đáp:

- Chú nói đúng. Tôi không đồng ý. Chú chỉ làm một việc vô ích.

- Em biết anh không chịu. Nhưng dù sao em vẫn làm theo ý của em. Nếu anh không ngừng xe để cho em xuống theo kiểu văn minh, em sẽ nhảy xuống trong lúc xe chạy. Như thế em có thể gãy một hoặc cả hai chân, và lúc bấy giờ anh sẽ lãnh đủ. Tốt hơn hết anh nên để cho em hành sự theo lối văn minh.

- Chú loạn trí rồi. Tôi cảm...

- Cho em xin đi, Đại tá, chớ làm tàng nữa. Em đâu còn ở trong loại quân nhân trừ bị.

Tôi hăm hừ:

- Bây giờ chú lại đi hăm dọa tôi. Chú sẽ tính sao với bọn lính gác?

- Khi tìm đến chúng tất nhiên phải gặp chúng. Stuart, em không đùa đâu. Đây là dịp may độc nhất vô nhị để cho em có thể sửa chữa lỗi lầm em đã phạm. Em quả quyết với anh em có thể chế ngự được những hỏa tiễn đó.

- Chú hãy cho tôi biết chú sẽ làm cách nào?

- Nếu em có nửa tiếng đồng hồ và một cái bảng đen, em sẽ vẽ cho anh xem

một họa đồ điện. Nhưng dù vậy nhất định anh cũng không hiểu ắt giáp gì. Stuart, anh nên tin lời em. Em đã nhớ lại một điều Kalwitz đã kể cho em nghe về cái tủ điện. Em có thể thay đổi một chút trong hệ thống làm cho hỏa tiễn tự động phóng lên không cần bấm nút điều khiển. Đây là một dịp may hiếm có. Kìa, Stuart! Con đường rẽ vào căn cứ sắp sửa tới rồi.

Ted nói với một vẻ khẩn trương dữ dội, dường như rút vào tai tôi. Bàn chân của tôi tự nhiên nhấc lên khỏi cần ga. Chiếc Land Rover khựng ngay lại.

- Chú sẽ ở đây bao lâu?

- Không lâu lắm. Có lẽ độ nửa giờ. Em sẽ không để cho ai trông thấy dấu đầu. Phải làm sao cho trong tủ điện không có vẻ gì khác lạ.

- Theo ý tôi thì khỏi cần làm gì nữa. Chú đã phá hỏng máy vô hiệu hóa. Bây giờ người của mình có thể tấn công đảo này.

- Và rất có thể làm cho các hỏa tiễn tự động phóng lên? Vả lại, trong lúc mình trở về Murra, bọn chúng có thể đặt những máy vô hiệu hóa khác.

Thôi... anh hãy dừng xe lại, hay là để cho em nhảy?

Tôi liền dừng chiếc Land Rover ở lối rẽ vào căn cứ hỏa tiễn. Tôi có thể trông thấy ánh đèn tỏa lên từ căn cứ chỉ cách xe chưa đầy một cây số.

Ted đặt bàn tay lên vai tôi và nói:

- Anh Stuart. Chắc anh hiểu em phải làm một cái gì chứ? Gần như tất cả thảm họa này là lỗi lầm của em. Em sẽ ra bãi biển đúng giờ hẹn. Trong căn cứ có một chiếc xe jeep. Và em vẫn còn chưa quên những phương pháp quân đội đã dạy em để tránh bọn lính tuần.

- Đó là trong bóng tối. Còn nơi này thì sáng rực ánh đèn.

- Anh đừng lo ngại, em sẽ thành công mà. Em sẽ tìm cách làm chuyển hướng bọn lính gác.

- Chúc chú may mắn. Và làm cho thật nhanh.

Monique quay đầu lại và hôn lên má Ted. Ted mỉm cười với nàng.

- Monique, hãy thận trọng.

Tôi hỏi:

- Chú còn nhớ dấu hiệu chứ? Phòng lúc chú đến trễ.

- OUI. O, U và I. Tè tè tè – tích tích tè – tích tích.

Ted siết vai tôi và vai Monique rồi biến vào đêm tối, sau khi đóng mạnh cửa xe lại. Tôi ngồi nhìn theo Ted một hồi lâu, cố nghĩ xem có điều gì không được ổn, như một viên đại úy không thể tổng hợp các lý do chứng tỏ rằng hay nhất là đừng đi hành quân. Đa số vì sợ bị nghĩ là hoảng sợ.

Monique chợt đặt bàn tay của nàng lên cánh tay của tôi. Nàng vừa nhìn trở lại con đường phía sau vừa nói:

- Stuart, có ánh đèn pha từ lâu đài chạy xuống về ngã này.

Tôi liền nhìn lui và trông thấy ánh đèn đang đảo qua đảo lại phía trên cao.

Hai ánh đèn sát nhau, như hai ngọn đèn pha của một chiếc xe Jeep. Tôi gài

số chiếc Land Rover và tiếp tục chạy, hy vọng ánh đèn kia không có nghĩa là Anson đã được phát giác. Nhưng điều đó cũng có thể lắm. Trước mặt lâu đài chắc phải có người canh gác. Đáng lẽ chúng tôi phải xô Anson xuống biển. Tôi phóng hết tốc lực về phía Bragawick.

Trong lúc chúng tôi chạy xe vào khu vực phía trên của làng Bragawick, ánh đèn pha đã di động qua khỏi con đường dẫn vào căn cứ hỏa tiễn và bắt đầu rơi vào ngay sau lưng chúng tôi.

Monique hỏi bằng một giọng đầy lo lắng:

- Chắc bọn chúng đã phát giác?

- Anh hy vọng không phải vậy. Nhưng dù sao chiếc xe đó cũng sắp sửa theo kịp mình. Theo ý anh, mình nên quẹo vào một nơi nào đó để ẩn núp. Vả lại, mình cũng không cần ra bãi biển quá sớm.

Nhưng tôi nói đã quá trễ. Chiếc xe Jeep bắt kịp chúng tôi trong lúc chúng tôi sửa soạn quẹo phải để chạy vào một con đường hẹp ở đầu làng. Nó qua mặt chúng tôi và chặn đầu chiếc Land Rover, ngừng ở ngay giữa đường, hai bánh sau tung lên hai luồng sỏi.

Tôi bảo Monique:

- Em hãy cúi sát xuống sàn xe.

Tôi bước xuống khỏi ghế tài xế và đứng bên cạnh xe, khẩu 38(2) nằm sẵn trong bàn tay phía sau chân phải của tôi. Tôi không muốn hấn quá gần bên tàu như thế này.

Một bóng đen nhảy ra khỏi chiếc xe Jeep và đi trở về phía tôi. Đó là một gã tôi chưa hề gặp. Y mang một khẩu súng lục ở bên hông bộ đồng phục màu xám. Tôi có thể trông thấy phù hiệu "O" của tổ chức ở bên trái ngực của y. Quả thật là một điểm nhắm quá tốt, tôi thầm nghĩ.

Y lên tiếng hỏi lúc bước ra khỏi ánh đèn pha:

- Xe ai đó?

Tôi đáp ngay:

- Xe của đại úy Anson.

Y tiến đến gần và nhìn vào mặt tôi:

- Ông là ai?

- Một người bạn của đại úy Anson.

- Ông là gì một mình ở đây?

- Đem xe xuống bến tàu cho đại úy Anson.

Y liếc nhìn tôi một cách nghi ngờ, mắt y lúc này đã quen dần với bóng tối.

- Đại úy Anson hiện ở dưới bến tàu hay sao?

- Phải.

- Tôi không biết mặt ông. Ông hãy lên xe và đi theo tôi xuống bến tàu. Tôi đang đi tìm đại úy Anson. Cửa phòng của ông ấy ở lâu đài đã khóa chặt và trên đó không có một ai khác. Ông theo tôi mau lên.

Y đã làm to khi tưởng rằng tôi sẽ vâng lệnh. Lúc y vừa quay gót tôi liền đưa nòng súng đang nắm trong tay lên và đánh mạnh báng xuống đầu. Y té quỵ xuống như một con bò trong lò sát sinh.

Tôi thò đầu vào trong chiếc Land Rover và lên tiếng gọi Monique. Nàng liền trèo lên ghế ngồi như cũ và khẽ hỏi:

- Xong rồi?

- Không hoàn toàn xong. Anh đang bị kẹt. Em có thể lái chiếc xe này?

- Có lẽ được.

- Anh phải trở anh bạn này trên chiếc xe Jeep vào đây.

Tôi phải vất vả một hồi mới đưa được cái xác vô tri giác vào phía sau của chiếc xe Jeep và lấy tấm vải dầu đậy kín y lại. Rồi tôi leo lên chiếc xe Jeep. Chúng tôi cùng lái xe chạy vào một vùng vắng vẻ của Bragawick về phía tây bắc, cách xa con đường cái băng qua làng. Những con đường ở nơi này đầy những ổ gà qua nhiều mùa đông không được tu bổ. Chiếc xe Jeep nhảy lên nhảy xuống không ngừng, vì không sao tránh hết những ổ gà, nhưng Monique vẫn lái chiếc Land Rover chạy theo bén gót. Công việc này rất khó vì tôi đã tắt đèn pha, chỉ bật đèn lái, và Monique phải nhắm chừng về phía tôi mà chạy tới. Tôi không sao trông thấy rõ những ổ gà hoặc những vũng nước mưa mãi cho đến khi bánh xe lăn lên. Nàng chạy theo sau tôi, lại càng khó trông thấy hơn nữa.

Mấy phút sau chúng tôi ra khỏi làng và chạy vào một con đường tương đối khá hơn, về phía tây bắc, gần như chạy thẳng trở về phía căn cứ hỏa tiễn. Đây không phải là con đường tôi muốn đi. Nhưng tôi đang tìm một chỗ ẩn nấp tạm thời và đang chống cự một cách dữ dội với cái linh cảm nên đi ra bãi biển ngay dù quá sớm. Chúng tôi còn hơn một tiếng đồng hồ nữa mới tới giờ hẹn. Tôi đành phải liều lĩnh hy vọng rằng cuộc săn đuổi sẽ không mở màn trước mười hai giờ khuya.

Cách xa gần một cây số, tôi bỗng trông thấy một khối đen ở bên trái con đường. Tôi vội vàng giảm tốc độ và chăm chú nhìn vào khối đen. Trông nó như một trang trại với một căn nhà phụ khá lớn ở phía sau, có lẽ là một kho chứa đồ. Trong lúc tôi nhìn, chúng tôi cùng tới một lối đi dơ bẩn dẫn về phía những khối đen. Tôi liền quẹo vào đó. Nơi đây tệ hơn con đường chúng tôi vừa tách khỏi. Nhưng tôi thấy an toàn hơn. Các rãnh nước mưa và các tảng đá cho tôi biết chắc ngôi nhà đang bị bỏ hoang.

Tôi lái xe qua khỏi ngôi nhà chạy ra tới kho chứa ở phía sau. Monique theo sát tôi và nhảy ra khỏi chiếc Land Rover. Nàng chạy lại gần tôi.

Tôi bảo:

- Em hãy đợi ở đây một chút.

Nói đoạn tôi bước tới cửa kho. Cửa đóng bí kín lối vào, nhưng không có khóa. Tôi vừa xô cánh cửa để mở ra thì bản lề đã bị rỉ gãy lìa và cả cánh cửa

ngã xuống trên mặt đất làm cho bụi tung lên như một đám sa mù.

Tôi lái chiếc xe Jeep qua khung cửa đen ngòm của kho chứa, chạy vào trong thật xa để đủ cho chiếc Land Rover nổi đuôi. Monique lái vào theo. Trước khi trở ra với nàng, tôi lúi cúi nhìn ông đang bất tỉnh ra khỏi ghế sau của chiếc Jeep và cuộn y lại trong tấm vải dầu có đủ cả bút và dây nịt. Tôi cuộn y lại thật chặt và thắt dây nịt quanh mình y ở tay và chân. Điều cuối cùng tôi phải làm là sờ tay tìm đúng đầu của y và tặng thêm một phát báng súng cho chắc ăn.

Monique đang chờ tôi bên cạnh chiếc Land Rover. Nàng phóng mình vào trong vòng tay của tôi. Chúng tôi đứng ôm nhau như thế suốt mấy phút, không nói gì. Toàn thân nàng run rẩy.

Tôi nói vào tóc nàng:

- Xong cả rồi. Mình đã hành sự đúng mức.
- Theo sát chương trình.

Giọng nàng vẫn còn run, nhưng nàng đã cất được tiếng cười.

Tôi trấn an nàng:

- Việc xảy ra đến đâu, anh sẽ giải quyết đến đâu, em cứ tin anh đi. Nếu muốn, em chỉ cần cầu nguyện thêm cho mình. Bây giờ mình hãy đi tìm cây đèn bấm.

Tim tôi như trực nhảy ra khỏi cổ họng trong lúc tôi mò mẫm trong hộc đựng găng tay của chiếc Land Rover. Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi cảm thấy khoan khoái bằng khi tôi sờ được cái vật tròn dài và trơn láng đó. Cây đèn bấm khá nặng nhưng có móc để có thể đeo vào thắt lưng. Tôi úp bàn tay lên mặt kiếng và thử bấm nút. Đèn cháy. Những đốt xương bàn tay của tôi hiện ra lờ mờ đen bên cạnh màu hồng của thịt.

Mùi súc vật trong kho chứa chỉ còn thoang thoảng, gần như đã mất hẳn. Nền kho đầy đá sỏi và bụi bặm. Chúng tôi bước ra ngoài và đứng nhìn về phía đông nam. Mưa đã tạnh nhưng tôi không đạt được ước vọng về sa mù. Nó đã tan biến. Bầu trời đã trở nên quang đãng và đầy sao sáng. Tôi lại còn có thể trông thấy ánh sáng lờ mờ của bến tàu Bragawick, nơi chiếc tàu hàng vẫn đang tiếp tục xuống hàng trong đêm.

Về phía tây bắc, không cách xa quá bốn trăm thước tôi có thể trông thấy ánh đèn của căn cứ hỏa tiễn. Trong lúc chúng tôi đang nhìn, chúng tôi bỗng nghe một tiếng súng nổ. Monique bước tới sát bên tôi và tôi choàng một cánh tay quanh vai nàng. Không có một tiếng gì khác lạ tiếp theo tiếng súng, ngoại trừ âm vang của tiếng nổ.

Tôi khẽ môi sát tai Monique:

- Em có ngán không, nếu anh bỏ em đứng đây một mình trong vài phút?

Nàng đáp:

- Em đâu có ở đây một mình. Còn có gã nằm trong tấm vải dầu.

- Em hãy chờ anh trong kho chứa và giữ cây đèn bấm. Đây là khẩu súng lục. Em đừng nên ngại dùng nếu có ai tới. Anh sẽ huýt gió làm hiệu khi anh trở lại. Em có biết bài “Auprès de ma blonde ”?(3)

Nàng vờ làm mặt giận.

- Anh muốn chọc quê em phải không?

- Anh sẽ trở lại trong vòng nửa giờ.

Nàng hôn nhanh tôi và băng ngang cánh đồng giốc lên hiện giờ chỉ có một lớp cỏ thấp thỉnh thoảng mới mọc một bụi kim tước. Công việc leo giốc quả thật khó khăn. Khắp cánh đồng rải rác những tảng đá chênh vênh. Tôi không dám di chuyển nhanh vì sợ té xuống những hố khô và gãy chân.

Cuối cùng tôi đến hàng rào bao quanh căn cứ hỏa tiễn trước khi biết mình tới nơi. Giữ cách xa hàng rào lối vài thước, tôi khởi sự đi vòng về phía trái.

Mới đi được hơn mười bước tôi bỗng vấp phải một vật mềm. Đó là một xác người với một khẩu tiểu liên nằm bên cạnh. Tôi xoay ngửa cái xác trong lúc tìm đập thành thịch.

Không phải Ted. Đó là một tên lính gác mặc đồng phục xám, bị bắn ngay khoảng giữa hai mắt. Tôi nghĩ chắc đây là phát súng duy nhất mà tôi vừa nghe ban nãy. Ted vẫn có biệt tài bắn súng rất chính xác, thường chỉ cần một viên là đã trúng đích. Tôi liền nhặt khẩu súng lên và đeo trên vai. Trong băng đầy những đạn.

Tôi thận trọng di chuyển sát góc ngôi nhà được dùng làm đài kiểm soát, đầu tiên nằm sát trên mặt đất để dò xét động tĩnh. Tôi có thể trông thấy chiếc xe Jeep đậu ở trước cửa nhưng không có tên lính tuần. Tôi chỉ bắt gặp y sau khi đã bò qua khỏi góc tường y nằm chết. Nhìn cái đầu y bị vẹo sang một bên, tôi đoán y đã bị gãy cổ do một người tấn công từ phía sau lưng.

Tôi đứng dậy và nhìn qua khung cửa mở. Ted đang lom khom trước một tủ điện. Tôi huýt gió đoạn đầu của bài “Scotland the Brave”(4). Ted quay nhanh người lại và chụp lấy khẩu tiểu liên nằm bên cạnh. Trông thấy tôi Ted nhe răng cười và hỏi:

- Anh làm quái gì ở đây?

Tôi bảo:

- Kiểm soát công việc của chú. Tới đâu rồi?

- Còn mười dàn nữa. Em đã phá được hai dàn ở phía này. Bây giờ thì các đầu đạn không thể nổ được. Nhưng em đã phải bỏ lại một vài phần vì không làm kịp. Anh nên trốn khỏi đây mau lên.

- Tôi ở lại để phụ giúp chú.

- Cho em can đi. Không khéo anh lại làm cho hỏa tiễn tự động phóng lên.

Monique đâu rồi?

Tôi liền kể cho Ted nghe. Ted lại nói:

- Em rất mừng vì được gặp anh. Em vừa tìm được cái này hay lắm.

Ted đi qua một phòng giấy và trở lại với hai cái hộp da nhỏ có quai để mang lên vai. Mỗi hộp chỉ nhỏ như một gói thuốc lá. Ted kéo một cây an ten ra khỏi mỗi hộp và bảo:

- Đây là một loại máy truyền tin nhỏ nhất mà em chưa từng thấy. Lẽ tất nhiên chế tạo tại Nhật Bản. Có cả thủy năm băng tần. Anh hãy lấy theo một máy và mình sẽ liên lạc với nhau trong lúc em cố gắng hoàn tất công việc ở đây.

Ted vặn cho hai máy có băng tần giống nhau, rồi bấm nút vi âm của một máy và thổi vào đó. Tôi có thể nghe rõ hơi thở của Ted trên máy kia.

Ted nói tiếp:

- Máy có thể xử dụng cách xa nhau mười dặm(5) theo đường chim bay. Cứ một lát em lại thử với anh.

- Chú cố làm cho thật nhanh. Đồng hồ chú chỉ mấy giờ rồi.

- Mười một giờ năm.

Đồng hồ tôi cũng vậy.

Ted đã quay trở về tủ điện thứ ba lúc tôi vừa bước ra tới ngưỡng cửa.

Tôi trở về phía nam, băng qua cánh đồng cỏ, bị trầy một đầu gối vì đụng phải một tảng đá lớn nằm dưới một cái hố mà tôi đã té xuống.

Chú thích:

1/ Đường kính đầu đạn thường được tính bằng đơn vị Anh: đạn 50 tức là 0.50 inch tức 12,7 ly (c.t.c.d.g.)

2/ 38 tức 0,38 inch: loại súng có khẩu kính (đường kính của nòng súng) 9,65 ly.

3/ Tiếng Pháp, có nghĩa “Bên cạnh cô gái tóc vàng của tôi”.

4/ Tiếng Anh, có nghĩa “Tô-cách-lan anh dừng”.

5/ 10 dặm = 16 cây số.

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương 11

Tôi gần như quên huyết gió lúc về tới nhà kho. Tiếng lên đạn trên khẩu súng của Monique làm tôi giật mình dừng bước ở ngay ngoài cửa. Tuy miệng không ran, tôi vẫn phải cố gắng huyết gió một vài âm điệu của bài “Auprès de ma blonde”. Chòm ánh sáng của ngọn đèn pin chiếu thẳng vào mặt tôi chưa đầy một giây đồng hồ rồi tắt ngay trong lúc Monique chạy đến gần tôi. Khẩu súng lúc nặng nề trong túi áo choàng của nàng chạm vào mình tôi khi nàng vòng hai cánh tay quanh cổ tôi.

Nàng vừa thở vừa bảo:

- Suýt nữa anh bị em bắn rồi. Stuart, theo ý em mình nên đi ngay. Ngoài phi trường có nhiều chuyện náo động.

Tôi nhìn theo lời nàng chỉ. Con đường gần nhất thuộc khu vực phi trường chỉ cách chúng tôi độ một cây số rưỡi về phía dưới. Tôi có thể trông thấy một vài luồng ánh sáng thật mạnh bùng lên ở bên này con đường. Nhiều ánh đèn pha di động dọc theo hai bên mép đường. Tôi có thể trông rõ không có một dấu hiệu nào chứng tỏ có một chiếc máy bay chuẩn bị cất cánh. Rồi tôi bỗng có ý nghĩ những ngọn đèn pha đang ngừng rải rác bên cạnh phi đạo chính là những chiếc xe vận tải đang đưa bọn lính gác đến máy bay.

Tôi đoán biết ngay sự thể. Hoặc bọn chúng đã biết chúng tôi không còn ở trong lâu đài, hoặc chúng đã phát giác Anson cùng tên lính bị thương.

Trường hợp nào cũng nguy ngập. Chúng tôi đã khiến cho chúng mau đoán biết vì giết mất tên gác ngoài lan can.

Monique ngồi sát vào mình tôi trong lúc chúng tôi từ từ lái xe trên con đường gồ ghề vào làng Bragawick. Trước khi vào đến trung tâm tôi biết đành phải mạo hiểm bật đèn pha. Ngay lúc vừa bật đèn lên tôi chợt để ý thấy một con đường rẽ về phía tay phải. Tôi liền quẹo vào đó, lòng tràn trề hy vọng nó sẽ nối tiếp con đường chạy ra bờ biển khỏi phải băng ngang Bragawick và gần bến tàu. Nhìn về phía trước, tôi có thể trông thấy con đường này chạy sát mé đông của phi trường. Nhưng ở đây không thấy bóng dáng một chiếc phi cơ nào và cũng không có lính gác.

Trong lúc im lặng lái xe, tôi cố gắng nghĩ ra một cách gây xáo trộn để khiến cho bọn chúng hướng mọi chú ý cách xa căn cứ hỏa tiễn. Tôi cũng muốn cho chúng không lưu tâm khu vực bãi biển. Tính toán thời gian là vấn đề sinh tử. Lẽ tất nhiên tôi không đại gì công khai gây rối trừ phi biết chắc rằng cuộc tẩu thoát của chúng tôi đã bị phát giác.

Đoạn đường chạy dọc theo bãi biển không dài lắm. Nó vòng quanh vịnh Gentry rồi chạy xuống bãi biển tôi cần đến. Với mười một cây số từ phía trên Bragawick tới mé bắc của bãi biển ở eo biển Lunna chỉ cần thời gian hơn mười lăm phút là cùng. Còn bốn mươi phút nữa mới đến giờ hẹn của tiềm thủy đình trừ phi tàu tới sớm. Tôi biết không thể hy vọng được chuyện đó. Trong lúc con đường chạy vòng quanh trở về phía tây nam qua khỏi điểm đối diện với đảo Lunna, có một con đường rẽ khá thẳng quẹo về ngả tay phải. Đó là đường chạy trở về phi trường và trại lính. Monique đập nhẹ vào cánh tay tôi và chỉ về phía bên mặt khi chúng tôi qua ngã ba.

- Có ánh đèn pha chạy tới phía này.

Tôi liếc nhanh rồi nhìn trở lại con đường mình đang chạy. Bốn cặp đèn pha đang quẹo ra khỏi khu vực trại lính. Tất cả đều lớn hơn loại đèn của chiếc Land Rover. Tôi đoán có lẽ đó là bốn chiếc xe vận tải chở đầy những binh

lính. Bây giờ thì tôi tin chắc rằng bọn chúng đã biết chúng tôi bị mất tích và đã đoán đúng ánh đèn xe của chúng tôi. Cuộc truy nã chúng tôi đang khởi sự. Bây giờ đã tới lúc cần gây rối. Tôi biết rất có thể bọn chúng sẽ tìm được nơi chúng tôi lẩn trốn, nhưng dù sao cũng phải hành động. Điều cốt yếu là lời sự chú ý của chúng ra xa chúng tôi càng nhiều càng tốt.

Tôi lạng xe vào lề đường và quay sang Monique.

- Anh sẽ cố gắng làm cho bọn chúng tưởng rằng mình đã quay trở lại Bragawick và bên tàu. Anh muốn em hãy rời khỏi xe và tìm chỗ núp trong một khe đá ngoài bãi biển. Đi với anh, để anh chỉ cho.

Tôi chạy với nàng lên đỉnh một bờ đá lờm chờm cách đường chừng hai chục thước. Tôi tìm được một khe hở chạy dài từ trên đỉnh xuống tới bãi cát ở phía dưới.

Tôi bảo nàng:

- Em hãy theo sát anh và níu chặt vào vai anh.

Chúng tôi tuột dần theo khe cát mịn xuống bãi biển. Tới đáy khe, tôi quẹo phải và kéo Monique tới dưới một tàng cây kim tước mọc từ trong bờ đá chìa cành ra trên mặt cát.

Tôi dặn:

- Em hãy ở đây chờ anh một lát. Anh sẽ trở lại ngay.

Nàng xoay mặt lên và tôi hôn nàng. Nàng dặn lại tôi:

- Mau lên nghe anh.

Tôi để lại cho nàng một khẩu tiểu liên và trèo trở lên đỉnh bờ đá, rồi chạy lại chiếc Land Rover. Tôi quẹo nó trở ngược lại, với đèn pha bật sáng, hy vọng bọn chúng sẽ trông thấy tôi trở xe lui. Đoạn tôi nhấn lút ga. Bốn bánh xe cắm chặt vào mặt đường đá trong lúc chiếc Land Rover chồm tới trước, mỗi lúc một thêm nhanh. Vừa lái xe bằng một tay, tôi vừa lấy máy truyền tin và bấm nút vi âm, nói vào máy:

- A lô, Ted?

Tiếng nói của Ted vang lại sau một lát im lìm:

- Ted đây, Stuart.

- Tôi đang định gạt chúng một vố. Ở đó có gì rắc rối không?

- Xe cô đang chạy rộn rịp trên con đường rời khỏi lâu đài về phía nam. Chắc bọn chúng đã tìm thấy Anson.

Tôi đáp:

- Không còn nghi ngờ gì nữa. Nhiều toán lính đang đi lùng bắt bọn mình.

Giọng nói của Ted có vẻ vui thú:

- Ở đây vẫn chưa có gì lộn xộn. Theo em phỏng đoán, có lẽ chúng sẽ đổi phiên gác vào lúc 12 giờ khuya – hoặc trước đó một chút – vì Anson vốn xuất thân từ hải quân. Từ đây đến đó chắc sẽ không có ai vào nơi này làm gì.

- Chú đừng quá tin tưởng như vậy. Hãy cố xuống đây trước mười hai giờ

khuya.

Tôi lái chiếc xe chạy lên, qua khỏi con đường rẽ vào phi trường gần hai cây số. Tới đây, tôi nhảy xuống và tìm một hòn đá nặng bên lề. Hòn đá vừa đủ nặng để đè sát chân ga xuống sàn xe. Tôi kê nó vào đúng vị trí. Máy xe gầm lên, làm rung động toàn thể chiếc xe.

Giữ cho cửa xe phía tài xế mở, tôi gài số thật nhanh tới số lớn nhất khi chiếc Land Rover vừa bắt đầu có trớn. Chiếc xe hơi loạng choạng vì tôi sang số quá nhanh. Cuối cùng tôi vừa lăn mình ra ngoài cửa, vừa bẻ quặt tay lái về phía tay phải.

Vai bên mặt của tôi chạm vào cỏ gai bên lề đường, trong lúc tôi cố bình tĩnh để lăn tròn cho khỏi bị thương, với khẩu tiêu liên kẹp chặt sát ngực bằng cả hai cánh tay, như một thủ môn ôm quả bóng sau khi vừa chụp được và đang té nhào trên mặt đất.

Khi tôi ngừng lăn, đầu óc tôi đã choáng váng. Tôi quỳ gối lên, vừa kịp trông thấy chiếc Land Rover nghiêng về một bên trong lúc leo lề và tiếp tục phóng lên mặt dốc về phía bờ đá. Lúc lên tới đỉnh dốc, tốc độ của xe vẫn còn không dưới một trăm cây số giờ. Theo đúng đặc tính đặc biệt của nó, chiếc Land Rover quả thật là loại xe leo dốc nhanh không kém lúc chạy trên đường bằng.

Chiếc xe vượt luôn mép bờ đá khá cao và phóng ra ngoài khoảng không phía trên bãi cát chừng hai thước. Cây cản trước cắm xuống cát, rồi chiếc xe lật nằm ngửa, trong lúc bốn bánh xe vẫn quay tròn trong không khí như mấy cái chân của một con bọ hung bị lật ngửa, ở cách tôi độ ba chục thước.

Tôi tuột xuống bờ đá và chạy về phía chiếc xe, tay mò tìm hộp quẹt. Tôi nhất quyết làm cho nó phải cháy. Nhưng tôi khỏi cần nhọc công. Tôi vừa chạy được năm sáu bước thì một tiếng nổ hất ngược vào mặt tôi, làm tôi phải thối lui. Tôi ngã xuống bãi cát mịn và quỳ gối một hồi, nhìn chiếc xe bốc cháy, những ngọn lửa như những chiếc lưỡi đỏ tươi liếm lên nền trời đêm. Khói đen cuộn cuộn tuôn vào bầu không khí cuồn cuộn. Trong lúc đó, từng làn sóng biển vẫn khoan thai lăn lên để rửa sạch bãi cát cách chỗ xe cháy khoảng mười thước. Tôi không lo sợ bọn chúng sẽ chạy tới kịp.

Trong khi đang chạy trở về nơi Monique ẩn núp dọc theo bãi biển cách gần hai cây số, tôi bỗng nghe tiếng nói của Ted vang lên từ chiếc máy truyền tin nhỏ:

- Stuart! Lửa cháy ở đâu vậy?

Tôi vừa thở hổn hển vì phải chạy trên mặt cát lún, vừa đáp:

- Kế dự định của tôi. Chiếc Land Rover vừa chạy ra khỏi bờ đá lật ngược trên bãi biển và đang cháy. Chú hãy mau chạy ra khỏi chỗ đó!

Rồi tôi phải liều mạng quẹo lên nơi cát cứng hơn để có thể chạy nhanh. Tôi biết như thế tôi sẽ bị kẻ nào đang đi trên đường trông thấy. Nhưng tôi cần

mạo hiểm mới hy vọng không bị toán xe truy nã chạy tới bắt gặp. Chạy trên cát, dù cát không lún, là một việc rất khó. Tôi tưởng chừng trái tim của tôi có thể sẽ nổ tung ra trước khi tôi trở về được nơi tôi để Monique ngồi chờ dưới bóng cây kim tước. Quả nhiên có chuyện trở ngại xảy ra đúng như tôi lo sợ. Tôi vừa chạy ra khỏi ngã ba chừng một trăm thước thì tôi nghe tiếng bốn chiếc xe vận tải rú ga phóng về phía con đường ven biển. Tôi liền bò lên bờ đá và nép mình vào đó một lát mới thấy ánh đèn tiến tới gần ngã ba.

Đoàn xe bớt tốc độ để chuẩn bị quẹo mặt. Chiếc dẫn đầu có vẻ ngần ngại trong giây lát. Tôi thở ra một hơi nhẹ nhõm khi đoàn xe quẹo trái về phía chiếc Land Rover đang cháy và lại gia tăng tốc độ.

Tôi nghe thùng xăng của chiếc Land Rover nổ vang đúng lúc ấy. Lửa bay tung tóe lên cao và lại cháy dữ dội. Tôi đeo vào bờ đá, thở một hồi, thầm cảm tạ Đức Chúa. Nhưng tôi không thể phí phạm nhiều thời giờ vào việc này. Tôi đã mất một chút thời giờ để đánh lạc hướng, nhưng tôi cũng đã kéo cuộc tìm kiếm của bọn chúng tới một nơi chỉ cách điểm hẹn của chúng tôi chưa đầy hai cây số. Nếu trên tàu của chúng có kẻ nào trông thấy dấu hiệu thì không khác gì tôi đã chỉ chỗ cho chúng. Nếu tôi đoán không sai thì chúng phải chờ cho ngọn lửa bớt cháy mạnh một chút mới có thể biết rõ chúng tôi không bị cháy theo xe. Nhưng tôi phải sử dụng thời giờ thật khôn khéo, nếu không sẽ không còn thời giờ để tẩu thoát.

Tôi tụt xuống bờ đá và lại chạy. Nhờ được nghỉ ngơi một lúc, tôi đã bớt mệt. Tôi lo chạy và giữ cho hơi thở được đều đặn đến nỗi suýt qua khỏi nơi Monique đang chờ tôi.

Nàng cất tiếng gọi:

- Stuart!

Tôi dừng chân, chạy trở lại, bò vào bên cạnh nàng, thở không ra hơi. Nàng thì thầm tiếp:

- Em tưởng anh đã bỏ chạy khi em trông thấy lửa cháy.

Tôi trả lời:

- Chỉ có chiếc Land Rover cháy. Mình cũng không lợi thời gian được bao nhiêu. Rất có thể chúng sẽ bị kẹt ở đó. Cho tới khi lửa tắt. Và chúng sẽ thấy không có mình trong xe. Anh hy vọng chúng sẽ tưởng mình chạy về ngã Bragawick. Nhưng anh không dám cá ăn chắc như thế.

Nàng mò vào cổ tay tôi:

- Bây giờ rồi?

Tôi liếc mạng che tay chớp ánh đèn pin lên mặt đồng hồ.

- Mười một giờ bốn mươi lăm. Còn mười lăm phút nữa, nếu mình may mắn. Nhưng không có Ted.

Tôi bấm nút máy truyền tin.

- Ted! Chú còn làm gì nữa? Chỉ còn mười lăm phút!
- Alô, Stuart. Vẫn chưa xong. Có lẽ phải mất mười hoặc mười lăm phút nữa. Cái gì mà gấp rút vậy? Chưa tới mười hai giờ khuya mà.
- Chắc chú sẽ không tới đây kịp. Và tôi không thể giữ tiềm thủy đỉnh để chờ chú, trong lúc trong vịnh đầy những ngư lôi định. Bọn lính gác sắp đổi phiên rồi đó. Chú hãy mau lên!

Ted vẫn bình tĩnh bảo:

- Anh đừng nóng. Em gần xong rồi đây. Hiện giờ em không thể bỏ đi được. Em đã gỡ cho tề liệt tất cả ngoại trừ Plymouth và Luân Đôn.
- Chúa ơi! Mỗi hỏa tiễn đều có đánh dấu sẵn hay sao?
- Anh đoán đúng.
- Thế thì chú cố cho nhanh lên!

Tôi xoay cái hộp ra sau lưng và quay sang Monique.

- Mình nên đi ngược lên phía trên một chút. Em có thể bước nhanh được không?

Giọng nàng rất vững.

- Em khỏe lắm rồi.

Chúng tôi cố hết sức bước thật nhanh, nhưng chẳng nhanh được bao nhiêu. Tôi lại phải liều mạng xuống gần mé nước là nơi cát cứng hơn. Đêm khá tối. Chỉ có các vì sao rơi xuống một chút ánh sáng. Nhưng lúc này cần nhanh chân hơn là bí mật. Tôi có thể trông thấy ánh lửa của chiếc Land Rover sau lưng chúng tôi, bây giờ đã yếu hơn nhưng vẫn còn cháy. Tôi hy vọng bọn chúng vẫn còn chờ cho tới khi lửa tắt.

Căn cứ theo ký ức về bức họa đồ, chúng tôi chỉ còn cách đếm hện gần một cây số. Chúng tôi đang chạy qua một khoảng bãi biển có nhiều tảng đá trôi lên khỏi mặt cát từ trên xa cho tới bờ nước. Thỉnh thoảng chúng tôi lại vấp chân trong bóng tối. Lần thứ ba tôi nâng Monique dậy sau khi nàng vấp té, tôi chợt nhận thấy nàng đã gần như kiệt quệ. Lúc bước qua khỏi tảng đá, tôi dẫn nàng lên bờ, cùng ngồi dưới một gốc kim tước.

Chúng tôi chưa kịp lấy lại hơi thở thì tôi bỗng nghe tiếng động cơ xe vận tải rú lên trên đường về phía tay trái. Tôi lại trèo lên đỉnh bờ đá, nhìn qua đám cỏ cao mọc trên đỉnh. Có hai chiếc xe vận tải. Chúng đang chạy thật nhanh về phía tây trên con đường dọc theo bờ biển. Nơi tôi đang rình là nơi xa đường hơn hết, nhưng tôi vẫn có thể trông thấy trên mỗi chiếc xe có hơn mười tên lính vũ trang trong lúc xe chạy qua.

Hai chiếc xe vận tải đang chạy về phía tây. Có lẽ tôi đang được quan sát một cuộc hành quân gọng kìm gồm hai chiếc xe chở đầy người tiến về hướng tây và hai chiếc tiến về hướng đông. Nhìn về phía chiếc Land Rover đã cháy rụi, tôi có thể trông thấy hai cặp đèn pha di động về ngả Bragawick, có lẽ để đổ quân xuống tìm kiếm ở mút bãi biển đằng kia. Bọn chúng đã thấy rõ chúng

tôi không bị chết cháy trong ngọn lửa.

Tôi còn nhớ bãi biển từ đảo Lunna đến vịnh Lunna dài độ chừng năm cây số. Nếu bọn chúng ngừng lại để lục soát mỗi một bụi cây dọc theo phía dưới bờ đá, công việc đó sẽ mất khá nhiều thời giờ. Nhưng với một số người quá nhiều và đầy đủ đèn bấm như thế, có lẽ chúng sẽ lục soát rất nhanh và có thể tới nơi chúng tôi vào khoảng mười hai giờ khuya.

Mãi tới lúc này, nhìn kỹ vị trí tương đối của con đường, tôi mới nhận thấy chúng tôi hiện đang ở sát điểm hẹn mà Andrews đã chỉ định. Cuộc đào tẩu đã qua. Bây giờ chỉ còn chờ đợi.

Tôi tuột trở xuống và tìm gặp lại Monique. Tôi hỏi:

- Em không hề gì chứ?
- Không sao. Nhưng mệt quá. Mình có phải đi xa hơn nữa?
- Mình tới nơi rồi. Bây giờ mình chỉ việc ngồi đợi Andrews.
- Và Ted.

Tôi bảo:

- Phải.

Nhưng trong bụng tôi có một cảm giác đau đớn. Cuộc tìm kiếm đang diễn ra trên bãi biển. Tôi có thể trông thấy ánh đèn ở cả hai phía, không phải đèn xe mà là đèn pin đang chiếu loang loáng giữa những lùm cây, trong lúc cả hai toán người truy nã bắt đầu tiến gần chúng tôi từ hai phía bãi biển. Ánh đèn lay động không ngừng. Bọn chúng di động nhanh hơn tôi tưởng.

Chúng tôi ngồi im lìm. Tôi biết nàng đang mệt. Tôi biết tôi cũng mệt. Tôi choàng hai cánh tay tôi quanh mình nàng và nàng giữ bàn tay của tôi sát vào gò ngực êm dịu của nàng. Tôi kê má trên đỉnh đầu nàng.

- Stuart.
- Em nói gì?
- Tình thế ra sao?
- Không đến nỗi tệ nếu Andrews đem được tiềm thủy đình đến đây.
- Còn nếu ông ta không đến được?

Tôi khích lệ:

- Em đừng nói vậy. Ông ta sẽ đến.

Nàng hình như không nghe tôi nói và tiếp tục theo ý nàng:

- Nếu ông ta không đến, em ước mong anh hiểu rằng em yêu anh. Em chưa bao giờ nói điều đó với anh.
- Lẽ dĩ nhiên anh đã hiểu. Khỏi cần phải em nói ra bằng lời. Tất cả những lời nói đã bị méo mó và rách nát vì đã qua quá nhiều cửa miệng của những người thốt lên một cách quá dễ dàng mà lại không hiểu được ý nghĩa. Nàng không nói gì trong một hồi lâu. Tôi cố giữ cho tâm trí thật trống rỗng. Những hình ảnh đang muốn nhảy chồm vào đầu óc tôi để bắt tôi quan sát thật sự chẳng thú vị chút nào. Tôi nhất định quay mặt khỏi ánh sáng trong

ngọn đèn chiếu, nhưng có một cái gì mạnh hơn cả ý chí của tôi bắt tôi phải nhìn vào. Luân Đôn trong đồng gạch vụn không còn lớn hơn một nắm tay, đúng cảnh tôi đã trông thấy tại Nagasaki ba ngày sau khi bom nổ. Ánh sáng chói lòa xuyên qua kẽ mắt trong vụ nổ bom ở Bikini. Hội Đồng Nội Các quyết định sai lầm, muốn tỏ ra kiêu hùng theo gương của Churchill và chui đầu vào dưới một nắm tay phá hoại mà Không Lực Hoàng Gia lần này vô phương cứu vãn. Ted trong ngôi nhà gỗ dùng làm đài kiểm soát hỏa tiễn cố tìm cách ngăn cản thảm họa và bị bắt ngay tại đây bởi bốn lính gác đồng phục xám rồi bị đem ra xử bắn. Ted nằm trên nền nhà bằng bê tông của đài kiểm soát trong một vũng máu lầy nhầy. Monique úp mặt xuống bãi cát mềm, mái tóc huyền của nàng bị cát bạc phủ lên. Tôi tắt ánh sáng bằng một cử chỉ vận mạnh trong trí và kêu lên:

- Chúa ơi!

Chắc hẳn tôi phải kêu to lên, khiến cho Monique phải thì thầm hỏi:

- Gì vậy, Stuart?

Tôi đáp:

- Xin lỗi. Anh nói trong cơn mơ màng.

Nàng lại nói:

- Stuart, em không thích đưa ra một mối hy vọng giả tạo, nhưng hình như có cái gì ngoài kia.

Nàng chỉ tay về phía biển. Trái tim tôi lòng lên tựa hồ có mấy cây điện cực thọc vào đó. Tôi cố hết sức nhìn, nhưng vẫn không thể trông thấy gì cả.

- Trông nó giống như cái gì?

Nàng có vẻ lúng túng.

- Em không chắc lắm. Trông nó... giống như một khối đen, tất cả chỉ có thể. Đen hơn cả bóng tối. Nó hơi vuông vuông, với một mũi nhọn nhỏ trên đỉnh.

Tôi bảo:

- Rất có thể đó là một cánh buồm. Anh vẫn không thấy gì. Mắt em tốt hơn mắt anh.

Tôi nhìn đồng hồ tay rồi tiếp ngay:

- Đã quá mười hai giờ khuya.

- Nó vẫn còn đó thì phải? Stuart, nó hãy còn kia!

- Kể ra cũng đáng thử liều, nhưng mình bật đèn lên tức là chỉ rõ vị trí của mình. Anh hy vọng Andrews đã đáp vào bờ, nếu em không lầm. Đây, em hãy khum hai bàn tay lại quanh loa đèn để ngăn chặn ánh sáng chiếu ra hai bên.

Khi hai bàn tay của nàng đã bọc quanh mặt kính của cây đèn pin, tôi hít một hơi thở dài và bật nút. Tôi chiếu đèn theo ba chữ đã ước hẹn để nhận biết nhau.

Chúng tôi nhận được phúc đáp ngay tức khắc. Không phải từ bóng tối ngoài

biển, mà từ toán truy nã gần chúng tôi nhất, về phía đông nam. Đó là một tràng tiếng nổ nghe như tiếng súng trường. Tôi không thể trông thấy đầu đạn trúng vào những chỗ nào, nhưng chắc chắn rất gần vì nhiều hạt cát tung vào mặt chúng tôi. Bọn lính đã tới gần, chỉ còn cách chúng tôi không quá ba trăm thước. Tôi kéo Monique nép vào dưới cây kim tước.

Tôi bảo nàng:

- Em hãy tiếp tục nhìn ra ngoài biển trong lúc anh chứng tỏ cho bọn chúng biết mình không phải là hạng người không biết tự vệ.

Tôi lấy cây tiêu liên và bò ra ngoài bãi biển. Tôi bắn hai phát về hai phía, không cần nhắm vào gì hết. Tôi biết khoảng cách quá dài so với tầm đạn của một khẩu tiêu liên.

Không có tiếng súng trả lời. Nhưng những ngọn đèn pha bắt đầu di động về phía chúng tôi nhanh hơn ban nãy. Bọn chúng cũng biết khoảng cách còn quá xa. Tôi bắn thêm mấy viên về cả hai phía. Ánh đèn pin liền tắt. Tôi biết mình không thể bắn trúng ai ở khoảng cách này. Nhưng tôi biết bọn chúng đang im lặng tiến tới gần chúng tôi trong bóng đêm.

Bỗng Monique cất tiếng gọi lớn:

- Stuart! Stuart! Coi kìa! Có ánh đèn!

Tôi liền nhìn ra biển. Dấu hiệu của tôi không phải chỉ được trả lời bằng một ánh đèn, mà bằng hành động. Một luồng ánh sáng từ một điểm cao hơn mặt nước chừng ba thước. Tôi bối rối mất một giây cho đến khi nhận thấy nhiều bóng người chen chúc nhau qua luồng sáng.

Rồi tôi quả thật đó là chiếc tiêm thủy đỉnh. Nhiều người đang đổ ra khỏi nắp tàu chạy lên boong. Chiếc tiêm thủy đỉnh chỉ cách xa bãi biển bảy tám trăm thước.

Một phút sau, tôi hiểu vì sao có nhiều người trèo lên khỏi nắp tàu. Tôi trông thấy những lần đạn trái sáng từ ngoài biển bay theo hình vòng cung vào hai đầu của bãi biển. Trên tàu có ai thông minh đoán đúng ánh đèn pin. Họ liền bắn vào những nơi ban nãy vừa thấy ánh sáng. Sau loạt đạn trái sáng đầu tiên, tôi còn nghe thêm tiếng khạc đạn đều đặn của hai khẩu đại liên bốn mươi ly đặt ở mũi và lái của tiêm thủy đỉnh bắn vào hai đám quân truy kích trên đảo. Monique ôm chặt cánh tay của tôi, múa may như điên cuồng, trong lúc vẫn còn ngồi trên cát.

Tiếng súng chỉ bắn một hồi không lâu lắm, rồi ngừng hẳn. Trong bầu không khí im lặng cô đặc, tôi chợt nghe một tiếng nói vọng lên từ mé biển.

- Dunbar! Dunbar! Ông ở đâu? Tôi ở phía này!

Đó là tiếng nói của Colin Andrews.

Tôi la to:

- Chúng tôi đang tới đây!

Tôi cầm tay Monique và chúng tôi chạy loạng choạng xuống bãi biển, mang

theo hai cây tiểu liên. Khi chúng tới chỗ cát ướt ở gần nước, tôi có thể trông thấy một bóng đen đứng bên cạnh một vật thấp vừa được kéo lên mặt đá cuội. Chúng tôi cùng tiến lên về phía ấy. Đó là Andrews. Ông ta nắm cứng cánh tay của tôi.

- Dunbar, tôi mừng được gặp ông an toàn. Chào cô Ménard.

Giọng nói của ông ta có vẻ lãnh đạm. Tôi cất tiếng cười một cách lạc lõng trong lúc ông ta nói tiếp:

- Mình hãy ra khỏi đây ngay. Phe mình chỉ có chừng này?

- Không. Em tôi đáng lẽ đã có mặt tại đây. Ông đợi tôi một lát.

Tôi lôi chiếc máy truyền tin từ sau lưng ra trước và nói vào máy:

- Ted! Stuart đây! Chú hiện ở đâu?

Ted trầm tĩnh trả lời:

- Kìa, anh hãy nói nhỏ một chút. Coi chừng kéo bồi thường máy vi âm đó.

Em vừa xong việc ở đây và sẽ chuồn trong một phút nữa.

Ngay sau tiếng nói của Ted, tôi nghe một tiếng súng nổ, tuy không gần chúng tôi, nhưng qua bộ phận phóng thanh nhỏ xíu của chiếc máy truyền tin, nghe thật dòn và lạnh lạnh.

- Ai bắn vậy, Ted?

- Không có gì đáng kể. Chỉ có hai tên gác vừa đến và bắt gặp xác chết bên ngoài. Tụi nó đang thân tặng em vài hiệp. Em sẽ xử tội bọn chúng, anh đừng lo.

- Ted, tàu đến rồi.

Ted đáp ngay:

- Em rất tiếc phải trễ chuyến này. Anh hãy lên tàu và nhả neo đi. Em sẽ gặp anh sau, ngay sau khi em thanh toán xong mấy tên hề này.

Colin Andrews lấy chiếc máy truyền tin khỏi tay tôi và nói với Ted:

- Dunbar, đây là Colin Andrews. Có lẽ chúng tôi không thể chờ ông được.

Nếu không, và nếu ông có thể đoạt một chiếc tàu, chúng tôi sẽ chạy quanh khoảng bốn dặm về phía nam, trong biển Friday Sound, lâu tới mức tối đa của chúng tôi.

Tiếng nói của Ted vang lại:

- Được rồi, xin cảm ơn ông. Bây giờ tôi phải đi. Tôi sẽ cố gắng đến thật sớm.

Andrews trả máy truyền tin lại cho tôi và bảo:

- Thôi, mình đi. Trễ quá rồi.

Chúng tôi đỡ Monique bước vào chiếc xuồng cao su và đưa nàng tới phía mũi, qua khỏi dàn chèo ngắn. Andrews và tôi cùng đẩy xuồng, lội cho tới khi nước lên tới đầu gối mới nhảy vào. Ông ta tiến tới trước và cầm chèo.

Tôi buông mình xuống khoang.

Ông ta nói:

- Chở hơi quá sức, như một chiếc thuyền du khách ở Cowes(1). Nhưng mình sẽ đi tới nơi.

Tôi nhìn về phía sau lưng trong lúc ông ta khởi sự chèo. Hai toán người săn đuổi chúng tôi ban nãy trên bãi biển đã nhập lại thành một. Bọn chúng đang tìm chúng tôi dưới cây kim tước với những cây đèn pin bật sáng. Chúng vẫn chưa có ý nghĩ chúng tôi đã rời khỏi bãi biển. Trước khi chúng kịp hiểu sự việc đã xảy ra như thế nào thì hai khẩu đại liên bốn mươi ly lại khai hỏa, bắn xối xả vào đám đèn. Nhưng các xạ thủ không thể bắn thấp xuống để cho trúng đích vì họ biết chúng tôi đang ở trên đường đạn. Tuy nhiên, nhưng tiếng nổ khủng khiếp trên đỉnh bờ đá cũng khiến cho bọn người săn đuổi phải tắt đèn.

Andrews đang cố sức chèo mạnh mái chèo, nhưng khoảng cách từ chúng tôi tới bãi biển chỉ gia tăng một cách vô cùng chậm. Chiếc xuồng như bị ai kéo trì lại. Xuồng cao su là loại nặng nề khó chèo hơn hết. Nhất là khi phải chở tới ba người, thì lại càng tệ hơn nữa.

Tôi cởi đôi giày và chiếc quần tây dài cùng áo choàng. Tôi chèo ra khỏi xuồng, xuống dưới nước và bắt đầu đẩy vào đuôi xuồng hình tròn. Tôi đạp thật lâu vào đáy biển đầy cát. Được mấy bước, đáy biển thụt sâu và tôi tiếp tục đạp chân trong nước, cố giữ cho những chiếc đạp của tôi ăn nhịp với hai mái chèo. Chúng tôi bắt đầu di động nhanh hơn một chút. Nước biển lạnh như nước đá, nhưng mấy giây sau nó làm cho tôi tê cóng và tôi không còn cảm thấy quá lạnh nữa. Một cơn mưa lát phát đang khởi sự rơi. Đây là một cơn mưa rào thường xuyên trong vùng. Chỉ cách hơn một trăm thước, trời lại quang đăng.

Andrews chợt quay đầu lui, gọi:

- Cô Ménard, cô hãy bước qua mái chèo bên phải của tôi, vào trong khoang. Rồi cô nằm xuống và níu lấy tay Dunbar để giúp ông ấy thêm vững.

Mấy giây sau, tôi trông thấy khuôn mặt xanh xao hình trái xoan của nàng ngay phía trên mặt tôi và cảm thấy hai bàn tay nàng nắm chặt hai cổ tay tôi. Nàng nằm sát người lên khoang, cầm kê lên mạn xuồng cao su. Nàng mỉm cười với tôi. Tôi đạp mạnh hơn, cố trời lên cao để hôn chóp mũi của nàng. Nàng bật cười thành tiếng.

Andrews lại bảo:

- Hãy nép sát xuống, để tránh đạn.

Quả thật súng lại nổ, nhưng lần này từ phía bãi biển. Bây giờ hai khẩu bốn mươi ly đã ngừng bắn, các toán quân truy kích đã phỏng đoán chúng tôi hiện ở đâu. Bọn chúng không thể trông thấy chúng tôi, nhưng dù chúng bắn phỏng chừng đi nữa chúng tôi vẫn nơm nớp lo sợ. Tôi nghe tiếng những đầu đạn rơi lồm bồm xuống nước. Chỉ cần lãnh phải một viên cũng đủ mệt rồi. Đúng lúc tôi nghĩ như thế, chúng tôi bỗng bị soi sáng bởi một ngọn đèn

chiếu cực mạnh từ trên bãi biển. Tôi vội vàng nhìn lui. Ánh sáng chiếu vào chúng tôi phát xuất từ phía cao trên bờ đá, rõ ràng là một ngọn đèn đặt trên một chiếc xe vận tải đang đậu trên đường. Tôi cố đập mạnh hơn chút nữa.

Monique nói:

- Anh quả thật là một máy tàu thượng hảo hạng.

Tôi đáp:

- Em đừng đùa nữa.

Lời nói của tôi được nhấn mạnh ngay lúc đó bằng một tiếng đạn đại liên.

Monique giật nảy mình.

- Em không hề gì cả chứ?

Nàng trả lời:

- Em không sao hết.

Viên đạn đã trúng vào chiếc xuống cao su, phía trên làn nước.

Gần như ngay lúc đó tôi chợt nghe một tiếng nổ dài phía sau lưng. Tôi chỉ ngạc nhiên một lúc, mặc dầu trước đó tôi chưa hề nghe. Không phải một chiếc xe vận tải đang chở ngọn đèn chiếu đậu trên đường. Đó là một trong những chiếc xe thiết giáp mà Anson đã từng nói tới. Khẩu súng 88 ly đang bắn vào chúng tôi. Lần này tôi cảm thấy hơn là nghe quả đạn trái phá rơi xuống nước ở về phía bên phải của chúng tôi. Quả đạn tiếp theo rơi xuống nước cùng một khoảng cách về phía bên trái.

Andrews vừa chèo vừa bảo:

- Bọn chúng bắn theo lối gọng kềm nằm ngang.

Dù lối bắn thuộc loại gì đi nữa, có lẽ hiệp thứ ba chúng tôi sẽ lãnh đủ.

Thủy thủ đoàn trên tàu lại khai hỏa bằng hai khẩu bốn mươi ly. Nhờ có ánh đèn chiếu, họ đã trông thấy chúng tôi ra khá xa và có thể bắn phía trên đầu chúng tôi.

Tôi nhìn lui đúng lúc để trông thấy một trong hai khẩu bốn mươi ly xác định được vị trí của chiếc thiết giáp trên con đường cạnh bãi biển. Ánh đạn trái sáng yếu ớt màu vàng cam như phụ họa với ngọn đèn chiếu để soi rõ. Ánh sáng đột nhiên tắt hết. Nhưng bóng tối như bị xé rách ngay lúc đó bởi một tiếng nổ, rồi một ngọn lửa màu vàng cam bùng lên. Chiếc thiết giáp đang cháy một cách dữ dội.

Andrews khen:

- Bắn hay lắm!

Tôi quay lại đập mạnh cùng với những mái chèo, cảm thấy chiếc xuống nhỏ đang nhip nhàng trườn tới. Tôi thầm cảm ơn Monique đang nắm chặt cổ tay tôi, vì mạn xuống bằng cao su rất khó nín.

Nàng chợt nói:

- Mình sắp tới nơi rồi.

Tôi biết nàng cố khích lệ tôi. Nàng không thể trông thấy được chiếc tiềm

thủy đỉnh phía sau lưng nàng. Nàng buông một bàn tay ra để vuốt tóc và nước dính trên mắt tôi. Bàn tay của nàng lạnh ngắt.

Nhưng nàng đã nói đúng. Mấy giây sau tôi cảm thấy mũi xuống đụng phải một vật gì vững chắc. Tôi trông thấy khối đen của chiếc tàu ngầm.

Andrews cất chèo vào khoang. Tôi gác cả hai cánh tay lên mạn xuống và để mặc cho thân mình nửa chìm nửa nổi trong nước biển. Monique choàng hai cánh tay quanh cổ tôi. Tôi cảm thấy hơi ấm của mặt nàng sát vào má tôi.

Tôi bảo nàng:

- Em hãy tới phía trước đi. Họ sẽ kéo anh lên sau.

Andrews đỡ nàng đứng dậy. Tôi trông thấy hai cái vòng hạ xuống cho nàng nắm lấy rồi kéo nàng lên khỏi hông tiềm thủy đỉnh cho tới boong tàu. Sau đó Andrews quay sang tôi.

- Dunbar, ông hãy níu chặt. Tôi sẽ xoay tròn chiếc xuống. Có một cái thang ở ngay phía trên đầu ông.

Chúng tôi đã an toàn. Bây giờ tiếng súng trên bãi biển đã ngừng nổ. Nhưng rất có thể bọn lính gác của Anson sẽ đưa một chiếc thiết giáp khác tới đây. Nếu thế, lớp vỏ mỏng của chiếc tiềm thủy đỉnh sẽ lâm nguy một cách trầm trọng. Tôi đã từng trông thấy hông tàu lủng chỉ vì lắc lư đụng vào bến, và tôi không muốn chứng kiến cảnh một viên đạn tám mươi xuyên qua thành tàu. Thế là chúng tôi đã an toàn. Nhưng Ted vẫn còn ở trên Saint Sudra, và trong lúc Ted còn ở đó chúng tôi chưa thật sự bình yên và hoàn toàn sung sướng. Cả thế giới cũng thế.

Tôi cảm thấy toàn thân đau đớn lúc vừa mới bước lên ba nấc thang thấp nhất trong nước biển lạnh trước khi tôi cảm thấy hai cái vòng tròng vào cổ tay.

Người ta kéo tôi lên trong lúc một cặp vòng khác được thả xuống để kéo Andrews. Một người liệng một chiếc mền dày lên mình tôi lúc tôi đang leo đoạn sắt cuối cùng để lên boong. Họ còn kéo phụ tôi. Hai chân tôi tê cứng khi ra khỏi nước lạnh.

Một viên đại úy Hải Quân trẻ tuổi mặc áo choàng len đội mũ xanh niêm nở nói với tôi:

- Chào mừng ông lên tàu Venturer.

Andrews bảo ngay:

- Đại úy, theo tôi nghĩ mình nên lặn gấp. Dunbar, tôi rất lấy làm buồn. Máy vô hiệu hóa chưa làm hại được mình, nhưng mình không thể quá mạo hiểm.

Tôi đáp:

- Máy đó đã bị đập nát rồi. Ted đã đập nát và liệng xuống dưới biển.

- Đó không thể là bộ máy độc nhất.

- Đó là bộ máy duy nhất được đem đặt tại đây.

Andrews trả lời một cách nghiêm trọng:

- Và rất có thể bọn chúng đặt lại một máy khác trong vòng ít phút. Nhưng

nếu bộ máy hiện tại đã hư, có nghĩa là mình có thể sắp đặt một cuộc tấn công lên đảo. Đại úy Thomas, tôi cần gửi một bức điện tín.

- Xin vâng.

Nói đoạn, viên đại úy Hải Quân quay sang viên sĩ quan đang có phận sự trên boong:

- Ông Fanning, ông hãy đưa Đại úy Andrews xuống gặp sĩ quan truyền tin.

Luôn tiện ông hãy đưa ông Dunbar đi lấy quần áo khô.

Tôi vẫn cố nói:

- Đại úy, xin cho tôi hỏi một điều. Mình không thể chờ thêm nửa giờ hay sao? Em tôi hiện ở trên đảo và sắp sửa đến đây.

- Ông Dunbar, tôi hết sức tiếc. Dù không có bọn múa rối đó trên bãi biển đi nữa...

Ông ta ngừng một lát và chỉ tay về phía đông bắc.

- Ông hãy xem kia kìa. Ông có biết đó là những thứ gì?

Tôi liền nhìn theo tay ông ta chỉ. Ba chiếc ngư lôi đỉnh đang chạy nhanh đến, chiếc nào chiếc nấy bật đèn sáng rực.

Tôi gạt đầu.

- Vâng. Đó là những chiếc ngư lôi đỉnh trang bị vũ khí đầy đủ. Ông nói đúng. Ông không thể liều mạng hy sinh chiếc tàu này.

Thomas nói với tôi:

- Xin cảm ơn ông.

Đoạn ông ta quay sang viên sĩ quan dưới quyền:

- Ông Fanning, hãy thông báo cho các ban trên tàu chuẩn bị lặn ngay tức khắc.

Tất cả mọi người trên boong đều vội vã trụt xuống nắp tàu, và nắp tàu được đóng kín ngay. Tôi đứng phía dưới nắp tàu, một lúc sau mắt mới quen với ánh sáng. Tôi lơ mơ trông thấy Monique đang chờ tôi. Nàng đến bên tôi và tôi trộm nàng sát mình tôi trong chiếc mền mà người ta đã ném cho tôi trên boong, rồi tôi mới nhận thấy mình đang khóc.

Andrews đã tới sau lưng tôi từ lúc nào tôi không rõ, mãi đến khi ông ta lên tiếng:

- Dunbar, ông chớ quá lo buồn. Chúng tôi đã nói với em ông chúng tôi ở đâu – chỉ cách xa mấy dặm trong biển Friday Sound. Thế nào ông ấy cũng sẽ gặp lại mình.

Chú thích:

1) Cowes: một thành phố nghỉ mát và là một trung tâm du thuyền trên đảo Wight của nước Anh. Dân số độ chừng 15.000 người (c.t.c.d.g.)

Cửa Địa Ngục

Dịch giả: Bồ Giang

Chương kết

Trong lúc tiếm thủy đỉnh tiến về phía tây nam qua eo biển Friday Sound trực chỉ eo bể Ross, tôi mặc bộ quần áo khô mà người bồi tàu của Thomas đưa cho tôi rồi ngồi xuống trong phòng sĩ quan với Monique và Colin Andrews. Monique ngồi bên cạnh tôi và im lặng nắm lấy bàn tay của tôi.

Andrews chột bảo:

- Dunbar, tôi rất ân hận về chuyện em ông. Nhưng thật tình Thomas không thể làm sao khác hơn. Độ ít phút nữa tàu sẽ trôi lên mặt nước sau khi qua khỏi eo biển Ross. Mình sẽ ngừng lại ở đó cho tới lúc trời sáng nếu cần.
- Cảm ơn ông, tôi hiểu. Ông đã cho gửi thông điệp đi?
- Phải. Rất nhiều chuyện đều tùy thuộc vào đó.

Tôi nói:

- Tất cả sẽ không ích lợi gì, trừ phi Ted đã làm hư được hệ thống điều khiển của tất cả các hỏa tiễn. Các hỏa tiễn này đã được dự trù tự động phóng lên nếu tủ điện hoặc đài kiểm soát bị phá hủy. Phải nói chuyện đó cho họ biết. Thomas bước vào phòng với cặp kiếng lớn loại đặc biệt có thể giúp người mang trông thấy rõ mọi vật trong bóng tối.

Ông ta loan báo:

- Hiện giờ mình đang ở trên mặt biển. Ngay phía bắc của eo biển, cách mút tận cùng phía nam của Saint Sudra vào khoảng năm dặm. Quý vị có muốn lên trên boong để nhìn hòn đảo lần cuối cùng?

Chúng tôi cùng đi theo ông ta tới chỗ đặt tiếm vọng kính rồi leo thang để lên boong tàu ở trên cùng.

Đêm đã quang đãng trở lại. Tôi có thể trông thấy khi mắt đã quen với bóng tối ở bên ngoài. Con mưa lưa thưa đã ngừng hẳn và tất cả các vì sao đều hiện ra trên nền trời. Tôi có thể trông thấy sao Bắc Đẩu cao hơn hẳn mọi khi tôi vẫn thường thấy. Gió đã trở nên mát. Những làn sóng bạc đầu khởi sự nổi lên trên mặt biển Friday Sound đen thẫm. Dù đã mặc áo ấm tôi vẫn rùng mình. Monique nhìn tôi với vẻ lo lắng khi nàng cảm thấy cánh tay của tôi đang run sát bên mình nàng. Nhưng trời đâu có lạnh. Tôi có cảm giác tựa hồ người ta đã chích thuốc mê vào đây trong người tôi và cắt trái tim tôi ra ngoài.

Tôi bảo nàng:

- Anh không sao hết. Chỉ buồn chán.

Saint Sudra chỉ còn là một vệt sáng mờ về phía bắc. Hòn đảo cao dần lên về phía bắc, từ chỗ đất nổi liền với nước ở phía nam cho tới những bờ đá cao

trên lầu đài Kinnul chung quanh Sternesss Barr. Tôi có thể trông thấy ánh đèn mờ chiếu lên từ vịnh Geutry, và xa hơn nữa là ánh sáng chói lòa trước mặt tòa lầu đài.

Thomas đưa cho tôi một cặp ống nhòm loại đặc biệt để dùng ban đêm. Đây là một thứ rất tốt. Tôi có thể nhìn kỹ quang cảnh của bến tàu. Chiếc Star of Aden đã rời khỏi hải cảng. Tôi có thể trông thấy các ngư lôi định di chuyển trong vịnh. Tim tôi đập loạn lên một hồi khi tôi chợt trông thấy một chiếc đang chạy nhanh về phía cửa biển hướng ra khơi. Đúng lúc đó một giọng nói vang lên trong bộ máy truyền tin tôi đang đeo quanh vai:

- Alô, Stuart?

Tôi vội vàng bấm nút vi âm và gọi lớn như hét:

- Ted! Chú đang ở đâu đó?

Ted trả lời:

- Vẫn còn ở trong đài kiểm soát. Em sợ quá, anh Stuart à.

Tôi xoay ống nhòm khỏi chiếc tàu vừa cho tôi một chút hy vọng trong chốc lát, và hướng về phía căn cứ hỏa tiễn. Khoang sáng nhỏ xíu hình chữ nhật hiện ra khá rõ.

Ted nói tiếp:

- Có một vài chuyện rắc rối. Em đã hạ được hai tên hề, nhưng bọn chúng đã tăng viện khá đông. Hai bên vừa mới bắn nhau một trận toí bời, nhưng em vẫn không hề gì. Bây giờ thì tên đầu sỏ đã đến. Em có thể trông thấy Anson ngồi trong một chiếc xe Jeep ở bên ngoài. Em tiếc đã không đánh vào đầu y mạnh tay hơn một chút.

Tôi chưa kịp đáp bỗng nghe giọng của Anson vang lên trong băng tần chúng tôi đang sử dụng. Giọng nói này mạnh hơn giọng của Ted, có lẽ bởi vì ông ta đang dùng một máy truyền tin lớn hơn đặt ngay trong chiếc Jeep.

Ông ta bảo:

- Dunbar, ông có ba mươi giây để ra khỏi nhà trước khi chúng tôi khai hỏa bằng súng bốn mươi ly và bắn sập bức tường này. Ông sẽ không bị gia hại nếu ông chịu đi ra lúc này. Chúng tôi chỉ giữ ông làm một con tin.

Ted nói:

- Đừng có điên khùng. Tôi có thể chờ đợi lâu bao nhiêu cũng được.

Tôi chen lời với máy truyền tin của mình.

- Anson. Đây là Stuart Dunbar. Các lực lượng vũ trang đang trên đường tới Saint Sudra. Nếu ông muốn có hy vọng còn sống cho tới lúc trời sáng, thì hãy để em tôi rời khỏi nơi đó.

Anson đáp:

- Dunbar, tôi xin cảm ơn về lời khuyên quá tử tế của ông. Tiếc thay chúng tôi không thể lãnh ý được. Chúng tôi hy vọng sẽ có một máy vô hiệu hóa khác vào lúc trời hừng sáng.

Ted bảo:

- Stuart, em cảm ơn anh đã cố gắng tìm cách giúp đỡ em. Anh nên chạy tránh xa nơi đây ngay tức khắc, nếu anh có thể nói cho cấp chỉ huy chịu nghe lời. Và phải lặn xuống thật sâu.

Tôi không khỏi có một cảm giác quái dị khi đứng trên boong của chiếc Venturer trong đêm tối đầy gió lạnh và nghe những tiếng nói phát ra từ một khung ánh sáng nhỏ xíu hình chữ nhật cách thật xa.

Monique bỗng thở hỗn hển và nắm chặt cánh tay của tôi. Andrews nhảy tới lan can của boong tàu.

Ông ta chỉ thốt lên hai tiếng:

- Chúa ơi!

Tôi sững sờ nhìn về phía căn cứ hỏa tiễn sáng rực. Phía trên ánh đèn là một vật có chiếc đuôi đang cháy đỏ, từ từ vươn lên. Trong lúc chúng tôi cùng nhìn, vật kia bắt đầu gia tăng tốc độ và rẽ đường phóng vào trời đêm đen, ngọn lửa cháy sau đuôi chiếu sáng cả vùng trung tâm của Saint Sudra.

Monique thì thầm bên tai tôi:

- Cái gì vậy anh?

Tôi nói:

- Một chiếc hỏa tiễn. Anh không hiểu vì sao, nhưng đúng là một chiếc hỏa tiễn.

Andrews lầm bầm:

- Cầu xin Chúa che chở cho Edinburg. Chắc đạn bốn mươi ly của Anson đã bắn trúng vào một tủ điện.

Tôi lắc đầu.

- Không phải. Nếu thế thì tất cả hỏa tiễn cùng phóng lên, chứ đâu phải chỉ có một.

Chúng tôi chăm chú nhìn cái đuôi cháy sáng đang nhỏ dần trên vòm trời đen. Thomas chột nhảy lên.

- Nó không chạy theo quỹ đạo, mà cứ phóng thẳng lên trời!

Ông ta nói chưa dứt thì cái đuôi lửa của hỏa tiễn vụt tắt như một ngọn đèn cầy bị gió thổi mạnh.

Gần như ngay lúc đó, phần giữa của hỏa tiễn nổ tan. Tôi như có thể trông thấy bàn tay đang đặt lên nút “phá hủy” trong đài kiểm soát, để điều động cho hỏa tiễn tự phá hủy giữa lúc bay.

Một vài tia lửa bay tung ra trên nền trời. Chỉ có một chấm sáng vẫn tiếp tục trèo thẳng lên trong một giây rồi mới bắt đầu rơi xuống. Trong một thứ ánh sáng màu vàng cam phát ra sau tiếng nổ, xuyên qua cặp ống nhòm, tôi có thể trông thấy chiếc dù trắng nhỏ xíu trong lúc chấm sáng tắt ngấm. Bầu không khí im lặng trên boong tàu tựa hồ có thể sờ mó được trong lúc chúng tôi chăm chú nhìn.

Tiếng nói của Ted cắt ngang sự im lặng, vang ra từ chiếc máy truyền tin nhỏ bên hông tôi:

- Stuart, nếu anh còn nghe tiếng em, xin anh cho em gửi lời thăm Ba và Laura. Và cả Amada cùng lũ trẻ. Vĩnh biệt Stuart. Vĩnh biệt Monique. Rồi Ted tắt máy. Monique khóc nức nở và vùi mặt vào vai tôi.

Andrews chột bảo:

- Hãy quay lưng lại ngay. Nhắm kín mắt, tới bao giờ tôi cho biết mới được mở ra.

Chúng tôi liền quay lưng về phía chiếc dù đang lao đao rơi xuống. Tôi nắm chặt song sắt của lan can tàu đến nỗi bàn tay đau điếng. Cánh tay phải của tôi ôm lấy Monique để giữ cho nàng đứng vững trong cơn khóc mùi mẫn. Rồi một luồng ánh sáng lóe ra, sáng tới mức độ tôi có thể thấy rõ qua đôi mí mắt đã khép chặt. Monique rú lên một tiếng khủng khiếp. Tôi siết mạnh người nàng.

- Cái gì vậy?

Tôi không trả lời nàng, mặc dầu tôi đã biết đó là gì. Tôi đã trông thấy luồng ánh sáng có thể làm mù mắt này tại Bikini, ở cách một khoảng rất xa, qua một cặp kiếng đen.

Tôi biết đó là gì. Đó là tiếng nổ của tử thần. Đó là giây phút tận thế. Đó là một mảnh của mặt trời rơi xuống quả đất. Đó là hành vi chuộc lỗi của Edward Dunbar. Đó là ngày tàn của Saint Sudra.

Qua tiếng gào trong tai tôi, tôi chỉ có thể nghe được tiếng chuông rung báo hiệu tiềm thủy đình sắp sửa lặn xuống biển.

Chúng tôi gần như nhảy xuống thang. Cánh cửa đóng sầm lại và được siết chặt lại ngay sau khi chúng tôi vào trong tàu.

Ngay trước khi làn sóng chấn động đánh vào tàu, trước khi sức nóng chạm vào vỏ thép mỏng mảnh, tôi mới cảm thấy boong tàu bắt đầu nghiêng dưới chân tôi trong lúc chúng tôi lặn xuống để thoát khỏi địa ngục trên mặt biển.

Hết